NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 164 • DECEMBER 2002

THẾ KỶ 21

14771 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 839-8746

TƯỞNG NIỆM NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN

NHIỀU TÁC GIẢ

ĐẠO KHỔNG NGUYỄN VĂN THỰC

GIÁNG SINH TRẮNG NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Phi Ma™

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp

三靈油

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

- Dầu Xanh
- Dầu Vàng
- Dầu Trắng

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Ca Sĩ Đài Trang

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

thúy nga

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO
CA - VŨ - NHẠC - KỊCH
Paris by Night 66
Chủ đề: Người Tình & Quê Hương

Phát hành vào đầu tháng 11 năm 2002

Điều Khiển Chương Trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

KHÁNH LY, KHÁNH HÀ, NHƯ QUỲNH, LƯU BÍCH,
PHI NHUNG, TÚ QUYÊN, MỸ HUYỀN, THANH HÀ,
LOAN CHÂU, LYNDA TRANG ĐÀI PHƯƠNG DIỄM HẠNH,
NGỌC HẠ, THỦY TIÊN, NHƯ LOAN.

TUẤN NGỌC, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TOMMY NGÔ,
MẠNH QUỲNH, DUY QUANG, TRƯỜNG VŨ,
TRẦN THÁI HÒA, NHẬT TRUNG, QUANG LÊ.

Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

Hài kịch "Luật sư Trần Trừng Trị"
với: Trang Thanh Lan, Kiều Linh & Chí Tài

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : 714-894-5811

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: **tapchitheky@aol.com** (trị sự) thcky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austr (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả 29 nước và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ **Giá trả tiền trước (prepaid)**				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/**$15**	$50/**$30**	$100/**$60**	$180/**$100**	5x9cm
1/4 page	$35/**$30**	$100/**$85**	$180/**$155**	$355/**$290**	11x7cm
1/2 page	$70/**$60**	$180/**$150**	$350/**$280**	$600/**$500**	22x7=11x14.5c
3/4 page	$100/**$80**	$250/**$200**	$450/**$370**	$850/**$700**	15x14.5cm
1 page	$130/**$100**	$320/**$270**	$600/**$500**	$1000/**$90**	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại Alpha Funding & Real Estate
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

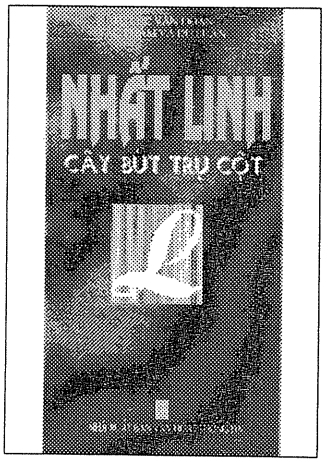

NHẤT LINH, CÂY BÚT TRỤ CỘT

do MAI HƯƠNG tuyển chọn và biên soạn

Sách biên khảo về Nhất Linh, một nhà văn quan trọng vào bậc nhất của Việt Nam, người đứng đầu Tự Lực Văn Đoàn là nhóm quan trọng nhất và là nhóm cải cách đầu tiên của nền văn học Việt Nam hiện đại. Một tập hợp nhiều bài viết rất có giá trị về Nhất Linh. Giá 16 kỹ kim.

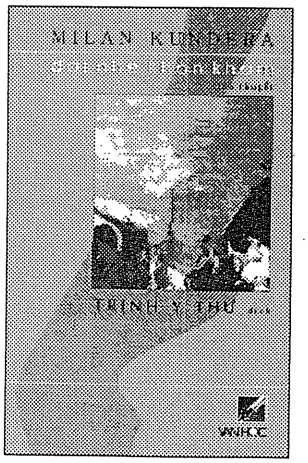

ĐỜI NHẸ KHÔN KHAM

Tiểu thuyết của **MILAN KUNDERA,**
bản dịch của **TRỊNH Y THƯ**

Milan Kundera là một nhà văn Pháp gốc Tiệp, văn chương ông luôn tuôn tràn đầy những ý tưởng uyên bác, độc đáo và người đọc bị lôi cuốn bởi những ý tưởng này. Hiện nay ông được xem là một trong những nhà văn hàng đầu của văn học Tây phương. Giá 15 mỹ kim.

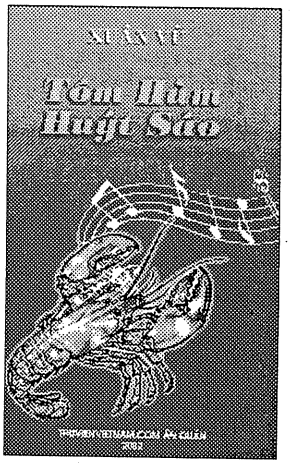

TÔM HÙM HUÝT SÁO tập I

Truyện dài của **XUÂN VŨ**

Xuân Vũ là nhà văn chuyên viết về xã hội Việt Nam trong chế độ cộng sản, vì ông đã từng sống trong đó. Tôm Hùm Huýt Sáo là một tiểu thuyết phơi trần xã hội ấy trong thời hiện tại, một xã hội băng hoại trong đó truyền thống nhân ái, liêm kiết, vị tha của dân tộc đã bị phá tan.
Giá 16 mỹ kim.

THIẾU PHỤ CHIẾC XE KHẨU SÚNG

Sách phóng tác của **HOÀNG HẢI THỦY**

Một câu chuyện vô cùng hấp dẫn, cuốn La Dame Dans l'Auto avec Lunettes et Fusil của Sébastien Japrisot, được chuyển sang Việt ngữ bởi một cây bút tài hoa số một của loại văn phóng tác, Hoàng Hải Thủy. Nhiều thế hệ độc giả Việt Nam từ giữa thập niên 1950 đến nay đã say mê ông, và nay sẽ tiếp tục mê cuốn sách phóng tác mới nhất này của ông. Giá 12 mỹ kim.

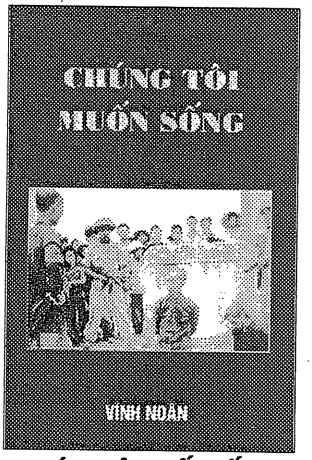

CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG

Sách truyện phim của **VĨNH NOÃN**

Giữa thập niên 1950 xuất hiện cuốn phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG của đạo diễn VĨNH NOÃN. Đó là một cuốn phim truyện có giá trị vào thời ấy, tố cáo tính chất dã man của chế độ cộng sản. Nay đạo diễn Vĩnh Noãn trình bày lại cuốn phim bằng lối viết truyện kể, với hình ảnh của cuốn phim kèm theo, như một chứng tích văn hóa cách đây gần nửa thế kỷ. Giá 15 mỹ kim.

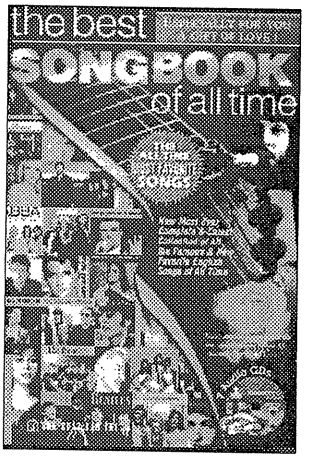

Một Món Quà Tặng Đầy Ý Nghĩa
Nhân Dịp Giáng Sinh:

BỘ ĐĨA NHẠC **SONGBOOK OF ALL TIME**

Một hộp gồm 7 đĩa nhạc và sách ghi hình ảnh và lời hát của những ban nhạc và danh ca nổi tiếng nhất thế giới: The Beatles, ABBA, The Beegees, Simon & Garfulken, Eric Clapton, The Rolling Stones, Madonna, Bryan Adams, Britney Spears... Giá 52 mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

THƯ MỜI

Để tưởng niệm Cố Linh Mục Georges Lefas,

Cựu Giáo Sư Thiên Hựu Học Đường (Institut de la Providence) và Cựu Giáo Sư Đại Học Sư Phạm và Văn Khoa Huế từ 1937 đến 1975, từ trần ngày 27 tháng 9 năm 2002 tại Lauris, Pháp, hưởng thọ 97 tuổi,
Và để hiệp nhất cầu nguyện cùng cộng đồng cựu sinh viên học sinh và gia đình của Cố Linh Mục tại Pháp trong thánh lễ ngày 14 tháng 12 năm 2002 tại trụ sở Hội Truyền Giáo (Missions Etrangères de Paris), 128 Rue du Bac, Paris 7e, Pháp,

Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Thiên Hựu và Jeanne d'Arc tại Hoa Kỳ sẽ tổ chức hai thánh lễ:

1. **Thánh lễ tại Bắc California:**
   Địa điểm: **St Patrick Church**
   389 E. Santa Clara St., San Jose, CA 95113
   Thời điểm: **10 giờ sáng Thứ Bảy ngày 14 tháng 12 năm 2002**

2. **Thánh lễ tại Nam California:**
   Địa điểm: **Trung Tâm Công Giáo Việt Nam**
   1358 N. Century Blvd., Santa Ana, CA 92703
   Thời điểm: **12 giờ trưa Chúa Nhật ngày 15 tháng 12 năm 2002**

Ngay sau thánh lễ, sẽ có một buổi họp mặt thân hữu và ăn nhẹ. Một số hình ảnh của Cố Linh Mục trong dịp về thăm Việt Nam vào tháng 5 năm 2001 và những ngày cuối cùng của Ngài sẽ được trình chiếu.

Kính mời quý anh chị cựu sinh viên và học sinh của Cố Linh Mục Georges Lefas và gia đình đến dự thánh lễ và buổi họp mặt để hiệp nhất cầu nguyện và ghi ơn một vị Thầy đã suốt đời tận tụy cho ngành giáo dục tại Việt Nam.

Để tiện việc sắp xếp, xin vui lòng liên lạc trước ngày 8 tháng 12 năm 2002:

1. Tại Bắc California: Anh Hoàng Ngọc Hữu,
   điện thoại: **650-245-8217, hoặc 408-287-3620,**

2. Tại Nam California: Anh Trương Thành Tâm,
   điện thoại: **714-638-9858.**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiêu Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: *Kim Kiều tái hợp*, tranh của họa sĩ **Hồ Thành Đức**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm** - Hý họa: **Babui** - Ảnh: Tư liệu

MỤC LỤC

Số 164 – Tháng Mười Hai 2002

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
11. Hòa Kỳ: đe dọa chiến tranh vẫn làm kinh tế chưa khá – **Phạm Đỗ Chí**
14. Từ thuyết "giai cấp vô sản" đến thuyết "ba đại diện" – **Hoàng Quế**
19. Vai trò của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống... – **Nguyễn Hữu Lê**
24. Nhân Trần Độ, về một hướng... – **Tinh Tiến**
28. Giới tài phiệt trong đảng Cộng sản Trung Hoa – **Joseph Kahn, NHV** chuyển ngữ
TƯỞNG NIỆM NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN
36. Gió không thể tắt – **Hà Thượng Nhân**
38. Nhớ thương cậu Tiến – **Đinh Quang Anh Thái**
42. Nhớ anh Ba Tốc – **Tiểu Du**
44. Như Phong Lê Văn Tiến, nhà báo của các nhà báo – **Đỗ Quý Toàn**
LỊCH SỬ – VĂN HÓA
30. Công nghiệp của các triều đại Ngô, Đinh và Tiền Lê – **Phạm Cao Dương**
56. Đạo Khổng, một chủ nghĩa lấy người làm gốc – **Nguyễn Văn Thực**
85. Chủ nghĩa Mác vào Việt Nam như thế nào? – **Minh Võ**
90. Hội chứng mê phân – **Thế Uyên**
KHOA HỌC
65. Đi tìm chân dung Jesus – **Mike Fillon**, phỏng dịch của **Nguyễn Hùng Vũ**
70. Nền kinh tế nào sẽ kế tiếp nền kinh tế tin học – **Trương Đăng Đệ**
94. Phytoestrogen và sức khỏe con người – **Nguyễn Văn Tuấn**
VĂN
62. Giáng Sinh trắng – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
72. Người thích nghe chuông – **Nguyễn Văn Thà**
78. Người Huế – **Tôn Nữ Thu Nga**
83. Tancredi – **Barbara Alberti**, bản dịch của **Võ Đình**
105. Hoàng hoa tự bích – truyện dịch của **Lê Mạnh Hùng**
107. Chỗ cái xóm – **Nguyễn Nam An**
112. Tạ ơn đời ngàn điệu ru đơn – **Cổ Ngư**
THƠ
37. Khóc Như Phong – **Hà Thượng Nhân**. 63. Lục thập – **Chu Vương Miện**. 75. Đừng nhìn em như thế – **Lê Thị Kim**. 87. Sân khấu – **Nguyệt Thư**. 92. Nhớ chiều Cẩm Nam – **Hoàng Huy Khánh**. 97. Người Giao Chỉ. Hình phạt – **Đỗ Quang Nghĩa**. 99 Tâm hà khứ lai – **Lý Thừa Nghiệp**. 103. Thơ mùa thu – **Nguyễn Hà Tuệ**. 106. Buồn thu – **Nguyễn Tường Giang**. 109. Sao vẫn lạc đời nhau – **Trần Quán Niệm**

MỤC THƯỜNG LỆ
8. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và Bạn đọc - Thư Trị sự
46. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
51. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
114. Sách báo: Giới thiệu "Lược khảo vấn đề chữ nôm" của cụ Trần Văn Giáp – **Nguyễn Ngọc Bích**
119. Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật – **Anh Thành, Y-Sa**

Ý kiến về "đập Manwan" và "cách mạng di thể"

Trong số 163, bài của Ngô Thế Vinh về con đập Manwan là một bài rất hay. Rất tiếc là tác giả đã không có một tấm Bản Đồ (map) chỉ dẫn lộ trình đã đi, và ghi **chính tên** (original name) những địa danh mà tác giả đã phiên âm ra tiếng Hán Việt.

Khổ cho thân tôi, vốn dốt môn địa lý, đã phải đi lùng kiếm mấy tấm bản đồ vùng Trung Quốc xây đập để dò theo bài tác giả viết, rồi lại phải đi tra tự điển về những tên lạ hoắc đã được phiên âm để biết nó là tên gì trên bản đồ!

Tôi rất hoan nghênh bài "Cuộc cách mạng di thể" của tác giả Trương Đăng Đệ. Một vấn đề rất khó giải thích về khoa học mà tác giả đã trình bày rất giản dị và dễ hiểu đối với những "người thường" như chúng tôi, nhờ những ví dụ cụ thể và thông thường làm sáng tỏ những gì tác giả muốn nói. Chúng tôi chờ mong những bài khác của tác giả Trương Đăng Đệ.

Nguyen Thi Dieu Thu
(Internet)

Lộ trình

Chúng tôi, một số anh em thuộc thế hệ "một rưỡi," ở tuổi trên dưới bốn mươi, rất hài lòng và tán thành bài viết "Việc ta, ta cứ làm!" của ông Nguyễn Minh Cần trên Thế Kỷ 21 số 163 vừa qua. Bài viết đã cho chúng tôi một giải đáp về những ưu tư mà chúng tôi hằng quan tâm, đặc biệt từ ngày Hoa Kỳ bang giao với CSVN.

Ngay từ hồi chính quyền Clinton thiết lập quan hệ ngoại giao với CSVN, tôi đã nói với một số bạn bè rằng rồi ra Hoa Kỳ sẽ tung thêm những chiêu thức mới chiêu dụ và ép buộc CSVN đi vào quỹ đạo của họ để ngăn cản sự bành trướng của Bắc Kinh. Liệu chúng ta có đủ khả năng lợi dụng sự kiện này để "dân chủ hóa" đất nước hay không? Hay lại đành bó tay cho CSVN ngày càng mạnh để kéo dài sự thống trị của họ? Không khéo sự bắt tay giữa Hoa Kỳ và Việt Nam cũng chỉ giống như sự bắt tay giữa Hoa Kỳ và một vài nước trong vùng Trung Đông!

Quả đúng như tác giả Nguyễn Minh Cần nói, chưa chắc chiến lược của Hoa Kỳ tại vùng Á châu Thái Bình Dương đã bất lợi cho chúng ta, những người tranh đấu cho Việt Nam được tự do dân chủ. Điểm quan trọng nhất là chúng ta phải dựa vào chính chúng ta, rồi nhân đó mà "lộng giả thành chân" để dân chủ hóa đất nước chứ đừng quá ỷ lại vào họ. Cái hại cũng không biết đâu mà lường!

Câu hỏi hiện nay là liệu chúng ta có đủ tài đủ sức, và đã chuẩn bị hay chưa? Một điều đơn giản mà mỗi người Mỹ, Pháp, Úc... gốc Việt có thể làm ngay là hãy ghi danh và đi bầu cử thật đông để tiếng nói của chúng ta được chính quyền nước chúng ta đang cư ngụ quan tâm.

Tuy chỉ mới được đọc bài viết của ông NQK trên Thế Kỷ 21 số 158 mà chưa được đọc bài của ông BT trên Thông Luận số 159, nhưng qua những phân tích của ông Nguyễn Minh Cần, chúng tôi cũng cảm thấy đau lòng.

Hy vọng "Lộ Trình" sẽ không phải là một "đại bất hạnh cho dân tộc Việt Nam" như ông viết.

V.L. (Santa Ana, California)

Chờ đến bao giờ?

Trong bài giới thiệu tác phẩm "Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp" đăng trong Thế Kỷ 21 số 163 có trích một đoạn phát biểu của Hoàng Xuân Hãn: "Xét về Hồ Chí Minh thì phải có lâu năm sau này thì xét mới không thiên lệch. Hiện bây giờ người ta oán nhiều lắm. Nhưng mà nói cái kết quả tức thì nước mình bây giờ mà có độc lập, có thống nhất thì cái ấy là cái công của Hồ Chí Minh to lắm. Dẫu là người ta dùng một chính sách gì, cộng sản hay quốc gia, thì cái công ấy sau này đối với người viết sử, người ta xét lại không khác gì đời Lê Lợi, mà rồi quân Minh phải về. Lúc ấy đời Lê Lợi cũng nhiều đám chứ không phải mình đám Lam Sơn mà thôi. Đám Lam Sơn, đám Đông Triều, những đám lớn đấy. [...] Những đám ấy có thể nói với đám Lam Sơn cũng là trái nhau hết cả. Nhưng sau này người ta quên. Người ta nhớ Lam Sơn vì chính nhờ đám Lam Sơn mà đất nước được giải phóng. Cho nên tôi nghĩ không nên xét vội từ bây giờ."

Tôi e chính ông Hoàng Xuân Hãn cũng không trung thực với quan niệm với ông là "không nên xét vội từ bây giờ." Ông đã xét rồi đấy, ông đang cố chứng minh rằng "cái công của Hồ Chí Minh to lắm," và ông ngăn người khác không nên xét bây giờ (nếu xét khác với ông). Tôi không tin đó là đức tính đáng kính trọng của một sử gia chân chính. Giữa thời đại này, dữ kiện lịch sử còn đầy rẫy, bằng chứng còn sờ sờ mà lại không xét, phải đợi "sau này người ta quên" mới nên xét, thì sự phán đoán làm sao có thể

trung thực bằng bây giờ được. Đã biết nói "Hiện bây giờ người ta oán nhiều lắm" thì *phải* xét đến lý do khiến người ta oán chứ, cái đó cũng là lịch sử chứ có phải người ta bịa ra đâu! Đã làm sử gia sao lại lờ cái đó đi?

Đưa sự kiện lịch sử thời Lê Lợi để biện minh cho ông Hồ Chí Minh bây giờ tôi cho là một liên tưởng què quặt. Dùng sự kiện lịch sử thời ấy để tiên đoán rằng sau này người ta cũng sẽ coi Hồ Chí Minh như Lê Lợi thì chỉ có giá trị như một giả thuyết thôi, không có gì là chắc. Bởi vì lịch sử thời nay không đơn giản như thời Lê Lợi. Việt Nam trong cuộc chiến tranh lạnh vừa rồi chỉ là một mảnh trong bàn cờ quốc tế phức tạp. Và trong bối cảnh thế giới chia làm hai phe như nửa sau thế kỷ 20, ông Hoàng Xuân Hãn có dám khẳng định việc Mỹ đổ quân vào Việt Nam đơn thuần chỉ là một hành động "xâm lược" như quân Minh thời trước không? Không có những hành động như vậy, ngày nay làm sao thế giới được thở phào thoát khỏi nạn cộng sản? Và chính Việt Nam, Trung Hoa hiện nay cũng đang được hưởng phúc lợi làm ăn buôn bán với thế giới tự do, được hưởng văn minh, được thoát khỏi cái nghèo đói, ngu dốt, tối tăm do chính chủ nghĩa cộng sản của họ bày đặt ra trước đây. Nhờ đâu mà họ được như vậy? Chính là nhờ những cố gắng không ngừng để đánh bại chủ nghĩa cộng sản của phe tự do, trong đó có cả việc Mỹ đổ quân vào Việt Nam!

Chao ôi, sử gia đâu có phải là người làm cái việc đơn giản hóa sự kiện lịch sử, để cho nó luôn luôn có một kết luận giống như nhau? Những điều ông Hoàng Xuân Hãn nói chẳng qua chỉ là cảm tính, chứ chẳng "lịch sử" gì cả. Lịch sử không chấp nhận những tổng quát hóa đơn giản như vậy, mà phải định rõ công, tội bằng sự kiện, chứng cớ rõ ràng, ngay bây giờ, ở đây. Và những đánh giá vô tư, khách quan phải có giá trị vĩnh viễn. Ông Hồ Chí Minh cũng không thoát khỏi qui luật đó.

Đinh Tiến Long *(Australia)*

Hí họa bằng chữ

Nơi trang 55 số báo 163 vừa rồi, có một cái ô đóng khung đen đề là Tài Liệu Mật. Thấy đúng chữ ký của Hồ Chí Minh ở dưới, tôi chắc đây là một tài liệu mới phác giác, có thể lấy từ kho tư liệu Mạc Tư Khoa, nên tôi đọc rất là nghiêm túc. Tôi đúng là một người đầu óc chậm chạp, phải đọc tới lần thứ nhì tôi mới ngớ người ra, rồi phá lên cười, mới hiểu đó chính là một bức "hí họa." Hí họa bằng chữ. Độc thiệt!

Người Chậm Hiểu *(Internet)*

Hồ Điền Trì

Liên tiếp trong nhiều bài báo trước đây, tác giả Ngô Thế Vinh đã báo động đủ cách về cái họa làm hàng loạt đập thủy điện của Trung Quốc tại Vân Nam. Trong số Thế Kỷ 21 vừa rồi, ông chứng tỏ là một người viết lách đầy trách nhiệm và bản lĩnh khi tường thuật cho chúng ta về chuyến "giả dạng du khách" của ông để đi "thám thính" tận vùng Vân Nam. Các tìm tòi và phản ứng của ông về các tai hại của việc làm đập trên thượng nguồn sông Cửu Long xem ra chỉ có tiếng vang ở hải ngoại, chính quyền CSVN cho đến nay vẫn giữ thái độ "ngậm miệng ăn tiền." Nhưng dù ở đâu, đã là người Việt Nam thì không thể không quan tâm đến những chuyện đe dọa đầy sống chết đối với đất nước và dân tộc như thế.

Trong bài "Tường trình từ Vân Nam" của ông có một chi tiết khiến tôi lạnh cả người. Hồ Điền Trì là một biển hồ lớn nhất phía nam Côn Minh, hiện nay đã bị ô nhiễm kỹ nghệ rất nặng, đến nỗi cá không sống nổi, đã gây nên cái chết của cả một khu chài lưới trước kia rất thịnh vượng.

"Không sao xử lý được nước thải, không giải quyết được khối nước trong hồ lớn Điền Trì đã quá ô nhiễm. Wu thuật cho chúng tôi nghe về một kế hoạch táo bạo của chính quyền Vân Nam: dự trù 2 tỉ yuan để khai thông một đường dẫn cho thoát nước ra sông Hồng chảy qua Việt Nam rồi đổ ra Biển Đông, sau đó thay thế bằng nước con sông Dương Tử dẫn vào hồ."

Dù chỉ là lời nói của một tài xế taxi, nhưng không có lửa sao có khói, chắc chắn ý tưởng đó cũng đã được thảo luận, bàn tán bởi chính quyền hoặc giới hiểu biết ở Vân Nam. Hình ảnh này không khác gì một gia đình ở trên lầu của một chung cư không có hệ thống bỏ rác và phòng vệ sinh, mọi việc đại tiện tiểu tiện, rác rưởi, đầu tôm vảy cá đều dồn hết vào một cái thùng, đến khi chịu không nổi nữa thì đổ đại xuống tầng dưới để mặc kệ dưới đó ra sao thì ra.

Không biết đến lúc đó thì CSVN có còn ca câu "núi liền núi sông liền sông" nữa hay không...

Nguyễn Văn Trọng *(Texas)*

Nói thêm cho rõ: Trong bài "Tường trình từ Vân Nam," Thế Kỷ 21 số 163, trang 36 có bức ảnh chụp tấm bia ở cổng vào khu đập Manwan. Những chữ Hán trên bia đọc là: VÂN HUYỆN MẠN LOAN TRẤN (Huyện Vân, trấn Mạn Loan [Manwan]).

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài của các tác giả sau:

Nguyễn Ngọc Bích, Thiện Hỷ, Nguyễn Văn Thà, Lê Mạnh Hùng, Minh Võ, Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Nguyễn Văn Tuấn, Chu Vương Miện, Nguyệt Thư, Phát Triển, Nguyễn Tấn Vinh, Nguyễn Quang Trọng, Lê Văn Lân, Thiếu Bảo, Cổ Ngư, Trương Đăng Đệ, Đăng Trình NVT, Hoàng Quế, Hoàng Nguyên Nhuận, Nguyễn Hà Tuệ, Hoa Cúc, Trần Mộng Tú, Lê Thái Lâm, V.L, Phạm Hùng Cường, Nguyễn Thương, Dinh Van Trien.

Thưa quý văn hữu và độc giả,

Số báo này là số tất niên tây, đồng thời cũng là tất niên ta, vì sau số này là số Xuân rồi. Theo dự định, số Xuân Quý Mùi sẽ choàng luôn hai tháng Giêng và Hai năm 2003, sẽ ra mắt độc giả vào khoảng giữa tháng Giêng tây, tức cũng vào độ rằm tháng Chạp âm lịch. Nhớ lại mấy năm trước, mỗi lần làm số báo đôi nhân dịp Xuân về, thì tuy đã được thông báo trước, một số độc giả khi đến tháng thứ nhì không thấy báo vẫn gọi về hỏi Tòa soạn. Và sau đó than phiền: Một tháng không có báo sao nghe "thiếu vắng" quá!

Những lúc ấy thì Tòa báo phân vân, không biết có nên làm số đôi nữa hay không. Nhưng Tết mà không làm số Xuân cho khác bình thường thì... hơi buồn, đó là ý kiến của đa số bạn đọc, và thấy rằng thà chịu một tháng "trống vắng" còn hơn là không có một số Xuân đặc biệt để... ăn Tết.

Khi số báo này đến tay quý văn hữu và độc giả thì hãy còn thời gian để quý vị chuẩn bị gửi bài báo Xuân về Tòa soạn. Năm Mùi, con dê, chắc là không thiếu chuyện vui để nói, phải không quý vị? Hạn chót nhận bài: Giáng Sinh năm nay (tháng trước đã thông báo ngày 20 tháng Mười Hai, bây giờ thêm một tuần nữa!)

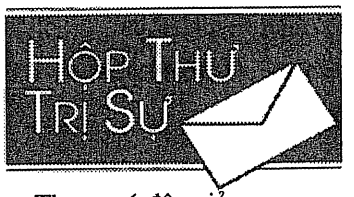

Thưa quý độc giả,

Hai tháng qua ban Trị sự đã có một số sơ sót đối với độc giả do nội bộ có việc thay đổi nhân sự đồng thời sắp xếp lại phương pháp quản trị cũng như phát hành. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin được sự thông cảm.

Mọi việc về mua báo, gia hạn báo hay đóng góp ý kiến về phát hành v.v... xin gửi E-mail về:

tapchitheky@aol.com

hoặc **gửi Fax** về số (714) **775-0891**

Mọi góp ý về bài vở, hoặc gửi bài, xin dùng địa chỉ E-mail:

theky21@kicon.com

ĐỘC GIẢ GIA HẠN (MỘT SỐ ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KỲ TRƯỚC)

Nguyen Van Thuan CA – Rober F Mougeot CA – Tuan Pham CA – Trinh Nhu Hoa CA – Nguyen Thiep CA – Trinh Van Bang TX – Nguyen Thomas CA – Hoang K Chau TX – Huynh Xuan OR – Le Khac Ly CA – Do Anh Tai CA – Ngo Van Tuyen WA – Nguyen Cam FL – Tram Becker CA – Charles Do CA – Nguyen Van Hai KY – Le Khac Hoang TX – Le Van Tu CA – Nguyen Kim Hung CA – Agnes Buu Hoan VA – Thanh Minh LA – Nguyen T Ai Van CA – Nguyen Van Loc CA – Vu Gia An VA – Truong Van Thanh CA – Pham Quoc Phu CA – Nguyen Dinh Cuong CA – Nguyen Khac Kham CA – Tran Minh Khoi PA – Trinh L Viet PA - Tran Tranh ID – Truong Minh Cuong CA – Nguyen Nguyet FL – Pham Trong Le VA – Tran Thi Kim Hoang NY – Nguyen Van Cung CA – Phan Van Diep CA – Nguyen Cao Hoang CA – Duong Khanh TX – Le Van Thuy CA – Nguyen T Hoi CA – Nguyen Tu Dau CA – Bui Ngoc To CA – Nguyen Tan Phat VA – Nha sach Trung Viet Canada – Vu Trong Tien CA – Trang H Tu VA – Nga N Branchini MN – Tien Le AZ – William Hop Do CA – Nguyen B Tinh OH – Lien Huong N Handon TX – Pham Kim Loan CA – Nguyen H hop TX – Nguyen Van Thuong CA– Le H Nghia CA – Nguyen Hoa Truoc CA – Vu Thi Dung CA Le Hang MN – Trangs Video & Bookstore OR – Magazine Divisions AL Tran Nhung Binh CA – BKST Van Nghe CA – Chan Q Kieu CA – Toothill Foreign Car & Mini Strorage CA – State Polytechnic University Library Pomona CA – Nguyen Anh CA – Quach Lien TX – Winchester Nguyen Luan CA – Ngo M Triet CA – LIB: * Columbia Br WA * Biblio Ville Montreal CANADA * Acquisitions Dept UT * Menzies Autralian National University AUSTRALIA * Anaheim Public CA * For-Periodicals CA * ChinaTown Branch CA * Canoga Park Br CA * Lincoln HGTS Br CA * Pomona Public CA * South Branch CA * Sunnyvale Public CA * Melhus Norway * Toensberg Og Noetteroey Norway * Bergen Offentlige Norway * Odense Central Norway * Deichmanske Norway * Fredriktad Norway – Huntington College CA – Bui Thanh MD- Bkst Tu Luc CA – Hoang Phuong MI –Nguyen Thi Dieu Huong CA – Pham Thi Hoan PARIS – Pham Thu Huong PARIS – Ho lan Anh CA – Le Van Duc CA – Joseph Luan Nguyen CA – Nguyen Chi Vy CA – Nguyen Thanh Trang CA – Vu Van Dinh CA – Doan The Nhan CA – La Trung Chanh MD – Nguyen Phuong England – Nguyen Huu Lan WA – Bui Hanh Nghi Gremany – Pham K Tien AZ – Tran Phien TX – Nguyen Hoa CA

ĐỘC GIẢ MỚI

Tran Gia Diem TX – Vu Thi Nghia CA. Bui Thanh Que CA – Nguyen Dinh Luu Norway – Nguyen Manh Ha AUSTRALIA – Pham H Karen CA – Pham Bo CA - Phan Ngoc Bau LA – Lib: Milpitas Comm CA * North Torrance CA – Nguyen Van San CA

VH ỦNG HỘ

VH Vuong Van Bac France – VH Doan The Nhan CA VH Tony Truong CA – Nguyen Khac Hoach CA

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Pham Minh Triet KY – Vu Vinh Thinh PA – Thai Tuan France – Tran Mai Hanh CA – Nguyen The Vien WA – Vu Ngo Quy Toronto, Canada – Phung Huu Le TX – VH: The Uyen WA.

SỔ TAY KINH TẾ CUỐI NĂM

HOA KỲ: ĐE DỌA CHIẾN TRANH VẪN LÀM KINH TẾ CHƯA KHÁ

PHẠM ĐỖ CHÍ

Mặc dù thắng lợi ngoại giao của Hoa Kỳ trong việc lôi kéo được sự hỗ trợ của các cường quốc qua quyết nghị của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhằm giải giới Iraq cũng như chiến thắng toàn diện của đảng Cộng Hòa trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vừa qua, nhưng tương lai kinh tế Mỹ vẫn chưa sáng sủa ít nhất cho tới giữa năm tới với những chữ NẾU đầy bất ngờ. Hiện trạng kinh tế Mỹ vẫn bị ám ảnh bởi đe dọa của một cuộc chiến với Iraq cũng như mối lo âu về một cuộc khủng bố mới ở ngay trên đất nước Mỹ.

Tháng trước Ngân hàng Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (thường được gọi tắt là Fed) hạ lãi suất đột ngột và đáng kể nhằm hỗ trợ chính sách giảm thuế vốn đã có sẵn của chính phủ để khuyến khích tiêu thụ và đầu tư. Tuy nhiên các dấu hiệu cuối năm cho thấy vẫn chưa tái lập được lòng tin của tư nhân và giới doanh gia, vì theo các chỉ số của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, lòng tin của giới tiêu thụ xuống mức thấp nhất từ chín năm nay và Hoa Kỳ có nguy cơ rơi vào suy thoái chứ không phải bị đe dọa bởi lạm phát.

Mặt khác, cũng cần phải để ý là ngay sau khi đảng Cộng Hòa thắng lợi trong cuộc bầu cử 5 tháng 11, chính TT Bush trong cuộc họp báo ở tòa Bạch Ốc cũng đã bầy tỏ cho thấy chính quyền do ông lãnh đạo cũng lo ngại về việc Ngân hàng Dự trữ Liên bang không còn nhiều khả năng làm tăng trưởng kinh tế qua các biện pháp cắt giảm lãi suất thêm nữa nên đang cứu xét thêm nhiều biện pháp như cắt giảm thuế của cá nhân và thuế doanh nghiệp để đẩy nền kinh tế Hoa Kỳ đi lên.

Trong biện pháp bất ngờ cho thị trường tài chính vào tháng 11 vừa qua, Fed vừa giảm lãi suất ngắn hạn (Fed fund rate) từ 1.75% xuống 1.25%. Nhìn lại lịch sử kinh tế Hoa Kỳ, đây là mức lãi thấp nhất từ năm 1961 đến nay. Từ đầu năm 2002, Fed đã chần chờ không muốn dùng biện pháp tiền tệ nói trên sau 11 lần giảm lãi suất trong năm 2001, và đã bị nhiều chuyên gia kinh tế chỉ trích vì thái độ quá thận trọng phòng ngừa lạm phát đã làm phương hại đến độ tăng trưởng kinh tế Mỹ và thế giới.

Nhìn vào chỉ số thống kê trong tháng 10 vừa qua, có thêm 100,000 người không có việc và đưa con số người thất nghiệp lên đến 8.2 triệu, nâng tỷ lệ thất nghiệp lên 5.7% so với 5.6% của tháng Chín. Bên cạnh đó, cũng dựa theo thông báo của Bộ Thương mại, lần đầu tiên kể từ một năm nay, khoản tiêu dùng cá nhân sút giảm mất 0.6% trong tháng Chín mặc dù mức thu nhập của các hộ gia đình tiếp tục tăng 0.4%. Lòng tin của giới tiêu thụ xuống mức thấp nhất từ chín năm nay, tiếp tục yếu kém như các quan sát viên kinh tế đã lo ngại từ sau biến cố 11/9 năm ngoái. Các dữ kiện này cho thấy Hoa Kỳ có nguy cơ rơi vào suy thoái chứ không phải bị đe dọa bởi lạm phát.

Câu hỏi cần đặt ra là với các biện pháp trên, triển vọng kinh tế Mỹ ra sao trong vài tháng tới và chính phủ Mỹ có làm thêm được điều gì nữa?

Theo một số quan sát viên, kinh tế Mỹ có thể chỉ tăng trưởng ở mức rất chậm độ 1% (tính theo tỷ lệ năm) trong quí 4 của năm 2002, so với mức tăng trưởng trên 5% trong quí1, và cũng được dự đoán sẽ không vượt quá 1.5 % trong quí đầu tiên của năm 2003. Ngoài biện pháp mềm về tiền tệ nói trên, chính sách thuế có thể được đáp ứng nhanh chóng hơn để tăng cường chi tiêu của dân chúng và giới đầu tư. Thí dụ như có thể giảm mức thuế trên lợi nhuận đầu tư chứng khoán (capital gain taxes) và cho phép người khai thuế được khấu trừ nhiều hơn mức thua lỗ trong thị trường chứng khoán trong ba năm qua 2000-2002, tăng mức khấu trừ này từ 3000 $ lên 20,000 $ chẳng hạn để dân chúng có thể bớt đóng thuế cho năm 2002 và tiêu nhiều hơn trong ngắn hạn. Hai biện pháp này cũng sẽ có tác động lớn và

thuận lợi lên giới đầu tư chứng khoán.

Tuy nhiên điều cần được nhấn mạnh là với hiện trạng kinh tế Hoa Kỳ vẫn bị ám ảnh bởi đe dọa của cuộc hành quân "trừng phạt" Iraq cũng như mối lo âu khủng bố vẫn tồn tại mạnh tại nước Mỹ, lòng tin của người tiêu dùng và các nhà đầu tư vẫn là chiếc chìa khóa giúp kinh tế Mỹ khởi sắc trở lại. Giới thạo tin cũng tiên đoán Tổng thống Bush có thể nghĩ đến việc thay đổi vài nhân sự cốt yếu trong giới lãnh đạo kinh tế để gây một ảnh hưởng "cú sốc" cho nền kinh tế, nhất là cho thị trường tài chính ở Wall Street.

Cuộc bầu cử quốc hội tại Mỹ vừa rồi với sự thắng lợi to lớn và bất ngờ của đảng Cộng hòa cho thấy sự tín nhiệm khá vững của dân chúng với chính phủ Bush và từ tháng 10 thị trường chứng khoán có khuynh hướng ổn định và đi lên. Kết quả bầu cử cũng chỉ rõ là dân chúng Mỹ hiện thời quan tâm nhiều hơn đến an ninh quốc gia thay vì hiện trạng kinh tế hay các mối lo âu thất nghiệp. Tuy nhiên thực tế khắc nghiệt của thời Tổng thống "Bush bố" cũng vẫn là nhắc nhở quí báu cho Tổng thống "Bush con": mặc dù chiến thắng trong chiến tranh vùng Vịnh đã đem lại hào quang quân sự cho ông Bố, các khó khăn kinh tế của hai năm sau đó vẫn làm TT "Bush bố" thất cử trong nhiệm kỳ 2. Mặc dù TT "Bush con" vẫn sẽ bận rộn với các vấn đề Iraq và Al Qaeda trong thời gian tới, ông cũng không thể quên được là cần các biện pháp kinh tế có hiệu quả kịp thời vào đầu năm 2004 trước khi kỳ bầu cử TT sơ bộ ở tiểu bang New Hampshire bắt đầu. Như vậy là chỉ còn một năm nữa cho các biện pháp kinh tế đang được chờ đợi này.

Tín hiệu khả quan hơn của Wall Street cho thấy thị trường chứng khoán đã bắt đầu ổn định vì hy vọng tình trạng lợi nhuận sẽ khá hơn từ giữa năm 2003. Theo quan sát thị trường từ vài thập niên, các chỉ số Wall Street cũng là một nhà tiên đoán kinh tế xuất sắc, cho thấy có thể kinh tế Mỹ không vướng vào sự "suy thoái đôi lập lại" (double dipping) mà sẽ phục hồi vào giữa năm tới 2003. Thông thường các chỉ số chứng khoán đi trước các chỉ số kinh tế GDP độ 6-9 tháng. Tất nhiên Wall Street sẽ chỉ hồi phục mạnh mẽ nếu tình trạng lợi nhuận được cải thiện nhanh chóng và các vấn đề kế toán của các đại công ty được hoàn chỉnh kịp thời để lấy lại tín nhiệm của giới đầu tư, và nhất là NẾU Iraq không thêm những ẩn số bất ngờ ngoài những dự đoán sẵn có.

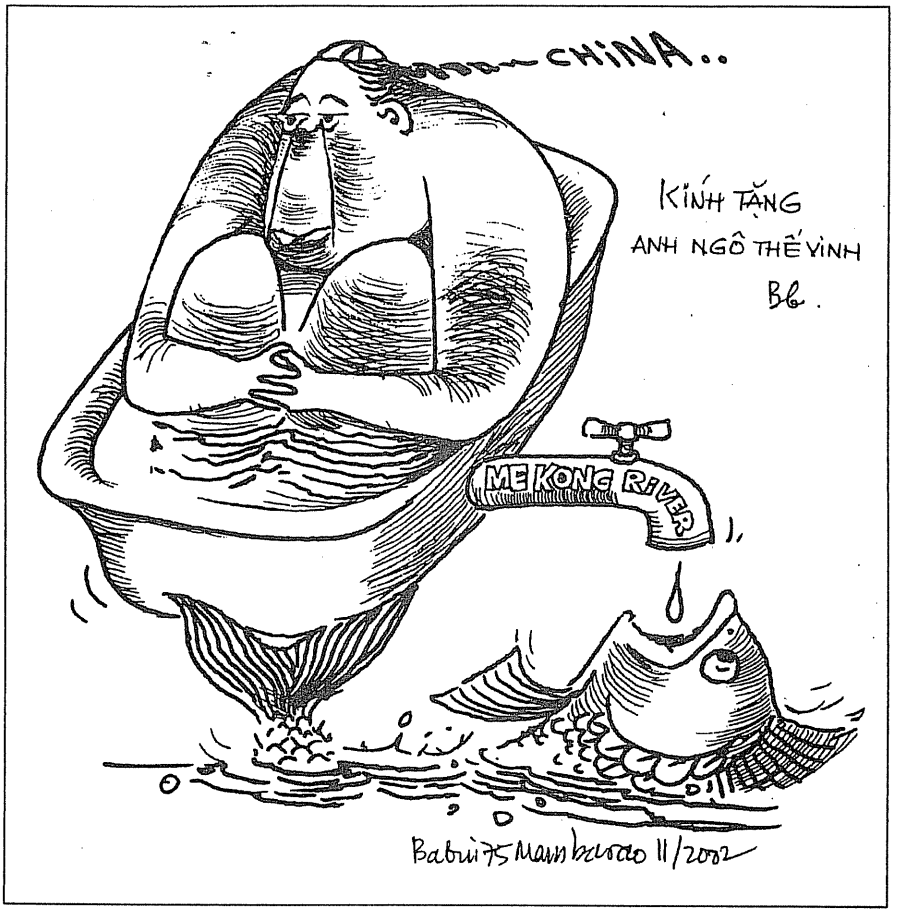

Trung Quốc: Cái nhìn từ A' Châu

Có đặt chân đến Trung Hoa lục địa ba lần trong vòng 20 năm qua, lần đầu 1981 lúc họ mới mở cửa dễ dãi cho du khách (một số tương đối ít so với bây giờ) rồi lần sau vào 1993 và sau cùng

2002, mới thấy sự mầu nhiệm của phát triển kinh tế và sức mạnh cùng ý chí của con người. Mỗi lần thấy TQ như một quốc gia mới mà mình chưa gặp bao giờ. Bắt đầu thấy sự phồn thịnh của Bắc Kinh và Thượng Hải cũng chưa lạ gì nhưng khi thấy sự mở mang đồ sộ lan đến những thành phố xa như Đại Liên hay cả Côn Minh là địa danh quen thuộc với nhiều người Việt, mới tin chắc đấy là sự phát triển thật sự và có căn bản lâu dài.

Nhiều bút mực của những chuyên gia kinh tế quốc tế đã viết về đề tài quan trọng này, vốn vượt khỏi khuôn khổ của sổ tay ngắn này. Tuy nhiên không thể không nghĩ đến "phép lạ" kinh tế nào đã cho TQ tiến nhanh và tiến mạnh như vậy, bất chấp sự duy trì thể chế chính trị và tràn đầy tệ nạn tham nhũng quan liêu theo quan điểm của các quan sát viên "phương Tây"? Trong một chuyến viếng thăm ngắn, người viết chợt thích thú nghĩ đến một đề tài phải đào sâu sau này khi có dịp. Đây là trường hợp một quốc gia phát triển một cách lạ lùng từ quốc nạn tham nhũng ("growth out of corruption") nhờ một dân số khổng lồ và có óc thương mại thiên phú. Cần nghiên cứu và mổ xẻ hơn nhiều, nhưng tựu chung có một ý nghĩ chợt đến do một anh bạn nêu ra: TQ tiến được mạnh bất chấp thể chế vì khối dân đó như một người khổng lồ đã và đang đạp đổ mọi xiềng xích luật lệ trói buộc để sinh tồn và tiến lên, dẫn dắt chính quyền trong những thay đổi cần thiết. Và với vài sự cởi mở quan trọng mới đây như cho phép doanh gia đóng vai trò quan trọng trong đảng và chính phủ, kín đáo lập cả ủy ban nghiên cứu việc đổi tên đảng trong tương lai, bước đường tiến của TQ sẽ rất thênh thang và sẽ còn làm ngạc nhiên thế giới.

Rời TQ sang vài nước láng giềng Đông Á, ở đâu cũng thấy ám ảnh và bóng dáng của "hiện tượng TQ" trong các câu chuyện mạn đàm chuyên môn chính thức hay giao tế. Ai cũng thấy sự cần thiết phải làm ăn buôn bán với TQ nhưng đồng thời cũng lo ngại về sự bành trướng của họ, phần nhỏ về thương mại, nhưng phần lớn về chính trị và quân sự. Tất nhiên là phải kể đến khối ASEAN. Khối này được lập ra nguyên thủy do sáng kiến của lãnh tụ Lý Quang Diệu của Singapore như để đối đầu với ba nước Việt Miên Lào thuộc khối chủ nghĩa xã hội. Rồi với những biến động của thế giới sau sự tan rã của khối Liên sô, ASEAN—vẫn do sáng kiến của nhà lãnh đạo họ Lý—lại nồng nhiệt mời ba nước Đông Dương gia nhập như để chống lại viễn ảnh một "đế quốc Trung Hoa" mới.

Mới đây nhất, nhà họ Lý lại lần nữa thay đổi cái nhìn, chạy theo TQ và muốn Singapore cũng hưởng lợi hàng đầu từ "phép lạ TQ". Ông Lý Quang Diệu đích thân đứng ra điều khiển quỹ đầu tư của các công chức Singapore trên 6 tỉ đô la vào các công trình đầu tư trực tiếp của TQ và tất nhiên sẽ làm yếu đi nhiều vai trò đòn bẩy "leverage" của ASEAN với TQ. Tất nhiên các nước ASEAN đều chú ý chuyện này nhưng ai nấy đều lo phát triển buôn bán với ông khổng lồ vì miếng ăn trước mặt mà vẫn ngay ngáy lo xa cho tương lai. Vai trò của ASEAN từ nay đến 2006 lúc mọi nước phải bãi bỏ hết các hàng rào thuế quan để giao thương tự do không quan trọng nữa. Vì các hàng hóa của các hội viên ASEAN có tính tương tự thay vì đa dạng để có thể trao đổi giữa các nước riêng với nhau một cách có lợi ích cao như kinh tế học đề nghị theo lý thuyết trao đổi mậu dịch. Và do đó mọi người bắt đầu nói đến khối ASEAN+Đại Hàn+Nhật Bản+TQ như một sức mạnh Đông Á mới để nói chuyện thương mại và cả chính trị với Hoa Kỳ và liên hiệp Châu Âu trong vài năm tới. Riêng Việt Nam có lẽ sẽ phải nghĩ lại nhiều trong thế cờ mới của khu vực./.

Tác giả Phạm Đỗ Chí, sau cuốn sách "Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên" đã lại cùng các đồng nghiệp Trần Nam Bình và Vũ Quang Việt chủ biên cuốn sách:

THỬ THÁCH CỦA HỘI NHẬP

Gồm bài viết của 16 tác giả kinh tế gia Việt Nam.

Cuốn sách duyệt xét lại các viễn ảnh kinh tế của Việt Nam: khung cảnh của hội nhập, khu vực quốc doanh và vấn đề cải cách, chính sách tỷ giá để tăng cạnh tranh và phát triển v.v...

Sách dày 460 trang, đã phát hành tại Mỹ tháng 10-2002.

TỪ THUYẾT "GIAI CẤP VÔ SẢN" ĐẾN THUYẾT "BA ĐẠI DIỆN"

Hay: Diễn biến hòa bình kiểu Trung Quốc, một bài học cho Việt Nam

HOÀNG QUẾ

Đại hội lần thứ 16 Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCS TQ) vừa diễn ra từ ngày 8 đến 14/11 thực sự là một sự kiện chính trị lớn được cả thế giới quan tâm theo dõi. Nếu như ở Anh quốc mỗi năm một lần Nữ hoàng đọc diễn văn nêu lên chính sách của chính phủ khi khai mạc quốc hội (QH) hay ở Mỹ Tổng thống thường đọc Thông điệp liên bang trước lưỡng viện (Hạ viện và Thượng viện) thì ở các nước XHCN cứ 5 năm đảng cầm quyền tại các nước đó lại tiến hành đại hội một lần để "làm cỗ" cho năm năm tới. Các Đại hội đảng (ĐHĐ) như vậy thường quyết định thành phần lãnh đạo, các chủ trương chính sách và đề ra kế hoạch phát triển kinh tế trong giai đoạn 5 năm.

Trong bản báo cáo đọc trước 2.114 đại biểu tham dự ĐHĐ lần thứ 16, Tổng bí thư ĐCS TQ Giang Trạch Dân đã làm rung chuyển toàn thế giới khi đưa ra những luận thuyết mới cho thấy rõ ràng đất nước Trung Hoa với số dân hơn 1,3 tỉ người nay đã quay lưng lại với mô hình xã hội chủ nghĩa (XHCN) kiểu cũ và sẵn sàng trải thảm đỏ đón các nhà tư bản đến với họ. Những vấn đề lớn được họ Giang nêu lên trong bản báo cáo này gồm:

* Cải cách kinh tế
* Cải cách chính trị với việc đưa ra thuyết "Ba đại diện"
* Đài Loan
* Quân sự
* Các vấn đề nội bộ

1. **Về kinh tế**, bản báo cáo đã đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế gấp bốn lần vào năm 2020 để đạt được tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở mức $11.600 tỷ, và như vậy sẽ nâng thu nhập bình quân đầu người ở mức US$900/năm như hiện nay lên khoảng $3.600 /năm. Để có được những con số này, TQ cần có tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình khoảng 8%/năm.

Nhờ có những chính sách linh hoạt, tạo được môi trường đầu tư hấp dẫn nên TQ đã trở thành nước đang phát triển thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài nhất. Hiện nay hàng năm TQ nhận chừng $40-45 tỷ đầu tư nước ngoài. Từ khi thực hiện cải cách và mở cửa kinh tế vào năm 1978, đến nay TQ đã trở thành một nước khá hùng hậu về kinh tế với các sản phẩm đủ loại giá rẻ tràn ngập thị trường thế giới khiến nhiều nhà phân tích kinh tế phải đưa ra dự đoán rằng trong vòng 20-30 năm tới TQ sẽ trở thành một thách thức đối với Mỹ, siêu cường kinh tế số một thế giới hiện nay.

Trong quá trình thực hiện cải cách kinh tế, ĐCS/TQ đã thực hiện phương châm phải "thuận theo dòng nước chảy miễn là nắm vững tay chèo" và thực thi những chính sách thực dụng theo kiểu "không kể mèo trắng hay mèo đen, miễn là bắt được chuột" (câu nổi nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình, người có công đưa Trung Quốc đi vào con đường cải cách mở cửa). Để nhanh chóng phát triển kinh tế, TQ đã tiến hành cải cách cơ cấu và tái phối trí các ngành và đặc biệt là tiến hành cải cách đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN). TQ đã chấm dứt việc bao cấp cho các DNNN làm ăn thua lỗ, không dành ưu thế độc quyền cho khu vực nhà nước, đồng thời khuyến khích và tạo thuận lợi cho việc xây dựng khu vực tư nhân để giúp và hỗ trợ khu vực nhà nước. Nhờ vậy, khu vực tư tại TQ đã tăng từ 0% dưới thời Mao Trạch Đông lên đến khoảng 60% so với quốc doanh (?). Hiện nay, khu vực tư càng ngày chiếm giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế và có thể vượt qua cả khu vực quốc doanh, đặc biệt là trong việc tạo việc làm cho người lao động. Hiện nay, mỗi năm ở Trung Quốc có thêm 12 triệu người gia nhập thị trường lao động.

Nhân dịp ĐHĐ lần thứ 16, ông Zen Peiyen của Bộ Kế hoạch TQ đã đưa ra một số chỉ tiêu như sau:

* Kinh tế sẽ tăng trưởng ở mức 8% GDP mỗi năm. Tổng kim ngạch buôn bán sẽ đạt $600 tỷ trong khi đầu tư nước ngoài ở mức $50 tỷ;

* TQ hứa sẽ "san bằng luật chơi" giữa khu vực quốc doanh và tư nhân về thuế vụ và khả năng gây vốn;

Trong những năm qua, các Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã sa thải khoảng 25 triệu công nhân trong khi đó các DN khu vực tư nhân đã tạo ra nhiều việc làm;

* Năm 1989 khu vực tư có 89.000 doanh nghiệp và năm 2002 đã có 2 triệu DN trong khi đó thì các doanh nghiệp nhà nước giảm khoảng 1/3 từ 102.000 xuống còn 43.000.

* Nông dân được phép mua lại đất để có cơ hội làm ăn một cách có hiệu quả hơn;

* Doanh nghiệp thuộc khu vực tư có thể vay tiền ngân hàng và có cơ hội bán các trái phiếu để gây vốn,

* Các doanh nghiệp nước ngoài có thể đóng góp vốn vào các DNNN và mua cổ phần trong các DNNN. Trước đây, 65% cổ phần của các DNNN không được bán cho phía nước ngoài, nhưng nay các doanh nghiệp nước ngoài có thể mua phần này.

2. **Về chính trị**, tại ĐHĐ lần thứ 16 này, họ Giang đưa ra thuyết "Ba đại diện," trong đó nêu rõ ĐCS là đại diện của các lực lượng sản xuất tiên tiến, đại diện của nền văn hóa tiên tiến và đại diện cho lợi ích của đa số nhân dân Trung Quốc, bao gồm cả các nhà tư bản. Đây là một thay đổi quan trọng về tư tưởng trong cải cách chính trị ở Trung Quốc, mở đường cho việc ĐCSTQ sẽ kết nạp đảng viên ở mọi thành phần kể cả thành phần tư bản.

Theo học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông thì ĐCS là "đại diện và là công cụ của giai cấp vô sản." Vì vậy, trong thời kỳ cách mạng văn hóa ở Trung Quốc trí thức không được sử dụng và ĐCS là nơi tụ tập của giai cấp vô sản "bần cố nông."

Với việc đưa ra thuyết "Ba đại diện," họ Giang đã tháo gỡ các cản trở trong bộ máy kinh tế do ĐCSTQ tạo lập từ trên 50 năm nay và đã thả lỏng cho khu vực tư có điều kiện phát triển. ĐCSTQ đã lựa chọn một giải pháp "khôn ngoan" khi họ không cố bám giữ thế độc quyền trong đời sống kinh tế mà chỉ tập trung kiểm soát guồng máy nhà nước mà thôi. Với học thuyết mới này, ĐCSTQ sẽ có dịp củng cố guồng máy đảng bằng cách thu nạp các thành phần trí thức có chuyên môn cao và có khả năng quản lý để tập trung vào việc lái "con thuyền" chính trị của TQ.

Trước ĐHĐ kỳ 16, ĐCSTQ đã tiến hành phổ biến sâu rộng để mọi tầng lớp nhân dân TQ triệt thấu về thuyết "Ba đại diện." Giang Trạch Dân cũng vấp phải nhiều sự chống đối của các phe bảo thủ, nhưng nhờ có khâu chuẩn bị tốt, thông qua ban tổ chức đảng, thay thế các thành phần bảo thủ bằng phe cải cách nên đã phần nào trấn an và loại trừ được các phe chống đối và việc chuyển giao quyền lực cho thế hệ lãnh đạo thứ tư của ĐCS TQ (kể từ thời Mao Trạch Đông) đã diễn ra tương đối suông sẻ.

3. **Về vấn đề Đài Loan**, TQ kêu gọi thương thuyết và đưa ra chủ trương "tam thông" nhưng vẫn nhấn mạnh quan điểm "một nước Trung Quốc." Dựa trên quan điểm này, TQ một mặt thúc đẩy thương mại giữa hai bên, mặt khác cũng không chịu từ chối sử dụng vũ lực trong vấn đề Đài Loan, nhưng theo họ thì việc sử dụng vũ lực là nhằm vào các lực lượng chia rẽ, đòi độc lập chứ không phải nhằm vào "dân Đài Loan yêu nước." Việc này cho thấy TQ đang thi hành một chính sách ngoại giao mềm dẻo hơn đối với Đài Loan.

4. **Về quân sự**, Giang Trạch Dân kêu gọi tiếp tục chiến lược hiện đại hóa quân đội, giảm bớt số lượng quân nhân nhưng phải biến quân đội thành một lực lượng "linh hoạt và hữu hiệu" dưới sự kiểm soát của ĐCSTQ. Chiến lược này sẽ giúp TQ củng cố hải quân và không quân hòng hăm dọa Đài Loan và các nước trong vùng Biển Đông.

Quá trình thành hình thuyết "Ba đại diện"

Từ Hội nghị Trung Ương 3 ĐCSTQ khoá 11 tháng 2/1978, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra khái niệm rất mới: "Chế độ XHCN của TQ còn trong thời kỳ phôi thai, ở giai đoạn đầu trong lịch trình xây dựng chủ nghĩa xã hội." Trong thời gian 25 năm qua, TQ đã đổi hướng, thực hiện dần dần "diễn biến hoà bình," từ một chế độ phát triển dập khuôn cứng nhắc theo những lời chỉ dẫn duy ý chí và lỗi thời được nêu lên trong học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông, sang một chế độ tương đối thực tiễn thiên về kinh tế thị trường.

Từ sau ĐHĐ lần 13 (1988) và 14 (1992), giới trí thức đã được dần dần được chấp nhận và ĐCS

đã bao gồm các thành phần công nhân, trí thức và nông dân. Ngay sau khi thực hiện chính sách cải cách mở cửa, việc đầu tiên mà Đặng Tiểu Bình đã làm là gởi rất nhiều sinh viên đi du học ở nước ngoài. Một số những người này đã trở về để thực hiện công cuộc hiện đại hoá - góp phần thực hiện "diễn tiến hoà bình" ở TQ. Tuy nhiên, ở TQ, sự phát triển kinh tế đã không đi song song với dân chủ hóa chính trị mà hậu quả là đã xảy ra vụ "Thiên An Môn" (1989).

ĐCSTQ gặp rất nhiều khó khăn về lý luận để chứng minh là mình vẫn theo đường hướng XHCN. Trong ĐHĐ lần thứ 14 (1992), lãnh đạo TQ nhấn mạnh rằng giai đoạn xây dựng XHCN là một giai đoạn lịch sử rất dài, ít nhất cần vài trăm năm.

Trong ĐHĐ lần thứ 15 (1997), Giang Trạch Dân lại nhấn mạnh là muốn xây dựng XHCN, TQ cần thời gian rất dài, cần nhiều thế hệ, thậm chí là cả vài chục thế hệ. Năm 2001, Giang chấp nhận thu nhận đảng viên ở mọi thành phần kể cả thành phần tư bản.

Tại ĐHĐ 16 (2002), Giang tiến thêm một bước về lý luận bằng cách đưa ra thuyết "Ba đại diện." Đây là một thay đổi quan trọng về tư tưởng và chính trị. ĐCSTQ đã cố gắng làm cho hài hòa giữa học thuyết cũ qui định rằng ĐCS là "đại diện cho giai cấp vô sản" với học thuyết mới cho rằng ĐCS là "đại diện cho toàn dân, cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội và cho một nền văn hoá tiên tiến."

Thuyết "Ba đại diện," cuộc cải cách không đổ máu

Với thuyết "Ba đại diện" TQ đã loại bớt các trở ngại trên đường phát triển kinh tế hầu trở thành một cường quốc trong vùng á châu. ĐCSTQ nay có thể đại diện cho mọi thành phần sản xuất tiên tiến trong xã hội, bao gồm cả trí thức, các chủ doanh nghiệp mà trước đây bị coi là những tên "tư bản bóc lột," các chuyên gia trong các doanh nghiệp v.v. chứ không chỉ đại diện có cho thành phần công nhân hay bần cố nông. Như vậy, mọi thành phần trong xã hội đều có thể tham gia ĐCSTQ.

Nhưng ĐCS vẫn nắm quyền kiểm soát quân đội, công an, guồng máy hành chính và bộ máy tuyên truyền. Mọi thành phần sản xuất trong xã hội: trí thức, nghiệp chủ, chuyên gia, công nhân hay nông dân đều có tiếng nói dưới sự kiểm soát của đảng. TQ chưa có đa đảng và cũng cần nhiều thời gian trước khi đi đến đa đảng, nhưng ở đây TQ đang tiến dần đến chế độ độc đảng nhưng nhiều phe phái giống như trường hợp của Đảng Dân chủ Tự Do (LDP) ở Nhật Bản.

Để tránh bị coi là đi theo "tư bản," TQ đã tiến hành vận động thay đổi trong vấn đề tư tưởng. TQ đã cố gắng "uốn nắn" học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông cho phù hợp với một nền kinh tế thị trường. Thực tế, họ đã thay đổi dần lý luận qua nhiều ĐHĐ khác nhau, từ khi Đặng Tiểu Bình cho là làm giàu là tốt đến chỗ đặt lại tiêu chí xây dựng XHCN trong vài trăm năm với lập luận rằng xã hội TQ còn lạc hậu cần phải phấn đấu trong nhiều thế hệ, thậm chí vài chục thế hệ mới có thể tiến đến xã hội XHCN. Sau đó TQ đưa ra khái niệm về nhà nước pháp quyền thay thế khái niệm về "bạo lực cách mạng." Từ đó, và qua nhiều ĐHĐ, TQ đã dần dần thay đổi về tư tưởng và chính trị. Có thể nói công cuộc "diễn biến hoà bình" đã thể hiện trên mọi phương diện kinh tế và chính trị ở Trung Quốc và chính các trí thức gia TQ đã đóng góp vào công cuộc "đổi mới tư duy" này.

Nhiều nhà phân tích còn cho là TQ đang dập theo kiểu quản lý doanh nghiệp trong kinh tế tư bản (1). Đây là mô hình của các doanh nghiệp Mỹ trong đó chỉ cần một số người nắm chủ chốt hay chủ trì ở Hội đồng quản trị (HĐQT) thì có thể kiểm soát công ty. Hiểu theo kinh tế thị trường thì TQ đã tìm ra một "wining combination - mẫu số của các yếu tố thành công" mà trong đó ĐCS không cần đa số cũng có thể kiểm soát toàn bộ doanh nghiệp. Theo mô hình này, ĐCSTQ chỉ cần 51% vốn là có thể kiểm soát công ty. Trong trường hợp không nắm được đa số vốn (chẳng hạn chỉ nắm 35% tổng số vốn), nhưng ĐCS lại kiểm soát quân đội, công an, và giới truyền thông, thì mặc dù là thiểu số họ vẫn có thể kiểm soát toàn bộ các công ty của TQ.

Mẫu số thành công là việc liên kết các thành phần nắm kinh tế - các nhà quản trị hay tư bản và thành phần trí thức với các chính trị gia trong việc điều hành đất nước TQ. Như vậy, ĐCSTQ trở thành một "tổng công ty" trong đó "coopt - nhận" các thành phần khác nhau để cùng điều hành nền kinh tế sao cho TQ có thể tiếp tục giữ được đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ như những năm vừa qua. ĐCSTQ đã thực hiện phương trình Cobb Douglas gồm vốn, quản lý và trí tuệ để phát triển lâu dài. Trong môi trường XHCN giáo điều kiểu cũ, ĐCS sẽ không thể tìm được một mẫu số chung

để điều hành tốt đất nước vì thực tế là các thành phần công nhân và nông dân không thể giúp quản lý đất nước vì họ không có vốn và quan trọng hơn cả là thiếu trí tuệ.

Những điểm yếu của thuyết "Ba đại diện"

Mặc dù thuyết "Ba đại diện" là một bước ngoặt lớn về lý luận và sẽ dẫn đến những đổi thay to lớn trên chính trường Trung Quốc, nhưng dù sao thuyết này cũng không thể tránh được những điểm yếu. Điểm yếu thứ nhất là ai cho quyền ĐCS thay mặt ba thành phần hay đa số dân hay đa số vốn để có thể nắm Hội Đồng Quản Trị? Nếu đại diện cho giai cấp "vô sản" thì ĐCS mới có "cơ hội" làm đại diện thông qua "chuyên chính vô sản." Trong tình hình mới, câu hỏi đầu tiên là phải chăng ĐCS vẫn còn độc quyền "thay mặt" toàn dân?

Điểm yếu thứ hai là các thay đổi chính trị là từ trên "giáng xuống" chứ không phải tự phát từ dưới lên. Ngoài ra, còn một số vấn đề cơ bản trong xây dựng guồng máy nhà nước tập trung, nhiệm vụ chức năng của ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp, mối liên hệ giữa trung ương với địa phương và quyền hạn giữa các cơ quan nhà nước; quan hệ giữa đảng và nhà nước.

Qua việc này có thể thấy TQ còn cần nhiều năm nữa mới có thể dân chủ hoá được. Nhưng cái quan trọng là TQ đang "diễn biến hoà bình" để dần dần thoát khỏi CNXH, một mô hình xã hội chỉ có trong tưởng tượng, mà không gây xáo trộn mạnh trong xã hội, tránh được đổ máu như thường thấy trong các cuộc "cách mạng" trước đây ở đất nước này.

Bài học cho Việt Nam

Với "Đổi mới" VN đã thực hiện chính sách ngoại giao thân thiện với các nước láng giềng, mở cửa cho đầu tư nước ngoài, thay đổi cơ cấu, cố gắng xây dựng nhà nước pháp trị qua những hành động cụ thể như tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). VN

đã phá hàng rào mà họ đã tự xây để ngăn cản mình với thế giới bên ngoài trong nhiều năm.

Về kinh tế, VN đang theo đuổi một nền "kinh tế thị trường định hướng XHCN" với những tiêu chí như sau: (2)

* Nhà nước "của dân vì dân và do dân"
* Nhà nước pháp quyền
* Dân chủ tập trung

Từ ĐHĐ lần thứ 7 (1992), VN tiếp tục xây dựng cơ cấu cơ bản cho nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, đến ĐHĐ lần thứ 8 (1997), một số thành phần bảo thủ, giáo điều đã làm chậm tốc độ cải cách.

Vấn đề cấp bách hiện nay là VN cần sửa đổi cơ cấu (3) cho phù hợp với bối cảnh kinh tế thị trường nhằm giúp hội nhập. VN cũng cần thay đổi khuôn khổ chính trị với những trọng tâm như sau: vai trò đảng Cộng Sản VN (ĐCSVN) trong môi trường nhà nước pháp quyền, vai trò các định chế như Quốc Hội (QH), quy định về bầu cử QH và Hội Đồng Nhân Dân (HĐND), và việc trẻ hoá nhân sự Trung ương đảng (TUĐ) và vai trò quản lý nhà nước (4) và việc tu bổ Hiến Pháp 1992 trong một môi trường mà ĐCS ngày càng ít quan trọng trong đời sống dân chúng. Xây dựng nhà nước pháp quyền và đề cao luật pháp được coi là cốt lõi.

Có thể thấy là hiện nay VN bị bế tắc trong việc tìm một mô hình "kinh tế thị trường định hướng XHCN" cũng như việc "uốn nắn" các lý luận giáo điều của học thuyết Mác-Lênin sao cho phù hợp với tình hình hiện tại. Nay VN có thể tham khảo mô hình "diễn biến hoà bình" kiểu TQ để khuyến khích đầu tư ngoại quốc nhằm tạo việc làm cho 1,2 triệu người gia nhập thị trường lao động mỗi năm, đẩy mạnh tốc độ cải cách để đưa VN ra khỏi tình trạng chậm tiến.

VN có thể làm những gì để hiện đại hoá đất nước? Trước hết, Việt Nam nên thừa nhận rằng XHCN không còn lý do tồn tại vì mô hình đó chỉ là không tưởng và thực tế chưa được thực hiện ở xứ nào. Thứ hai, là trong một nền kinh tế thị trường, cần có trí tuệ, vốn và khả năng quản lý đất nước hữu hiệu. Giai cấp vô sản, bần cố nông sẽ không có khả năng giúp tìm giải pháp cho VN. Hai triệu rưỡi đảng viên không thể nào đại diện cho 80 triệu dân VN. Lý do duy nhất mà CNXH còn tồn tại ở VN là do quân đội và công an đang tiếp tục thi hành "bạo lực cách mạng" chứ không phải nhà nước pháp quyền. Muốn hội nhập, Việt Nam cần cải cách kinh tế song song với cải cách chính trị và trong việc này, cần có một lộ trình rõ ràng về cải cách chính trị.

Sau là cần tiếp tục đẩy mạnh mở cửa với bên ngoài, có thể thông qua việc gởi sinh viên và chuyên viên đi du học để tiếp thu những kiến thức hiện đại của nhân loại nhằm tạo ra một đội ngũ các nhà quản lý mới có tri thức dần dần thay thế thế hệ lãnh đạo bảo thủ, đem luồng sinh khí mới thổi vào đất nước, như vậy mới mong đưa nước Việt ra khỏi cảnh nghèo nàn và lạc hậu. Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường trao đổi chuyên gia kinh tế, luật pháp, đào tạo chuyên gia để có thể đối phó với các vấn đề mới như các tội phạm tài chính, chống khủng bố v.v. để nhanh chóng hội nhập.

Kinh nghiệm TQ giúp gì cho VN? Trước hết về kinh tế, VN cần đẩy mạnh tốc độ tư nhân hoá hay như VN thường gọi là "cổ phần hóa," quyết tâm cắt bỏ việc bao cấp cho DNNN làm ăn thua lỗ, tạo một "sân chơi ngang bằng" giữa khu vực nhà nước và khu vực tư trong mọi hoạt động kinh tế. VN cần noi theo bài học của TQ là "lựa theo dòng nước chảy mà thay đổi miễn là nắm vững tay chèo." Có như vậy, mới tạo điều kiện cho khu vực tư và nước ngoài phát triển mạnh, từ đó tạo được nhiều việc làm cho dân chúng bởi có việc làm mới có thu nhập và mới mong thực hiện được khẩu hiệu "dân giàu nước mạnh" mà ĐSCVN đã đề ra.

Qua ĐHĐ lần thứ 16 của ĐCSTQ, chúng ta đã thấy một mô hình "diễn biến hoà bình" kiểu TQ. Mô hình này đáng được chú ý vì đây là một lối thoát chính trị cho chế độ XHCN lỗi thời. Như Giang Trạch Dân đã nói: "Chúng ta cần giải phóng tư duy một cách có thể thức để thoát khỏi cái cùm của những quan niệm, hành động và chế độ lỗi thời." Nhiều người VN đang mong mỏi ĐCSVN noi theo "các bậc đàn anh" tự tháo bỏ gông cùm bởi cách suy nghĩ giáo điều, lỗi thời và tìm các giải pháp trí tuệ để đưa đất nước thoát khỏi nghèo khó và lạc hậu.

Mùa hạ 2002

1. John Pomfret, "Era of deep changes for China's Communists," The Washington Post, November 8, 2002
2. National Public Administration Reform Program, GCOP (Ban Tổ Chức Chính Phủ), Hanoi, tháng 5, 1993
3. T. Vasavakul, "Sectoral Politics and Strategies for State and Party Building from the 7 to the 8th NCP (1991-1996" trong cuốn A. Fforde, Doi Moi: Ten years after the 1986 Party Congress, Political and Social Change Monograph 24, ANU, Canberra, 1997
4. Lê Đăng Doanh trong "International Colloquium on Public Administration", Hanoi, 24-26/9/1996

VAI TRÒ CỦA KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG PHI CHÍNH THỐNG VÀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ HÓA XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN HỮU LÊ

1- Khái niệm phi chính thống và chính thống của tư tưởng thuộc phạm trù ý thức hệ.Trước khi xuất hiện mô hình xã hội dân chủ pháp trị, các khái niệm này nhằm phân biệt giữa một bên là tư tưởng thống trị xã hội, được tuyên truyền và bảo vệ bởi cơ chế thống trị hiện hành và một bên khác là tư tưởng đối kháng hoặc khác biệt xuất hiện một cách tự phát hoặc có tổ chức của nhân dân nằm ngoài tầm kiểm soát của cơ chế chính thống.

Mối quan hệ giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng trong lý do tồn tại khởi nguyên của chúng là mối quan hệ giữa mục đích và phương tiện. Hệ tư tưởng tự thân nó chỉ có tiềm năng làm bùng nổ những cuộc cách mạng xã hội nhằm hiện thực hóa những mục tiêu dự đoán. Tiềm năng này chỉ có cơ sở thực hiện khi nào có một tổ chức xã hội vì nó, nghĩa là phải có một cơ chế thích ứng như là phương tiện để giải quyết những vấn đề xã hội của hệ tư tưởng.

Nói cách khác, hệ tư tưởng tự thân nó sẽ không là gì cả, nếu không được một cơ chế thích ứng quảng bá, thuyết phục hoặc cưỡng bức sự chấp nhận của số đông. Tập hợp lực lượng nhằm giành quyền lực thống trị và chính thống hóa hệ tư tưởng là mục tiêu quan trọng nhất của cơ chế thích ứng trong giai đoạn chuyển tiếp. Để đạt được điều này việc độc tài hóa cơ chế thích ứng, tập trung quyền quyết định đối với số đông trong tay một thiểu số người đặc biệt đã trở thành thông lệ của lịch sử các giai đoạn chuyển tiếp. Khái niệm độc tài nếu chưa bị nhuốm sắc màu chính thống tha hóa thì cũng chỉ nhằm diễn đạt một trong những hình thức thống trị xã hội trong giai đoạn chuyển tiếp. Đó là hình thức tập trung quyền lực và đề cao trách nhiệm cá nhân trước lịch sử.

Tuy nhiên, cơ chế thích ứng khi đã được định hình thành một tổ chức có quyền lực, thành một thực thể sống thì nó tồn tại với những quy luật nội tại độc lập với ý đồ của các nhà tư tưởng đã sáng lập ra nó. Từ chỗ chỉ là phương tiện của hệ tư tưởng, thực thể sống này tìm mọi cách thích nghi để kéo dài lý do tồn tại của chính nó. Quá trình chính thống hóa hệ tư tưởng theo hướng có lợi cho chế độ độc tài là dấu hiệu phản bội đầu tiên của cơ chế chính thống đối với hệ tư tưởng đã sản sinh ra nó.(1) (2) Những cá thể nhân danh đại diện cho cộng đồng và nắm được trong tay quyền lực vô biên không dễ gì sẵn sàng chấm dứt vị trí quyền lực hấp dẫn kia một khi kết thúc giai đoạn chuyển tiếp. Và thế là họ tìm cách cắt nghĩa sao cho giai đoạn giao thời kéo dài ra vô tận để hợp pháp hóa lý do tồn tại của chế độ độc tài. Đó là lý do vì sao có sự cắt xén và xuyên tạc kinh điển xảy ra một cách khá phổ biến trong các thời đại lịch sử. Quá trình chính thống hóa Khổng Nho theo hướng ngu trung và sự đề cao một cách cực đoan quan hệ huyết thống của các triều đại phong kiến hậu kỳ là những ví dụ điển hình. Những đồ đệ phản bội của chủ nghĩa Mac còn tiến xa hơn là biến ông thủy tổ của mình thành lá chắn cho sự tồn tại phi lý của chế độ độc tài. Hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng đến đây đã có sự hoán vị chức năng: chế độ độc tài như là một phương tiện của giai đoạn chuyển tiếp đã được hợp thức hóa thành mục đích và hệ tư tưởng từ chỗ là mục đích đã trở thành phương tiện thuần túy.

Các khuynh hướng phê phán chủ nghĩa Marx mấy thập niên gần đây ở Việt Nam dù khác nhau về phương pháp và trình độ tư duy, khác nhau về xuất phát điểm của "lập trường" và động cơ phê phán nhưng cùng giống nhau trong cách lựa chọn đối tượng phê phán. Ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt (chúng tôi sẽ có ý kiến riêng), các khuynh hướng phê phán chủ nghĩa Mác thường lấy việc chỉ trích những sai lầm của cơ chế thích ứng làm dẫn chứng để phán quyết lý do cáo chung của hệ tư tưởng. Xét theo hình thức tư duy, dường như chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa một khi cơ chế

thích ứng đã không "kham " nổi hệ tư tưởng thì ắt hẳn là hệ tư tưởng sai. Thực ra, mối liên hệ giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng là mối liên hệ nhân quả nhưng không phải hiểu theo nghĩa giản đơn. Vạch ra được mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau và tính độc lập tương đối giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng sẽ là phương pháp tiếp cận khoa học để hiểu đúng qúa trình, lý do nẩy sinh và diệt vong của chúng.

Trên thế giới đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều những công trình khoa học chỉ ra được các mâu thuẫn nội tại trong cấu trúc của hệ tư tưởng Mácxít (3). Nhưng đó lại là một phạm vi khác của đề tài; vấn đề tác giả bài viết này quan tâm là cần phải tìm hiểu vì sao sự độc tôn trở thành một định mệnh không sao tránh khỏi đối với những dân tộc đã trót rơi vào quỹ đạo của hệ tư tưởng Mácxít; mặc dù ngay cả Marx kẻ khai sinh ra học thuyết cũng từng khiêm tốn thừa nhận rằng học thuyết của ông cũng chỉ là một trong những con đường tìm tòi chân lý và cũng có thể sai. Thực ra mầm mống độc tôn đã có lý do nẩy sinh từ bên trong cấu trúc khép kín và chối từ đối thoại của những nguyên lý vốn được coi là "hòn đá tảng" của chủ nghĩa Mác. Cắt nghĩa tiến bộ xã hội bằng đấu tranh giai cấp; cổ động bạo lực của "tầng lớp tận cùng của xã hội" đứng lên "đào mồ" chôn những kẻ giàu có; chưa hết, ông còn cân nhắc thiệt hơn hộ những kẻ "tận cùng": "Họ chẳng mất gì ngoài xiềng xích quanh mình. Đổi lại họ được cả thế giới"(4). Không còn nghi ngờ gì nữa đó là lý do để các thế hệ môn đồ hậu sinh Marx dựng lên bức màn sắt chính thống để đẩy bất kỳ ai muốn đối thoại nghiêm chỉnh sang hàng ngũ "kẻ thù" để dễ bề đàn áp. Từ chỗ độc tôn (hệ tư tưởng) sang độc tài (cơ chế thích ứng) là một mối liên hệ nhân qủa không sao tránh khỏi.

Như trên đã nói, cơ chế thích ứng được sinh ra nhằm mục đích thực hiện những mục tiêu gần và xa của hệ tư tưởng. Mối liên hệ nhân quả nguyên thủy đó không cần phải bàn cãi. Tuy nhiên, khi đã được hoàn thiện như là một bộ máy một thực thể sống thì vì lý do tồn tại của nó, những mối liên hệ nhân quả mới nẩy sinh: -Mối quan hệ chẳng hạn giữa mục đích xa và quyền lợi sát sườn, mối quan hệ giữa các cơ chế thích ứng trong cùng một hệ thống ý thức hệ chính thống. (Sự liên minh theo quan hệ phe phái thường thấy trước đây.)... Những mối liên hệ nhân quả "mẹ" này lại sinh ra tiếp những mối liên hệ nhân qủa "con" để rồi từ đó bộ máy cai trị dần dần được hoàn thiện theo hướng xa dần chức năng nguyên thủy của nó như một quy luật tất yếu.

Nguyên nhân bao trùm nằm trong đặc thù cấu trúc của cơ chế độc tài, một loại cấu trúc không có đối lập. Trong cơ chế này những kẻ trực tiếp nắm quyền lực vừa có quá nhiều quyền vượt lên trên luật pháp, lại vừa bị giới hạn tối đa vào những quy định, những "niêm," "luật" của chính thống. Trong cơ chế đó, một vị tổng bí thư có thể quyết định những vấn đề liên quan đến quyền sinh quyền sát đối với vận mệnh của cộng đồng với điều kiện là quyết định đó phải phù hợp với những thông lệ của chính thống hoặc nhân danh chính thống. Ngoài giới hạn này vị tổng bí thư cũng chỉ là một kẻ bất lực. Lâu nay ta vẫn quen nghe những lối lập luận xét đoán nhân cách cá nhân trong phương pháp phê phán những người lãnh đạo trong hệ thống cộng sản nhưng lại không thấy được rằng cá nhân trong cơ chế cộng sản chỉ được phép "vùng vẫy" trong "cái ao" chật hẹp của chính thống. Nếu ai muốn thoát ra khỏi "cái ao" tù hãm đó mà biểu hiện ra bên ngoài thì đó cũng đồng thời là sự cáo chung vị trí quyền lực của họ trong cơ chế chính thống.

Cũng như mọi thực thể sống khác phản xạ tự vệ của cơ chế chính thống rất nhạy cảm trước những "độc tố " độc hại đối với cơ chế. Bởi vì cơ chế đó đã hoàn thiện được bộ máy giám định để phân định ranh giới giữa chính thống và phi chính thống. Trong cơ chế đó phụ họa với chính thống là "ta" khác biệt với chính thống là "địch". Một công thức giám định ngắn gọn và dễ hiểu.

Chức năng giám định về mặt lý thuyết của cơ chế cộng sản nằm trong tay các trường đảng Mac-Lenin các cấp (Gần đây được đổi tên thành học viện...).

Ban văn hóa tư tưởng chuyên giám định những biểu hiện của chính thống và phi chính thống của tư tưởng trong nội bộ cũng như bên ngoài để hoạch định sách lược đối phó thích ứng. Ngoài ra có vô số những cơ quan chức năng nhằm chính thống hóa hệ tư tưởng trong công chúng như mọi người đã biết.

Dường như ai cũng dễ nhận ra một nghịch lý trớ trêu là những tiêu chí để phân định chính thống và phi chính thống thậm chí ngay cả hệ tư tưởng được coi là chính thống càng ổn định bao nhiêu thì càng tụt hậu xa với tiến bộ xã hội bấy nhiêu. Kinh điển Marx từ một trước tác khoa học được thần thánh hóa lên thành một loại tín ngưỡng của đám đông tai hại chẳng khác gì cái vòng kim cô

trên đầu Tôn Hành Giả. Tâm lý nô lệ kinh điển, sợ đối thoại, tự dối mình và lừa người nẩy sinh một cách phổ biến.Các khoa học xã hội phải tồn tại lao đao trong bức màn sắt chính thống. Đó là lý do vì sao trong một cơ chế độc tôn hoàn thiện đến như thế lại thường xuyên phải đối phó vất vả với sự nẩy sinh ngày càng nhiều, càng mạnh của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống từ phía những người trung thực và dám có gan chịu trách nhiệm trước chính kiến của mình.

Tuy nhiên việc dị ứng với tiến bộ xã hội của cơ chế chính thống không nên cắt nghĩa giản đơn một chiều vì lý do trí tuệ mặc dù có không ít những sai lầm của cơ chế nẩy sinh từ sự dốt nát, ấu trĩ của những người cầm quyền. Nếu chỉ vì lý do trí tuệ thì cách khắc phục những sai lầm cũng thật đơn giản, nghĩa là chỉ cần tìm căn nguyên từ lý do nhận thức. Tiếc rằng trên thực tế những bài học lịch sử chua xót thường tái diễn trong hệ thống cộng sản lại không phải có căn nguyên từ lý do nhận thức. Chính vì vậy, sự phê phán hệ thống lý thuyết và cơ chế của hệ thống cộng sản từ phương diện trí tuệ là một cách tiếp cận đúng nhưng chưa đủ. Quả không ít những nhân vật lịch sử có tầm cỡ trong hệ thống cộng sản có đủ phẩm chất trí tuệ để phân định được tiến bộ và phản tiến bộ. Ngay cả những nhân vật đó vẫn cam chịu sự phản bội lại trí tuệ của mình vì sự ràng buộc của hàng loạt những mối liên hệ nhân quả phức tạp khác một khi chiếc ghế chức quyền của họ còn nhân danh chính thống.

2. Chính vì thế sự xuất hiện của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống với tư cách là đại diện cho trí tuệ, cho tiến bộ xã hội lại thường bị dập tắt vì lý do chính thống. Các cơ quan chức năng chuyên giám định tư tưởng từng nhân danh chính thống để trừng trị "bọn" gián điệp, tay sai trong nhóm Nhân Văn -Giai Phẩm (5), trừng trị "bè lũ" "xét lại chống Đảng" đứng đầu là Hoàng Minh Chính (6) (7) (8)... Đó là những vụ án tày đình còn kéo dai dẳng đến nay như công luận đã biết. Nhẹ hơn nữa thường là những án quyết về tội lệch lạc tư tưởng hoặc bị bọn xấu lợi dụng thì khó mà kể hết. Những ai đã bị cơ quan chức năng ban cho cái giám định tư tưởng "đen tối" kể trên thì nếu không vào tù ra tội thì suốt đời cũng không bao giờ ngóc đầu lên được. Đó là tiếng sét giữa thanh thiên bạch nhật, giữa trời quang mây tạnh giáng vào đầu những kẻ "ngoan cố." Đó là cái án chung thân với những bức tường nhà tù hữu hình và vô hình đối với "bọn cặn bã của xã hội." Quả thật, những ai đã trót mang án "chống Đảng" thời đó thì chẳng khác gì kẻ mắc bệnh hủi giữa cõi người. Người ta lảng tránh bọn "Nhân Văn," bọn "Xét lại" đã đành, người ta còn " tởm lợm," từ chối quan hệ với cả đám con cháu, họ hàng ruột thịt của họ. Đó chính là "sức mạnh vô địch" của chính thống trong bức tranh xã hội đen tối của chế độ cộng sản trong những thập niên trước.

Trong bối cảnh đen tối đó, dường như là một nghịch lý, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống không những không bị dập tắt vì bạo lực và quyền uy mà lại ngày càng sinh sôi nảy nở. Bọn "ương bướng gàn dở " theo nhãn quan của chính thống cứ vẫn xuất hiện và "chọc gậy" vào "bánh xe lịch sử." Từ một Phùng Quán ngạo nghễ đòi "khắc văn trên đá"... đến một Việt Phương dám dõm mặt với chính thống: "Trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ. Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ"... và sau này là hàng loạt văn nghệ sĩ phản kháng... chứng minh rằng lịch sử đã không lười biếng như những thói quen nô dịch tư tưởng. Những tiên đoán của các nhà nghiên cứu khoa học như Hà Sĩ Phu, Hoàng Ngọc Hiến, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Kiến Giang, Lữ Phương,... đã và đang trở thành hiện thực. Không còn nghi ngờ gì nữa, mặc dù thường xuyên bị cơ chế chính thống đàn áp, khủng bố, tư tưởng phi chính thống đang từng bước được chính thống hóa trong lòng xã hội Việt Nam ngoài ý muốn của những kẻ cầm quyền bảo thủ, ngoan cố.

3- Nếu như vào những thập niên 50, 60 việc nhân danh chính thống để đàn áp và thủ tiêu triệt để tư tưởng đối lập của cơ chế thống trị ở miền Bắc Việt Nam diễn ra khá dễ dàng suôn sẻ thì sau năm 75 tình hình lại không còn xẩy ra một cách đơn giản như thế nữa. Lẽ ra sau chiến thắng bằng bạo lực, cơ chế chính thống càng dễ dàng phô trương thanh thế của mình trong một đất nước không còn đối lập. Nhà cầm quyền đang thắng thế đã lặp lại phương pháp bạo lực trong việc chính thống hoá tư tưởng, nhưng lần này phương pháp bạo lực đã không giúp họ gặp may một lần nữa.Vô hiệu hóa sự tồn tại của hàng trăm ngàn quân nhân và công chức của chế độ cũ bằng lao động khổ sai và nhà tù là điều chẳng mấy khó khăn đối với kẻ thắng trận trang bị đầy vũ khí với kẻ bại trận trắng tay sau năm 1975. Tuy nhiên việc vô hiệu hóa những di sản văn hóa, những giá trị tinh thần của kẻ chiến bại lại không thể

cũng đơn giản như thế. Trên lĩnh vực này phương pháp bạo lực thô lỗ đã không đạt được mấy hiệu qủa khả quan. Sau những vụ truy cướp, thiêu hủy hàng trăm tấn sách vở, băng hình (trong đó có không ít những tuyệt tác nghệ thuật, những biên khảo khoa học có giá trị...) mà kẻ thắng trận kiêu ngạo đặt tên cho là sản phẩm văn hóa đồi trụy, cơ chế chính thống vẫn không thực hiện nỗi chiến lược diệt trừ tận gốc tư tưởng đối lập. Sự tha hóa của đại bộ phận công chức, tướng lãnh thắng trận trước những cám dỗ của cái gọi là lối sống xa hoa trụy lạc ở các thành phố lớn sau năm 1975 là dấu hiệu của những bước lùi, những thất bại rõ rệt của lối sống khắc kỷ cộng sản. Chỉ sau một thời gian ngắn, những người dân miền Bắc không những chỉ quen xài tivi, tủ lạnh, xe máy, nhà lầu, mà còn thích xài cả "nhạc nguỵ," "phim Mỹ, Hồng Kông..." Sự thay đổi lối sống sớm hay muộn sẽ kéo theo sự chuyển hóa tâm lý xã hội và ý thức hệ.

4- Sau sự sụp đổ dây chuyền của hệ thống cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô cũ, một mắt xích quan trọng trong những mối liên hệ nhân quả của cơ chế thích ứng đã bị phá vỡ. Đó là mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau trong các cơ chế chính thống cùng hệ thống cộng sản. ối quan hệ Việt - Trung "môi hở răng lạnh " đã được kết liễu trước đó bằng một cuộc chiến tranh biên giới đẫm máu. Sự kết thúc vai trò chính thống của chế độ độc đảng ở Đông Âu và Liên Xô cũ đã chấm dứt thời kỳ được nuôi dưỡng bằng viện trợ để rồi lệ thuộc về chính trị trước đây của cơ chế thống trị hiện hành ở Việt Nam. Trong cái rủi, nhà cầm quyền đã tìm được cơ may: Từ nay họ không còn bị phụ thuộc vào chính thống với tư cách là một hệ thống cơ chế thích ứng và ràng buộc lẫn nhau như trước. Khó khăn mới của họ là sự lựa chọn giữa một bên là làm thế nào để tiếp tục giữ vai trò chính thống của cơ chế một khi lý do tồn tại của nó đã cáo chung và một bên là sư mạnh dạn đoạn tuyệt với chính thống để đứng hẳn về phía tiến bộ xã hội như là một xu thế thế giới mới.

Trong bước ngoặt lịch sử đó sự lựa chọn con đường "leo dây" nước đôi của cơ chế hiện hành là một kiểu lựa chọn dễ hiểu. Một mặt họ vẫn tiếp tục phô trương nhân danh chính thống để dằn mặt khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Mặt khác họ âm thầm quay lưng lại với chính thống trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực kinh tế và ngoại giao nhằm bằng mọi giá thích ứng để tồn tại. Tuy nhiên đây là một kiểu thích ứng không sòng phẳng nên họ đã và đang bị những sự phản kháng chính đáng từ phía phi chính thống. Khác với mức độ của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm và các xu hướng phản kháng trước đây, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống hiện nay không dừng lại ở mức độ phê phán những biểu hiện tiêu cực hoặc tha hóa của cơ chế mà là tấn công thẳng vào bản chất bất hợp hiến của chế độ độc tài và độc tôn. Về văn học nghệ thuật, những tác phẩm của nữ văn sĩ đảng viên cộng sản Dương Thu Hương đã vạch trần sự sụp đổ tất yếu của ý thức hệ và cơ chế độc tài cộng sản (Xem: *Những thiên đường mù*, *Tiểu thuyết vô đề*), những nhà văn tài năng như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài... mỗi người một cách khác nhau đã góp phần hạ bệ thần tượng chính thống. Nhà hoạt động chính trị, nhân vật giữ chức vụ cao trong đảng cộng sản Trần Xuân Bách đã chính thức công bố tham luận từ bỏ lề lối cai trị độc tài để tiến tới một xã hội dân chủ đa nguyên. Nhà nghiên cứu khoa học mang bút danh Hà Sĩ Phu đã công bố chuyền tay bài báo nổi tiếng: "Cùng dẫn dắt nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ." Có thể coi bài báo này như là một sự tấn công triệt để về phương diện lý luận đối với chính thống. Trước tình hình đó các nhà lãnh đạo đã nhận ra một nguy cơ không dễ dập tắt bằng vũ lực kết hợp với vu khống như giai đoạn trước đây, đó là nguy cơ của quá trình chính thống hóa những tư tưởng phi chính thống đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên đất nước này, đặc biệt là sau sự mở cửa bang giao kinh tế với những nước vốn có quan hệ thù địch về ý thức hệ từ khi Mỹ bỏ cấm vận.

So với những thập niên trước, những án quyết của cơ quan chức năng nhân danh chính thống để chụp mũ những ai khác chính kiến hiện nay đã không tìm được sự đồng thuận của công chúng và của ngay những đảng viên trung thực trong bộ máy lãnh đạo của đảng cộng sản. Sự xuất hiện của những Nguyễn Trung Thành(7), Đỗ Trung Hiếu(9), Lê Hồng Hà(8)... đã báo hiệu sự cần thiết phải chấm dứt lối chụp mũ với những ý đồ chính trị đen tối nhưng lại nhân danh công lý, nhân danh chính thống. Câu đồng thanh của các cháu thiếu niên: "Chúng cháu lạy bác Chính ạ" lúc ông Hoàng Minh Chính bị bắt gần đây là một cách tỏ thái độ của công chúng đối với những thủ đoạn bạo lực phi lý của cơ chế. (10)

Dường như là một nghịch lý, khi chính quyền

hiện hành quay lưng lại với chính thống, trên nhiều bình diện họ đã đồng hóa và thích nghi dần những quan điểm then chốt của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Từ chiến lược ngoại giao không phân biệt ranh giới ý thức hệ đến việc thừa nhận những quy luật của kinh tế thị trường, thừa nhận nhiều thành phần kinh tế trong đó có kinh tế cá thể và chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì rõ ràng là những nguyên tắc kinh điển chính thống đã bị vô hiệu hóa. Tuy nhiên, càng xích lại gần những quan điểm chính trị của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống, nhà cầm quyền hiện hành càng tìm mọi thủ đoạn đàn áp, chụp mũ những ai công khai thể hiện chính kiến ủng hộ phi chính thống (11) (8) (9). Đó là một nghịch lý dễ hiểu. Nếu chịu khó quan sát sự thể hiện có tính đồng bộ đó trên các phương tiện truyền thông chính thống, ta sẽ thấy đi đôi với việc tưởng tượng ra kẻ thù đang dùng thủ đoạn diễn biến hòa bình là chiến dịch dần mặt khuynh hướng công khai dân chủ. Việc đẩy những đảng viên trung kiên của đảng cộng sản trước đây sang hàng ngũ " kẻ thù" vào những thập niên 50, 60 lại tiếp tục tái diễn. Trong đơn khiếu nại gần đây (18-7-1995) ông Lê Hồng Hà đã vạch trần sự gian manh "lừa dối Đảng" của những kẻ thủ phạm và đồng lõa nhân danh Đảng để trù dập một cách oan ức các đồng chí của mình trước đây cũng như hiện nay. (8) Đến đây tác giả bài viết thấy cần nhắc lại một so sánh thú vị của ông Hà Sỹ Phu: "Tôi hình dung ra một cảnh tượng như sau: Cả đoàn người đang đi trên một con đường lớn gập gềnh thì một tốp người tách ra, đi quay trở lại, vào rừng tìm hướng đi mới, vì nghe nói phía ấy có 'rừng mơ' bạt ngàn. Tốp này tuyên bố ly khai thành một phe riêng, thách thức 'ai thắng ai,' vì tin rằng mình có sứ mệnh phá con đường cũ để mọi người phải giác ngộ mà đi cả về phía 'rừng mơ.' Nhưng đường mới càng đi càng mờ mịt, càng đi về miền hoang vu. Biết mình lầm đường, những người 'da trắng' trong tốp ly khai này bảo nhau làm động tác 'Đằng sau quay' để trở lại đường cũ, và đương nhiên phải chấp nhận sự 'xáo trộn' là người đi đầu trở thành người đi cuối. Nhóm 'da vàng' của tốp 'ly khai' không chấp nhận sự xáo trộn ấy, ban lãnh đạo nhóm nghĩ ra một kế: cứ coi như đường vẫn đúng, phải giữ hàng ngũ và tiếp tục đi 'thẳng' nhưng mỗi ngày lượn cong thêm một chút, cuối cùng quỹ đạo vẫn thành vòng tròn, vẫn trở về đường cũ mà không cần 'đằng sau quay'." (12)

Như thế là đã rõ. Con đường đi đến văn minh không thuần túy chỉ cần trí tuệ. Những lý do đối đầu về ý thức hệ được thổi phồng lên một cách muộn mằn như đã thấy hiện nay của cơ chế chính thống không che giấu nổi thực chất bên trong của vấn đề. Điều đáng nói hơn là trong nhận thức của nhân dân và những thành phần cấp tiến trong bộ máy cầm quyền. Điều đáng nói hơn là khuynh hướng tư tưởng phi chính thống đang thâm nhập dưới nhiều hình thức phong phú và đang dần dần được chính thống hóa về phương diện nhận thức cũng như thực tiễn. Nỗi sợ hãi và cam chịu của nhân dân sẽ mất đi khi nào họ có một chỗ dựa mới, một quan niệm mới về tiến bộ xã hội. Đó cũng đồng thời là thời cơ cho sự thay đổi triệt để, sự chuyển hóa toàn diện của tư duy mới từ vị trí phi chính thống trở thành chính thống.

Chú thích:

1- Tôi là bác sỹ riêng của Mao. -Lý Thế Túy -(Trung Quốc). Thiện Chí từ số 26 -(3-1995).

2- Tờ trình bí mật của Krupsep về Stalin.Tủ sách nghiên cứu 1994.

3- Điều đáng chú ý là những công trình nghiên cứu về lý do cáo chung của chủ nghĩa cộng sản đáng quan tâm gần đây lại xuất hiện ở Đông Âu và Liên Xô cũ là nơi trước đây không lâu giới trí thức dường như câm lặng. Cắt nghĩa hiện tượng này nhà nghiên cứu Mihajlo Mihajlov có bài báo nổi tiếng "Tại sao chúng ta lại câm lặng?" Phan Tấn Hải chuyển ngữ. Hợp Lưu số 11-tháng 6 &7-1993.

4- Tuyên ngôn đảng cộng sản.K.Marx-F.Engels.

5- Der Prozess "Nhân văn -Giai phẩm"... Vietnam forum N2 und 3 Dezember1994-Februar 1995.

- Những hồi tưởng của một nhân chứng.16- 8/95. Hy Vọng.

6- "Vụ án xét lại chống đảng..." Trần Minh Nguyễn Thị Xuân Hòa - Hoàng Trọng Nghĩa. Thiện Chí số 27-28-1995.

7- Cuộc gặp mặt giữa Nguyễn Trung Thành và Đỗ Mười.Thiện chí số 32/9-1995.

8- Tài liệu về vụ "xét lại chống Đảng." Đơn khiếu nại của ông Lê Hồng Hà. Thông Luận 86-Tháng 10-1995.

9-Thốngng nhất phật giáo Việt Nam -Đỗ Trung Hiếu-QuêMẹ-số 133-Tháng 5&6 1995.

10.Vụ án Hoàng Minh Chính đi về đâu? (Thiện Tâm)-Kèm theo "Quyết định khởi tố bị can."(Đại tá Phạm Chuyên ký).!6-8-95 Hy Vọng.

11-Nguyễn Hộ -Tình yêu và cuộc sống.

12-Đôi điều suy nghĩ của một công dân -Hà Sỹ Phu.

(Còn tiếp)

NHÂN TRẦN ĐỘ, VỀ MỘT HƯỚNG...

TINH TIẾN

Từ rất lâu, thập niên 50, Trần Độ đã là một cái tên khá quen thuộc ở miền Bắc Việt Nam. Riêng tại Hà Nội, đặc biệt trong giới thanh niên chúng tôi, Trần Độ nổi tiếng qua danh nghĩa chính uỷ nhiều giai thoại của một sư đoàn còn nhiều giai thoại hơn nữa, sư 312 = mà người Pháp gọi là "sư đoàn thép" (la division de fer), qua nhiều bài tùy bút, ký sự đăng rải rác trên các tờ Văn nghệ, Nhân dân, qua những buổi nói chuyện thời sự, văn học. Các sinh viên tiểu tư sản chúng tôi hồi đó phải thừa nhận ông là một trong số rất ít diễn giả cộng sản hấp dẫn, phóng khoáng, dễ gần, khác với số đông còn lại: nghe lần đầu còn thấy lạ tai, hay hay, nghe đến lần thứ ba, thứ tư thì giống như ba nhát búa của Trình Giảo Kim!

Thế rồi ông tiếp tục "con đường của Bác," dọc ngang trên khắp hai miền Nam, Bắc.Còn chúng tôi đa số đều ngày càng chết cay chết đắng vì đã "chọn nhầm" vào tháng 10 năm 1954 fatal ấy, nên chẳng buồn bận tâm chuyện ông nói gì, làm gì.

Thế rồi ánh sáng bắt đầu lóe ra, không phải từ bờ Nam sông Bến Hải. Ôi chao, nơi đó nói ra chỉ thêm não can tràng, mà từ... Rồi Mùa Xuân Praha và Công đoàn Đoàn kết, rồi "Cách mạng văn hóa vô sản" và các cuộc xung đột đẫm máu bên bờ sông Ô-tô-lý, rồi Gorbachev và các chính sách Perestroika, Glasnost, và cuối cùng sự sụp đổ bức tường Berlin. Việt nam nối tiếp bằng một "cao trào tính sổ với cách mạng" nổi lên một thời gian ngắn, nhưng cũng đủ làm một đột phá khẩu cho các nhà bất đồng chính kiến sau này, trong đó...

Cuối năm 1997 tình cờ một người bạn dúi cho tôi một bài văn của người hùng Trần Độ. Chắc phải thế nào anh ta mới đưa chứ, nên tôi chịu khó đọc vậy; không ngờ, phải nói thực rằng đọc xong tôi hết sức ngạc nhiên. Ngạc nhiên không phải vì giá trị lý luận mang tính phê phán chế độ của nó; tôi hết sức vui sướng, vui sướng không phải vì thấy được một người bắt đầu khinh ghét chế độ sau khi đã toàn tâm, toàn ý cả một cuộc đời tin yêu nó.

Mà ngạc nhiên vì...

Mà vui sướng vì...

Trần Độ sinh ra trong một gia đình nông dân vùng quê Thái Bình, có lẽ cũng nghèo thôi.Ông thoát ly gia đình, tham gia hoạt động cách mạng cùng với chị ruột. Bà chị bị Pháp bắt và chết trong Hỏa Lò, gần như dĩ nhiên là chết mất xác.Bản thân ông cũng bị bắt và bị đày lên Nghĩa Lộ, Sơn La.

Một Trần Độ, cuộc đời như thế, chống Tây là quá đúng, khỏi phải lôi lòng yêu nước, yêu cái ra để tô điểm cho ông. Một Trần Độ, cuộc đời như thế, đi theo cách mạng vô sản là quá đúng, khỏi phải viện đến tình thương dân, yêu dân để quảng cáo cho cách mạng.

Trong thế kỷ 20, trên toàn thế giới này, không một lý thuyết chính trị nào, bao trùm cả thượng thiên văn, hạ địa lý, trung nhân sự, như lý thuyết cộng sản, không một lý luận chính trị nào lập luận chặt chẽ, đầy đủ, vững vàng trước các phản biện như lý thuyết cộng sản, không một lý thuyết chính trị nào dễ thuyết phục, dễ cảm hóa lòng người hơn lý thuyết cộng sản.

Biết bao nhiêu trí thức lẫy lừng tên tuổi, học vấn hàng container, từng đầu quân tự nguyện vào hàng ngũ cộng sản, một số còn mê muội đến chết không thôi. Thậm chí, ngay giờ đây, " cách mạng "đã tan tành hết rồi mà tôi vẫn cảm thấy cái mùi cộng sản ấy nơi dăm ba Việt kiều phú quý rồi nên rất dễ ngu lâu! Vậy thì nói gì đến một thanh niên nông dân ít học, tránh sao khỏi bị thu phục cả phần hồn lẫn phần xác.

Huống nữa, đằng sau Trần Độ là cuộc đời bị chà đạp, bị áp bức bởi hai tầng "Tây thực dân và Ta phong kiến." Ngoài hai thế lực trùm ớm tất cả ấy, nói của đáng tội, cũng còn một... một gì nhỉ? Nhân dân ư? Ôi chao, một hữu thể mà tính bất định còn cao hơn nhiều nguyên lý Heisenberg, vì nhân dân chính là cá nhân này và cá nhân kia, mà ta gặp lúc này và lúc kia; nó có thể tốt, có thể xấu, có thể tử tế, có thể đểu cáng, có thể lương thiện, có thể phản phúc, có thể... tuốt mo... 50 % là chí ít.

Huống nữa, hiện tại và đằng trước Trần Độ là cuộc đời lên đến những đỉnh điểm mà tuyệt đại đa số người khác nằm mơ cũng không thấy!

Năm 1997, ông già Trần Độ đã về hưu, sinh hoạt gia đình êm ấm trong một căn nhà rộng rãi, tọa lạc ở một phố thuộc loại sang nhất Hà nội.

Quá khứ thì như thế, hiện tại thì như thế, Trần Độ lại biết hơn ai hết thế nào là tổ chức đảng, là kỷ luật đảng, là lòng trung thành với đảng. Tổ chức ấy do một nhóm nhỏ mặc sức thao túng mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ một định chế thành văn nào. Lòng trung thành ấy được "cân, đong, đo, đếm"một cách rất thủ công, rất "nhà quê" bởi tổ chức ấy. Kỷ luật ấy không phải tuân thủ một thứ quy định nào trong việc quyết định hình thức trừng phạt, biện pháp chế tài: hành hạ thân xác, sống khổ nhục, chết âm thầm.... Được hết nếu cách mạng yêu cầu; rồi lại còn bố đói, vợ rách, con mất việc, cháu thất học...; quả thật không có một thứ lô-gíc nào, hình thức hay biện chứng, lại lý giải được cung đoạn cuối cùng trên con đường hành quân của Trần Độ.

Trần Độ không dừng lại ở bài viết năm 1997; tôi theo dõi thấy cụ viết ngày càng mạnh mẽ, ngày càng dứt khoát, ngày càng triệt để. Cuối cùng, ít người có thể có một khẳng định đanh thép như cụ: "Cái chế độ này nó tàn bạo hơn cả Tần Thuỷ Hoàng, dã man hơn cả Hitler! "

Thời đã đổi; thế không còn; lực hồ cạn; tổ chức đảng, kỷ luật đảng, dù có hú ba hồn chín vía Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn về phù hộ thì vẫn chẳng làm gì được ông già Trần Độ, mà thực tế vốn chẳng có một thế lực hữu hình nào để dựa dẫm. Chẳng làm được gì ngoài vài ba trò ranh chẳng khác gì phỉnh bụi, thậm chí lại còn có tác dụng phong thánh cho Trần Độ trước dư luận trong và ngoài nước. Thậm chí khi cụ đã hai tay buông xuôi, họ chỉ biết thò ra dăm mẹo vặt - tuy vặt về cường độ nhưng lại hết sức đê tiện, hết sức ngu xuẩn về tính cách, khó lòng hình dung được nơi một đảng chính trị, một nhà nước cầm quyền. Nhưng nghĩ lại cũng thấy đúng thôi, lại hay nữa là đằng khác. "Khi Thượng đế muốn kẻ nào đó bị diệt vong, người làm cho nó thành mù tịt " (Quand Jupiter veut perdre quelqu'un, il le rend aveugle).

Hay tin cụ mất, dư luận trong và ngoài nước dành cho cụ nhiều phẩm chất cao quý, như: yêu nước, thương dân, trung thực, dũng cảm, anh hùng, một lòng một dạ vì tự do hạnh phúc của dân tộc, vì hòa bình, phú cường của đất nước.

Đúng hết và đúng hết. Cụ xứng đáng được tặng tất cả những phẩm chất ấy.

Nhưng tôi vẫn cảm thấy tất cả dường như chỉ là những từ ngữ dễ dãi, áp dụng cho những bộc lộ biểu kiến trên trường hiện tượng. Dường như dưới phần nổi của những từ trên là cả phần chìm của cái động lực, của cái nguồn gốc, của cái bao quát. Những từ ấy chỉ là tên gọi cho những hành vi, những ứng xử nhất định, trong những tình huống nhất định của kiếp nhân sinh. Dường như vẫn phải lần ra một cái gì đó... cái gì... A', có lẽ "ông ta" nói đúng...

Lev Trotsky từng phân biệt ba loại can đảm.

- Can đảm thể xác (courage physique), một người lính điềm nhiên xông pha bình thản dọc ngang trên chiến trường bão lửa, mặc cho tên đạn trút như mưa khắp chung quanh, điềm nhiên bình thản như dạo chơi trong công viên hoa lá. Chúng ta ai chẳng ngưỡng mộ thứ can đảm này.Trotsky cho đó là can đảm hạng... chót. Thoạt nghe chúng ta muốn phản đối ngay, nhưng nghĩ lại mới thấy ông ta có lý đấy: một lần trên chiến trường đang gầm rú đủ loại pháo to nhỏ, một anh lính sợ quá, cuống cuồng tìm chỗ ẩn, Napoléon điên tiết bạt tai anh ta mà quát: đồ ngu xuẩn, nếu quả đạn nào đó được tiền định cho ngươi rồi thì dù ngươi có chui sâu dưới ba thước đất, nó vẫn cứ tìm ra ngươi thôi! Can đảm loại này, ít ra đây chỉ là một niềm tin, một thói quen lắp lại nhiều lần một cách đơn giản.

- Can đảm chính trị (courage politique). Chính trị, đơn giản là nghề cưỡi đầu cưỡi cổ thiên hạ. Làm chính trị thường có nghĩa là phải đương đầu không ngừng nghỉ với đủ loại âm mưu hãm hại, có đủ độ thâm độc, quỷ quyệt, tàn bạo, độc ác... được sắp đặt, tính toán không ngưng nghỉ, 24 giờ trên 24, bởi đủ loại người, thù đã đành, cả bạn nữa, sơ đã đành, cả thân nữa. Có nghĩa là trực diện với mọi cái chết, thuộc đủ loại hình, có thể xảy đến bất cứ lúc nào, giờ tý hay giờ sửu, giờ tuất hay giờ hợi. Chính trị thường có nghĩa là mưu tính, thiết kế một công trình rối ren, phức tạp, đầy bất trắc, cạm bẫy, phần thua thì nhiều, phần thắng thì ít.

Tôi ghét cay ghét đắng những mẫu người như Sadam Hussein hay Ben Laden. Họ là một bên của mối đe dọa cho sự sống còn của nhân loại - điều này thì ai cũng công nhận; còn bên kia lại, theo tôi, chính là nền văn minh đang tìm diệt họ, điều này thì chắc ít ai đồng ý. Nhưng nếu xét theo tiêu chuẩn can đảm chính trị thì cả Sadam Hussein, cả Ben Laden lại có quá thừa. Cho nên thành thực tôi khâm phục họ, mặc dù tôi ghét cả họ, cả đám quần chúng... khâm phục họ!

- Can đảm trí tuệ (courage intellectuel): tôi rất tâm đắc tư tưởng của Pascal. Cái gì cũng là thói quen hết. Thói quen còn một tên gọi gợi mở hơn nhiều là Niềm Tin. Thói quen chỉ là cơ chế sinh học của niềm tin mà nguồn gốc bất định chìm mất trong một quá khứ tù mù. Anh hay chị tin một điều gì đó, đã dành cả cuộc đời phấn đấu cho thắng lợi của niềm tin ấy. Kết quả có thể là anh hay chị được đền bù hậu hĩnh; nó đem lại cả danh, cả quyền, cả của. Thế rồi không hiểu sao một ngày nào đó anh hay chị ngộ ra rằng cái niềm tin quý hóa đó thực chất là sai bét, là láo khoét, là đáng vứt vào sọt rác.Nhưng vứt vào sọt rác trong trường hợp này cũng có nghĩa là vứt luôn cả quá khứ của mình, cả sự nghiệp của mình, cả cuộc đời của mình với đủ danh, đủ quyền vào sọt rác. Nói ngắn gọn, phủ định niềm tin đã từng phụng sự chính là tự phủ định chính mình. Mấy ai trên đời này có được cái can đảm ấy!

Nhưng cái can đảm ấy sao gọi là trí tuệ? Bởi vì nó lộ thể dưới sức đẩy của nhận thức thị, phi; thiện, ác; chính, tà. Nhận thức ấy dính dáng gì đến thói quen? Pascal đã nói rồi mà; cái gì cũng là thói quen hết, kể cả tự nhiên! Theo thuật ngữ Phật học, cái gì cũng đều là Nghiệp, là Hành, là Tư, là Chủng tử... Tất cả đều hàm dung thói quen trong yếu nghĩa.

Thực ra điều này không quá siêu hình, phi lý, hoang đường như thoạt đầu ta tưởng. Mỗi người chúng ta thử ngẫm lại bản thân cuộc đời mình mà xem, từ khi còn là xích tử - mà cả Lão tử, cả Nietzsche đều sùng bái như mô hình tuyệt vời của trí tuệ -, rồi ngày một khôn lớn, - một ma quái thì đúng hơn -, bởi vì dần dần đã ních được vào trong đầu cả kho tri thức, đúc kết trong một bảng giá trị dùng làm kim chỉ nam để hướng dẫn đường đi nước bước trong cuộc đời này. Bảng giá trị đó, bao giờ cũng phải được, tự nhiên là phải được chấp nhận bởi thân xác đặc thù. Mà thân xác đặc thù lại chính là thói quen đặc thù đầu tiên và cuối cùng của một kiếp người đặc thù.

Và kiếp người đặc thù Trần Độ; thực chất qua lời nói, việc làm của mình, cụ đã tự phủ định đời cụ trước đây. Sự tự phủ định ấy dĩ nhiên đâu đó vẫn có cái gì đó lơ mơ, chưa triệt để, nhưng cứ làm được như cụ đã là quý hóa quá rồi, đã là "của độc" rồi. Và chúng tôi thành thực ngưỡng mộ Trần Độ, không phải vì cuộc đời "đầy ắp" của tướng quân, không phải vì những đóng góp cho "nước đã có độc lập" của tướng quân, mà đơn giản vì tướng quân đã thể hiện được cái can đảm cao nhất, cái can đảm trí tuệ, trong khi những người khác...

Những người khác... Sao? thiếu gì người trong hàng ngũ bất đồng chính kiến hiện nay chẳng từng chứng tỏ cái can đảm trí tuệ ấy khi họ vứt bỏ cái chủ nghĩa mà một thời họ từng tín ngưỡng, mà một thời nhờ nó họ đã leo lên những đỉnh cao xã hội.

Thiếu gì, đúng vậy, và còn hơn cả thiếu gì, những người có cái can đảm ấy.

Nhưng sao lại nảy nòi cái can đảm ấy? Sao chỉ là " can đảm "? Sao gọi là đặc thù?

Rút cục dường như vẫn còn thiếu một cái gì đó căn bản hơn, phổ quát hơn, tối hậu hơn cái "can đảm" mà tự thân nội hàm đã tự hạn chế khuôn viên ứng dụng của nó rồi.

Nói cách khác, ông Trotsky sâu sắc thật nhưng dường như vẫn còn đó cho ta "truy cập" cái gì đó khác với cái can đảm của Trotsky, của "le démon de la révolution," theo cách gọi của các vị bolchevik chính cống.

Cái đó may thay, thời đại này, từ Đông sang Tây, lại đang khá gọi là " thời thượng." Thật vậy!

Trong nước, tôi nghe nhiều người yêu cầu "phải có cái Tâm" vào một nhận định, một phê phán của mình. Thậm chí dường như "Tâm" chưa đủ mức "phi vật chất " nên người ta năng dùng "Tâm linh" hơn! Mới ra nước ngoài "ít bữa", tôi lại được nghe chữ "Tâm" ấy ở một đôi chỗ, đôi lúc.

Các bạn trong nước hiểu "Tâm" một cách trừu tượng, như một cái gì đó vượt quá khuôn viên thời - không của cõi tục, của kiếp nhân sinh, một cách cụ thể, như một cái gì đó giúp đảm bảo một cuộc sống nhiều phúc, ít họa.

Các bạn ngoài nước có lẽ quan niệm về "Tâm" như một khuynh hướng vị tha, nhân ái, vì đại nghĩa, vì chân lý. Nói ngắn gọn, Tâm chỉ là sự chú trọng đạo đức, lý tưởng.

Cả hai cách tư duy về Tâm đều hội tụ vào cùng một điểm trên thực tiễn ứng xử qua phương châm hướng thiện, nhưng khá phân kỳ trên mặt nhận thức luận và bản thể luận.

Để minh họa cho sự khác biệt này tôi xin kể một chuyện thật: một Việt kiều trẻ, trí thức, có tên tuổi, đến thăm cụ Trần Độ.Chuyện nọ sọ chuyện kia thế nào lại dẫn đến vấn đề có hay không có linh hồn. Nhà trí thức đầy ắp khoa học và hiện đại của chúng ta "chắc" phải mỉm cười thương hại cho ông già lẩm cẩm, mê tín Trần Độ ; vì cụ rất tin linh hồn là có thật, sau một lần nhờ gọi hồn cụ đã tìm ra được chỗ chôn và bốc được hài cốt của bà chị bị Pháp giết mất tích.

Cái Tâm của một số bạn Việt kiều dường như chính là cái Tâm thấm nhuần tư tưởng Phục Hưng, tư tưởng Ánh Sáng, thường được gọi là tư tưởng Nhân bản, thuộc nền văn minh phương Tây, một nền văn minh đang "toàn cầu hóa" thế giới này.

Cái Tâm nhiều bạn trong nước thiên về mặt "thác là thể phách, còn là tinh anh", nói nôm na về cái hồn, cái vía hơn là chỉ thuần ý đạo đức, mặc dù đạo đức là phó sản (sous-produit) tất yếu của Tâm, vẫn sống sau khi sống (life after life), và thuộc về văn hóa Đông phương, lúc này đây đang bị văn hóa phương Tây - mà lộ thể tất yếu là xã hội tiêu thụ - dồn vào những mảnh đất cuối cùng, giống như người Mohican xưa kia.

Cái Tâm kiểu Tây rõ ràng là có minh bạch hơn, có sáng suốt hơn, có nhân đạo hơn cái Tâm kiểu Ta, nhưng chính nó đã không thể ngăn chặn, thậm chí trong một chừng mực nào đó có thể nói chính nó là động lực cho những cuộc chiến tranh và tàn sát mà cường độ và quy mô, chỉ riêng trong thế kỷ 20 cũng vượt quá nhiều lần cường độ và quy mô phá huỷ người và của của tất cả các cuộc chiến tranh và tàn sát trước kia cộng lại. Và nguy hiểm hơn nữa, dễ thấy hơn nữa, nó hoàn toàn không tìm ra được lối thoát, nếu không muốn nói chính nó là tác nhân của những thách thức sống còn đối với nhân loại như: ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, xung đột sắc tộc, tôn giáo, và gần gũi nhất là nạn khủng bố. Đợi chi đến... Và 9/11/01, và Bali, và Nhà hát Moscou, và không bao giờ chấm dứt, dù các cường quốc phương Tây tự trang bị những phương tiện thông tin siêu hạng, những phương tiện di chuyển thần kỳ đến đâu chăng nữa.Thậm chí càng siêu hạng, càng thần kỳ thì hồi chuông báo tử càng kế cận. Khả năng chế tạo vũ khí giết người hàng loạt không lâu nữa sẽ nằm trong tầm với và sử dụng chỉ của một nhóm nhỏ cá nhân.

Tôi rất tâm đắc với một và chỉ một nhận định này của Alain Genestar trong xã luận Guerre et Pensée trên tạp chí *Science et Vie* sau vụ khủng bố Bali. "Ngày 11 tháng 9 năm 2001, trong cảnh sụp đổ của Tòa tháp đôi, biểu tượng cho sức mạnh và cái tất định, lý luận đã thay đổi bản chất và Lịch sử đã thay đổi ý nghĩa; không còn suy nghĩ như trước được nữa về bất kỳ vấn đề nào. Cảnh hung bạo ngoạn mục của thảm kịch mà nhân loại trực tiếp sống đã đảo lộn những chuẩn mực, những biểu đồ, những quy chiếu của chúng ta, bằng cách nghiền nát ra cát bụi khả năng tưởng tượng, tiên đoán và nhận diện của chúng ta về tương lai khả dĩ của thế giới này."

Nói ngắn gọn, cái Tâm kiểu Tây ấy từ lâu đã coi thường, đã quên đi lời dạy của người Thầy vĩ đại nhất của...Tây, Pascal: "Câm mồm lại, đồ lý trí vô năng, khấu đầu xuống, quân dốt nát bẩm sinh, và hãy lắng nghe Thượng Đế " (-Tais-toi, raison impuissante, humilie - toi, nature imbécile et écoute Dieu!)

Dù sao cái Tâm kiểu Tây ấy quả thật vẫn có một cái gì đó thực sự nhân đạo, chứng cớ là chính nó đã ủng hộ tích cực nhất, hữu hiệu nhất cho cuộc đấu tranh vì dân chủ và tự do. Đơn giản bởi vì chính nó cũng là một dạng lộ hình, dù có bị khúc xạ.

Còn cái Tâm kiểu Ta, thành thực không phải vì tôi là ta mà vơ vào cho ta, tôi xác tín rằng nó có một số ưu điểm so với của Tây, chí ít thì cũng ở chỗ nó vượt quá được sự trói buộc của "logique des solides," nó nhìn ra được cái mà cả kính hiển vi điện tử, cả kính viễn vọng Hubble đều không thấy. Nhưng chính nó cũng như phản tỉnh của Trần Độ vẫn chỉ là một dạng lộ hình thế tục của... cái Tâm tối hậu, cái Tâm ôm trọn cả trời, cả đất. Nói rõ hơn, cả trời cả đất chỉ là sự phóng xuất điều kiện hóa của cái Tâm. Do đó cả Thượng đế và Satan, cả Roosevelt và Hitler, cả Tưởng Giới Thạch và Mao Trạch Đông, cả Trần Độ và Lê Đức Thọ, ... tất cả đều có chung một cái Tâm; trên phương diện bản chất tuyệt đối, nhưng vẫn khác nhau như sự phóng xuất bị điều kiện hóa trên phương diện hiện tượng tương đối. Chính vì thế mà gọi là Đặc Thù.

Hướng về cái Tâm tối hậu, tối thượng ấy; tin tưởng tính hiện thực của nó, phá bỏ chín tầng địa ngục giam hãm nó, đó là mục tiêu duy nhất mà nhân loại cần thành tựu. Hãy tạm thành tựu những mặt lộ thể tương ứng với yêu cầu của xã hội công dân như các trường hợp Trần Độ, Nhóm Dân chủ và tương tự trên đất nước ta.

Nói cụ thể, chúng tôi thừa hiểu rằng cuộc đấu tranh cho dân chủ và tự do, trên trường hiện tượng, tức là trên thực tế thế tục, không thể tiến hành trong đám tinh vân tư biện của cái Tâm tối thượng mà vẫn cần thực hiện trong ánh sáng của cái Tâm kiểu Tây.

Các bạn, những người kính mến tướng quân Trần Độ, đã làm như thế và chắc chắn sẽ vẫn làm như thế.

Tưởng niệm Trần Độ, chúng tôi nêu ra vài ý kiến, vì nghĩ đến cái phải tính đến ngay từ bây giờ cho giai đoạn "sau Trần Độ."./.

GIỚI TÀI PHIỆT TRONG ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG HOA

Joseph Kahn *(NewYork Times, October 10th, 2002)*
N. H. V. *chuyển ngữ.*

Sau hai thập niên với những biến chuyển về chính trị, đảng cộng sản Trung Hoa, vốn được xem như là chính đảng khuynh tả cuối cùng trên thế giới, đã dần dàtự thay đổi trở thành một chế độ độc tài khuynh hữu duy nhất còn sót lại.

Trong lịch sử dài 81 năm, tại đại hội đảng lần thứ 16 kỳ này quốc hội đã tự sửa đổi lại hiến pháp và tuyên bố rằng đảng cộng sản tượng trưng cho những "lực lượng tiến bộ," những lực lượng này gồm giới tư bản và giới lao động lẫn nông gia. Một số người Tầu thuộc thành phần giàu có cũng đã gia nhập đảng cộng sản và rất có thể một vài người sẽ được vào Trung ương đảng, có quyền góp phần vào việc soạn thảo đường hướng chính sách cho đảng.

Hành động này cho thấy đảng cộng sản Tầu, từ một xã hội chủ nghĩa kể từ cuối thập niên 70 đã có những thay đổi rõ ràng về chính sách kinh tế. Đường lối chính trị độc tài của tầng lớp vô sản đã thất bại, thay vào đó, đảng cộng sản đã để cho giới tài phiệt có khuynh hướng tư bản một cơ hội để thử nghiệm những chính sách mới về kinh tế.

Chủ tịch đảng, ông Giang Trạch-Dân, người dự định về hưu sau lần nhóm họp quốc hội này, hôm thứ sáu vừa qua đã chính thức khai tử những chiêu bài của chế độ xã hội chủ nghĩa bằng một tuyên bố trước quốc hội đảng như sau, "*Tất cả những lợi tức người dân làm ra một cách hợp pháp đều được bảo vệ, dù rằng lợi tức đó có do sức lao động hay không.*"

Nếu trong quá khứ giới lao động bần cố nông được nhà nước bảo vệ chống lại thành phần tư bản thì khuynh hướng hiện tại đã đổi khác. Giang Trạch-Dân tuyên bố, "*Những quyền lợi căn bản về tư hữu của người dân trong nước đều hoàn toàn giống nhau.*"

Chủ tịch họ Giang đã lập đi lập lại rằng chính sách mới này là một ván bài chính trị có tính toán của đảng cộng sản Tầu nhằm chạy theo và bắt kịp những đổi mới của thời đại,

bằng cách bắt chước chính sách kinh tế cởi mở của những nước có chế độ chính trị chuyên chế như Nam Hàn, Đài Loan, Chí Lợi. Đảng cộng sản Tầu cũng không cảm thấy lo ngại gì khi thấy những nước này đã từ từ chuyển thành những chế độ dân chủ. Họ lý luận rằng Nam Hàn và Đài Loan phải cần 30 năm để dân chủ hóa cơ chế chính trị, trong khi đó Tầu mới bắt đầu đây thôi.

Chính sách mới này của Tầu thực ra có thể thành công trong một giai đoạn, bằng chứng là tổng sản lượng của Tầu năm nay đã gia tăng tám phần trăm, nhanh hơn tất cả những nước lớn khác, và nền kinh tế tư hữu hóa do tư nhân thay vì nhà nước quản trị đã là một động lực chính của sự tăng gia sản xuất này. Chỉ còn lại khoảng một phần ba số tổng sản lượng là sản phẩm quốc doanh thuộc quyền quản trị của nhà nước.

Những nước ngoại quốc năm nay đã đầu tư tiền tệ vào Trung Hoa nhiều hơn tất cả những nước khác, kể cả Hoa Kỳ. Sở dĩ tiền ngoại quốc đổ xô vào như thế là tại vì đảng cộng sản Tầu đã dùng quyền lực tuyệt đối trong việc tạo ra những cơ hội làm ăn thuận lợi cho đồng tiền đầu tư của giới tư bản.

Những công ty cơ xưởng tại Quảng Đông và Thượng Hải có thể mướn người làm việc tại những vùng hẻo lánh xa đô thị với số lương khoảng dưới 100 đô la mỗi tháng, trung bình làm việc 12 giờ mỗi ngày. Những di dân lao động này chỉ được phép ở tạm trong thành phố khi nào họ còn có việc làm. Vì không có giấy phép cư trú tại đô thị, họ chẳng có trong tay một thứ quyền hạn công dân nào. Chính phủ không cho phép sự thành lập nghiệp đoàn lao động, và vì thế, giới lao động không có quyền đình công để đòi tăng lương.

Thuế đánh trên những đại công ty tương đối thấp. Giới giàu có mới chỉ bắt đầu đóng thuế lợi tức. Hầu hết số thuế thu được đã được nhà nước sử dụng vào những mục tiêu hạ tầng cơ sở như xây cất đường xá cầu cống, xe lửa tốc hành, liên trạm viễn thông, phi trường và hải cảng để vận tải hàng hóa. Kế hoạch xây cất này tốn hàng tỉ Mỹ kim mỗi năm. Chính phủ Tầu cũng đã có những dự án có tính cách "chơi nổi và đánh bóng" như việc tung ra 600 triệu Mỹ kim để xây cất một trung tâm vô tuyến truyền hình và những đại hí viện hát cải lương Hồ Quảng tại Thượng Hải và Bắc Kinh. Ai xây những công trình kiến trúc này? Kiến trúc sư nổi tiếng mướn từ Âu Mỹ.

Nước Mỹ vẫn được xem là một anh nhà giầu nhưng khá bủn xỉn trong việc chia ngân khoản

chi tiêu về trợ cấp xã hội và dịch vụ về y tế dành cho người dân, nhưng nếu tính theo phần trăm sản lượng kinh tế thì Tầu không thể so sánh với Mỹ về mặt này. Nói một cách khác, nước Tầu không biết tìm cách san sẻ cán cân chênh lệch về lợi tức giữa người giầu và người nghèo. Nước Tầu càng tiến triển về kinh tế thì sự khác biệt giữa giới giầu và giới nghèo lại càng trầm trọng.

Sự bất công bằng này đã làm phe bảo thủ kỳ cựu cũng như những nhà trí thức Tầu lên tiếng báo động. Ông Bảo Đồng, một đảng viên cao cấp bị mất chức trong vụ đàn áp tại Thiên An Môn năm 1989, đã viết một bức thư chỉ trích nặng nề chủ tịch họ Giang khi thấy ông này có khuynh hướng chạy theo ve vuốt giới tài phiệt tư bản. Ông viết,

"*Việc này có hàm ý rằng đảng đã thú nhận một sự thật ít khi được tiết lộ và đồng thời cũng là một sự tuyên bố rằng mục tiêu của đảng cộng sản là chỉ để phục vụ những kẻ có tiền bạc và quyền hành.*"

Những người khác chỉ trích rằng việc cho giới doanh nhân gia nhập đảng sẽ đem lại những sự chậm trễ trong việc thay đổi nhãn quan chính trị của đảng, một điều đang lúc cần thiết. Ông Khang Hiếu-Quang, một học giả tại trường đại học khoa học xã hội Trung Quốc, đã viết, "*Giới làm ăn giầu có họ thích tiền chứ họ có để ý gì đến giá trị của ý niệm dân chủ đâu.*"

Nhiều người có cùng một suy nghĩ như ông Khang. Tuy nhiên, tờ báo ông Khang viết cũng như những tờ báo chỉ trích chế độ khác đã bị Chủ tịch Giang hạ lệnh đóng cửa khi thấy những tờ báo này chỉ trích chính sách thay đổi của ông.

Chủ tịch Giang Trạch-Dân không đồng ý rằng đảng cộng sản đã bỏ rơi thành phần bần cố nông. Ông cho rằng Trung Hoa hiện đang ở trong giai đoạn "khởi đầu của xã hội chủ nghĩa." Theo suy nghĩ của ông, trong tương lai khi mà sự cách biệt giữa hai giới giầu nghèo trở nên quá trầm trọng thì giới vô sản có thể nổi loạn đạp đổ thành phần hữu sản. Nhưng chuyện này khó có thể xẩy ra trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, một giai đoạn tự nó có thể kéo dài cả trăm năm. Chế độ tư bản phải được bành trướng mạnh tại một quốc gia trước khi nó có thể bị lật đổ. Có thể tạm xem đây là một hình thức chủ nghĩa Mác-Lê theo kiểu nhỏ giọt.

Lối suy nghĩ như ông Giang Trạch-Dân làm một số người e ngại. Họ cho rằng đảng cộng sản Tầu có ý muốn bắt chước đường hướng chính trị độc tài đang xẩy ra tại Nam Hàn và Đài Loan, nhưng nếu không khéo thì rất có thể Trung Hoa sẽ đi vào vết bánh xe cũ của Phi-Luật-Tân dưới thời tổng thống Marcos hay Nam Dương dưới chế độ của Suharto. Hai ông này đã muốn thống trị xứ sở bằng quyền lực chuyên chế độc tài và cùng một lúc muốn tư bản hóa nền kinh tế của quốc gia. Hai ông này đã thất bại vì tham nhũng thối nát và nền kinh tế đình trệ từ chính sách của họ.

Để tránh một tình trạng tai hại như vậy, Trung Hoa cần phải thi hành những biện pháp để nâng đỡ thành phần nghèo và giảm thiểu cách phục vụ giới giầu có. Giáo sư Thôi Trí Viên, một giáo sư khoa học chính trị tại Đại học Massachusetts, đã quan niệm như thế. Ông hiện thời là giáo sư thỉnh giảng tại viện đại học quốc gia Singapore.

Giáo sư Thôi nói, "*Chế độ này ưu đãi một thành phần và bạc đãi tất cả những thành phần khác. Chỉ trừ phi Trung Hoa tạo ra được một tầng lớp trung lưu thực sự, còn nếu không thì bản chất nó cũng chỉ là một chế độ tư bản độc tài.*"

Ông nói thêm rằng thử thách lớn của đảng cộng sản Tầu dưới sự lãnh đạo của một nhân vật ít ai biết, ông Hồ Cẩm Đào, là ông này phải làm sao có khả năng phân phối và chia xẻ một cách đồng đều nguồn lợi tức đang gia tăng của quốc gia. Nhà nước cần phải chi tiêu thêm về vấn đề y tế tại những vùng thôn quê, trợ giúp tài chính cho người nghèo ở vùng sa mạc phía đông, đẩy mạnh vấn đề học vấn và tìm cách trợ giúp tái huấn luyện những nhân viên bị sa thải vì guồng máy kinh tế quốc danh lỗi thời.

Giáo sư Thôi dẫn chứng lý luận của ông bằng một ví dụ thống kê: để khuyến khích việc xuất cảng sản phẩm nội địa, Trung Hoa đã phải chịu để mất đi một số thuế lớn đáng lẽ phải được đánh thuế trên hàng xuất cảng. Số thuế này lớn hơn tất cả những chi tiêu của chính phủ dành cho những chương trình an sinh xã hội.

Chế độ cộng sản Tầu vì thế có thể xem là chế độ tư bản trá hình của nhóm lãnh tụ chóp bu chễm chệ ngồi ở trung ương. Nhóm tài phiệt già cá mè một lứa này tin rằng sự thay đổi chính sách này sẽ đem lại công ăn việc làm cho hàng triệu người Tầu thất nghiệp ở những vùng đô thị cũng như hàng bao nhiêu triệu người Tầu nghèo xác xơ sống ở những vùng thôn dã hẻo lánh, đang tìm cách về đô thị để kiếm ăn và để cải thiện đời sống.

Nếu chính sách này thành công, thì quyền lực thống trị của đảng cộng sản Tầu sẽ vẫn còn nguyên vẹn đâu vào đấy. Đây là viễn tượng của một nước Trung Hoa tương lai trong đó chứa đựng tất cả mọi thứ, chỉ trừ hai chữ **dân chủ.**

(Lời người dịch: tài phiệt cá mè một lứa tạm dịch từ chữ crony capitalists. Crony có nghĩa là ông bạn già cố cựu.)

CÔNG NGHIỆP CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI NGÔ, ĐINH VÀ TIỀN LÊ
hay
VĂN MINH VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ THỨ MƯỜI

PHẠM CAO DƯƠNG

Ba triều đại Ngô (939 – 965), Đinh (968 – 980) và Tiền Lê (980 –009) là ba triều đại đầu tiên trị vì nước Việt Nam độc lập sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc. Ngoại trừ các chiến thắng quân sự, ba triều đại này ít được những người học sử chú ý tới, hay chú ý tới với nhiều ngộ nhận, vì cả ba cộng lại chỉ nắm vai trò lãnh đạo ở nước ta trong một thời gian quá ngắn ngủi là hơn bảy chục năm, lại ở buổi giao thời, loạn lạc triền miên. Tuy nhiên, nếu đi sâu hơn vào chi tiết, người ta có thể thấy ba nhà này đã đóng góp được những công trình vô cùng quan trọng vào vận động giải phóng chung, toàn bộ và thực sự, tiếp theo chiến thắng quân sự trên sông Bạch Đằng, của người Việt. Chính trong thời gian này ý chí độc lập của người Việt đã được khẳng định. Mọi mưu toan trở lại thuộc địa cũ của người Tàu đều đã bị đánh bại hoặc bằng quân sự hoặc bằng ngoại giao. Một chánh quyền thống nhất, dù chưa được hoàn hảo, đã được thành lập và củng cố. Các khuynh hướng cát cứ ở các địa phương đã bị tiêu diệt dần dần. Quốc gia Việt Nam sau thế kỷ thứ mười đã thực sự thành hình trong đó toàn bộ sinh hoạt, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội đã phát triển theo chiều hướng hoàn toàn độc lập. Tất cả đã tạo nên những nền tảng vững chắc cho bốn thế kỷ vinh quang dưới hai triều đại Lý Trần kế tiếp. Bài viết này nhằm cung cấp cho người đọc, đặc biệt là giới trẻ, những nhận định về công nghiệp của ba triều đại đầu tiên của nước Việt độc lập này. Tất cả đã xảy ra cách đây hơn mười thế kỷ nhưng không phải là không còn để lại những dấu ấn sâu đậm trong nếp sống và trong nguồn hãnh diện chung của người Việt của thế kỷ hai mươi mốt hiện tại. Nó cũng cho người ta thấy rằng giành độc lập và tự chủ bằng những chiến thắng quân sự mới chỉ là bước đầu, nhiều nỗ lực khác khó khăn hơn , phức tạp hướng vào chính mình và nhằm đối phó ngay với chính mình cần phải được thực hiện cấp thời và liên tục.

Khẳng định nền độc lập và bảo vệ an ninh lãnh thổ

Khác với họ Khúc và họ Dương, không bằng lòng với danh vị tiết độ sứ là một chức quan của nhà Đường, Ngô Quyền đã xưng vương, tự coi mình là vua của một nước độc lập. Đinh Tiên Hoàng sau đó lại tiến xa hơn, xưng Đế và lựa niên hiệu riêng cho mình thay vì dùng niên hiệu của vua Tàu và đặt quốc hiệu. Đây là một quyết định chánh trị đầu tiên và căn bản cho một nước Việt Nam độc lập với Trung Quốc về sau này. Sự xưng vương hiệu và đế hiệu này chắc chắn không thể không thấu đến tai của triều đình Bắc Quốc và cũng không thể không ảnh hưởng đến ý thức của người dân. Nó đã được triều đình nhà Tiền Lê làm theo, với Lê Đại Hành được tôn xưng bằng một đế hiệu thật dài, rồi Lê Long Đĩnh bắt chước. Cũng vậy, quốc hiệu Đại Việt, đã tồn tại rất lâu về sau này, không thể không có liên hệ với quốc hiệu Đại Cồ Việt của thời nhà Đinh. Chưa hết, thay vì đóng đô ở Tống Bình tức thành Đại La, thủ phủ của Giao Châu thời Bắc thuộc trước đó, Ngô Quyền đã lựa chọn Cổ Loa, kinh đô cũ của nước Âu Lạc trước khi bị Triệu Đà xâm lược. Quyết định này đã được nhiều sử gia của thời hiện tại coi như là để tỏ ý tiếp tục quốc thống của An Dương Vương thời xưa.[1] Tuy nhiên, tất cả chỉ là trên lý thuyết. Trên thực tế, vì Đại Cồ Việt là một quốc gia mới được thành lập, còn rất non yếu, lại là một nước nhỏ so với Trung Quốc, các vua Việt Nam ngay từ thời này đã phải chấp nhận một vị thế thấp kém trong chánh sách ngoại giao với Trung Quốc. Nam Tấn Vương đã phải sai sứ sang xin mệnh lệnh của nhà Nam Hán và nhận sắc phong làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ. Nhà Đinh và nhà Tiền Lê cũng theo đường lối tương tự, khác một điều là các vua của

hai nhà này đã được nhà Tống phong vương. Cũng trên thực tế, mỗi khi gặp dịp cho là thuận tiện, Trung Quốc đều tìm cách dùng võ lực tái lập chế độ đô hộ của nước này trên Cổ Việt. Đối với những mưu toan này, khởi sự từ Lê Đại Hành, người Việt đã cương quyết chống lại và đã thắng lợi. Phản ứng bằng quân sự này cũng được áp dụng đối với người Chiêm Thành nhằm bảo vệ an ninh lãnh thổ về phía nam. Có điều dù cứng dắn hay mềm dẻo, các vua Việt Nam ngay từ buổi đầu vẫn chỉ coi nước Tàu là một Bắc Quốc và nước mình là Nam Quốc, độc lập và bình đẳng.

Chánh sách bang giao đối với Trung Quốc của các triều Ngô Đinh và Tiền Lê kể trên đã tạo nên một quan hệ truyền thống độc đáo giữa hai nước về sau này, trong đó một bên vẫn giữ được thể diện của một nước lớn, một bên vẫn giữ được trọn vẹn nền độc lập của một nước nhỏ và phần nào uy thế đối với các nước lân cận nhỏ hơn. Có điều nó đã giữ Việt Nam trong quĩ đạo của Trung Quốc và đã biến Trung Quốc thành một bóng rợp quá lớn, có ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển của nước ta về sau này, đặc biệt là khi sự thần phục lan rộng từ nhu cầu chính trị và ngoại giao sang các phạm vi về tinh thần, văn hóa...

Xây dựng một chánh quyền quân chủ thống nhất

Nỗ lực này được thể hiện bằng sự kiến tạo một triều đình trung ương có qui củ, một chính quyền địa phương có hệ thống và sự loại trừ khuynh hướng ly khai, cát cứ, kể cả việc giữ các sắc tộc thiểu số trong sinh hoạt chung của cả quốc gia.

Ngô Quyền đã đặt ra các quan chức ở kinh đô, định phẩm phục cho họ và đặt ra các nghi lễ liên hệ tới các sinh hoạt ở triều đình. Công trình này đã được Ngô Sĩ Liên, tác giả *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* cho là "có thể thấy được qui mô của đế vương."[2] Các triều Đinh và Tiền Lê khi định đô ở Hoa Lư cũng làm những công việc tương tự bên cạnh việc xây thành, đào hào, dựng các cung điện.Tất cả đều là những nỗ lực hoàn toàn mới, không có trước đó ở Tống Bình và độc lập với triều đình nước Tàu dù cho hiện tại ta không có đủ tài liệu để tìm hiểu chi tiết hơn, đúng như Phan Huy Chú đã than phiền[3], và dù cho tất cả còn ở mức khởi đầu, nói cách khác còn đơn sơ, giản dị và còn chịu ảnh hưởng quá nhiều, nếu không nói là bắt chước, từ quan chế của nhà Đường trước đó (thời nhà Đinh) và của nhà Tống sau này (thời nhà Tiền Lê, đặc biệt là Lê Long Đĩnh).

Trong tổ chức chính quyền địa phương, các nhà Ngô, Đinh, và Tiền Lê đã được thừa hưởng những công trình của họ Khúc trước đó. Theo sách *Cương Mục* của nhà Nguyễn, thay vì giữ nguyên sự phân chia lãnh thổ ra làm *châu, huyện, hương, xã*, như thời trước, Khúc Hạo đã chia làm *xứ, lộ, phủ, huyện, châu, xã*.[4] Còn theo *An Nam Kỷ Yếu*, ông đã đổi hương làm giáp, đặt các chức quản giáp và phó tri giáp đứng đầu để giữviệc đánh thuế.[5] Con số các giáp cũng được tăng lên tới 314 giáp so với 159 hương đời Đường.[6] Đơn vị hành chánh thấp nhất là xã có các chức *chánh lệnh trưởng, tá lệnh trưởng* đứng đầu và chức giáp trưởng lo việc thiết lập các sổ sách dân đinh.

Dưới thời nhà Đinh, nước lại được chia thành 10 *đạo* nhưng ta không rõ tên của các đạo và những đơn vị hành chánh dưới cấp đạo, có thể là lộ, phủ, châu, và xã vì dưới thời Lê Đại Hành nhà vua này đã đổi 10 đạo thành *lộ, phủ và châu* vào năm 1002, với đơn vị nhỏ hơn là xã thường được nói tới trong thời gian này Cũng vậy, ta không được rõ là giữa các đạo trong tổ chức hành chánh và các đạo trong tổ chức quân sự (*thập đạo* trong *thập đạo tướng quân*) có liên hệ gì với nhau hay không. Câu hỏi dược đặt ra là phải chăng do nhu cầu quân sự các đơn vị hành chánh ở cấp đạo đồng thời cũng là các đơn vị quân sự? Cũng vậy, phải chăng sang thời nhà Tiền Lê tình hình cũng đã khá hơn, triều đình trung ương đã giữ vững được sự cai trị ở các địa phương nhờ sự trấn giữ của các vương tử nên nhu cầu quân sự không còn nữa, các đơn vị hành chánh địa phương đã trở nên thuần túy hành chánh khiến Lê Đại Hành đã đổi đạo thành lộ, phủ và châu?

Song song với tổ chức chánh trị và hành chánh, quân đội luôn luôn được duy trì và sử dụng để triệt hạ những mưu toan phân ly của các hào trưởng địa phương buổi đầu và các sứ quân sau này. Cũng vậy, đối với các sắc dân thiểu số, điển hình là dân của 49 động thuộc vùng Hà Động và của dân Mán Cử Long ở Ái Châu, thời Lê Đại Hành và Lê Long Đĩnh. Nỗ lực giữ các sắc dân thiểu số này trong sinh hoạt quốc gia và trong vùng ảnh hưởng của triều đình trung ương sẽ được tiếp tục dưới thời nhà Lý. Điều cần được lưu ý là song song với biện pháp dùng võ lực, sự liên kết bằng hôn nhân cũng đã được sử dụng. Trần Thăng, em Trần Lãm, đã trở thành rể của họ Đinh, còn Ngô Nhật Khánh thì đã trở thành phò mã với mẹ

trở thành hoàng hậu và em trở thành vợ của Đinh Liễn, dù là trường hợp sau này mang nặng tính cách cưỡng ép.[7] Cuối cùng, cũng nhằm mục tiêu thống nhất lãnh thổ, các vua nhà Tiền Lê đã cho đào sông, đắp đường. Những công trình này đã được trình bày trong phần nói về Lê Đại Hành và Lê Long Đĩnh.

Phát triển sinh hoạt quốc gia và văn hóa dân tộc

Sinh hoạt mang tính cách quốc gia thời Ngô, Đinh và Tiền Lê là những hậu quả đương nhiên của những nỗ lực củng cố độc lập và xây dựng chính quyền quân chủ thống nhất ở nước ta trong buổi đầu của thời độc lập. Mặc dầu các tài liệu các nhà sử học hiện tại có thể sử dụng được không là bao nhiêu, nhưng đại cương người ta có thể khẳng định là sinh hoạt này đã thực sự tồn tại tuy còn mang những tính chất đơn sơ của những ngày đầu độc lập và thô bạo của thời kỳ đánh đuổi quân xâm lược cũng như diệt trừ các mưu toan chống đối và ly khai ở trong nước. Các vua mặc dầu đã xây dựng cung điện, định triều nghi, đặt trăm quan... nhưng Cổ Loa rồi sau này là Hoa Lư chưa đạt được tầm vóc của một kinh đô thực sự cho một quốc gia có một lãnh thổ riêng dù là còn giới hạn như Cổ Việt đương thời. Đó chỉ là những địa điểm tạm thời được lựa chọn vì có liên hệ quá khứ xa xưa của dân tộc hay là nơi phát xuất của người sáng lập ra triều đại với những vị trí phòng thủ có tính cách chiến lược trong khi thiếu hẳn những vị thế kinh tế và văn hóa của Thăng Long sau này. Những công trình xây cất cũng vậy. Tống Cảo, viên sứ nhà Tống được cử sang triều đình Hoa Lư vào năm 990, đã nói tới phủ thự thấp thỏi, hẹp hòi và cái tháp thô kệch của Lê Đại Hành cũng như tính cách nặng về quân sự của kinh đô thứ hai của nước Việt độc lập về sau này.[8] Nhưng điều ta cũng phải để ý là cũng chính từ đó mà non mười năm trước quân dân Việt đã được điều động để đánh thắng chính quân nhà Tống ở xa tận ải địa đầu Chi Lăng và cũng chính từ đó mà Lê Đại Hành đã sai chỉ huy sứ của mình là Đinh Thừa Chính đem thủy quân sang tận Thái Bình Quân, một địa điểm thuộc tỉnh Quảng Đông bây giờ, để đón sứ bộ của Tống Cảo.[9]

Cuộc sống ở nơi kinh đô trong buổi đầu còn mang nhiều sắc thái mâu thuẫn. Bên cạnh những chứng tích của ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa như từ ngữ *thiên tử* trong danh xưng *thiên tử quân* thích trên trán của các quân sĩ của Lê Đại Hành, các tên được dùng để gọi các cung điện như *Phong Lưu, Tử Hoa, Bồng Lai, Cực Lạc*...., một số các danh hiệu dùng cho các hoàng hậu... vẫn còn tồn tại những lối sống hồn nhiên, không lễ nghi trói buộc của người miền Nam như cha con cùng uống rượu say nằm ngủ đến nỗi bị thích khách vào tận cung giết chết như trường hợp của Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn. Cũng vậy, với việc Đinh Tiên Hoàng đặt vạc dầu ở trong sân, nuôi cọp ở trong cũi để ra uy với mọi người, việc Lê Đại hành sai đem đến sứ quán, nơi Tống Cảo tạm trú, một con rắn lớn và nói nếu sứ giả ăn được thì sẽ làm thịt để thết, kèm theo hai con hổ.[10] Sau này, dưới triều Lê Long Đĩnh, triều đình Hoa Lư cũng là nơi diễn ra những chuyện vui vẻ, hồn nhiên nhưng thiếu nghiêm chỉnh như dùng những tên hề đứng hầu để làm trò cười nhằm đánh lạc lời tâu bày của các quan, ăn thịt mèo, thằn lằn, rắn mối. Nói như Tạ Chí Đại Trường thì rõ ràng các món ăn nằm trong thực đơn của thời đại đã nằm trên bàn ăn của cả từng lớp quyền quí, có tột đỉnh quyền hành mà sinh hoạt không xa quần chúng là bao nhiêu. [11] Nhưng ta cũng cần phải nói thêm là giữa tầng lớp lãnh đạo và quần chúng bình dân vẫn còn những gì thực sự gần gũi, những gì gọi là quyền quí chưa thực sự hình thành. Sức mạnh của người Việt nằm ở điểm này.

Trong những ngày đầu, sinh hoạt quốc gia phần lớn đều nằm trong tay các lãnh tụ quân sự. Những người này phần lớn cũng là những nhân vật đã theo giúp các vua từ trước khi lên ngôi hay có liên hệ quyến thuộc với các vua. Các hoàng tử cũng được trao phó cho những nhiệm vụ quan trọng. Đó là trường hợp của Dương Tam Kha thời Ngô Quyền, Đinh Liễn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn thời Đinh Tiên Hoàng, các con của Lê Đại Hành... Giới trí thức chỉ đóng vai trò khiêm nhượng xuyên qua các tu sĩ Phật giáo hay các đạo sĩ của Đạo giáo. Các vị này như đã nói ở trên đã được phong tước hiệu. Riêng các tu sĩ Phật giáo đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đón tiếp các sứ Tàu như trường hợp các Sư Đỗ Pháp Thuận và Khuông Việt. Các nho sĩ Khổng giáo không thấy được các sử cũ nói tới. Ảnh hưởng của học thuyết này trong quan niệm và tổ chức chính quyền còn rất mờ nhạt, nếu không nói là không có. Chính vì vậy mà các nhà Nho sau này như Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Vua Tự Đức... đã nặng lời chỉ trích chính sự của các triều Đinh và Tiền Lê theo quan điểm Nho giáo.[12] Điều này

chứng tỏ rằng người Tàu trong suốt hơn một ngàn năm đô hộ đã không thực sự làm công việc truyền bá văn hóa của họ cho người Việt.[13] Cái học nếu quả là có từ thời Sĩ Nhiếp thì chỉ nhằm vào con cháu các quan lại Tàu được cử sang đô hộ trong những thời gian ngắn để duy trì văn hóa Tàu cho chính họ, hầu họ không mất gốc, để sau đó lại trở về Tàu hay nếu nhằm vào người bản xứ thì chỉ là để đào tạo những kẻ thừa hành, những lại thuộc mà thôi. Nói theo Ngô Tất Tố, đó " chỉ là học để giao thiệp với người Tàu, không phải học để thâu thái văn hóa của ho."[14] Điều này có thể được minh chứng qua sự vắng mặt của các trí thức Nho giáo sau Lý Cầm, Lý Tiến và anh em Khương Công Phụ..., trong suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, ngoại trừ Tinh Thiều thời nhà Tiền Lý. Có lẽ vì không có người bản xứ nên Lê Đại Hành đã phải dùng Hồng Hiến, một người Tàu thông hiểu kinh và sử làm thái sư.[15] Sự kiện này cùng với việc Lê Long Đĩnh sai em là Minh Xưởng và chưởng lý là Hoàng Thành Nhã sang sứ nhà Tống vào năm 1007 xin cửu kinh của nhà Nho và kinh Đại Tạng của nhà Phật [16] chứng tỏ các kinh sách của cả hai nhà Nho và Phật bằng chữ Hán đã không được hay ít ra là ít được phổ biến ở nước ta trước đó. Cũng thuộc về sinh hoạt ở triều đình, Lê Đại Hành đã bắt đầu cử hành lễ tịch điền ở Đội Sơn vào năm 987, đồng thời từ năm 985 cho tổ chức sinh nhật của mình với tục làm núi giả bằng tre ở trên thuyền gọi là Nam Sơn[17] và tổ chức thi bơi thuyền từ năm 985. Những lễ này đã được các triều đại sau kế tục.

Hoàn cảnh loạn lạc, chết chóc triền miên của buổi đầu của thời độc lập như được miêu tả qua hai câu sấm

Cạnh đầu đa hoành tử]
Đạo lộ tuyệt nhân hành.
Tranh nhau nhiều kẻ chết
Đường xá người vắng tanh.[18]

tiếp theo là những biến động ở triều đình Cổ Loa, rồi Hoa Lư không thể không có ảnh hưởng quan trọng đối với cuộc sống của người dân. Tình trạng "thập ác vô nhất thiện,"[19] sự mất tin tưởng vào giới lãnh đạo do những tranh chấp ngay giữa cậu cháu (Dương Tam Kha và các con của Ngô Quyền), giữa anh em (Ngô Xương Văn và Ngô Xương Ngập), giữa các sứ quân, rồi sau này giữa các con của Lê Đại Hành ... và những ước mơ về một tương lai thái bình và ổn định chắc chắn đã đưa người dân Cổ Việt đến tình trạng mê tín, dị đoan, từ đó tìm an lạc trong tôn giáo. Những truyền thuyết liên hệ tới các vua, sự tin tưởng vào sấm vĩ và sự phát triển của Phật giáo Mật tông đã phản ảnh rõ rệt trạng thái xã hội này. Các vua từ Ngô Quyền cho đến Lê Đại Hành và sau này là Lý Thái Tổ đều được ghi nhận là những nhân vật khác thường, có chân mệnh đế vương. Sử cũ đều ghi rằng Ngô Quyền lúc mới sinh ra có điềm sáng rực nhà, trên lưng có ba nốt ruồi đen.[20] Đinh Tiên Hoàng đã được rồng vàng che chở khi bị chú là Đinh Dự đuổi đánh và định đâm chết. [21] Lê Đại Hành khi gặp trời đông rét mướt, nằm phục như hình cối úp, đang đêm sáng rực cả nhà, có con rồng vàng ấp ở trên.[22] Mẹ vua Lý Thái Tổ thì đi chùa Tiêu Sơn, gặp thần nhân, giao cấu, có thai, sinh ra ngài.[23] Về các lời sấm thi tương truyền ngoài cửa nhà mẹ con Đinh Bộ Lĩnh ở, hồi nhà vua còn nhỏ, bên cạnh đền thờ sơn thần, động Hoa Lư, có đám sen núi trên lá có dấu sò ốc thành hai chữ *thiên tử.*[24] Cũng vậy, dưới thời nhà Đinh, năm Thái Bình thứ năm (974) có xuất hiện lời sấm như sau:

Đỗ Thích thí Đinh Đinh
Lê gia xuất thánh minh.
Cạnh đầu đa hoành tử,
Đạo lộ tuyệt nhân hành.
Thập nhị xưng đại vương,
Thập ác vô nhất thiện.
Thập bát tử đăng tiên,
Kế đô nhị thập thiên.[25]

có nghĩa là:

Đỗ Thích giết hai Đinh,
Nhà Lê nổi thánh minh.
Tranh nhau nhiều kẻ chết,
Đường sá người vắng tanh.
Mười hai xưng đại vương,
Mười ác không một thiện.
Thập bát tử lên tiên,
Kể hai chục ngày liền

Bài này được giải thích là ứng với việc Đỗ Thích giết Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn, việc Lê Hoàn lên làm vua và việc nhà Lý thay thế nhà Tiền Lê...

Sau đó, đến cuối đời nhà Tiền Lê, trước khi Lý Công Uẩn lên ngôi, sử cũ lại chép truyện một cây gạo ở hương Diên Uẩn, châu Cổ Pháp, bị sét đánh hằn lên bài thơ sau:

Thụ căn diễu diểu,
Mộc biểu thanh thanh,

Hòa đao mộc lạc,
Thập bát tử thành.
Đông A nhập địa,
Dị mộc tái sanh,
Chấn cung hiện nhật,
Đoài cung ẩn tinh.
Lục thất niên gian,
Thiên hạ thái bình.[26]

có nghĩa là:

Rễ cây to xù,
Lá cây xanh xanh,
Cây hòa đao rụng,
Thập bát nổi lên,
Nhà Đông A vào trong đất,
Cây khác lại sinh.
Cung chấn mọc mặt trời,
Cung doài có sao ẩn,
Khoảng sáu bảy năm,
Thiên hạ thái bình.

Sư Vạn Hạnh đã đoán thêm rằng "Hòa- đao-mộc" là chữ "Lê", "Thập- bát -tử" là chữ Lý, "Đông -A" là chữ "Trần", "nhập-địa" là giặc Bắc phương vào lấp cướp, Dị-mộc-tái-sinh" là họ Lê khác lại nổi lên. Ý nói nhà Lê đổ, họ Lý sẽ nổi lên... Bài sấm này đã có ảnh hưởng tới thái độ nghi kỵ của Ngoại Triều. Ngọa Triều đã ngầm tìm những người họ Lý để giết đi nhưng Lý Công Uẩn ở ngay bên cạnh mà ông không biết.[27]

Sự tồn tại của những bài sấm kể trên và nhiều bài sấm khác, sự tin tưởng của người dân cùng dựng các cột đá trên có khắc kinh Phật liên hệ tới Phật giáo Mật Tông do lệnh của Đinh Liễn[28] chứng tỏ khuynh hướng Phật giáo này đã phát triển mạnh mẽ song song với các thiền phái đã tồn tại và phát triển ở Cổ Việt đương thời như Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô ngôn Thông với các nhà sư nổi tiếng như Ngô Chân Lưu, Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh v.v... đã nói ở trên. Nó cũng cho người ta thấy Phật giáo khi được truyền vào nước ta đã hòa hợp một cách vô cùng tốt đẹp với các tín ngưỡng dân gian cổ truyền thay vì bài bác, cạnh tranh và tiêu diệt các tín ngưỡng này. Sự dấn thân hoạt động nhằm phục vụ quốc gia và xã hội của Phật giáo nói chung và các tu sĩ Phật giáo nói riêng cũng đã làm cho Phật Giáo Việt Nam khác với Phật Giáo Trung Quốc.[29]

Để kết luận, ta có thể nói rằng trong thế kỷ thứ mười những yếu tố căn bản của một nền văn minh Việt Nam độc lập đã hình thành do sự đóng góp của toàn thể nhân dân Cổ Việt dưới sự lãnh đạo của ba nhà Ngô, Đinh, và Tiền Lê, dù cho là ba nhà này đã không tồn tại lâu dài. Những yếu tố này sau đó đã trở thành nền tảng cho văn minh Việt Nam trong những thời kỳ kế tiếp, đặc biệt trong các thời Lý Trần. Văn minh Việt Nam trong thế kỷ thứ mười do đó có thể gọi là **Văn Minh Việt Nam Tiền Đại Việt** vậy.

Trích trong Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam,
Quyển II, Thời Đại Lý – Trần
và Văn Minh Đại Việt, *sẽ xuất bản*

Chú thích

1. Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời, Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam.* Hà-Nội, Nhà Xuất Bản Khoa Học, 1964, tr. 85. – Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam, tập I.* Hà-Nội, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1971, tr. 142. – Lê Thành Khôi, *Histoire du Viênam des orignes à 1958.* Paris, Sudestasie, 1981, tr. 140. Đây cũng có thể là do nhu cầu phòng thủ của Ngô Quyền, một lãnh tụ quân sự không quen với Tống Bình, đồng thời cũng có thể là một thái độ phủ nhận quá khứ lệ thuộc.

2. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư, tập I.* Cao Huy Du phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng. Hà-Nội, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1967, tr. 148.

3. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, Quan chức chí.* Bản dịch của Lưỡng Thần Cao Nãi Quang. Saigon, Trường Luật Khoa Đại Học, 1957, tr. 5.

4. *Cương Mục,* -nt-. Ngọ Phong Ngô Thời Sỹ, *Việt sử tiêu án.* bản dịch của Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu. Saigon, Văn Hóa Á Châu, 1960, tr. 78.

5. *Cương Mục, -nt-. Việt sử tiêu án,* tr.78.

6. Phan Huy Lê, "Về tính chất và chức năng của nhà nước thờiKhúc – Dương – Đinh – Tiền Lê", trong *Thế Kỷ X: Những vấn đề lịch sử.* Hà Nội, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1984, tr.135.

7. Tạ Chí Đại Trường, "Việt Nam ở thế kỷ thứ mười", trong *The Việtnam Forum, A review of Vietnamese Culture.* Yale University, Southeast Asia Studies, Winter-Spring 1985, tr. 229-230.

8. Lê Tắc, *An Nam chí lược,* Bản dịch của Ủy Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam Viện Đại Học Huế. Huế, Viện Đại Học Huế, 1961, tr. 83. Sự miêu tả này có thể không đúng sự thực và bắt nguồn từ lòng tự cao, tự đại của Tống Cảo, coi mình như sứ giả của một nước lớn. Bằng cớ là sau đó khi nói tới cách võ trang của quân đội của Lê Đại Hành, viên sứ này đã viết "Các đồ binh khí chỉ có cung, nỏ, gươm, giáo, tầm gỗ... yếu ớt, không dùng gì được" mà quên rằng ngót mười năm trước cũng với những võ khí đó quân đội này đã đánh bại quân nhà Tống và làm rung động cả triều đình của họ.

9. *-nt-*

10. *tr. 237.*

11. *đã dẫn, tr. 236-.237*

12. Chẳng hạn như bàn về việc Đinh Tiên Hoàng lập năm hoàng hậu, L ê Văn Hưu viết:

"Trời đất cùng che chở, mặt trời, mặt trăng cùng sáng soi, cho nên mới sinh thành muôn vật, nuôi dưỡng mọi loài, cũng như hoàng hậu sánh với ngôi vua, cho nên mới đứng đầu làm tiêu biểu trong cung, và giáo hóa cho thiên hạ. Từ xưa chỉ lập hoàng hậu một người để chủ việc nội trị mà thôi, chưa từng nghe thấy có năm hoàng hậu. Tiên Hoàng không có học vấn kê cứu đời xưa, mà các bầy tôi lúc bấy giờ lại không có người nào biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi lòng riêng đắm đuối mà lập năm hoàng hậu ngang nhau. Sau đến hai triều Lê Lý cũng nhiều khi bắt chước làm thế, chính là do Tiên Hoàng khơi đầu mối loạn vậy." Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, đã dẫn,* tr. 155.

Cũng vậy, Nguyễn Nghiễm đã nhận định về việc Đinh Tiên Hoàng bỏ con trưởng là Đinh Liễn, lập con thứ là Hạng Lang làm thái tử, đã viết: "Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì đã có động đất, sau đó thì có mưa, có hạn hán. Trời kia răn bảo trờ trờ ra đấy; thế mà cứ gọi làm thường, không sớm tỉnh ngộ! Vậy muốn không mất phỏng được chăng?". – *Cương Mục,* đã dẫn, tr. 226.

Ngô Thời Sỹ thì cho rằng nhà Tiền Lê vì Lê Đại Hành "*tam cương bất chính*" nên mất nước. Ngô Thời Sỹ, *Việt Sử Tiêu Án,* đã dẫn, tr. 94.

13. Phạm Cao Dương, "Góp phần nhận định về sự du nhập của Nho giáo vào Việt Nam dưới thời Bắc thuộc". *Văn Lang,* số 4, tháng 12 năm 1992, tr. 23 – 33.

14. Ngô Tất Tố, *Văn học đời Lý.* Xuân Thu tái bản tại Texas, Hoa Kỳ, không đề năm, tr. 19.

15. Ngô Sĩ Liên, *sách đã dẫn.,* tr. 173. – Ngô Thời Sĩ, *sách đã dẫn,* tr. 97. Ngô Thời Sĩ chép là Hồng Du.

16. Cửu kinh là chín sách của nhà Nho. Có hai thuyết. Thuyết thứ nhất: cửu kinh gồm có *Chu Lễ, Nghi Lễ, L ễ. Ký, Tả Truyện, Công Dương, Cốc Lương, Dịch, Thi, Thư.* Thuyết thứ hai: cửh kinh gồm có *Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu, Hiếu Kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Chu Lễ.* Xem chú thích của các dịch giả bộ *Cương Mục , đã dẫn, tr. 251.*

17. Ngô Sĩ Liên, tr. 173. – *Cương Mục,* tr. 236. – Ngô Thời Sỹ, tr. 95.

18. *Toàn thư,* đã dẫn, tr. 158. – *Việt sử lược,* đã dẫn, tr. 52.- Ngô Thời Sỹ, *sách đã dẫn,* tr. 90.

19. cũng trong bài sấm đã dẫn trên.

20. *Toàn thư,* đã dẫn, tr. 147. *Cương Mục,* tiền biên, tập II, đã dẫn, tr. 165.- Ngô Thời Sỹ, *Việt sử tiêu án,* đã dẫn, tr. 81.

21. *Toàn thư,* tr.154 - *Cương mục,* tr. 122.- Ngô Thời Sỹ, tr. .- *Việt sử lược,* tr. 49.

22. *Toàn thư,* tr. 166.- *Cương mục,* tr. 232. – Ngô Thời Sỹ, tr. 94. – *Việ sử lược,* tr. 54.

23. *Cương Mục,* tr. 257.- Ngô Thời Sỹ, tr. 94.

24. *Việt sử lược, đã dẫn, tr. 48.*

25. Việt sử lược, đã dẫn, tr. 52.- *Toàn thư,* đã dẫn, tr. 158.- Ngô Thời Sỹ, đã dẫn, tr.90.

26. *Toàn thư,* đã dẫn, tr. 185. - *Cương Mục,* đã dẫn, tr. 235.- *Việt sử lược,* tr. 65-.- Ngô Thời Sỹ, đã dẫn, tr. 103,.

CÁC BẠN ĐÃ TỪNG ĐỌC
"ĐÁNH THỨC CON RỒNG NGỦ QUÊN"
XIN LIÊN LẠC ĐỂ ĐẶT MUA:

THỬ THÁCH VÀ HỘI NHẬP

Chủ biên: **Phạm Đỗ Chí, Trần Nam Bình và Vũ Quang Việt**

Gồm bài viết của 16 nhà kinh tế Việt Nam, cho thấy những đề nghị, các biện pháp hội nhập thực tiễn và hữu hiệu nào khả dĩ có thể giúp Việt Nam nâng cao mức phát triển trong những năm tới. (Sách dày 460 trang, mới phát hành bên Mỹ 10/2002) Giá bán: 25$ ở Hoa Kỳ và Canada; 30 Euro ở Âu Châu (kể cả cước phí)

Xin gửi ngân phiếu về:

C. PHAM, P.O. Box 2064, Bethesda, MD 20827

GIÓ KHÔNG THỂ TẮT

HÀ THƯỢNG NHÂN

Tôi bắt đầu quen biết với Như Phong kể từ ngày cùng các anh Đỗ Thúc Vịnh, Hiếu Chân, Phạm Việt Tuyền... hợp tác chủ trương nhật báo *Tự Do*. Trên danh nghĩa Phạm Việt Tuyền là chủ nhiệm nhưng linh hồn của *Tự Do* là Như Phong. Anh là người trẻ nhất, năng nổ nhất, làm việc có kế hoạch nhất. Hiếu Chân gọi anh là "thằng nuôi mẹo."

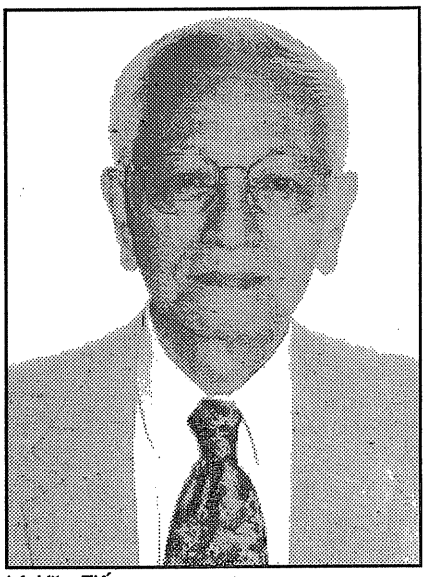

Lê Văn Tiến

Anh nhiều "mẹo" thật. Ký giả Lô-Răng Phan Lạc Phúc có nhắc tới trường hợp của Vũ Bình. Khi Vũ Bình đưa bài đến, Như Phong có đưa cho tôi đọc. Vũ Bình viết hết sức biền ngẫu, hết sức "cải lương." Tôi hỏi Như Phong: "Ông đưa cho tôi đọc làm gì? Người này không dùng được." Như Phong thì cho rằng Vũ Bình có chất quê "chay"; biết hướng dẫn, Vũ Bình có thể trở thành một ký giả chuyên viết phóng sự về đồng quê Nam bộ. Rồi Như Phong viết thư mời Vũ Bình đến. Vũ Bình vừa nghểnh ngãng, vừa vụng về. Anh lóng ngóng và ngượng ngập thấy rõ. Rồi Như Phong và Vũ Bình bắt đầu thủ thỉ với nhau. Anh đem bài của Vũ Bình ra, gạch xóa, sửa chữa be bét cả. Hai người có vẻ tâm đắc lắm. Ít lâu sau, loạt bài "Thăm dân cho biết sự tình" ra đời. Tôi đọc hết sức thán phục. Bằng cách nào Như Phong "thấy" được Vũ Bình, "nặn" được ra Vũ Bình? Tôi bắt đầu để ý, và biết rằng Như Phong có một cái nhìn thật bén nhạy.

Hiếu Chân vẫn thường bảo với tôi: "Cậu đừng nghe Như Phong. Nó chúa hay 'xui trẻ ăn cứt gà'." Nói thì nói vậy nhưng rồi cả Hiếu Chân và tôi đều vô tình làm việc theo sự hướng dẫn của Như Phong. Bởi vì Như Phong chịu suy nghĩ, chịu "lật đi lật lại" một vấn đề. Anh luôn luôn đem mọi việc ra bàn bằng một giọng nói nửa đùa nửa thật. Lâu ngày ý kiến của Như Phong "ngấm."

Một lần, ở miền Trung, nhân ngày lễ Đức Mẹ La-vang, có nhiều nhân vật lớn "trở lại đạo." Hàng tháng trước, Như Phong nói về Miến điện, về Phật giáo. Như Phong chống việc biến một tôn giáo thành "quốc giáo." Chống bằng giọng ba lơn, nhẹ nhàng. Riêng tôi đồng ý lúc nào mà không biết. Đến ngày lễ La-vang, tất cả xúm vào viết những bài công kích việc dùng phương tiện của quốc gia cho lễ nghi của một tôn giáo. Tờ *Tự Do* vì thế bị tịch thâu.

Như Phong hiểu biết rất rộng về vấn đề Cộng sản, về những con người nắm vận mạng đảng Cộng sản ở miền Bắc. Anh có thể nói về Lê Thanh Nghị, về Trường Chinh... cả buổi mà vẫn thấy hứng thú. Anh biết tông tích của họ, cả đến những sở thích vặt của họ nữa. Cho nên anh thân với Sir Patrick J. Honey là lẽ đương nhiên.

Một lần, khoảng mùa Xuân năm 1959, bác sĩ Trần Kim Tuyến mời mấy người chúng tôi đến ăn cơm ở nhà riêng. Mới gặp, Như Phong đã đùa đùa hỏi: "Ông bác sĩ mật vụ gọi chúng tôi đến có điều gì chỉ bảo?" Tuyến nghiêm mặt nói: "Tôi trọng các anh. Xin các anh gìn giữ lời nói một chút." Như Phong xin lỗi và hỏi thêm: "Chúng ta ủng hộ ông Ngô Đình Diệm vì nước Việt Nam hay vô điều kiện?" Tuyến trả lời ngay: "Vì nước Việt Nam." Như Phong gật gù: "Như thế chúng tôi nên và cần công kích chính phủ để mong chính phủ ngày một khá hơn, phục vụ đất nước ngày một hiệu quả hơn." Sau đó, nhiều lần trong bữa ăn, anh vạch ra những điểm mà anh cho rằng chính phủ sai lầm. Tuyến ngồi gật gù, trầm ngâm không nói.

Như Phong công kích một số các vị linh mục lạm dụng chức vụ, lạm dụng quyền thế mặc dù

anh vẫn ca tụng đạo Công giáo. Có một người Công giáo tôi quen rất ghét anh, đó là bác sĩ Lý Trung Dung. Nhưng lúc đi tù cải tạo về, bác sĩ Dung lại tỏ ra rất khâm phục Như Phong. Bác sĩ Dung nói với tôi: "Ông ạ, tên ấy xứng đáng!"

Những ngày miền Nam sắp mất, Như Phong thường nhịn ăn, gọi là "vào thất." Tôi hỏi Như Phong: "'Vào thất' có lợi gì?" Anh cười: "Tôi chuẩn bị để đi tù." Mà Như Phong chuẩn bị để đi tù thật. Anh nhất định không chịu đi, nhưng giục mọi người phải đi: "Không thể sống với Cộng sản được đâu!"

Như Phong thích bàn chuyện chính trị với tôi tuy tôi vẫn nói với anh: tôi chỉ là một nghệ sĩ chứ không phải một chính khách. Anh "gài" tôi vào hội đàm Paris, "gài" tôi vào báo *Tiền Tuyến*. Trước khi chính phủ Nguyễn Cao Kỳ ra mắt quốc dân mấy ngày, anh đến đưa tôi xem một bài diễn văn viết sẵn để tướng Kỳ đọc. Anh nói: "Tôi sẽ đề nghị ủy viên chế, sẽ đề nghị hữu sản hóa dân nghèo, sẽ đề nghị đóng cửa bớt các báo, chỉ để lại hai tờ, một của quân đội, một của dân sự. Tờ của quân đội mang tên *Tiền Tuyến*, tờ của dân sự mang tên *Hậu Phương*. Đinh Trình Chính sẽ làm Bộ trưởng Thông tin phụ trách tờ Hậu Phương, anh làm Cục trưởng Tâm lý chiến phụ trách tờ Tiền Tuyến." Tôi cự Như Phong: "Anh khinh tôi quá! Tôi chơi với anh để làm Cục trưởng Tâm lý chiến à?" Như Phong cười: "Làm việc với bạn thì làm tùy phái cũng là vinh dự chứ!" Tôi nói: "Tôi có là đồng chí của anh khi nào đâu?" Như Phong giảng hòa: "Thôi thì không làm. Việc đâu còn có đó."

Tôi biết có ảnh hưởng của Như Phong trong một số quyết định về thành phần nhân sự của chính phủ Nguyễn Cao Kỳ. Anh là một thứ người trong bóng tối. Ký giả Phan Lạc Phúc có nhắc đến việc một chính khách đến ngồi chờ ở nhà anh cả buổi. Và rồi chính khách đó làm Thủ tướng. Tôi vẫn thắc mắc: "Như Phong là cái thứ gì mà 'ghê' đến như vậy" nhưng không tiện hỏi. Mãi đến khi Như Phong sang Hoa kỳ, đến ở nhà tôi một tuần lễ, tôi mới đem ra hỏi. Tôi nói: "Chúng mình đã già rồi, không còn gì phải giấu nhau nữa. Tôi muốn biết tại sao hồi đó mấy ông chính khách phải cầu cạnh anh như thế." Như Phong đánh trống lảng: "Chuyện qua rồi, cho qua đi."

Như Phong là một người không bao giờ chịu già. Sang Mỹ, ở tuổi trên 70, anh còn nói đến chuyện làm một tờ báo tiếng Anh "tầm cỡ." Anh còn bàn nhiều chuyện nữa. Có lần tôi đùa: "Ông là một tên quân sư hạng bét. Có một việc cần làm mà không làm. Hồi ông Kỳ làm Thủ tướng, sao không tổ chức bầu cử Quốc hội? Sao không khuyên ông Kỳ ứng cử Tổng thống ngay đi? Đặt người Mỹ trước một sự đã rồi. Có muốn 'đảo' cũng còn khó." Như Phong tâm sự: "Không đơn giản đâu anh ạ." Rồi bất chợt anh lắc đầu ngậm ngùi: "Tôi là một người cô đơn. Có ai giúp tôi gì đâu! Cả anh nữa!"

Đúng vậy, Như Phong! Anh từng là một người cô đơn. Anh không tham danh vọng. Nhưng chí của anh lớn quá! Anh muốn làm một thứ Khổng Minh của thời đại. Anh muốn đứng bên trong giật giây để sắp xếp mọi chuyện.

Gần 80 tuổi mà còn đi Âu châu, qua Anh, qua Pháp để kiếm tài liệu về Hồ Chí Minh. Tại sao lúc cuối đời "Bác Hồ" lại chịu lép vế với bọn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ? Có vấn đề gì chăng? Hồ đã phạm những lỗi lầm gì trong những cái gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hoặc những chỗ khác, khiến bọn đàn em nắm được "tẩy"?

Như Phong! Anh đúng là người làm việc không biết mệt mỏi! Nhưng bây giờ, dù chưa mệt mỏi, anh cũng không còn nữa! Một điều rất an ủi cho anh là lớp người trẻ đi sau không quên anh. Họ vẫn thân thiết với anh như với kẻ đồng trang lứa.

Mấy người đã được sống một cuộc sống sôi nổi và đầy đủ như anh? Ở đời có được một tri kỷ đã là khó! Anh có T., có B., có C., cùng rất nhiều người nữa. Được như thế thì còn gì mà ân hận? Và đâu có cô đơn nữa?

Hà Thượng Nhân

Khóc Như Phong

Gió không thể tắt Như Phong
Anh còn sống mãi trong lòng chúng tôi
Cố công, cùng sức: đủ rồi
Được, thua, thành, bại, thì thôi cũng huề
Gặp nhau chỉ thấy hề hề
Trăm năm không có vấn đề già nua...

Hà Thượng Nhân

NHỚ THƯƠNG CẬU TIẾN

ĐINH QUANG ANH THÁI

Nghe tiếng ngoài đời

Lần đầu tiên tôi được biết đến tên tuổi của ông Như Phong Lê Văn Tiến là năm 1976. Chính anh chị Từ Dung, Từ Công Phụng nói cho tôi biết về ông. Dạo ấy, Sài gòn vừa đổi chủ, tôi sống ngoài lề đường, bán sách cũ trước cửa rạp Rex, bán quần áo cũ ngay ga xe lửa đường Lê Lai, bán thuốc tây trên đường Pasteur, bán rau muống ở chợ Hãng Phân bên Vĩnh Hội, và bán cả... súng cho những người đi vượt biên. Nghĩa là kiếm sống bằng đủ mọi cách.

Một buổi sáng tháng Tư năm 76, anh chị Từ Công Phụng ra chỗ tôi bán hàng và kể cho nghe về vụ công an bắt người cậu của chị Từ Dung vào đêm hôm trước. Anh Phụng say sưa nói về ông Tiến: ông Tiến làm báo từ thuở xa xưa, mãi những năm 1940; ông Tiến làm cách mạng, tham gia các hoạt động đấu tranh; ông Tiến quan hệ thân thiết với các đảng cách mạng Việt Nam; ông Tiến làm báo Tự Do; ông Tiến nhà bình luận chuyên về CS miền Bắc; ông Tiến người từ chối tham chính nhưng dính dự vào nhiều quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm nhân sự của nội các chính phủ Nguyễn Cao Kỳ; ông Tiến tác giả cuốn Khói Sóng, để lại dấu ấn nơi nhiều người; ông Tiến nhà sưu tầm hoa lan... Tóm lại, ông Tiến là tất cả trước mắt anh chị Phụng. Càng nghe, tôi càng xuýt xoa với anh Phụng là tại sao tôi không có cơ duyên một lần được gặp con người lẫy lừng kiệt xuất như vậy. Hỏi thế, anh Phụng mắng cho cũng phải. Anh bảo thời ông Tiến thành danh, đã bay bổng như một con rồng thiêng thì tôi đã chào đời đâu để mà nói chuyện gặp hay không gặp ông. Rồi khi ông lúc ẩn lúc hiện trong sinh hoạt của xã hội miền Nam thì tôi vẫn còn tắm mưa, đánh đáo..., thì làm sao mà gặp người cậu kiệt xuất của anh được.

Cứ thế, những ngày sau đó, mỗi khi anh chị Phụng ra chơi với tôi tại các ngã đường tôi kiếm sống, tôi cứ bám riết lấy anh chị để mong được nghe thêm về ông Như Phong. Một lần anh Phụng buột miệng bảo: Em cứ lang thang thế này mà lại còn thập thò chuyện chống đối, thì thế nào cũng có ngày gặp ông Tiến trong tù.

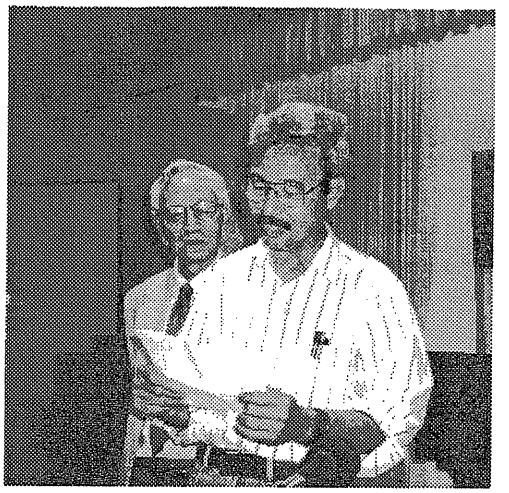

Như một thói quen trong đời mình lúc nào cũng muốn ở trong "hậu trường", nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến đứng phía sau ông Đỗ Anh Tài để nhờ đọc một bức thư do mình viết, trong đó ông tiên đoán chính xác nhiều điều về kết quả của Đại hội 8 của ĐCSVN.

Gặp mặt trong tù

Tù thì tôi không mong, nhưng được gặp ông Tiến thì lúc nào tôi cũng ước. Mà trong hoàn cảnh ông Tiến đang bị giam, điều không mong phải cùng đi với điều ước thì tôi mới gặp được ông.

Tháng Ba năm 1978, tôi bị bắt vì tham gia Mặt Trận Dân Tộc Tiến Bộ với bác sĩ Nguyễn Đan Quế và bị giam tại trại T 20 Phan Đăng Lưu. Nổi trôi từ biệt giam qua phòng lớn, tháng 11 năm 78, tôi bị chuyển vào phòng 8 khu C 2. Qua câu chuyện của các bạn tù cùng phòng, tôi được biết phòng 10 bên cạnh hiện đang giam một số nhân vật tên tuổi của miền Nam như bác sĩ Nguyễn Tiến Hỷ, nguyên Quốc vụ khanh kiêm Tổng trưởng Giáo dục; ông Lê Khải Trạch, nguyên Đổng lý Văn phòng Bộ Thông tin thời Đệ nhất Cộng hòa; ông Đinh Xuân Cầu, tác giả cuốn *Bên kia Bến Hải,* và nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến.

Ôi! Tôi vui sướng biết bao khi biết rằng cách tôi một tấm vách là con người lẫy lừng mà tôi luôn ấp ủ hi vọng có ngày được gặp mặt. Thế rồi một buổi sáng, tù nhân phòng 10 được phép ra ngoài hiên phơi nắng. Bạn tù cùng phòng với tôi trỏ cho tôi biết: Ông già Lê Văn Tiến đứng kia kìa.

Dong dỏng cao, gầy, nhưng da dẻ hồng hào, hai tai dài phúc hậu, mũi hơi quặp xuống một chút, mắt đen pha chút sắc nâu, ông Như Phong đang quơ tay làm vài động tác thể dục. Bất chấp lệnh cấm của trại giam, tôi đánh bạo gọi thật to: Cậu Tiến. Tiếng "cậu" bật ra khỏi miệng tôi thật tự nhiên, tựa như tôi đã là người thân của ông vậy. Ông Như Phong nhìn về hướng phòng 8, hỏi lại: Ai gọi đấy? Tôi trả lời: Cháu là anh em kết nghĩa với anh chị Từ Dung, Từ Công Phụng đây. Và cứ thế, vừa nháo nhác canh chừng công an gác trại, vừa nhát gừng câu được câu mất, hai cậu cháu trao đổi tin tức cho nhau về đời sống ngoài đời khi tôi chưa bị bắt, và đời sống trong tù từ những tháng qua của ông Tiến. Trước khi bị lùa vào phòng vì hết giờ tắm nắng, cậu Tiến bảo sẽ tìm cách gởi cho tôi ít thuốc lào và đường, vì lúc đó tôi chưa được thăm nuôi.

Cứ thế cho tới ngày tôi lại bị chuyển qua các phòng khác, các khu khác, hai cậu cháu vẫn tìm cách liên lạc với nhau. Trong một lần thăm nuôi, cậu Tiến được gặp mặt chị Từ Dung. Chắc chị đã nói với cậu về tôi nên cậu tỏ ý tin tôi hơn trước.

Một đêm mưa tháng 12 năm 1978, khoảng 3 giờ sáng, công an vào phòng 10, điệu hai người là các ông Lê Khải Trạch và Đinh Xuân Cầu ra khỏi phòng. Kể từ đó, không còn ai biết tin tức về hai ông nữa. Người ta khảo nhau rằng hai ông bị đưa đi thủ tiêu. Sáng ngày hôm sau, tôi bị chuyển qua phòng 5 khu C 1. Sau khi vào phòng này tôi dược biết trước đó ít phút, giáo sư Đoàn Viết Hoạt bị đưa từ phòng ấy qua biệt giam. Từ đó, tôi mất liên lạc với cậu Tiến cho tới mãi tháng Tám năm 1981.

Cùng một phòng giam

Trại giam Chí Hòa có tám cạnh. Người ta bảo Nhật xây theo hình bát giác, ngay giữa là một bồn nước xây theo hình một lưỡi gươm đâm ngược xuống đất để yểm không cho tù trốn trại. Tám cạnh của Chí Hòa chia tù thành từng khu: AH, FG, ED và BC. Tôi bị đưa vào phòng 10 BC, cùng đợt với các ông Hồ Hữu Tường, Nguyễn Tiến Hỷ, Vũ Hữu Bính, Tống Đình Bắc... Một thời gian ngắn sau đó, đợt chuyển tù từ trại T 20 Phan Đăng Lưu sang T 30 Chí Hòa mang theo các ông Như Phong Lê Văn Tiến, Thái Lăng Nghiêm, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế ...

Ba ngày Tết năm 1981 vừa dứt, sau khi nổi trôi từ phòng lớn lên biệt giam ở lầu 4, rồi từ biệt giam về lại phòng lớn, tôi được chuyển vào phòng 14 khu BC. Tù nhân một số phòng khác cũng được chuyển vào, trong đó có các ông Lê Văn Tiến, Thái Lăng Nghiêm, Đoàn Viết Hoạt, Đào Văn. Bác sĩ Nguyễn Đan Quế thì vẫn nằm lại phòng 9 khu BC. Khó tả nổi tâm trạng của tôi lúc ấy. Buồn lo vì biết rằng chuyển phòng để giam chung với những nhân vật lẫy lừng như vậy là ngày về mịt mờ lắm. Lo là vì thế, còn vui mừng vì được ở chung với những người xưa nay tôi chỉ nghe danh chứ chưa bao giờ dám mong có cơ may gặp mặt, huống hồ gì lại còn được ở chung, nhất là cậu Tiến.

Những tháng ở cùng cậu Tiến thật là khó quên. Xiết bao là kỷ niệm vui buồn, đói khát, hoang mang, nhưng quan trọng hơn cả, tôi học được ở cậu không biết bao nhiêu điều, từ kiến thức uyên bác của cậu cho đến nhân cách sáng ngời của cậu. Tôi quấn lấy cậu như thể cậu sẽ xa tôi ngay ngày hôm sau vậy. Cả ngày, trừ giấc ngủ trưa và giờ ngủ tối, tôi quanh quẩn bên cậu, nghe cậu kể những chuyện cậu dính dự vào giai đoạn lịch sử từ thời 45 đến khi bị bắt. Chao ôi, sao cậu hiểu biết đến thế, sao cậu lẫy lừng đến thế! Nào là làm báo, nào là dự phần quan trọng vào các quyết định của chính phủ miền Nam, nào là những mối quan hệ với các đảng phái quốc gia, với các tôn giáo, nào là các mưu tính tìm đường quật khởi sau khi cộng sản vào chiếm Sài Gòn. Trong các câu chuyện của cậu Tiến, không hề nghe cậu đả động gì tới bất cứ một bóng dáng phụ nữ nào trong đời cậu. Có lần tôi nêu thắc mắc này với cậu. Cậu bảo người ta cũng đồn đại rằng cậu có một mối tình lớn với một người đàn bà góa chồng, vợ của một nhân vật cách mạng Việt Nam, nhưng sự thật cậu rất quý trọng người đàn bà ấy và xem bà là một bà chị. Cậu cho biết tình cảm của cậu trong sáng lắm, không ai có quyền dị nghị.

Đời sống của cậu trong tù là mẫu mực của một người khí phách, an nhiên tự tại. Không ai có thể bắt gặp nơi cậu một giây phút yếu lòng nào trước kẻ thù, lúc nào bạn tù cũng thấy ở cậu tinh thần an nhiên, chấp nhận mọi nghịch cảnh và lạc quan, tin vào tương lai. Ngày thăm nuôi, giỏ quà của cậu do người nhà tiếp tế khiêm tốn lắm, nên cậu luôn chia thức ăn rải đều cho một tháng, nhất là món đậu phụng rang. Cậu ăn uống rất chừng mực, mỗi bữa cơm của trại cậu ăn kèm với trên một chục hột đậu phụng rang, không hơn, không kém. Trông cậu nhai rất kỹ từng và cơm, người ta thấy rõ cậu an bình và tận hưởng từng khoảnh khắc của đời sống, dù trong hoàn cảnh tù

đầy, lúc nào cũng bị rình rập bởi nhiều thứ đê hèn, nghiệt ngã. Cậu còn khéo tay vô cùng. Chính cậu dạy anh em trong phòng cách chế tạo một ống vố hút thuốc làm từ vỏ kem đánh răng và bông băng có nhúng thuốc đỏ. Cậu thường dành giờ trưa những khi không ngủ để làm pipe hút thuốc. Cậu gò lưng xuống sàn phòng giam, say sưa mài ống vố cho đến khi màu đỏ nổi vân lên xen với màu đen của bao ni lông đã đốt thành than, làm cho ống vố đẹp không khác gì loại đắt tiền bán ở ngoài đời. Ống vố này còn giúp tù nhân dấu thư bên trong chuyền qua từng phòng hoặc chuyền ra ngoài đời cho gia đình. Có lần tôi nói: Công an mà bắt được lối đưa tin này thì chúng lột da cậu. Cậu cười xòa, thân mật mày tao với tôi rằng: Da tao khô đét như các phù thủy Ấn Độ. Da mày còn trẻ thì chúng lột mới thích chứ. Nói đến Ấn độ mới nhớ, gương mặt cậu Tiến trông khá giống gương mặt nhà hiền triết Ấn Độ Jiddu Krishnamurti.

Miên man chuyện này sang chuyện nọ, có lần cậu nhận xét rằng tôi chỉ thích hợp với thời loạn, và nếu có cơ hội trở lại, cậu sẽ giao cho tôi việc vận động quần chúng. Khoảng đầu năm 1982, tin đồn sắp có chuyển trại lan trong các phòng giam. Sợ đến ngày phải chia tay, tôi hỏi cậu: nếu tôi được thả và tìm cách vượt biên, tôi nên làm gì để góp phần cho việc chung, và xin cậu đặt cho tôi một bí danh.

Sao cậu lại đặt bí danh Cao Hòa?

Câu này vần điệu nghe cứ như thơ vậy, nhưng thực ra chỉ là câu tôi hỏi khi cậu đặt bí danh cho tôi. Cậu giải thích: Cao là Cao Đài, Hòa là Hòa Hảo. Vả lại "cao" còn chỉ tầm vóc của tôi, còn "hòa" là do cậu muốn tâm tôi dịu đi, đừng lúc nào cũng xấn xổ như một con ngựa non háu đá. Cậu nói thêm: hai lực lượng quan trọng cần liên lạc chặt chẽ là Cao Đài và Hòa Hảo, và việc cần làm khi ra được nước ngoài là vận động tiền để lập một đài phát thanh, lấy tên Cao Hòa, phát về các tỉnh miền Nam. Tôi hỏi cậu: Thế còn miền Bắc thì sao? Cậu bảo địa bàn đó phải đợi cậu thoát ra ngoài thì mới tính được vì đó là đất sở trường của cậu. Về nhân sự, cậu còn dặn: qua Mỹ nhớ tìm bằng được ba người là cựu trung tướng Nguyễn Chánh Thi, cựu đại tá Phạm Văn Liễu và cựu đề đốc Hoàng Cơ Minh. Cậu nói ba người đó tâm huyết lắm, trong sáng lắm, họ sẽ không quên chuyện non nước đâu. Sau này cậu Tiến qua Mỹ, không bao giờ thấy cậu có ý định đi tìm gặp hai ông Nguyễn Chánh Thi và Phạm Văn Liễu (ông Hoàng Cơ Minh đã mất trước khi cậu tới Mỹ). Cả việc lập đài phát thanh Cao Hòa cũng không nghe cậu nhắc đến nữa. Tôi không hỏi, nhưng tin chắc cậu phải có lý do nên mới hành xử như vậy.

Chia tay bên hàng song sắt

Tôi không nhớ chắc, nhưng khoảng tháng Ba năm 1982, các phòng giam tù chính trị tại Chí Hòa ồn lên vì đợt "bắt gà" vĩ đại, phòng nào cũng có "gà" bị bắt. "Bắt gà" là từ ngữ chúng tôi dùng để mô tả những đợt tập trung tù đi lao động hoặc chuyển qua trại khác. Chúng tôi không biết từ này do ai đặt ra và có từ bao giờ, nhưng không có từ nào chính xác hơn để tả cảnh xớn xác, lo âu, hốt hoảng của tù nhân khi nghe đọc tên để rồi khăn gói ra khỏi phòng, không biết rồi tương lai sẽ về những đâu. Đợt "bắt gà" lần đó hốt mất tất cả những nhân vật bị chế độ xem là nguy hiểm. Từ một ông giám đốc cỡ trung cho đến người cầm đầu một Bộ trong chính phủ; từ một sĩ quan tình báo cấp úy cho đến người phụ trách tình báo cấp quân khu; từ một đảng viên cấp thấp cho đến lãnh tụ một đảng ..., nghĩa là tất tật, hầu như không sót một người nào.

Những người bị gọi tập trung trước cửa từng phòng, ngồi thành hàng một, rồi bị chuyển qua khu AH. Nhìn cậu Tiến khuất dần ở cuối hành lang, lòng tôi đau xót vô cùng, không biết đường trường sông núi liệu có ngày cậu cháu gặp lại nhau hay không.

Gặp lại trên đất Mỹ

Ra khỏi tù cuối tháng Hai năm 1984, gần ba tháng sau tôi vượt biên, và sau đó định cư tại Mỹ. Năm 1994, lúc tôi đang kiếm sống bằng nghề lái tắc xi bên Hawaii thì cậu Tiến tới California theo diện đoàn tụ gia đình do người em bảo lãnh. Tôi hộc tốc từ Hawaii về kiếm cậu. Mừng mừng tủi tủi. Trông cậu vẫn vậy, vẫn tinh anh, vẫn an nhiên, duy mái tóc bạc đi nhiều. Cậu vẫn lạc quan như độ nào, thậm chí đôi khi lạc quan thái quá. Với tôi, đây là đức tính biểu lộ tinh thần trẻ trung của cậu. Mới chân ướt chân ráo tới Mỹ, cậu đã say sưa viết một dự án làm báo mang tầm vóc toàn cầu. Cậu bảo: Phải chuẩn bị ngay từ bây giờ để đến thời hậu cộng sản không bị ngỡ ngàng. Cậu còn nói, mai sau cậu sẽ trở thành một tài phiệt trong ngành truyền thông tại Việt Nam. Tài phiệt hiểu theo nghĩa nắm trong tay một hệ thống báo chí, truyền thanh, truyền hình... rộng khắp lãnh thổ.

Những người bạn trạc lứa tuổi tôi do tôi đưa đến thăm cậu, khi nghe cậu say sưa như thế chỉ cung kính chứ không tán thành, vì ước mơ của cậu to lớn quá, không dễ gì thực hiện nổi. Có lần khi chỉ có hai cậu cháu, tôi nói với cậu Tiến về suy nghĩ của tôi. Cậu tặc lưỡi rồi nói rằng: Thì "ba tốc" tí chơi ấy mà. Ba Tốc là biệt danh cậu tự đặt cho mình. Cậu giải thích: Ba là lối gọi theo thứ tự người miền Nam, còn Tốc là cà tửng, cà giỡn, là xem nhẹ mọi thứ trên đời này, là đùa tí chơi với đời.

Hôm gặp lại cậu, hai cậu cháu đi ăn cơm trưa, có cả ông V, một người thuộc thế hệ đàn em của cậu từ thời còn ở Việt Nam trước 1975. Tôi cũng biết người này vì ông rất hăng hái trong các sinh hoạt của cộng đồng. Trên đường chở cậu về nhà người em của cậu, ông V buột miệng hỏi: "Anh Tiến biết nhiều về các đảng phái quốc gia, theo anh thì ông Lý Đông A còn sống không?" Xe đang chạy, cậu bảo tôi dừng lại bên lề, rồi xoay ra băng sau, với cách nói mà tôi hay đùa là vừa lạnh lùng vừa quyến rũ, cậu nói với ông V rằng: "Ông Lý Đông A còn sống, và hiện sống ngay tại quận Cam trên đất Mỹ." Nhìn mắt ông V, tôi biết ông phân vân lắm. Khi tôi chở ông V đến chỗ ông đậu xe, ông ngập ngừng một lúc rồi hỏi tôi: "Thái cận kề với anh Tiến lâu năm, vậy Thái nghĩ điều anh Tiến nói có đúng không?" Tôi đột nhiên nổi tính nghịch ngợm, bèn ba tốc giống cậu Tiến và trả lời rằng: "Cậu Tiến nghiêm trang như thế thì chắc là đúng rồi." Xin quý vị Duy Dân thứ lỗi cho tôi, vì ai cũng biết ông Lý thất tung từ năm 1947. "Thất tung" là cách nói của các chiến sĩ Duy Dân, chứ thực ra phải nói rằng ông Lý không còn nữa, vì không ai thấy ông nữa từ năm đó đến nay.

Chung một mái nhà

Năm 1996, cậu Tiến và tôi cùng mướn chung một căn mobile home trên đường Bolsa. Hai năm sống với cậu thật êm đềm. Căn nhà trở thành nơi lui tới của bạn bè cậu, bạn bè tôi. Những người bạn tôi thuộc thế hệ con cháu cậu Tiến, ai cũng yêu kính cậu. Họ tìm thấy ở cậu một tâm hồn trẻ trung, sống động, bao dung, hài hòa, một con người uyên bác sẵn sàng trao truyền mà không hề giấu giếm những kiến thức và kinh nghiệm cho các lớp người sau. Quý nhất là tinh thần dân chủ của cậu. Cậu không bảo thủ, không hẹp hòi, không hợm mình, lúc nào cũng mở lòng với tuổi trẻ. Nhiều người bạn của tôi quen cậu sau này gắn bó với cậu có phần hơn cả tôi nữa. Với tôi, cậu vẫn thường mắng yêu rằng tôi hung hăng quá, xấn xổ quá, lúc nào cũng chực ăn tươi nuốt sống người khác. Cậu bảo tôi là ngựa non háu đá, cần phải sửa đổi nhiều thì mới khá được. Tôi trân quý những lời cậu dạy, dù đôi lúc cũng gân cổ lên cãi lại.

Cuối năm 1997, tôi qua Washington, D.C. làm việc cho Đài Á Châu Tự Do. Tôi mời cậu cùng qua ở với tôi. Thế là tôi lại có thêm một thời gian gần gũi cậu. Không có dịp sống với gia đình ruột thịt từ 20 năm, tôi xem cậu như bố ruột của tôi. Tôi biết nhiều lần tôi làm cậu buồn vì tính ngang ngạnh, cục súc của tôi. Nhưng tôi tin cậu biết là tôi yêu kính cậu đến mực nào.

Sống với cậu như thế cho đến khi tôi lấy vợ vào tháng Tám năm 1998. Lấy vợ rồi tôi không còn dịp ở chung với cậu nữa. Hai vợ chồng tôi rất thiết tha mời cậu nhưng cậu bảo để chúng tôi tự do. Những năm tháng sau đó tôi ít gặp cậu. Vả lại, tôi cũng có một số lỗi lầm khiến cậu buồn.

Vĩnh biệt cậu Tiến

Cậu Tiến mất tại Virginia lúc 9 giờ 40 phút tối thứ Ba, ngày 18 tháng 12 năm 2001. Tin dữ này đến với tôi khi tôi vừa rời khỏi sở làm. Trên đường về nhà, tôi nức nở như một đứa con nít. Hai lần tôi khóc nhiều như vậy. Một lần là lúc mẹ tôi mất cách đây trên 10 năm, và lần này. Điện thoại cho giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng đang sống tại Virginia. Đầu giây bên kia, giáo sư Hùng cũng buồn lắm. Ông cho biết suốt mấy ngày nay ông không làm được gì cả, vì cứ nghĩ đến cậu Tiến đang hấp hối trong bệnh viện.

Những ngày cuối của cậu Tiến, tôi không về được để gặp mặt cậu, chỉ biết tin về cậu qua hai anh bạn là Đặng Đình Khiết và Lâm Ngọc Chiêu. Cả hai anh mới quen cậu sau này, nhưng đã túc trực bên giường bệnh trong suốt thời gian cậu đau ốm ở nhà thương. Anh Khiết sống tại Virginia, còn anh Chiêu thì bỏ cả vợ con và việc làm ở California để qua săn sóc cậu Tiến. Điều này cho thấy hai anh yêu thương cậu Tiến đến mức nào. Mà không chỉ riêng hai anh Khiết và Chiêu, biết bao nhiêu anh em khác cũng yêu thương cậu như vậy. Cháu Tâm, con gái một người bạn tôi hiện đang sống bên Úc, khi nghe tin cậu Tiến mất, cháu khóc nhiều lắm và ngẩn ngơ cả tuần. Cháu chỉ được gặp cậu Tiến một lần, và rất ngắn ngủi, thế mà cháu thương yêu cậu đến thế !

Bây giờ thì cậu không còn nữa, nhưng đó chỉ là phần xác thôi, chứ tinh anh của cậu vẫn còn và sẽ còn mãi trong lòng nhiều người, nhiều thế hệ. Cháu vĩnh biệt cậu, cậu Tiến ạ./.

NHỚ ANH BA TỐC

(TIẾN NHƯ PHONG)

TIỂU DU (LÃNG ĐÃNG)

Chúng tôi được biết nhà báo Lê Văn Tiến (Như Phong) tự xưng là "Ba Tốc" khi còn ở trong nhà tù Cộng Sản, nằm chung phòng với giáo sư Đoàn Viết Hoạt. Sang tới Mỹ, anh vẫn giữ tên này với mấy người bạn trẻ hơn anh. Mấy năm trước khi mất, anh thường dùng tên Batốc để ký trong email gửi cho một số người thân quen.

Chỉ mươi ngày trước khi từ giã cõi đời, vào đầu tháng 12/ 2001, anh còn nói cô con gái nuôi điện thoại cho Tiểu Du để hỏi địa chỉ, như có ý muốn gửi vài hồ sơ về lịch sử xuống Cali. Mấy ngày sau gọi ngược lên DC thì tôi nghe giọng anh đã yếu đi nhiều! Lần đầu tiên Tiểu Du tôi thấy anh nói chuyện thật nhỏ và không tếu, không trêu chọc cái tên Tiểu Du (lãng) Đãng mà anh đã tinh nghịch đặt cho tôi như trong những lần truyện trò khác. Biết sắp có chuyện hệ trọng, tôi "thu xếp" mãi mới sang DC thăm được anh, thì anh đã nằm thật im trong hòm gỗ mất rồi!

Anh nằm thanh thản nhưng người tới thăm thì khó chịu lắm, anh Ba Tốc ạ. Anh luôn luôn có nụ cười thật tươi và đôi mắt tinh lanh như một chàng trai mới lớn cơ mà? Sao anh cứ nằm im, mím chặt miệng lại như vậy? Chỉ trong vài ba giờ đồng hồ nữa, tất cả hình hài anh sẽ bị lửa đốt ra thành tro bụi! Tiểu Du Đãng này không có duyên được gặp anh sớm hơn vài bữa, nên xin chít vành khăn trắng lễ anh để tỏ lòng kính mến "ông anh tốc kê" mà vô cùng khả kính, nay đã rời cõi đời, tìm nơi khác rong chơi! Đứng trước cảnh tử biệt của một con người có tư cách khác thường, Tiểu Du dù có du đãng tới đâu cũng không cầm được nước mắt tiếc thương ông bạn vong niên dễ thương nhất thế giới của mình.

Tiểu Du tôi được tình cờ quen biết anh Ba Tốc từ chuyến về thăm quê hương lần đầu tiên (vào cuối năm 1993) tại nhà Nguyễn Thiệu Quang. Một buổi chiều tình cờ khác, hai anh em gặp lại nhau khi cùng tới thăm chị Trần Thị Thức ở quận Tân Bình. Khi đó, chồng của chị Thức là anh Đoàn Viết Hoạt còn bị tù tại Thanh Cẩm. Biết Thức sẽ chỉ về nhà vào buổi khuya, anh đề nghị chở tôi đi ăn phở Bình (đường Yên Đổ xưa) bằng chiếc mô-tô cũ kỹ, giống như loại xe của thập niên 1970!

Bữa đó anh Như Phong còn sung sức, khỏe khoắn như một người trung niên. Anh lái xe mô tô chở Tiểu Du len lỏi qua nhiều ngõ ngách để tránh nạn kẹt xe của đường phố Saigon. Anh ra chỉ thị cho tôi trước khi tới tiệm ăn: "Cô tới đó ăn phở nhưng nhớ nhắm mắt lại, không được nhìn lên tường nghe, kẻo cô sẽ nuốt phở không trôi đâu!" Anh báo trước một cách nghiêm nghị, nhưng Tiểu Du lại nghĩ ảnh vẫn có thói quen đùa rỡn, và cũng để thỏa trí tò mò, khi tới tiệm phở là tôi dớn dác nhìn cho khắp mấy bức tường. Quả nhiên, tiệm phở treo một tấm bảng ghi công của chính phủ Cộng Sản: "Trên lầu căn nhà lịch sử này là nơi xuất phát lệnh tấn công Saigon vào dịp Tết Mậu Thân 1968!"

Trong bữa ăn phở đó, Tiểu Du tôi được hiểu thêm nhiều về một con người vui tính, dí dỏm và trẻ trung, dù anh đã rất cao tuổi. Tôi theo chị Trần Thị Thức, gọi anh là Ba Tốc hay anh Tiến Như Gió (dịch chữ Như Phong). Chúng tôi thường trêu chọc, nói, "Anh vừa tốc-kê vừa tiến nhanh, tiến lẹ như gió thần phong, thảo nào Cộng Sản nó cũng phải sợ!" Rất nhiều người nể trọng anh về tư cách và kiến thức. Anh Ba Tốc của chúng tôi am tường về rất nhiều lãnh vực, khó có ai bằng. Ông họ Ngô, chủ bút báo Người Việt đã gọi anh là một "nhà báo của các nhà báo," đủ hiểu anh được giới truyền thông kính trọng nhường nào.

Buổi tối trước ngày tang lễ nhà báo Như Phong, Tiểu Du nghỉ lại nhà Lan Đài, cô con gái nuôi của anh. Tôi nằm trên cái Futon kê ở nhà dưới, nơi anh vẫn ngồi nghỉ hàng ngày. Lục lọi vài cuốn sách truyện chót mà anh đang đọc dở, bỗng dưng tôi nhìn thấy "Quyết định sau cùng" của anh trên đầu giường. Vẫn những dòng chữ dắn dỏi, vẫn lối lý luận ngắn gọn thật sáng sủa như khi viết báo, anh viết dặn dò người thân về hậu sự của anh. Anh cho biết anh chỉ theo "Đạo Nhịn" (ăn) nên không cần tổ chức nghi lễ tôn giáo chi hết, và chỉ nên làm giấy "báo tử" một cách đơn giản, tang lễ thì cũng chỉ muốn có vài chục người thật thân chứ không nên làm phiền nhiều người...

Lan Đài rất mừng khi Tiểu Du đưa cho cô bản "chúc thư" đó vì sau khi vội vã bay từ nơi đang họp (Tokyo) về thủ đô DC, cô cố lục lọi vẫn không tìm thấy nó, dù cô đã nghe Bố nuôi cho biết đại cương nội dung rồi. Tuy nhiên, cô con gái quý của anh cũng đã rất hiểu ông Bố nuôi nên cô ta chưa đọc thư mà đã biết làm mọi chuyện theo ý anh muốn: giản đơn và thanh tịnh, chỉ gửi tin báo tử tới vài chục bà con và bè bạn rất thân.

Thuở sinh thời, cũng nhờ ý chí cứng như thép của Ba Tốc mà nhà tù Cộng Sản đã phải trả tự do cho anh sau khi anh làm đơn "Xin Phép Nhịn" từ 7 tới 9 tuần lễ. Vốn là một trong vài ba tù nhân được nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế chú ý, và trong các kỳ tuyệt thực trước, khi nói "nhịn" là anh Như Phong nhịn thật sự, nhịn suốt thời gian vài ba tuần lễ như anh đã định. Vậy nên lần chót này, sau khi anh gửi đơn và nhịn được ít ngày, chính quyền đã phải ra lệnh thả anh ra. Họ sợ anh nhịn đủ bảy tuần thì sẽ chết trong tù, và họ sẽ không biết trả lời các tổ chức quốc tế ra sao!

Tình cha con kết nghĩa

Mấy năm chót anh sống thật hạnh phúc bên cạnh cô con gái nuôi Lan Đài, có lẽ ngoan hơn nhiều con ruột của một số gia đình khác. Lan Đài chăm sóc, chiều chuộng anh từng ly từng tý, khiến cho anh có lần phải khen :"Làm sao con mới từng ấy tuổi, lại sống ở ngoại quốc lâu năm, mà có thể nấu những món ăn của các bà già Việt Nam ngon vậy? " Tiểu Du biết anh Như Phong rất sành ăn và không ưa nói phỉnh.

Lan Đài gặp anh tại đài Á châu Tự Do (RFA) vì công việc phát thanh. Nhưng không biết cái duyên có từ kiếp nào mà cô bé khi gặp là thương kính ngay cái ông già trên 70 tuổi đó! Tiểu Du tôi không lấy làm ngạc nhiên như nhiều người khác, vì biết anh rất có duyên với lứa tuổi thanh niên. Hồi anh còn ở California, mấy thanh niên hoạt động thường tới "vấn kế," học hỏi với anh hàng tuần. Một cô bé 20 tuổi từ Úc qua Cali nghỉ hè, tình cờ gặp anh. Cô cũng bỏ đi chơi, thức mấy đêm liền để được chuyện trò với "ông già vui tính." Anh Ba Tốc giải thích: anh suốt đời là "một thanh niên độc thân," chỉ có bằng B.A. (Bachelor and Available), vì anh cho rằng nếu thi xong bằng M.A. (Master and Available) thì sẽ phải thi Ph.D. (Pushing Hard for Divorce), để rồi lại trở thành B.A. mà thôi. Vậy nên anh chẳng muốn thi cử làm chi cho mệt!

Anh rất dễ thương đối với "giới trẻ" cũng như đối với người lớn, nhưng anh lại có cái kỹ càng, tinh tế của một ông đồ nho. Thoải mái, vui vẻ, anh cũng rất nhạy cảm trong mọi giao tiếp cá nhân. Những ai không có "tần số" gần cận, anh thường ít giao thiệp. Trong những năm chót, thì giờ của anh hầu như được dùng hoàn toàn vào việc thu góp tài liệu lịch sử cận đại và viết báo.

Anh Như Phong và cô con gái nuôi Lan Đài có thể nói chuyện và cảm thông nhau rất nhiều trong lý tưởng giúp ích cho đất nước Việt Nam trên đà dân chủ hóa... Nhưng Tiểu Du vẫn khá ngạc nhiên khi thấy nhà báo lão thành và nghiêm túc đó lại chịu nhận lời thỉnh cầu của một "cô bé" để dọn về sống chung như cha con dưới một mái nhà. Lan Đài kể chuyện sau khi gặp nhà báo Như Phong ít lần, cô tự nhiên cảm mến ông như người cha tinh thần, và ông cũng thương cô như con gái vậy. Lan Đài đã thuyết phục được "ông già" cho phép cô trông nom ông cho hết quãng đời còn lại, để ông có một mái ấm, một gia đình trở về sau những kỳ lang bạt khắp nơi kiếm tìm tài liệu. Sau khi đã ngắm mấy căn nhà có thể mua được, Lan Đài đã để chờ cho ông Bố từ Pháp trở về coi xem ông ưng căn nhà nào. Đó là mùa hè năm 1998, sau khi nhà báo Như Phong Tây du một chuyến mấy tháng trường để tìm tài liệu về Việt Nam và các biến chuyển từ thời Pháp thuộc, vv...

Kỳ này lên gặp lại Lan Đài, tôi hiểu rõ vì sao anh Như Phong lại vui vẻ chấp nhận cái hạnh ngộ kỳ lạ ấy. Lan Đài đối đãi với nhà báo lão thành ấy bằng tấm lòng chân thật và tràn đầy thương kính , khiến cho ai thấy cũng phải cảm động, nữa là anh Như Phong. Có lẽ từ kiếp trước, hai bố con đã thất lạc nhau, kiếp này mới tìm lại được chăng? Bạn trai Joseph Rees của Lan Đài cũng rất yêu quý nhà báo Như Phong. Biết tiếng nhà báo từ khi anh còn đang ở trong nhà tù Cộng Sản, Joseph gặp được anh khi tiếp nối tình thân với Lan Đài sau một thời gian xa cách. Có lẽ nhà báo vui tính dí dỏm cũng là một sợi giây hồng giúp cho đôi trẻ nhiều lắm trong giao tình của hai người. Joseph tâm sự :

"Nhìn hai bố con họ thương mến nhau, tôi hiểu được Lan Đài nhiều hơn, và học theo 'bác Tiến,' tôi biết cách đối xử tốt đẹp hơn với cô bé." Lan Đài nhất định sẽ để tang bố một năm rồi mới làm đám cưới với anh chàng, và Joseph cũng vui lòng vì anh cho biết có lẽ anh quý bác Tiến không thua gì vị hôn thê của anh. Mối liên hệ trong sáng và đẹp đẽ của anh Như Phong đối với cặp tình nhân trẻ tuổi thật là điều hy hữu. Một liên hệ tình cảm thuần khiết, nhưng có nhiều người không gần anh đã không thể hiểu được.

Nhà báo Như Phong đã sống và chết thật nhẹ nhàng, tương tự như bài hát ngắn sau đây:

"When I rise - Let me rise - Like a bird, joyfully.
And when I fall - Let me fall - Like a leaf, gracefully,
Without regrets."

Tiểu Du chắc chắn anh Như Phong đang bay vèo thanh thản như chiếc lá gặp gió, đi khắp những nơi mà anh muốn tới. Du lịch là điều anh ưa thích nhưng chưa thực hiện được bao nhiêu, vì anh còn mải làm những việc giúp ích cho xứ sở và dân tộc./.

NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN, NHÀ BÁO CỦA CÁC NHÀ BÁO

ĐỖ QUÝ TOÀN

Ngay sau khi có tin Tiêu Dao Bảo Cự bị bắt ở Đà Lạt, nhà báo Như Phong nhận được một cú điện thoại, do một nhân viên của Asia Watch gọi. Đó là một tổ chức tranh đấu cho nhân quyền, trụ sở ở New York. Người gọi muốn biết tin tức về vụ bắt bớ này, về tiểu sử của Bảo Cự, lý do tại sao nhà văn này bị bắt, v.v... Như Phong Lê Văn Tiến cung cấp cho họ tất cả những tin tức mà ông biết về vụ bắt Bảo Cự. Ông nhắc lại, chính tổ chức Human Rights Watch, phân bộ Á Châu, đã tặng ông một giải thưởng về Tự Do Phát Biểu (Free Expression Award) năm 1993, khi ông còn ở Việt Nam. Ông tự coi mình có bổn phận giúp các tổ chức tranh đấu cho quyền làm người, nhất là tranh đấu cho quyền của con người ở Việt Nam. Sau khi trả lời nhân viên của Asia Watch, Như Phong quay lại nói: "Sáng nay tôi mới gọi cho Hoàng Minh Chính, báo tin Bảo Cự bị bắt. Anh ấy cám ơn quá, vì ở Hà Nội họ chưa biết gì về tin đó cả." Một vụ bắt bớ xảy ra ở Đà Lạt vào ngày thứ hai, đến ngày thứ tư ở Hà Nội mới biết nhờ một người ở California! Như Phong làm các công việc thông tin đó, tự nhiên như thở khí trời. Mà nếu không được thở như vậy thì chắc ông khó sống. Không tiếp tục tranh đấu cho quyền làm người của dân tộc Việt Nam thì chắc ông cũng không thấy còn lý do để sống.

Nhưng Lê Văn Tiến không phải chỉ là nguồn tài liệu tranh đấu cho nhân quyền. Ông cũng là kho tài liệu sống của bao nhiêu người hoạt động trong các lãnh vực báo chí, truyền thông khác. Khi các đài phát thanh BBC, RFA, VNCR ... hay tạp chí *The Far Eastern Economic Review* muốn tham khảo về một tin tức mới từ Việt Nam loan đi, họ thường gọi và phỏng vấn Như Phong. Sau khi Đảng Cộng Sản Việt Nam kết thúc Đại hội 8, nhật báo *Người Việt* muốn tổ chức một buổi thuyết trình để tìm hiểu nội tình đảng Cộng Sản và tình hình trong nước sau kỳ họp đó, người được mời thuyết trình là nhà báo Như Phong. Sau khi đến tạm trú ở Mỹ từ năm 1994, Như Phong đã giúp đỡ, cộng tác với các báo Việt ngữ bằng ý kiến, tài liệu, các bài thuyết trình, và các bài viết. Nếu có tên một nhân vật nào đó trong đảng Cộng Sản vừa xuất hiện trong bản tin Reuter chẳng hạn, người ta có thể gọi tới Như Phong hỏi thêm. Ông sẽ suy nghĩ giây lát, rồi rút từ "bộ nhớ" trong óc ông một hồ sơ để tham khảo. "Cái anh này, nó có ở Trung ương khoá Sáu, khóa Bẩy. Đến khoá Tám thì nó rớt... Còn anh này, hồi xưa nó đi với cánh Mai Chí Thọ, sau nó về với phe...." Đối với lớp người làm báo tương đối trẻ, Như Phong là một bậc đàn anh, một "anh lớn," nhưng một đàn anh rất hoạt động, vui tính, thân mật, coi mọi đồng nghiệp là ngang vai bằng lứa, và đôi khi ông còn rất tếu! Ông tếu hơn nhiều người trẻ tuổi lớp sau.

"Tôi là người luôn luôn lạc quan!" Như Phong nói khi được hỏi ông nghĩ thế nào về tình hình tương lai Việt Nam. Có người trẻ tuổi đã phê bình rằng Như Phong lạc quan quá đáng. Ông tin rằng Việt Nam sẽ thoát nạn Cộng Sản, vàsớm chứ không muộn. Ông tin ở lẽ phải: "Lời nói phải củ cải cũng nghe." Ông nhắc lại câu tục ngữ và không quên nhấn mạnh: "... nếu khi nói, mình không vụ danh, không vụ lợi."

Không danh lợi, đó cũng là nếp sống tự nhiên của Như Phong Lê Văn Tiến. Không vợ con, không giữ một chức vụ nào trong chính quyền, dù có khi ông được mô tả là người đề nghị tên của hàng chục vị Tổng trưởng, Bộ trưởng trong một chính phủ thời Việt Nam Cộng Hòa. Ông chỉ góp ý kiến cho vị Thủ tướng thời đó về một danh sách chính phủ với điều kiện chính ông không tham dự, để bảo đảm việc đề cử của ông là cốt vì công ích, không phải vì tình riêng. Nhà báo Phan Lạc Phúc viết: "Ngoài nghề viết báo anh còn là một yếu nhân trong hậu trường chính trị. Anh có dáng vẻ một quân sư cỡ lớn. Nhiều chính khách thuộc Đệ Nhị Cộng Hòa chạy một chân Bộ trưởng hoặc Tổng giám đốc thường lui lới căn gác treo đầy phong lan của nhà báo Như Phong... Ông giống như một con rồng lẩn khuất trên mây... không rõ

hình dung thật sự thế nào."

Cuộc đời làm báo của Như Phong bắt đầu năm 1945, khi ông 22 tuổi, làm phóng viên cho tờ *Việt Nam Thời Báo*. Cũng trong năm đó, ông làm việc với báo *Ngày Nay*, do Khái Hưng làm chủ nhiệm, một cơ quan ngôn luận của Quốc Dân Đảng. Nhưng Như Phong không tham gia sinh hoạt chính trị của một đảng phái nào. Năm 1954, ông cùng nhiều nhà văn miền Bắc di cư lập ra nhật báo *Tự Do*. Ông làm Tổng Thư ký nhật báo này cho đến năm 1963. Cũng trong thời gian đó, trong năm 1957 ông là một hội viên sáng lập Trung Tâm Pen Club Việt nam thuộc PEN quốc tế. Sau khi nhật báo *Tự Do* bị đình bản, ông trở thành một ký giả độc lập, cộng tác với các tổ chức báo chí quốc tế như *The Forum World Features* hay tạp chí *The China Quarterly*. Từ khi tới Hoa Kỳ năm 1994, ông cộng tác với các báo *The Asian Wall Street Journal* và *The Far Eastern Economic Review*. Trong thời gian ở tù dưới chế độ Cộng Sản, Như Phong được mời làm hội viên danh dự của nhiều trung tâm PEN quốc tế ở Âu Châu và Bắc Mỹ. Nhưng cuộc đời ông đã biết mùi tù đầy từ năm 20 tuổi.

Năm 1943, Như Phong đã bị Pháp bắt bỏ tù. Sau đó đến lượt Nhật, rồi Việt Minh bắt giam ông. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông cũng từng bị bắt giam. Nhưng thời gian bị tù lâu nhất của ông là thời Cộng Sản sau 1975. Ông bị giam hai lần, từ 1976 đến 1988, rồi từ 1990 đến 1992. Khí phách của ông được tất cả các bạn tù kính nể. Những người đã thoát trước ông như Trần Dạ Từ, Đinh Quang Anh Thái ... đều nói đến tư cách hào hùng, cương nghị của Như Phong, Doãn Quốc Sỹ... với niềm thán phục. Nhưng sức dẻo dai của ông còn làm cho người không ở tù cũng phải kinh ngạc. Ngay sau khi rời Việt Nam ông đã làm việc ngay với PEN quốc tế để tranh đấu cho quyền tự do ngôn luận ở nước nhà. Nhà báo Dinah Lee Kung kể trong bản tin của PEN trong tháng Mười Một, 1994: "Trong vụ bị bắt giam gần đây nhất ở Sài Gòn, ông bị giam cùng một phòng với 35 người trí thức khác, mỗi người được 75 cm không gian. Tù nhân không bao giờ được rời khỏi phòng giam... Mặc dù sau nửa thế kỷ bị tù đầy nhiều lần, lòng thiết tha của ông đối với nghề báo vẫn không giảm đi chút nào..."

Năm 1975, Như Phong đã quyết định ở lại Việt Nam. Một người bạn của ông, giáo sư Patrick J. Honey, viết cho một người Việt ở Mỹ ngày 7 tháng 7 năm 1975, than thở chuyện Như Phong quyết định không đi: "I could never get him to leave his beloved Việt Nam – Tôi chẳng thể nào kéo ông ta rời khỏi được nước Việt Nam yêu dấu của ông." Hai mươi năm sau, cũng chính giáo sư Honey đã viết cho Như Phong sau khi ông sang đến Mỹ: "Tôi đọc, rồi đọc lại thư anh... với sự kinh ngạc lớn lao và niềm cảm phục vô bờ bến trước sự chịu đựng những nỗi cực khổ về vật chất cũng như tinh thần của anh. Tôi biết rằng trong thư anh không viết gì về tất cả những nỗi cực khổ trong đời sống tù đày đó... Làm cách nào con người có thể sống sót sau khi tuyệt thực bảy tuần lễ, nhất là sau khi đã chịu đựng cảnh khốn khổ tù đầy, thật ngoài sức tưởng tượng của tôi!... Làm cách nào anh còn giữ được sự tỉnh táo, chưa nói đến quan tâm về trí thức , sau bao nhiêu năm sống trong cảnh đó, thật là đáng kinh ngạc!... Tôi không thể tưởng tượng có một người thứ hai nào trên trái đất này còn muốn bắt đầu xuất bản một tờ báo vào cái tuổi 71 của anh, mà coi đó chỉ là một bước đầu để xây dựng..." Không những thế, ngay trong cảnh tù đầy, Như Phong vẫn không bỏ thói quen theo dõi tin tức tình hình thế giới. Khi đế quốc Nga Sô sụp đổ, chính các cán bộ công an Cộng Sản Sài Gòn đã tìm gặp Như Phong để hỏi han, nhờ phân tích tình hình.

Nhà báo Phan Lạc Phúc viết về Như Phong: "Những huyền thoại trong tù của Như Phong cũng như của Hà Thượng Nhân đã khiến cho nhiều bạn tù cảm kích. Các anh là những tù nhân lương tâm. Là người thất trận, sa cơ, nhưng các anh là đại diện chân chính cho làng báo miền Nam, không cúi đầu trước uy vũ bao giờ." Có lẽ đó là vinh dự cao nhất tặng cho một nhà báo, khi một đồng nghiệp ngợi khen. Lòng kính trọng của đồng nghiệp, niềm tin tưởng của lớp đàn em đi sau, là những điều mà nhà báo Như Phong có thể hãnh diện, dù ông là người sống rất đơn sơ và khiêm tốn chân thành. Những người theo đuổi nghề làm báo sau ông có thể thấy nơi ông một tấm gương sáng. Ông mang tặng cho chúng tôi niềm tin vào nghề nghiệp của mình, là biết dùng lời nói của mình, lời nói phải, và nói sự thật. "Lời nói phải củ cải cũng nghe." Ước mong những người làm báo Việt Nam, ở trong cũng như ngoài nước, cùng lấy câu tục ngữ này làm châm ngôn, để giữ phẩm giá và danh dự nghề nghiệp của mình.

(Khai triển và cập nhật hóa bài viết trên Nhật báo Người Việt ngày 16 tháng 11 năm 1996)

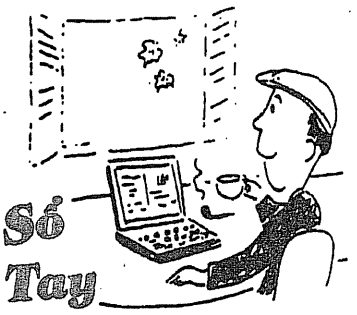

NGÔ NHÂN DỤNG

Đồng bào An Khánh biểu tình

Đồng bào ở An Khánh, quận Hoài Đức tỉnh Hà Tây đã chọn đúng ngày để đi biểu tình, trước ngày Trung ương Đảng số 9 của Cộng Sản Việt Nam khai mạc khóa họp thứ bẩy, biểu tình hôm trước thì hôm sau ông Nông Đức Mạnh chắc phải nhắc tới mình. Ông Mạnh nói với 150 ủy viên Trung ương Đảng rằng họ "phải đánh giá đúng đắn, thẳng thắn [...] những hạn chế, yếu kém còn tồn tại ..." Hơn nữa, ông Mạnh nhắc lại, phải "thẳng thắn, nghiêm khắc chỉ ra những mặt yếu kém, hạn chế ..."

Một ông Tổng Bí thư đảng Cộng Sản mà thú nhận còn "những hạn chế, yếu kém," rồi nhắc lại cho nó chắc, còn cả "những yếu kém, hạn chế," như vậy là thành thật quá rồi, dân không nên đòi hỏi nhiều hơn.

Ông Nông Đức Mạnh sau đó nói tới "những vấn đề bức xúc như lãng phí, tiêu cực, thất thoát ...; cải cách hành chính còn chậm; tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm còn rất nhức nhối, tai nạn lưu thông, cháy rừng, ... cháy ở các khu công nghiệp, đô thị lớn ..." Rồi ông Mạnh kết thúc theo lệ thường, là còn "một số vụ việc còn phức tạp ..."

Đáng lẽ ra ông Mạnh chỉ cần tóm tắt cả bài diễn văn bằng mấy chữ "một số vụ việc còn phức tạp ..." cũng đủ rồi. Nhưng ông thành thật nói thêm đến "tình trạng quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước và tiêu cực xã hội chưa giảm." Tới đây thì đồng bào An Khánh có thể yên tâm là ông Nông Đức Mạnh đang nói về chính cuộc biểu tình của họ.

Vì cuối cùng, khi đảng Cộng Sản có sợ dân An Khánh làm dữ hơn, họ có tự phê bình kiểm thảo, đấm ngực ăn năn, thì họ cũng không bao giờ thú nhận rằng tất cả tội lỗi là do cơ cấu tổ chức và chủ nghĩa lỗi thời của đảng. Không, bao giờ họ cũng chỉ đổ lỗi cho "một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng, v.v.."

Nếu bà con ta còn nhớ, thì sau vụ nông dân Thái Bình nổi dậy bắt giam cả mấy chục công an, bộ đội, đảng Cộng Sản Việt Nam cũng đã "thành khẩn kiểm điểm" và vạch rõ rằng lý do chính là "một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng." Còn vụ Uy Nỗ thì sao? Đảng Cộng Sản cũng khám phá ra là "một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng, v.v.." Vụ Hải Dương gần đây nhất cũng thế. Và vụ An Khánh bây giờ cũng vậy. Bao giờ họ cũng đọc câu thần chú "một bộ phận cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng." Và như thế là xong.

Ông Nông Đức Mạnh đã động viên các ủy viên Trung ương Đảng phải phân tích sâu sắc thực trạng, phải đánh giá, phải dự báo các tình huống phức tạp có thể xẩy ra, phải, vân vân, để chuẩn bị cho đại hội Đảng nửa nhiệm kỳ, vào cuối năm 2003. Ngay bây giờ người dân Việt Nam đã có thể dự báo ông Nông Đức Mạnh sẽ nói gì trước đại hội đó. Chắc chắn ông sẽ yêu cầu đại hội "thẳng thắn, nghiêm khắc chỉ ra những mặt yếu kém, hạn chế còn tồn tại..." Và đại hội đó sẽ khám phá ra một lần nữa rằng vẫn còn "một bộ phận không ít cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng."

Nhưng bản chất của vấn đề gây ra cuộc biểu tình của đồng bào An Khánh hai ngày qua, và vụ Hải Dương trong tháng trước, là vấn đề một nước không có luật pháp minh bạch công khai, và không công nhận quyền sở hữu đất đai của người dân. Cả hai điều đó là hệ quả của chế độ độc tài đảng trị. Khi dân bị ép quá, thì họ chỉ còn nước đi biểu tình, đập phá xe nhà nước, đánh công an, giam cán bộ. Mấy trăm người dân tích cực bầy tỏ ý kiến chống nhà nước, nhưng mấy ngàn người túc trực "tham quan" cuộc biểu tình thực ra cũng tham dự biểu tình một cách thầm lặng. Vì vấn đề luật pháp và quyền sở hữu đất đai là vấn đề chung của tất cả mọi người.

Khi luật pháp không rõ ràng thì cán bộ nhà nước hoạch định một khu công nghiệp cũng không biết dựa vào luật lệ nào, chỉ biết coi mệnh lệnh của cấp trên là tiêu chuẩn cao nhất. Khi người dân không có quyền sở hữu trên đất đai mà mình đang cầy cấy hay cư ngụ, ai cũng là người đi thuê đất với quyền sử dụng tạm thời, dù lâu dài nhưng

nhà nước lấy lại lúc nào cũng được. Trong tình trạng ai cũng ăn nhờ ở đậu trên mảnh đất của mình thì không có một thị trường nhà, đất để biết giá cả đền bù như thế nào là phải. Hai tình trạng luật pháp lờ mờ và không quyền sở hữu tạo cơ hội cho các cán bộ tha hồ nhũng lạm. Cán bộ cấp trung ương và địa phương cũng tha hồ tranh ăn với nhau trong "thị trường tham nhũng" vì ai cũng có thể giải thích luật lệ theo ý mình để thủ lợi. Một chế độ không minh bạch công khai tạo cơ hội cho mọi thứ tham nhũng, lạm quyền.

Nhưng hậu quả của tình trạng trên không phải chỉ thu hẹp trong phạm vi một vài xã ở Hải Dương hay Hà Tây. Ảnh hưởng sẽ sâu và rộng hơn, trên cả nền kinh tế. Một vụ tranh tụng đất đai nào cũng được các nhà đầu tư trong nước và ngoại quốc theo dõi. Họ phải nhìn thấy tình trạng các đống sắt để nằm trơ trong "cụm công nghiệp An Khánh" từ tháng Năm, tháng Sáu đến giờ chỉ vì dân phản đối và không ai trong bộ máy nhà nước biết phải làm gì. Người ta sẽ thấy ngay nhược điểm chính là thiếu một hạ tầng cơ sở pháp lý cho việc đầu tư và phát triển. Các công ty xe gắn máy Nhật Bản sang mở nhà máy chế tạo bộ phận mới học được một bài học về chế độ tự tiện cho làm gì thì cho, muốn bảo ngưng lúc nào thì bảo. Bây giờ lại thêm những lôi thôi về đất đai, từ Hải Dương đến Hà Tây, còn ai dám đầu tư vào Việt Nam nữa?

Tình trạng này không thể giải quyết theo lối ông Nông Đức Mạnh, cái gì cũng coi là "một số vụ việc còn phức tạp ..." Không thể chỉ đổ lỗi cho "một bộ phận không ít cán bộ, công chức trong bộ máy Đảng, Nhà nước ... đã thoái hóa, biến chất để trở thành quan liêu, tham nhũng." Muốn phát triển đất nước thì phải trừ căn bệnh này tận gốc. Cái gốc lớn gây ra mọi tệ nạn là chế độ độc tài đảng trị, là một chủ nghĩa lạc hậu lỗi thời, mà chỉ còn các ông bà ủy viên Trung ương Đảng muốn bám chặt lấy để bảo vệ các quyền lợi cho cá nhân và gia đình họ.

Hậu Saddam

Một ký giả báo *New York Times* đã đi qua nhiều thành phố ở Iraq nơi đa số dân là người theo phái Si Ai đạo Hồi. Những gì ông ta thuật cho thấy sau khi chế độ Saddam Hussein bị lật đổ, đất nước này có cơ sẽ loạn.

Ông Saddam Hussein và những thủ lãnh trước ông ta cầm quyền dựa trên những người theo giáo phái Su Ni, và đảng Ba'ath theo một thứ cũng gọi là chủ nghĩa Xã hội. Người Si Ai chiếm từ 60% đến 65% dân số, phần lớn sống ở phía Nam. Từ khi Iraq độc lập, họ chưa bao giờ được nắm quyền trong bộ máy hành chánh, quân sự hay cảnh sát. Nhiều người đang cổ động thành lập một quốc gia mới với chế độ thần quyền giống như ở Iran, một xứ đa số cũng theo phái Si Ai Hồi Giáo.

Tại thành phố Najaf, ký giả Nicholas D. Kristof đã nghe kể lại những thảm cảnh do chế độ Hussein gây ra mà dân chúng không bao giờ quên. Lính của ông Hussein đã bắt một thủ lãnh Si Ai, ông Muhammad Bakr al-Sadr, tra tấn bằng cách đốt râu của ông ta. Ông còn bị bắt buộc phải chứng kiến cảnh em gái của ông bị làm nhục rồi giết chết. Sau cùng chính ông al-Bakr bị đóng đinh lên đầu cho đến chết. Người Si ai ở thành phố này chỉ chờ ngày chế độ Hussein sụp đổ là họ sẽ trả thù những gia đình có người trong chính quyền và đảng viên đảng Ba'ath.

Năm 1991 quân Mỹ đang đánh đuổi đám tàn quân của Saddam Hussein từ Kuwait chạy về, dân Si Ai ở thành phố Basra nổi dậy, phong trào nổi loạn lan như cháy rừng sang các thành phố khác. Tại Najaf, dân chúng tấn công trụ sở đảng Ba'ath, ném những cán bộ và đảng viên qua cửa sổ để đám đông dưới đường chém giết. Cả đàn bà, trẻ con cũng giết để bị trả thù thế mạng chồng, cha. Hai tuần sau, khi Mỹ ngừng tiến quân, Saddam Hussein cho lính của ông ta đến đàn áp dân Najaf. Họ đốt nhà cửa, chợ búa, trường học, nhà thương. Nhiều người dân theo đạo Si Ai bị treo cổ lên cột đèn, nhiều người bị buộc dây kéo sau xe thiết giáp cho đến chết. Quân đội Mỹ đứng ngoài, mặc dầu trước đó dân Si Ai tin rằng Mỹ khuyến khích họ nổi lên chống Saddam Hussein. Chính phủ của cựu Tổng thống Bush không khuyến khích mà cũng không ngăn cản. Họ ngưng tiến quân, chỉ đòi hỏi ông Hussein ký hiệp ước trong đó có điều khoản phải tôn trọng những vùng có dân Si Ai sống. Những lãnh tụ người Si Ai đã chạy sang Iran, chờ ngày trở về phục hận. Thủ lãnh Si Ai của Iran, Ayatollaah Khomeini khi trốn chế độ Sa hoàng đã tị nạn ở thành phố Najaf suốt 13 năm trước khi đổi sang ở Pháp rồi trở về lật đổ Sa hoàng.

Hồi thập niên 1980 chính phủ Mỹ đã giúp Iraq khi ông Saddam Hussein gây chiến với Iran, Mỹ bán các nguyên liệu chế tạo vũ khí sinh học (vi trùng) cho ông Hussein vì chế độ thần quyền ở Iran đáng ghét hơn. Nếu Mỹ

đánh Iraq thì Iran sẽ hưởng lợi. Đầu tháng 12 chính phủ Mỹ đã mời một thủ lãnh Si Ai Iraq cử người qua London họp với các nhóm chống Saddam Hussein, ông al-Hakim sống ở Teheran, thủ đô Iran từ gần 20 năm nay, và chính phủ Iran đã ngầm giúp Mỹ khi cho phép ông hợp tác.

Ở phía Bắc Iraq, giống người Kurd cũng được Mỹ bảo vệ trong hiệp ước đình chiến, nhưng đã có lần bị quân đội của Saddam Hussein tấn công khi hai đảng của người Kurd đánh lẫn nhau. Trên lãnh thổ của người Kurd có vùng mỏ dầu hỏa, nơi quân của Saddam Hussein kiểm soát. Người Kurd vẫn muốn thành lập một quốc gia riêng bao gồm cả những khu có người Kurd sống tại Thổ Nhĩ Kỳ và Iran. It nhất, họ muốn có một vùng tự trị trong xứ Iraq để đòi lại tài nguyên dầu lửa. Khu vực này cũng bị Thổ Nhĩ Kỳ nhòm ngó, người Kurd ở Thổ muốn chia phần. Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã có mật lệnh cho quân đội tiến vào Iraq nếu chiến tranh xẩy ra, biện minh bằng vấn đề dân tị nạn. Nếu Mỹ đánh Iraq, thế nào cũng có hàng triệu người Kurd ở miền Bắc chạy đi tị nạn sang Iran hoặc qua Thổ Nhĩ Kỳ. Năm 1991 chuyện đó đã xẩy ra. Vì vậy quân đội Thổ đã dự trù kế hoạch ngay khi súng bắt đầu nổ sẽ thành lập ngay 12 trại tị nạn cho người Iraq gốc Kurd ở ngay trong lãnh thổ Iraq. Nghĩa là quân Thổ phải tiến vào nước láng giềng! Chỉ khi nào các trại tị nạn ở Iraq đầy quá thì mới cho dân tị nạn vào các trại tị nạn bên Thổ Nhĩ Kỳ.

Các câu chuyện kể trên cho thấy việc thiết lập một chế độ thân Mỹ trên một mảnh đất như Iraq là điều rất khó khăn. Dân Iraq có nhiều điều kiện để xây dựng một thể chế dân chủ, pháp trị nếu có thời giờ: Nước này nhiều người biết chữ, có một lớp trung lưu với trình độ học vấn cao, phụ nữ Iraq được bình đẳng hơn phụ nữ các nước Á rập khác, xã hội được tổ chức tách chính quyền ra khỏi thần quyền. Những phong trào Hồi Giáo cực đoan không có chỗ đứng ở Iraq vì họ là đối thủ cạnh tranh với đảng Ba'ath. Chỉ có một điều thiếu trong xã hội Iraq là suốt trong lịch sử họ vốn không quen sống với tinh thần trọng pháp và một xã hội công dân để làm nền tảng cho một chế độ dân chủ. Trong lịch sử gần đây các nước Nhật và Đức đã được tái thiết và dân chủ hóa là nhờ họ đã quen sống trong pháp luật và xây dựng những xã hội công dân qua mấy thế hệ.

Tháng trước một tờ báo thân cận với Tòa Bạch ốc đã tiết lộ là việc lập một chính quyền Iraq sẽ được trì hoãn, Tổng thống Bush không có ý làm vội. Thay vì ủng hộ một chính phủ trung ương cho Iraq sau khi ông Saddam Hussein đổ thì Mỹ có thể sẽ đặt một chế độ quân quản do vị chỉ huy quân đội đồng minh cầm đầu, giống như sau khi quân Mỹ chiếm Nhật Bản năm 1945. Coi cách chính phủ Mỹ đang làm ở Afghanistan chúng ta thấy chính sách ở Iraq sẽ khác hẳn. Chính phủ Karzai ở Afghanistan cho tới giờ vẫn chỉ có tính chất tượng trưng. Các lãnh chúa địa phương chưa chịu giải giới và quân đội quốc gia chưa thành hình. Thành lập một chính quyền dân chủ ở Iraq, trong thời gian 5, 10 năm sau chiến tranh, là một ảo tưởng.

Có thể ví Iraq như một xứ Nam Tư cũ, nhiều giống dân, nhiều tôn giáo, mới được ghép lại thành một quốc gia từ khi người Anh cai trị, và việc cắt đất phân gianh có phần gượng ép. Cũng giống như Nam Tư trong chế độ Tito, Iraq hiện còn là một quốc gia là vì có chế độ Saddam Hussein dùng sắt và máu. Sau khi nước Nam Tư tan rã vì đảng cộng sản bất lực chịu thua, chúng ta đã chứng kiến cảnh phân liệt, nội chiến, và thú tính con người được thả ra phóng túng, gây nên bao cảnh chém giết ghê rợn. Iraq khó thoát khỏi một tình trạng tương tự sau khi Saddam Hussein đổ. Chỉ có một cách tránh phân liệt là thiết lập một chế độ "bảo hộ" dưới chiêu bài Liên Hiệp Quốc. Sẽ có một chính phủ do người Iraq đứng đầu, giống như Nhật Hoàng từ năm 1945, nhưng quyền quyết định sau cùng sẽ đặt trong tay các đại diện của Liên Hiệp Quốc, mà chắc sẽ là một người Mỹ.

Tám con rồng rưỡi

Cách đây năm thế kỷ, theo Minh Sử, vào năm Gia Tĩnh thứ 27 giặc cướp phá hai tỉnh bờ biển Mân, Triết (Phúc Kiến và Triết Giang bây giờ) bọn cướp này triều đình Bắc Kinh gọi là "nụy khấu" tức giặc lùn xuất thân từ các hòn đảo thuộc Nhật Bản cấu kết với đám dân lưu lạc người Trung Hoa và bọn hào trưởng trong vùng.

Vua Thế Tông cử Triệu Văn Hoa tổng đốc việc binh cùng với viên tuần phủ họ Hồ tiễu giặc. Hai năm sau Văn Hoa thất trận, họ Hồ lên thay lo đánh giặc. Ông dùng kế bắt dân cư 35 dặm ven biển phải di cư vào miền trong đất liền khiến giặc không thể đi kiếm đâu ra lương thực. Tổng đốc họ Hồ đại thắng nhờ dùng kế dụ hàng và giết tên tướng giặc mạnh nhất. Minh Thế Tông phong ông tới hàm Binh

bộ Thượng thư. Khi về hưu, quan thượng thư xây dựng một từ đường lớn để thờ phượng tổ tiên, ở huyện Kỳ Khê, nay thuộc tỉnh An Huy trong vùng chân núi Hoàng San mà người Trung Hoa tin là nơi xuất phát của Hoàng Đế (Vua Vàng), vị thủ lãnh đầu tiên ghi trong lịch sử Hán tộc. Dinh cơ này nằm giữa những ngọn núi bao bọc như có thế ngai vàng, ngôi từ đường ngự chính giữa cái ngai thiên tạo. Đó cũng là vùng núi phong quang diễm lệ mà quý vị có thể đã nhìn thấy nếu xem phim "Phục Hổ Tàng Long" mới chiếu ở Mỹ mấy năm trước. Kiến trúc cổ kính đó tới ngày nay vẫn tồn tại, đặc biệt là di tích của cái cổng gỗ nguy nga giờ còn ghi dấu vết mối tham vọng thầm kín của tướng công họ Hồ, những dấu vết chỉ người trong họ nói nhỏ cho nhau nghe, sau đến dân làng được biết.

Vị tổng đốc trọng thần đó chính là Hồ Tôn Hiến (Hu Zongxian). Theo một bài của Ching Ching Ni, báo Los Angeles Times ngày Thứ bẩy 16 tháng 11 năm 2002 ông Hồ Tôn Hiến chính là tổ tiên của Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào. Và mối tham vọng thầm kín mà ông muốn con cháu đời sau thể hiện được diễn tả trên hình khắc chín con rồng ở mặt sau những cánh cổng – chỉ người trong nhà nhìn ra mới thấy được. Ở Trung Hoa ngày xưa, hình ảnh con rồng là tượng trưng cho ngôi Hoàng đế, số chín cũng là con số dành riêng cho Hoàng đế. Cho nên ông Hồ Tôn Hiến đã cho thợ trạm một con rồng nhỏ hẳn hơn hẳn tám con kia. Một nhân viên hướng dẫn du lịch tỉnh An Huy ngày nay chỉ cho các du khách thấy hình khắc chín con rồng đó và giải thích: Thực ra có thể gọi là chỉ có tám con rồng rưỡi mà thôi! (Không phạm tội khi quân!)

Ông Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Trung Hoa, dân chúng huyện Kỳ Khê coi là một niềm hãnh diện. Họ cho rằng vì địa thế phong thủy của ngôi từ đường cho nên giờ đây ông Đào lên ngôi thiên tử.

Phần liệt truyện trong Minh sử, đoạn Hồ Tôn Hiến truyện, chép rằng trong đám lưu dân nổi loạn có nhiều hảo hán kiệt hiệt như Uông Trực, Trần Đông, Ma Diệp, nhưng tay kiệt xuất là Từ Hải. Bọn này lén ra ngoài hải đảo làm chủ mưu cho giặc. Từ Hải gốc người Việt Đông (tỉnh Quảng Đông bây giờ) được Minh sử ghi là "*vô lại, xảo trá, và rất nghèo tuy nhiên có chí khí lớn, nổi tiếng là tay tráng sĩ.*" Có lúc bị truy tầm vì phạm tội đã đi trốn làm nhà sư pháp hiệu là Minh Sơn, ở chùa Hổ Quy, thuộc Hàng Châu, thành phố nổi tiếng bên con sông Tiền Đường. Vì đánh bạc thua bị các con bạc khác tìm đòi nợ "*cùng quẫn quá, Từ Hải đã trốn lánh ở nhà một nàng danh kỹ tên vùng Gia Hưng tên là Thúy Kiều. Ở với Thúy Kiều ít lâu, Từ Hải nhập bọn giặc nụy khấu làm thuyền chủ đóng quân ngoài biển, thường xâm nhiễu các địa phương thuộc Giang Nam. Năm Gia Tĩnh thứ 34, triều đình sai Triệu Văn Hóa ra tổng đốc việc binh vùng biển. Văn Hoa không am tường binh pháp nên kết đảng với tuần phủ Hổ Tôn Hiến. Năm Gia Tĩnh thứ 35 Từ Hải đem quân đánh thành Đồng Hương, quan quân triều đình chống cự không lại.. Lúc đó Triệu Văn Hoa đã trở về triều tiến cử Hồ Tôn Hiến làm Tổng Đốc quân vụ kiêm tổng đốc Triết Giang. Tôn Hiến dùng kế ly gián ít lâu sau bắt được Trần Đông và giết được Từ Hải.*"

Ngọa hổ tàng long

Một câu chuyện khác mà dân trong vùng thường nhắc đến là về cuối đời ông Hồ Tôn Hiến quyền cao danh vọng lớn khiến nhiều kẻ ganh ghét nên ông đã bị kẻ thù hãm hại. Ngay sau khi Hồ giết Từ Hải thì bị tố cáo ngay là giết tướng giặc đã quy hàng, nhưng được vua Minh Thế Tổ tha tội vì Hồ biết đem cống tiến nhiều báu vật cho các quan trong triều

Kết cục của Hồ Tôn Hiến là một bài học cho những người làm quan là phải biết kín đáo, đừng tự mình nổi bật lên, thế nào cũng bị ganh ghét! Tấm gương đó chắc cũng ảnh hưởng đến cuộc đời chính trị của ông Hồ Cẩm Đào. Hành trạng ông Đào như ngọa hổ tàng long, cho đến ngày ông leo lên ngôi cửu ngũ người ta cũng không biết ông thực sự đã nắm quyền hay chưa.

Gia đình họ Hồ đã lập nghiệp ở tỉnh Giang Tô từ ba đời, làm nghề buôn trà rất phát đạt. Phải nói là nhờ vận may dưa đẩy nên đến đời thân phụ ông thì buôn bán thất bại, phải đi làm thầy giáo. Nhờ vậy, trong những năm cộng sản đấu tố, gia đình họ Hồ thoát nạn và Hồ Cẩm Đào được nhận vào trường Đại học Thanh Hoa. Ông không phải đi lao cải trong thời Cách mạng Văn hóa nhờ đang làm công tác thủy điện ở tận tỉnh Cam Túc xa xôi và nghèo nàn, xa mặt trời và không bị ai ganh ghét.

Ông tiến thân rất nhanh nhờ lọt vào mắt xanh của ủy viên Bộ Chính trị Tống Bình nhờ thế được đưa về trung ương. Là ủy viên Trung ương Đảng trẻ nhất vào năm 39 tuổi, đến năm 42 tuổi lại là Bí thư Tỉnh ủy trẻ nhất nước, ở tỉnh Quý châu, do Hồ Diệu Bang, vị Tổng Bí thư có khuynh hướng cải tổ đề cử (hai người không có họ hàng.) Hồ Cẩm Đào trở thành ủy viên trẻ nhất trong Ban Thường vụ Bộ Chính trị năm 1992. Một người thăng quan tiến chức nhanh chóng như vậy mà cho tới nay không ai biết thật sự ông ta có ý

kiến, chủ trương, đường lối nào đặc biệt. Vì ông ít khi ra công chúng, và khi nói thì nói rất ngắn, chỉ nói đúng các điều đại cương trong nghị quyết của đảng chứ không có ý kiến riêng! Theo lối người Việt nói, ông Đào là người "lặn" giỏi, lặn ngay trước nhĩ mục quan chiêm của cả bàn dân thiên hạ.

Bí quyết tồn tại của ông Đào là không có một lập trường nào với mầu sắc quá tả hay quá hữu. Ông có nhiều cộng tác viên thân tín khi đứng đầu liên hiệp thanh niên cộng sản, nhưng không có một vây cánh lớn như đám Thượng Hải của Giang Trạch Dân. Khi làm phó chủ tịch nước ông từ chối không giúp đỡ các dự án tốn tiền của huyện Kỳ Khê vì tránh tiếng thiên vị quê hương cố tổ, và chắc cũng không muốn ai nhòm ngó đến ngôi từ đường mà Hồ Tôn Hiến đã dựng 5 thế kỷ trước.

Tuy lặn khéo nhưng ông Đào lại làm cho cả phe cấp tiến lẫn phe thủ cựu ai cũng có thể thấy ông chia sẻ một số quan điểm của mình, cho nên ông leo lên tới địa vị ngày nay. Nhưng người bà cô trong họ nuôi ông từ tấm bé sau khi mẹ ông chết sớm, nhận xét đúng nhất. Bà Lưu Bình Gia, năm nay 88 tuổi nói rằng hồi trẻ cậu Cẩm Đào rất ham đọc sách, tánh khiêm tốn, và luôn luôn vâng lời: "Nó không bao giờ ngắt lời người lớn." Có lẽ đó là bí quyết tồn tại và thăng tiến ở xã hội cộng sản, ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, từ đời Mao Trạch Đông đến đời Giang Trạch Dân!

Mới mà không đổi

Đảng Cộng Sản Trung Quốc thay đổi để tìm cách thuận theo dòng nước chảy miễn là họ vẫn nắm vững tay lái chiếc thuyền quyền lực trên đầu 1 tỷ 300 triệu dân. Đảng thay đổi hệ thống kinh tế, xã hội trong lúc cũng tự biến "đảng của giai cấp vô sản" thành một đảng của "những người có tiền và đang nắm quyền," không cần biết ý thức hệ nào cả. Những "tiến bộ" trong đường hướng mới của đảng Cộng Sản Trung Quốc là do nhu cầu thuận thủy thôi châu đó.

Đối với trong dòng nước lớn là xã hội Trung Quốc, ông Giang Trạch Dân đã chấp nhận tháo gỡ bộ máy kinh tế do đảng Cộng Sản lập ra từ nửa thế kỷ, đồng thời thả lỏng cho hệ thống kinh doanh tư nhân được nhiều tự do hơn mà phát triển. Nhưng đảng Cộng Sản cũng củng cố con thuyền đảng bằng cách thu nhận ngay các nhà tư bản vào trong hàng ngũ mình. Trong khi đó các cán bộ đảng viên cũng tự biến chính họ thành tư sản, mà nhờ quyền lực sẵn có họ tiến rất nhanh trong quá trình tư sản hóa. Giới tư sản trong và ngoài đảng sẽ liên kết với nhau trong việc cai trị nước Trung Hoa, cho đến một ngày nếu đảng Cộng Sản Trung Quốc có đổi tên, bỏ hết những khẩu hiệu còn tính chất giáo điều, thì dân chúng cũng không ngạc nhiên.

Ông Giang Trạch Dân vẫn nắm quyền chủ tịch nước cho đến kỳ họp Quốc hội vào tháng Ba sang năm. Trong Bộ Chính trị mới 9 người ông Giang Trạch Dân có 6 người thân tín, 3 trong số đó cùng tiến thân từ thành phố Thượng Hải, trung tâm công nghiệp, thương mại và tài chánh của Trung Quốc. Những người trong Bộ Chính trị ngoài Hồ Cẩm Đào còn có:

Ngô Bang Quốc, 61 tuổi, một kỹ sư cựu bí thư Thượng Hải do Giang đề cử, phó thủ tướng phụ trách công nghiệp.

Ôn Gia Bảo, 60, đang làm phó thủ tướng sẽ lên chức thủ tướng, đã từng giữ các chức Bộ trưởng Nông Nghiệp, Tài chánh, Bảo đã được thủ tướng Chu Dung Cơ tiến cử.

Giả Khánh Linh (62), cựu bí thư Bắc Kinh, đã làm phụ tá cho Giang Trạch Dân ở bộ Cơ khí. Khi làm bí thư tỉnh Phúc Kiến vợ của ông đã dính líu đến những vụ tham nhũng lớn nhưng ông thoát nạn.

Tăng Khánh Hồng (63), sát cánh với Giang từ năm 1989, đã cố vấn cho ông Giang ngay khi ông rời bỏ đảng ủy Thượng Hải về Bắc Kinh, trong việc chinh phục cảm tình của Đặng Tiểu Bình để được trao chức Tổng Bí thư sau vụ Thiên An Môn.

Ngô Bang Quốc và Hoàng Cúc (64), đều từng làm Bí thư Thị ủy Thượng Hải do Giang đưa lên, một người chắc sẽ thay Lý Bằng nắm chức chủ tịch Quốc hội, người kia làm phó thủ tướng. Hoàng Cúc có con gái lấy chồng đang ở San Francisco.

Hai người khác là Lý Trường Xuân (58), cầm đầu đảng ở Quảng Đông một tỉnh đông dân và giầu nhất nước, đã từng làm tỉnh trưởng Liêu Ninh và Hà Nam, vốn là kỹ sư. Và Ngô Quan Chính (64) bí thư tỉnh Sơn Đông, và cựu tỉnh trưởng Giang Tây, cả hai đều là những vùng cải tổ và phát triển nhanh bậc nhất.

La Cán (67) là người duy nhất đã học lý thuyết Mác xít ở Đại học Karl Marx ở Leipzig, Đông Đức trước khi sang nghề luyện kim, ông này được coi là do Lý Bằng bảo trợ. Cán là đàn em của Lý Bằng.Với các đàn em chiếm đa số trong Ban Thường vụ, ông Giang Trạch Dân nắm vững chức Chủ tịch Quân ủy trung ương thêm mấy năm nữa. Đó là chức mà Đặng Tiểu Bình vẫn giữ trong hai năm sau khi từ bỏ tất cả các chức vụ khác năm 1987. Chủ tịch Quân ủy nắm quyền trên 2 triệu rưỡi quân nhân tại ngũ./.

MUA SẮM SỚM MÙA GIÁNG SINH 2002

THANH THẢO

Theo thông lệ hàng năm, cứ sau dịp nghỉ lễ Tạ Ơn (Thanks Giving), người dân Mỹ khắp nơi bắt đầu chuẩn bị đón mừng Giáng Sinh bằng cách mua sắm quà cáp cho thân nhân và bạn bè. Năm nay khoảng cách thời gian giữa lễ Tạ Ơn và Giáng Sinh chỉ có bốn tuần lễ, thay vì năm tuần như những năm trước. Đối với đa số chúng ta sự rút ngắn sáu ngày mua sắm chẳng gây khác biệt bao nhiêu. Nhưng đối với những cửa hàng bán lẻ, mất đi sáu ngày bán hàng khiến họ phải thay đổi kế hoạch quảng cáo.

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 2 tháng 12, 2002, tính toán mức an toàn của hàng tồn đọng sau dịp lễ khiến họ giảm dự trữ hàng tồn kho tại tiệm và giảm dự kiến lợi nhuận thu được.

Kế hoạch giảm hàng tồn kho của các cửa hàng bán lẻ toàn quốc ảnh hưởng ra sao đối với người tiêu thụ?

Bán sớm và giảm số hàng hạ giá mùa Giáng Sinh 2002

Cho đến gần cuối tháng 11, 2002, nền kinh tế Hoa Kỳ nói chung không mấy khả quan. Số người thất nghiệp lần đầu tăng, và viễn ảnh cuộc chiến tranh với Iraq ngày càng gần trở thành sự thật khiến các cửa hàng bán lẻ năm nay không trông mong lập lại thành tích bán hàng tăng 5.6% của dịp lễ Giáng Sinh năm 2001.

Dự kiến của Hội Bán Lẻ Toàn Quốc, National Retail Federation, cho thấy mùa lễ năm nay các cửa hàng có thể tăng mức thu khoảng 4%. Tuy đây là tỉ lệ thấp, nhưng với dịp bán hàng chậm mùa tựu trường tháng Chín vừa qua, ngành bán lẻ cũng cho là may mắn rồi.

Để đối phó với dự kiến số hàng bán tăng chỉ có 4%, các cửa hàng giảm hàng dự trữ. Thay vì phải bán đổ bán tháo hàng quà Giáng Sinh vào ngày 26 tháng 12 như năm ngoái, các cửa hàng bán lẻ năm nay áp dụng kế hoạch "hàng tồn kho mỏng."

Theo Cơ Quan Thống Kê Liên Bang Hoa Kỳ, cuối tháng Chín vừa qua, các cửa hàng chỉ tồn trữ số hàng đủ bán trong một tháng rưỡi, giảm 4% so với năm 2001.

Hàng dự trữ tại tiệm Federated Department Store và May Department Store giảm 5% so với năm ngoái. Hai dãy tiệm bán lẻ này cho biết họ thà bán nhiều hàng với giá bình thường hơn là phải tồn trữ nhiều hàng rồi phải bán với giá hạ vào phút chót nhằm lấy vốn về.

Hai cửa tiệm này còn tăng cơ hội thu lợi nhuận sớm bằng cách gửi những phiếu hạ giá về nhà người tiêu thụ ngay từ đầu tháng 11. Những phiếu giảm giá bớt từ 10% đến 25% chỉ có giá trị trong một ngày hay hai ngày cuối tuần đã giúp hai cửa tiệm này thu một số lợi tức trước khi kỳ mua sắm mùa lễ hội chính thức bắt đầu.

Nhưng kế hoạch trên chưa chắc đã hay. Nếu người tiêu thụ đổi ý vào phút chót, đổ xô đi mua hàng tuần lễ cuối trước Giáng Sinh thì những nơi không có đủ hàng dự trữ sẽ phải... ngồi chơi, xơi nước.

Ngành bán lẻ thu lợi nhuận từ công việc... bán lẻ, thế thì để tiệm trống không có đủ sản phẩm bán là tính toán bất lợi.

Những cửa hàng dự kiến thu ít lợi nhuận mùa lễ hội này có thể tự góp phần biến dự kiến của mình thành sự thật. Châm ngôn Mỹ gọi tính toán kiểu này là "self-fulfilling prophercy."

Những dãy tiệm giá hạ quanh năm và hàng đồ chơi sẽ tăng lợi nhuận

Tuy quan ngại về nền kinh tế Mỹ nói chung, người Mỹ không thể bỏ truyền thống mua sắm quà cáp mùa lễ cuối năm. Số đo niềm tin vào tương lai của người tiêu thụ của Đại Học Michigan, nơi được ngành bán lẻ đặc biệt quan tâm, cho thấy con số này đầu tháng 11 năm nay đã tăng 5% so với tháng 10.

Ông Arthur C. Martinez, cựu chủ Tịch kiêm Tổng Giám Đốc Điều Hành cửa hàng Sears, Roebuck & Co. dự đoán hàng bán ra mùa lễ năm nay sẽ không bằng năm ngoái, nhưng không thấp như người khác lo ngại.

Những cửa hàng chuyên bán giá hạ quanh năm có cùng quan điểm với ông Martinez. Theo

kết quả cuộc thăm dò của công ty cố vấn Deloitte & Touche công bố ngày 12 tháng 11 năm nay, 71% người tham gia cuộc thăm dò cho biết họ chọn các công ty bán hàng giá hạ là tụ điểm mua sắm chính. Những cửa hàng đó là Wal-Mart Stores, Target, và Kohl's (nơi bán trang phục với giá hạ).

Ngành bán đồ chơi trong đó có tiệm Toy 'R' Us, cũng dự kiến tăng mức bán theo suy nghĩ, cha mẹ có giảm chi đến đâu cũng chỉ cắt xén quà cáp của người lớn, chứ không hà tiện mua đồ chơi cho con cháu. Những loại đồ chơi điện tử (video games) không những dành cho trẻ em mà còn được người lớn thích như ***Grand Theft Auto: Vice City*** chẳng hạn được dự kiến bán chạy trong mùa lễ năm nay.

Nếu có nhiều con, cháu nhỏ tuổi, năm nay quí vị chắc khó giảm tiền mua quà cáp!

Mạng lưới điện toán giao quà Giáng Sinh miễn phí

Tuy chỉ chiếm 3% trong ngành bán lẻ, các "cửa tiệm" bán qua mạng điện toán cũng không thể để lỡ cơ hội thu lợi nhuận trong kỳ lễ hội 2002. Từ Amazon.com, eBay, đến Yahoo! nơi nào cũng quảng cáo giá hạ đến 60% so với các cửa hàng ngoài thương xá. Những nơi này còn hứa giao hàng miễn phí nếu mua trên $25 Mỹ kim chẳng hạn.

Yahoo! có đến 13,000 cửa tiệm nên người tiêu thụ quen mua hàng qua mạng điện toán tha hồ chọn lựa. Từ sách cho đến trang phục. Từ nữ trang đến hàng trưng bày trong nhà. Từ hàng điện tử đến đồ gia dụng. Các cửa hàng ngoài thật bán mặt hàng gì các cửa hàng trên mạng điện toán có bán thứ ấy.

Dĩ nhiên những người có tính đa nghi như người viết không thích mua hàng kiểu này vì không cầm trên tay, không nhìn tận mắt, biết đâu mình mua "khoai lang khô xắt lát" mà cứ ngỡ "Cao Ly Sâm bên Tàu." Gặp hoàn cảnh này, mua cho chính mình thì chỉ gây khó chịu, chứ gửi quà cho người khác mình tha hồ nghe nhắc đến suốt đời.

Đã hội nhập vào đời sống Mỹ, người Việt chúng ta khó tránh việc mua sắm quà cáp mùa Giáng Sinh.

Để tránh gặp phải cảnh muốn mua mà không còn hàng mình chọn, có lẽ quí vị nên mua sắm sớm theo những người tiêu thụ Mỹ được thăm dò.

Mua hàng sớm giúp chúng ta có thời giờ rảnh rang gói quà và tận hưởng thú vui của những ngày lễ cuối năm còn hơn dồn về những cửa tiệm đã bán gần cạn hàng mà chưa chắc gì đã mua được với giá hạ. Biết điều này nói dễ hơn làm, nhưng gặp hoàn cảnh khác biệt năm nay, người hoàn tất việc mua sắm sớm là người khôn ngoan.

KHÔNG CẦN MUA THUỐC ĐẮT TIỀN

THANH THẢO

Tuần rồi đi mua thuốc cảm và trụ sinh cho con theo toa bác sĩ, Thanh Thảo vô tình tò mò hỏi vị dược sĩ xem có loại thuốc nào trị cùng thứ bệnh mà rẻ tiền hơn không? Vị dược sĩ nói có, rồi tìm loại thuốc khác thay thế với giá rẻ hơn phân nửa.

Khi tính tiền, người dược sĩ trẻ còn hỏi Thanh Thảo tại sao quan tâm đến giá tiền vì mình trước sau cũng chỉ trả có $15 Mỹ Kim. Phần còn lại đã có thẻ mua thuốc Tây trong loại bảo hiểm y tế trả rồi.

Nhưng có thể rất nhiều người đi mua thuốc như Thanh Thảo thắc mắc đã là thuốc tây, cùng công hiệu, thì tại sao chúng ta phải mua thuốc đắt hơn?

Khi mọi người cùng phải mua thuốc đắt thì tiền các công ty bảo hiểm y tế phải trả ra cũng tăng. Điều này chắc phải dẫn đến việc tiền mua bảo hiểm y tế cũng tăng theo chứ?

Lý do nào khiến các bác sĩ chọn viết toa thuốc hiệu đắt hơn cho bệnh nhân?

Câu trả lời của những nghi vấn trên được trình bày trong bài tường thuật mang tên ***"No Free Golf"*** của ký giả Julie Rawe, tạp chí TIME, số phát hành ngày 4 tháng 11, 2002.

Năm nay Hội Y Sĩ Gia Đình Hoa Kỳ đã hủy cuộc tranh tài Khúc Côn Cầu (Golf) thường niên. Nếu được tổ chức cuộc tranh tài đã phải diễn ra tại San Diego, miền Nam California vào cuối tháng 10, 2002.

Đây là cuộc tranh tài được nhiều công ty lớn trong ngành bào chế thuốc Tây tài trợ vì là nơi đại diện tiếp thị của các hãng thuốc Tây có dịp gặp gỡ, quảng cáo hàng trăm loại thuốc mẫu mới với các bác sĩ. Nhiều bác sĩ được mời tham dự miễn phí. Có năm công ty dược phẩm, Pfizer tài trợ toàn bộ thực phẩm điểm tâm, Otsuka America lo phần ẩm thực trưa, Norvatis bao hết các xe chạy trong sân banh, TAP Pharmaceutical nhận chi hết thức giải khát.

Nhưng năm nay khác!

Cả các công ty dược phẩm lẫn các bác sĩ không ai muốn

phô trương tên tuổi nơi cho và nhận những món "quà" giữa chốn đông người. Ngay những quả banh Khúc Côn Cầu có in tên công ty dược phẩm cũng trở thành "quà" bị nghi ngờ. Chẳng qua kỹ nghệ bào chế dược phẩm đang muốn xóa ấn tượng dùng những phương tiện kém minh bạch để mua chuộc các bác sĩ viết toa thuốc của công ty mình cho bệnh nhân.

Sau những vụ tai tiếng làm giới đầu tư kinh ngạc liên quan đến các công ty tài chính gian lận hồ sơ kế toán, nhiều ngành khác cũng bị nhòm ngó lây.

Ngày 3 tháng 10 năm nay chính quyền liên bang Hoa Kỳ vừa hoàn tất một dự thảo quy luật giới hạn phạm vi liên hệ giữa đại diện các hãng thuốc tây và các bác sĩ. Trong dự luật này, hình phạt nặng nề được đề ra dành cho những người vi phạm luật cấm hối lộ của liên bang.

Tiền quảng cáo ngành dược phẩm phải chi không phải là con số nhỏ. Trong năm năm vừa qua, tính chung các công ty dược phẩm đã tăng phí khoản quảng cáo lên **$19 tỉ Mỹ kim**, tức là gấp đôi số chi của năm năm trước đó.

Phân nửa số tiền này dùng để chi trả cho các gói hoặc chai thuốc mẫu dùng tặng bác sĩ để bác sĩ cho bệnh nhân dùng thử.

Một phần ba số tiền quảng cáo đó, tức là trên **$6 tỉ Mỹ kim**, được các đại diện công ty thuốc tây ghi nhận để chi trả tiền "trà nước..." với giới y sĩ trong giờ ăn trưa hoặc sau giờ làm việc. Điểm đáng chú ý là theo kết quả thăm dò, bác sĩ càng gặp gỡ những vị đại diện nhiều bao nhiêu, càng ít viết toa cho thuốc rẻ tiền (mà có cùng công hiệu) bấy nhiêu.

Chính quyền liên bang Hoa Kỳ chú ý đến giá thuốc vì lý do chính đáng. Kể từ năm 1996 đến nay giá thuốc tây đã tăng vọt đến 30%, tăng gần gấp đôi tỉ lệ lạm phát. Chỉ cần nghĩ tới tiền thuốc những cơ quan chính quyền phải trả thêm trong các chương trình y tế medicaid hoặc medi-cal... những năm gần đây chúng ta cũng thấy lo ngại.

Năm ngoái, sau cuộc điều tra dài hạn, chính quyền liên bang đã truy tố công ty TAP Pharmarceutical tội hối lộ các bác sĩ để họ viết toa cho bệnh nhân mua thuốc LUPRON, một loại thuốc chữa bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến. Công ty TAP Pharmarceutical đã điều đình trả tiền phạt để tránh ra tòa. Số tiền phạt lớn đáng kể, đến $875 triệu Mỹ kim.

Hệ thống Y tế Kaiser Family Foundation cũng công bố kết quả cuộc thăm dò riêng năm ngoái. Trong cuộc thăm dò này, 61% bác sĩ cho biết họ đã nhận được vé tham dự nhiều chương trình giải trí, tranh tài Khúc Côn Cầu, đi du lịch, du thuyền, mời ăn tối, ăn trưa... do đại diện các công ty dược phẩm đài thọ.

Vì những tai tiếng mới này, Hội Nghiên Cứu và Bào Chế Dược Phẩm Hoa Kỳ, viết tắt là PHRMA (Pharmaceutical Research and Manufacturers of America) đã đề nghị đại diện các công ty dược phẩm tự giới hạn tất cả tiền "quà cáp." Thay vì mang thức ăn trưa miễn phí hoặc trả tiền đổ đầy một bình xăng xe cho các y sĩ khi họ đến nghe thuyết trình quảng cáo thuốc mới, những vị đại diện được đề nghị chỉ cho quà dưới hình thức một phiếu dùng mua dụng cụ trong ngành giáo dục trị giá dưới $100 Mỹ kim thôi.

Tuy vậy, những đề nghị của ngành dược phẩm và quy luật liên bang hiện vẫn dựa trên sự tự nguyện. Phát ngôn viên Bộ Y Tế Hoa Kỳ, ông Ben St. John cho biết trừ khi chính quyền liên bang mở cuộc điều tra các công ty lớn, những vi phạm nhỏ thường được bỏ qua. Vì lý do này, nhiều y sĩ và những người quan tâm đến quyền lợi của bệnh nhân và sự minh bạch của ngành y khoa tự bỏ thời giờ kêu gọi sự hợp tác chống hối lộ.

Bác sĩ Bob Goodman, 43 tuổi, một bác sĩ nội khoa thành phố New York cho rằng ngành dược phẩm vẫn có thể tiếp tục quảng cáo, chỉ cần bỏ những hình thức hối lộ thôi. Là người lên tiếng nêu quan ngại về vấn đề này, bác sĩ Goodman đã thành lập một địa điểm điện toán mang tên NofreeLunch.org vào năm 1999.

Theo ý kiến của nhiều người vào thăm địa điểm trên, ngay cả những cây viết có khắc hoặc in tên các công ty dược phẩm cũng là hình thức quảng cáo gây ảnh hưởng bất lợi cho giới y sĩ. Ông Goodman đề nghị các bác sĩ trao đổi hết những cây viết có in tên các công ty dược phẩm theo địa chỉ của nhóm tranh đấu chống hối lộ NoFreeLunch. Ngược lại, nhóm này sẽ gửi loại viết có in chữ No Free Lunch cho các bác sĩ tham gia chương trình trao đổi này. Số viết có in tên các công ty dược phẩm sẽ được gửi tặng các cơ quan thiện nguyện.

Không nhận "quà cáp" từ những công ty dược phẩm, các bác sĩ coi như cũng bỏ luôn những gói thuốc mẫu miễn phí. Thay vì nghe các đại diện công ty dược phẩm thuyết trình về công hiệu thuốc mới, các bác

sĩ cũng phải bỏ thêm chút giờ đọc những bài viết về thuốc mới trên tài liệu y khoa miễn phí mang tên Medical Letter, hoặc đọc trên mạng điện toán medletter.com. Nhưng có lẽ chỉ bằng cách này giới y sĩ mới quyết định cho thuốc một cách vô tư hơn, có lợi cho bệnh nhân hơn.

Đi xa hơn nữa, những nhóm tranh đấu giống như bác sĩ Goodman đã kêu gọi thế hệ y sĩ tương lai tránh hậu hoạn ngay từ bây giờ. Những sinh viên khoa được thông báo về vấn đề hối lộ cho dù chính họ chưa thể viết toa thuốc trong nhiều năm. Hội Sinh Viên Y Khoa Hoa Kỳ vừa đề nghị những sinh viên nợ ngập đầu, còn mài đũng quần trên ghế nhà trường, hãy can đảm và chịu khó tự mang theo thức ăn trưa thay vì nhận những phiếu đãi thọ thực phẩm miễn phí của các đại diện công ty dược phẩm như họ vẫn làm trước đây.

Về phần chúng ta, khi bác sĩ cho toa thuốc, chúng ta cũng có thể tự bảo vệ quyền lợi mình bằng cách hỏi bác sĩ có loại thuốc nào rẻ tiền hơn mà cùng công hiệu không. Hoặc nếu đã có toa thuốc, quí vị cũng có thể hỏi dược sĩ. Một người làm không đáng kể, nhưng khi thật nhiều người cùng góp sức, có lẽ giá thuốc tây trong tương lai không tăng bao nhiêu. Có khi còn giảm nữa là khác.

VŨ KHÍ GIẾT NGƯỜI HÀNG LOẠT

TRẦN QUÁN NIỆM

Mấy tháng gần gây dư luận Hoa Kỳ cũng như quốc tế căng thẳng vì Hoa Kỳ nhất quyết tấn công Iraq để hạ bệ Tổng Thống Sadam Hussen, với lý do quốc gia Trung Đông này đã tồn trữ, chế tạo và xử dụng các loại vũ khí giết người hàng loạt. Điều quan trọng hơn cả là Hussen rất độc tài, cực đoan, và Iraq là một quốc gia hiếu chiến gây hấn, đe dọa nền hòa bình của các quốc gia Trung Đông lân cận.

Trong những năm gần đây, danh từ "vũ khí giết người hàng loạt" (weapon of mass destruction) được nhắc đến thường xuyên, nhưng loại vũ khí này được hiểu là loại vũ khí gì?

Thời thượng cổ con người sơ khai tương tự loài vật, khi tranh mồi, tranh con cái, chỉ có vũ khí trời cho là sức mạnh tay chân, răng móng để đánh nhau, phân định hơn thua. Kẻ yếu thế hơn, chạy dài hay qui phục. Rất hiếm khi những cuộc tranh chấp này đưa đến chết chóc.

Dần dà con người chế tạo ra vũ khí. Mới đầu là gậy gộc rồi dao kiếm, nhưng sức tàn hại của các loại vũ khí này chỉ hạn hẹp mà thôi. Đến khi thuốc nổ được phát minh, thì khả năng giết người được gia tăng bội phần. Với một khẩu súng tự động, chỉ cần nhấn cò, một cá nhân có thể giết được một lúc năm, bảy người. Một trái bom phát nổ thì sức tàn phá nhân mạng ghê gớm hơn, có thể giết một lúc một vài trăm người. Như vậy cũng là giết người hàng loạt. Nhưng chúng chỉ được coi là vũ khí thông thường (conventional weapon).

Vũ khí giết người làng loạt được định nghĩa là các loại vũ khí hóa học, vi trùng hay nguyên tử.

Khủng bố tấn công

Trước mùa Giáng Sinh khoảng một tháng, ba người đàn ông ăn mặc đồng phục nhân viên bảo trì cao ốc, mang theo bình xịt thuốc bón cây bước vào một thương xá (shopping center) tại Oklahoma City, xịt thuốc cho cây cảnh trồng trong thương xá. Một lúc sau, coi như xong nhiệm vụ cả ba bước khỏi thương xá, biến vào đám đông. Cùng lúc đó tại hai thương xá ở Atlanta và Philadelphia, hai toán nhân viên chăm sóc cây khác cũng thi hành một công tác tương tự.

Bảy giờ tối ngày 9 tháng 12, Tổng Thống Hoa Kỳ họp mật với Ủy Ban An Ninh Quốc Phòng gồm các cố vấn, bộ trưởng quốc phòng và các tướng lãnh tư lệnh liên quân. Tổng Thống nghiêm trọng loan tin: "Trung tâm kiểm soát bệnh tật (Center for Disease Control, CDC) vừa xác nhận có một trường hợp đậu mùa (smallpox) xẩy ra cho cư dân tại Oklahoma City và có chừng 20 trường hợp khác chưa được phối kiểm. Tôi cho đây là do kẻ khủng bố gieo rắc mầm bệnh và là kết quả của trận chiến tranh vi trùng chống đất nước Mỹ."

Khi Tổng Thống đang loan tin này, phòng thí nghiệm tại Oklahoma City xác định 20 trường hợp bệnh đậu mùa và có 14 trường hợp khác chưa xác nhận. Chín trường hợp nhiễm vi trùng đậu mùa được báo cáo tại Atlanta. Ở Philadelphia có bảy trường hợp.

Chính quyền liên bang và tiểu bang lập tức hành động, và trong vòng 24 giờ nhân viên FBI túa ra trên đường phố Oklahoma City để thâu lượm bằng chứng. Tại Tòa Bạch ốc bộ trưởng Y tế xác nhận chỉ có hai nơi tồn trữ vi trùng bệnh đậu

mùa trên thế giới là tại trung tâm kiểm soát bệnh tật, tọa lạc tại Atlanta, Hoa Kỳ và tại phòng thí nghiệm Vector nằm ở ngoại ô Novosibibirsk thuộc Nga Sô. Tin tình báo cho hay một khoa học gia chuyên về bệnh đậu mùa tại phòng thí nghiệm Vector đã trốn khỏi Nga và sang Iraq.

Một tuần sau, trên 10 ngàn dân Mỹ mắc bệnh đậu mùa. Đài truyền hình chiếu cảnh một bà mẹ ôm con khóc, xin với cảnh sát cho vào bệnh viện để chích ngừa. Cảnh sát xô đẩy bà ta vào đám đông vì bệnh viện đã hết thuốc.

Trong khi đó, chính quyền Hoa Kỳ rất bối rối. Thượng Viện, Hạ Viện, cơ quan FBI, CIA, cứu hỏa, cảnh sát, An ninh Quốc phòng, y tế và y sĩ, chậm trễ trong nhiệm vụ ngăn ngừa bệnh vì không biết phải làm gì. Đến ngày 15 tháng 12, tại 15 tiểu bang có chừng hai ngàn bệnh nhân đậu mùa, ngoài ra còn xẩy ra tại Canada, Mexico, và Anh quốc. Đã có 300 người chết. Một tuần sau, phân nửa số tiểu bang bị ảnh hưởng, 16 ngàn bệnh nhân và hàng ngàn người chết. Sinh hoạt thành phố tê liệt vì dân chúng di tản ra đồng quê. Không đủ thuốc chích ngừa nên dân chúng bạo động phản kháng.

Bộ y tế tiên liệu đến tháng Hai, ba triệu dân Mỹ mắc bệnh và chừng một triệu chết.

Trên đây chỉ là cảnh giả tưởng để các cấp chính quyền thực tập và rút ưu khuyết điểm.

Ngược dòng lịch sử

Ngay từ thời trung cổ, chiến tranh vi trùng đã được xử dụng, đó là quân vây thành phóng tử thi bệnh nhân đậu mùa vào thành với hy vọng quân thủ thành bị lây bệnh.

Tuy nhiên đã được ghi nhận tại các mốc điểm thời gian lịch sử sau đây:

Năm 1899: 12 quốc gia ký Hague Convention, cam kết không xử dụng hơi độc và vi trùng trong chiến tranh.

1914-18 : Vũ khí hóa học được xử dụng trong đệ nhất thế chiến. Đức quốc xã dùng hơi ngạt Chlorine tấn công đồng minh. Quân Đồng Minh trả đũa. Khi chiến tranh chấm dứt, có chừng 1 triệu 3 bị thương và khoảng 100,000 chết.

1925: Hội nghị tại Genève cấm xử dụng võ khí hoá học và vi trùng trong chiến tranh.

1936: Khoa học gia Đức khám phá hơi độc Tabun, lợi hại gấp nhiều lần các loại hơi ngạt xử dụng trong thế chiến thứ nhất.

1932-1945: Quân Nhật giết 260,000 dân Tầu bằng vi trùng bệnh dịch.

1942: Kế hoạch Manhattan bắt đầu với mục đích chế tạo bom nguyên tử.

1945: Hoa Kỳ thả bom nguyên tử đầu tiên trên hai thành phố Nhật là Hirosima và Nagasaki, giết trên 120,000 người.

1949: Nga Sô thử trái bom nguyên tử đầu tiên.

1950-60: Mỹ xác nhận có vài loại vi trùng có thể tạo thành vũ khí vi trùng. Thử nghiệm được thi hành trên súc vật và người.

1952: Anh thử bom nguyên tử thứ nhất.

1960: Pháp thử bom nguyên tử thứ nhất.

1962: Khủng hoảng tại Cuba khiến nhân loại lo sợ cho một chiến tranh nguyên tử bùng nổ.

1963: Mỹ Anh Nga ký hiệp ước cấm thử bom nguyên tử trên mặt đất.

1964: Trung Cộng thử bom nguyên tử đầu tiên.

1968: 59 quốc gia ký hiệp ước không phổ biến vũ khí nguyên tử. Ngày nay số quốc gia lên đến 187.

1972: Mỹ Nga và trên 100 quốc gia ký hiệp ước ngưng vũ khí vi trùng, Tuy nhiên Mỹ, Nga vẫn thí nghiệm.

Nga Mỹ ký hiệp định không xử dụng hỏa tiễn liên lục địa.

1974: Ấn thử bom nguyên tử

1979: Vì sơ ý Nga thả vi trùng Anthrax ra công chúng, giết ít nhất 68 người.

1980: Bệnh đậu mùa hoàn toàn bị ngăn chận.

1983-88: Vũ khí hóa học được xử dụng rộng rãi trong trận chiến tranh Iraq-Iran. Hàng ngàn người chết.

1988: Irag giết hại 5,000 người Kursk bằng vũ khí hóa học thả trên tỉnh Halabjah.

1991: Anh ra lệnh cho Iraq tiêu hủy vũ khí vi trùng và kỹ thuật tạo bom vi trùng.

Liên Bang Sô Viết tan rã.

1992: Mỹ tuyên bố những điều kiện phải theo khi thử bom nguyên tử.

1993: Hội nghị về vũ khí nguyên tử.

1995: Tín đồ của một giáo phái Nhật thả hơi độc (sarin nerve gas) trong ga điện ngầm (subway), khiến 12 người chết.

1996: Toàn bộ vũ khí nguyên tử tại Belarus, Kazakhstan và Urkrain (Liên bang Sô Viết cũ), được di chuyển về Nga.

1998: Pakistan thử bom nguyên tử.

Thanh tra vũ khí gặp khó khăn trong việc thanh tra vũ khí tại Iraq. Liên Hiệp Quốc rút chuyên viên về.

2002: Chuyên viên thanh tra vũ khí trở lại Iraq./.

ĐẠO KHỔNG, MỘT CHỦ NGHĨA LẤY NGƯỜI LÀM GỐC?

NGUYỄN VĂN THỰC *biên soạn* (1)

Ở phương Tây người ta hay coi thầy Khổng như là một người khôn ngoan đưa ra những lý thuyết dạy người ta sống sao cho ngay lành, như cụ Socrates của xứ Hi lạp. Cụ Socrates được người đời xưng tụng như là một nhà nhân bản, lấy con người làm gốc trong những gì mình rao truyền. Cụ đã bị nhà nước kết án là đã đưa bọn trẻ lạc nẻo chính đường ngay, đã dụ dỗ các bạn nhỏ xa rời thần thánh mà cha ông chúng vẫn tôn thờ. Còn thầy Khổng cũng gặp khó khăn với nhà cầm quyền thời đó, có điều ông chết già chứ không bị án xử uống thuốc độc như cụ Socates. Thầy Khổng dạy cho các bạn trẻ những lý tưởng, những cách ăn ở cư xử khác người tầm thường đương thời. Và căn cứ theo những văn bản còn lại tới ngày nay, thời thầy rất hiếm khi bàn tới những chuyện đạo hiểu như một tôn giáo. Do đó, thầy được coi như một nhà nhân bản. Ngày nay trong xã hội thế tục, nghĩa là cái xã hội không còn bị các loại giáo hội, thần quyền chi phối mạnh mẽ như thủa xưa, có nhiều người chuộng, hoặc có khuynh hướng chuộng những tư tưởng nhân bản, những tư tưởng ca ngợi cuộc sống đời này; và họ chủ trương bất khả tri về các chuyện liên quan đến tôn giáo, cho là con người trí tuệ nhỏ nhoi, mỏng dòn không thể hiểu được những chuyện cao vời cõi trên.

Nhiều học giả phương Tây cũng không dám chắc thầy Khổng là một triết gia, philosophe, theo nghĩa Tây phương: Triết gia là người phân tích những quan niệm; hoặc đưa ra một học thuyết có hệ thống đàng hoàng về thế giới này, về sự hiện hữu, hay nói cách khác, về con người, về cuộc sống muôn mặt với những liên hệ trên dưới của cái giống người. Nhiều kẻ thấy nơi thầy chỉ là một "ông thầy đời" chỉ vẽ cho người thế những điều hay lẽ phải để mà dùng trong cuộc sống hằng ngày, chứ chẳng có những suy tư vặn vẹo bắt ta phải vắt đầu, vắt trán mới hiểu được. Cứ đọc cuốn Luận ngữ, tập hợp những mẩu trò chuyện giữa thầy Khổng và học trò của mình, sẽ thấy đấy là những chuyện ad hoc, những chuyện thực tế hằng ngày chứ chẳng có những suy niệm cao siêu.

Một số vị nói vậy, nhưng cũng có những học giả như ông Herbert Figatrette, Karl Jaspers lại cho chuyện thầy Khổng yêu thích Lễ là một bằng cớ cho thấy cái chiều kích linh thánh và tôn giáo nơi thầy Khổng.

Phần tôi, tôi trộm nghĩ thầy Khổng, nói chung chung, là một nhà tư tưởng đưa ra những suy nghĩ về con người, về cuộc đời này, đưa ra những suy tư nhân bản mở rộng lòng cho những giá trị trong tôn giáo.

Từ đạo Khổng bao gồm những gì thầy Khổng dạy và các học thuyết của các học trò của thầy sống sau thầy. Thực ra người Tàu họ hay dùng từ Nho giáo, đạo của các nhà Nho. Xét theo gốc gác, thời chữ Nho có nghĩa là mềm, là yếu, là nhát, và từ này, thủa xa xưa, dùng để chỉ những vị quan lại bị cho về vườn, đành dùng cái hiểu biết của mình về lễ, về lịch sử, nhạc, bói toán (lý số), hoặc bắn cung, để kiếm miếng ăn cái mặc. Thế rồi dần dà từ Nho giáo dùng để chỉ cái nền minh trí khôn ngoan mà thầy Khổng muốn truyền cho đời sau, cũng như để chỉ tất thảy sự phát triển của truyền thống minh trí đó của đời sau.

Đạo Khổng nói chung là một học thuyết dâng tặng cuộc đời những câu trả lời mang tính luân lý, đạo đức cho những vấn nạn về con người trong cuộc đời, cho những câu hỏi về xếp đặt tổ chức xã hội ra sao. Những câu trả lời này của đạo Nho đã thấm đượm lòng dân tộc Trung Hoa và các dân tộc Viễn Đông khác trong hai ngàn năm qua.

Một thầy Khổng lịch sử (551 - 479 tr. CN)

Thầy Khổng còn được gọi là Khổng phu tử, Khổng Khâu, Khổng Trọng Ni. Ông là dân nước Lỗ, một nước rất nhỏ, nhỏ đến nỗi không được kể vào bảy nước mạnh thời Xuân Thu (722 - 481) gồm Yên, Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Sở, Tần. Tranh chấp thế lực triền miên. Cơ chế cai trị chưa được chặt chẽ (tư tưởng dễ nảy nở hơn thời toàn trị về sau). Tổ tiên của ông thuộc dòng dõi quí tộc nước Tống (một nước nhỏ khác) nhưng tới đời ông, ông phải sống với mẹ trong cảnh nghèo. Sách Sử Ký:

"Thầy Khổng nghèo và là dân thường," và chính thầy Khổng cũng nói trong Luận ngữ: "Tôi thủa nhỏ là dân thường cho nên biết nhiều nghề mọn."

Lúc nhỏ ông thích chơi trò cúng tế với trẻ hàng xóm. Mẹ cho đi học, và 15 tuổi ông quyết chí học cho tới nơi tới chốn.

Ông thông minh, hiền hoà, nghiêm trang, khiêm tốn, làm việc gì ra việc nấy, cẩn thận, đề cao Lễ, Nhạc, tin vào Mệnh Trời, thành kính trong việc tế tự.

Ông lúc đầu chỉ làm các chức quan nhỏ, mãi tới năm 54 tuổi ông mới được phong cho một chức kha khá, chức đại tư khấu, trông coi việc luật pháp. Ông có cơ hội định ra luật lệ, phép tắc. Làm cho trong nước thái bình, ban đêm nhà dân không phải đóng cửa, ngoài đường không ai nhặt của rơi. Vua nước Tề bên cạnh, thấy nước Lỗ cường thịnh, sợ Lỗ sẽ chiếm Tề, bèn dâng cho vua Lỗ 80 người nữ đánh đờn hay, múa giỏi, lại nhan sắc đẹp đẽ, cùng với 120 con ngựa tốt. Vua Lỗ Định Công đam mê các nường, có khi ba ngày không ra coi triều, mọi việc giao cho quan lớn Quý Hoàn Tử.

Thấy rằng mình không thể thực hiện được đường lối trị nước mình đã đề ra, ông bèn kiếm cớ bỏ đi.

Từ đó ông phải đi nước này nước nọ, Vệ, Tào, Tống, Trịnh, Trần, trở về Vệ, Tấn, Vệ, Trần, Thái, Diệp, Thái, Sở, Vệ, suốt 14 năm để kiếm vua giỏi biết dùng người hiền, nhưng ông không được như ý. Năm ông 68 tuổi trở lại Lỗ, quê ông, soạn sách và dạy học trò. Cũng nên biết là từ năm 21 tuổi, ông đã bắt đầu dạy học, vì ông lúc ấy đã nổi tiếng giỏi đường chữ nghĩa. Học trò ông trước sau lên tới 3000 người. Chính việc dạy học trò là thế mạnh của ông. Bởi nhờ họ mà sự hiểu biết, những chủ trương đạo lý của ông được lưu truyền. Dĩ nhiên lý thuyết xây dựng con người, làm mạnh xã hội của ông phải hợp với lòng người cái đã, vì có những lý thuyết có hàng chục triệu người theo, nhưng vì không hợp với lòng người, đã bị chóng vánh triệt tiêu.

Ông ham học hỏi khảo cứu: Khi đi sứ nhà Chu ông xem miếu tổ tiên nhà Chu, khảo cứu luật lệ và sách vở đời cổ; quan sát nghi lễ; xem Giao đàn, nơi tế Trời Đất, xem Xã đàn, nơi tế thần Nông và thần Đất. Khi đi sứ nhà Tề, ông học nhạc Thiều ở đó. Học đánh khánh ở nước Vệ.

Thầy Khổng dạy học, tranh đời Minh, tác giả vô danh.

Ông có gặp ông Lão, và hỏi ông ta về Lễ, ông Lão trả lời: "Người quân tử gặp thời thì đi xe, chưa gặp thời thì đi chân không, đội nón lá. Tôi nghe nói là những người buôn bán giỏi tiền của nhiều, thì làm ra vẻ mình không có gì nhiều. Cũng thế, người quân tử, ngoài mặt trông có vẻ giống như kẻ ngu dại. Ông nên bỏ cái lòng ham muốn, vẻ ta đây con nhà, vì những cái ấy chẳng có lợi gì cho đời cả."

Về nhà trọ thầy Khổng nói với học trò: "Chim tôi biết nó bay, cá tôi biết nó lội, thú tôi biết nó chạy. Bay, lội, chạy ư? tôi có thể giăng lưới bắt được. Còn rồng thì không thể biết nó cỡi gió, cỡi mây bay lên trời lúc nào. Hôm nay tôi thấy ông

Lão cũng như rồng vậy."

Thầy Khổng tổng kết về cuộc đời ông như sau:

Tử viết: Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học; tam thập nhi lập; tứ thập nhi bất hoặc; ngũ thập nhi tri Thiên mệnh; lục thập nhi nhĩ thuận; thất thập nhi tòng sở dục, bất du củ."

Thầy Khổng nói: "Tôi 15 tuổi chăm lo học hành; 30 tuổi học vấn đâu ra đó để ra đời; 40 tuổi làm chuyện gì ăn chắc chuyện đó; 50 tuổi biết rõ ý Trời muốn tôi làm gì; 60 tuổi chuyện phải đã đành, chuyện trái chẳng làm tôi xao động bất an; 70 tuổi, tôi ung dung làm điều tôi ưa thích mà chẳng sợ sai phép tắc." - NVT dịch.

Thầy Khổng mất năm 479 tr. CN, năm ông 73 tuổi.

Năm kinh, Bốn sách

Như đã nói trên, cuối đời ông trở lại quê cũ dạy học trò. Và ngoài ra ông chuyên chú sưu tập tài liệu biên thành năm sách. Đó là:

- Kinh Thi (còn gọi là Thi): Tuyển tập thơ ca xưa nhất của Trung Hoa, gồm 305 bài (bản Mao thi), bao gồm những bài xuất hiện từ tời nhà Chu, và có thể trước đó nữa, cho đến thời Xuân Thu. Trong đó có những bài tình ca, tán tỉnh, phụ tình, và cả về chuyện săn bắn đồng áng, nhảy múa, tiệc tùng, và những bài tụng ca của Nhà nước... Ngôn ngữ đẹp, điêu luyện, giàu hình tượng, trong sáng.

- Kinh Thư (còn gọi là Thư): Gồm những văn bản lịch sử, chính trị... từ thời Nghiêu Thuấn cho đến thời Tây Chu.

- Kinh Lễ (còn gọi là Lễ, Lễ Ký): Sách chứa những ghi chép về phép tắc, chế độ, lễ nghi...

- Kinh Dịch (còn gọi là Dịch, Chu Dịch): Vốn là sách bói toán, sau được bổ sung thêm nhiều phần luận bàn về lẽ sinh thành biến hoá của muôn vật trong trời đất.

- Kinh Xuân Thu (còn gọi là Xuân Thu): Bộ sử biên niên (ghi rõ thời gian) xuất hiện sớm nhất của Trung hoa. Bộ sử này, bản gốc do sử quan triều Lỗ ghi chép các sự kiện lịch sử của nước Lỗ và một số nước chư hầu khác của nhà Chu trong thời gian 242 năm (722 - 481 tr. CN). Tương truyền thầy Khổng có sửa chữa, và làm cho rõ cái ý chính danh, định phận, bao biếm (khen chê).

Ngoài ra còn có sách thứ sáu là Kinh Nhạc, nhưng nay không còn nữa. (Quang Đạm, phần giới thiệu sách Đại Học -Trung Dung)

Lâu nay người ta cứ cho thầy Khổng chính là tác giả, hoặc ít nhất, là người thâu góp, sửa sang các kinh kể trên. Nhưng các học giả thời nay không còn tin trăm phần trăm là như thế. Thực vậy, cốt lõi văn bản của Năm Kinh có thể phăn tới đời thầy Khổng, hoặc xưa hơn nữa. Nhưng mỗi kinh, kinh nào cũng vậy, đều trải qua một thời kỳ tiến hoá dài lâu, được đời sau thầy Khổng thêm thắt nhiều.

Ngoài ra còn phải kể đến việc vua Tần Thuỷ Hoàng đã đốt sách (213tr. CN) nên sách thất lạc đi nhiều. Sau đó đến đời nhà Hán, Năm Kinh lại phải trải qua một thời gian trùng tu dài lâu, rồi lại thêm rối rắm phức tạp vì sự chép lại (tam sao thất bản), và vì các trường phái nhà Nho thủa ấy mạnh ai nấy cứ thêm thắt. Về sau để cho chắc ăn, các văn bản kinh lại được khắc lên đá, để đời sau cứ đó mà đối chiếu khỏi sai. Ngoài ra còn có những lời bàn về các kinh, rồi lời bàn bàn về lời bàn, tạo nên nhiều trường phái chú thích văn bản. (2)

Riêng cuốn Luận ngữ nằm trong bộ Bốn sách (Tứ thư: Đại Học, Trung Dung, Luận ngữ, Mạnh tử) là tập hợp những chuyện với những lời đối đáp giữa thầy Khổng và các học trò của thầy hoặc với các người đồng thời, được người đời sau nhớ và chép lại. Cuốn này là cuốn rường cột làm nên đạo Khổng.

Triết lý của thầy Khổng: Diễn nôm các chữ: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín: Lời bàn tổng quát cho cuốn Luận ngữ.

Thầy Khổng muốn làm tươi mới văn hoá, một nền văn hoá mà vai trò của nó là hun đúc tình thương và gìn giữ tấm lòng ngay, và lòng vui nơi mỗi người.

(Khái Hưng đã nói một câu gần giống như thế qua nhân vật cụ Tú, một nhà Nho. Cụ Tú đã trối trăn với cô Mai và cậu Huy: "Giữ tấm lòng vui, giữ linh hồn trong sạch, và đem hết nghị lực ra làm việc.")

Và ông còn có cái nhìn rộng lớn về một xã hội được hướng dẫn bằng những tình cảm được lý trí điều hoà, tình cảm mang tính người, tình cảm ngay chính, hay nói cách khác, một xã hội mà người ta cư xử với nhau có lý có tình; chứ không phải là một xã hội điều khiển bởi những con người đầy tham vọng cá nhân, nhất là khi những cá nhân ấy có quyền hành nhờ thể chế cha truyền con nối. Và ông cũng cảnh cáo là sẽ xảy ra những hậu quả nghiêm trọng nếu những người nắm quyền chính cứ vun quén tiền tài, lợi lộc cho mình mà quên đi chuyện chăm lo cho dân, và chuyện thực hiện sự công bằng trong xã hội.

Thầy Khổng tin tưởng vào việc trau dồi tấm lòng tốt nơi mỗi người, cũng như giữa con người trong xã hội với nhau, bằng giáo dục.

Thầy Khổng tin là đất nước sẽ được ơn ích rất nhiều nếu có sự đóng góp của những người có học, càng nhiều càng tốt, vào việc chung. Sự hiểu biết, tấm lòng của những người này đã được tôi luyện, phát riển, làm cho chín chắn nhờ một nền văn hoá chú trọng đến lương tri, mà giáo dục là một phần của nền văn hoá đó.

Là một nhà giáo dục, ông giúp dân học hỏi những môn như lịch sử, chính trị, xã hội, văn chương, nhạc, lễ nghi phép tắc, và triết lý hầu giúp người học hiểu sâu con người. Ông tin là chuyện học hành như thế sẽ chuẩn bị cho người học hỏi những phương tiện cần thiết, hầu gánh vác những trách nhiệm trong xã hội, với sự cẩn trọng cân nhắc đúng đắn những chuyện đời, mà một nền giáo dục như thế mang lại.

Đối với những kẻ quyền quý, thầy Khổng lại cho là sự rèn luyện bản thân họ là một nghĩa vụ. Đối với những lớp dân thường, ông thấy sự rèn luyện như một sự trau dồi cho hoàn hảo cá nhân của người đó để họ có thể gánh vác chuyện đời, làm phát triển làng xã họ đang sống chung, và xã hội nếu nói rộng ra. Dù trong trường hợp nào đi nữa thì giáo dục là một sự thăng tiến cá nhân người học, và thăng tiến một chuỗi các nhóm: gia đình, làng xã, quốc gia mà cá nhân đó là một thành phần năng nỗ.

Thầy Khổng cỗ võ sự xây dựng lại một chính quyền ngay chính và cũng cổ võ chuyện làm cho xã hội được tràn trề sức sống bằng cách hun đúc nên những con người nói năng, xử sự, suy nghĩ thấm nhuần những cái đẹp của văn hoá. Loại người đó ông gọi là quân tử. Chữ quân tử nguyên nghĩa để chỉ một cách cụ thể con cháu của những bậc vua chúa, nhưng thầy Khổng đã chuyển từ quân tử đó thành một lý tưởng luân lý mang tính trừu tượng, một phẩm cách. Bởi vì ông tin rằng sự cai trị của người quân tử là một sự cai trị mang lại nhiều hiệu quả tốt đẹp nhất, cho nên ông khuyến dụ những người cầm cân nẩy mực trong xã hội nên luyện cho mình những đức tính của người quân tử.

Những đức tính mẫu mực của người quân tử có thể thấy bất cứ nơi con người nào, không nhất thiết là người quyền quý mới có. Cái tiềm năng trở thành người quân tử không còn được coi như là một đặc ân chỉ dành cho con dòng cháu giống, nhưng cái tiềm năng đó chính là cái vốn nằm nơi mỗi con người; cái con người, ai cũng vậy, vừa bình thường như cỏ cây muông thú, nhưng cũng có những phẩm tính cao cả, cho nên nó phải được nâng cấp dựa trên một nền tảng bằng nhau vừa kể. Thầy Khổng nói: "Nơi nào có giáo dục, chỗ đấy không còn kẻ sang, người hèn. "

Do đó thầy Khổng đã nỗ lực phát triển một học thuyết như thế, bằng cách chuyển kho tàng lịch sử và văn hoá lại cho đông đảo người dân đời sau. Đồng thời ông cũng khẩn thiết kêu gọi những người cầm quyền đưa công việc đào tạo chính nhân quân tử như một phần trong những việc họ muốn làm cho đời, không phải chỉ trong trường học, mà cả trong những phương án nhằm đổi mới xã hội của chính phủ. Có thế mới có thể làm đẹp được những phong cách cư xử, ăn ở của người dân, và đào tạo được những cá nhân xuất sắc có những phẩm tính tốt của một người cai trị giỏi.

- Chữ Nhân

Thầy Khổng tin rằng nền móng của xã hội chính là chữ Nhân. Mặc dầu chữ Nhân đã được dùng nhiều lần trong cuốn Luận ngữ, thế mà, hiếm khi thầy Khổng cắt nghĩa chữ Nhân cho đâu ra đó. Có lẽ, cái định nghĩa đơn giản nhất về chữ Nhân mà thầy Khổng muốn với gởi gắm cho chúng ta ấy là Lòng thương người; nhưng khi ông dùng đến từ thương, ông cũng không định nghĩa rạch ròi một lần thương là thương ra làm sao. Cái thái độ kín đáo, không nói thật dứt khoát về thương, về yêu, cho thấy cái chiều sâu thẳm của chữ Nhân, cho thấy lòng kính cẩn nơi ông khi đề cập đến câu hỏi: Thế nào gọi là ăn ở với nhau cho ra cái giống người? thế nào là thương người? Và thái độ dè dặt đó cũng cho thấy ông hiểu cái cần thiết của mỗi cá nhân trong việc chiêm nghiệm, suy tư về Lòng thương người, với hành trang kiến thức, với kinh nghiệm sống của riêng cá nhân ấy.

Ông trông mong người ta sẽ tự mình suy nghĩ, và ông đã cố gắng khích thích người ta suy nghĩ. Ông đã từng nhấn mạnh rằng ông không muốn làm công chuyện suy nghĩ giùm cho người khác. Vì thế, mặc dầu ông hay nói chung chung, nói xa xa, nhưng trong những lời ấy vẫn chất chứa cái ý mời gọi suy nghĩ, không phải suy nghĩ một chiều, nhưng là suy nghĩ trước sau, trong ngoài, trên dưới. Ví dụ khi thầy Khổng đề cập đến chuyện thế nào là ăn ở cho ra cái giống người, ý nói là con người phải làm gì để được cái đức thương người,

ông đã dùng toàn những từ, những khung mang tính xã hội, như sau: Ở trong nhà thì kính cẩn, nơi làm việc thì làm cho đàng hoàng, người với người thì cư xử cho thật thà.

Cuối cùng, cái đức thương người (Nhân) trừu tượng phải có tính cách thích ứng, một cách tốt đẹp, được với các môi trường khác nhau của các phận người khác nhau (human condition). Và muốn thực hiện Lòng thương người cho vẹn toàn, người ta cần thiết phải hiểu, phải biết cách diễn tả và thực hiện Lòng thương người, để làm sao cái Lòng thương người đó mang lợi ích cho con người. Cho nên, thầy Khổng cũng có nói: "Làm sao người ta có thể thương người mà không có sự hiểu biết."

Thầy Khổng quan niệm chuyện một cá nhân thi thố gánh vác chuyện xã hội và chuyện tự thăng tiến bản thân, cả hai đều là một cách thể hiện Lòng thương người: "Lòng thương người là muốn xây dựng cho mình và cũng muốn xây dựng cho người; muốn mình thành đạt và cũng muốn người thành đạt. Ta sao người vậy. Có thế mới đáng gọi là thương người." Ông tin rằng một khi có đủ người làm như thế, thì những chuyện khó trong xã hội sẽ dễ xoay xở. Nhưng ông không tin vào phép lạ tức thời, ông cho rằng dù có cai trị giỏi, cũng phải mất cả trăm năm mới làm cho xã hội thấm đượm tình người trong mọi cơ chế xã hội.

- Chữ Nghĩa

Sau chữ Nhân, đến chữ Nghĩa. Chữ này tùy theo văn cảnh, có nghĩa là bổn phận, nguyên tắc sống, sự hết lòng vì người, sự công bằng. Câu "Trọng nghĩa khinh tài" nói lên được bốn ý này. Ông đã có lần nói người quân tử khác kẻ tiểu nhân ở chỗ người quân tử mẫu mực thì chuộng điều Nghĩa trong khi anh tiểu nhân lại trọng lợi lộc.

Thầy Khổng nghĩ rằng những nhà cầm quyền ngoài mặt giả vờ trọng Nghĩa nhưng thực ra lại làm những chuyện mang lại lợi lộc cho bản thân mình; những kẻ nầy thực ra đang hủy hoại xã hội mà họ có trách nhiệm cai trị. Về sau dần dần chữ Nghĩa lại bị các nhà Nho pha thêm màu sắc ý nghĩa như chữ Trung, trung tối mặt với chính quyền tối thượng (vua), và trung cả với uy lực cao cả của những quan niệm về chữ Trung. Một số nhà Nho Ta cũng như Tàu đã khốn đốn khổ sở vì cứ khư khư giữ quan niệm Trung Nghĩa không còn mang ý nghĩa nguyên thủy của thầy Khổng nữa. Nhưng cũng chính những quan niệm về Nghĩa đã gợi suy nghĩ, từ suy nghĩ dẫn đến hành động nơi một số người phải sống dưới các loại bạo chúa không còn (nhân) nghĩa gì nữa. Cho nên mới có câu "Dựng cờ khởi nghĩa" hoặc "Vì đại nghĩa"... Chữ Nghĩa người ta còn hay ghép với Trung, thành Trung Nghĩa; hoặc với Nhân, thành Nhân Nghĩa, vì chúng bổ túc cho nhau.

Rõ ràng là thầy Khổng chống lại chuyện độc tài, chuyên quyền; ông quan niệm chỉ trung với cái lý tưởng Nghĩa (công bằng, sự hết lòng vì người); hay nói cách khác, chỉ trung với con người trọng sự công bằng, hết lòng vì dân (Nghĩa). Cho nên mới có chữ Trung Nghĩa; sự ghép chữ này không phải tình cờ, nhưng là thành quả của một quá trình suy nghĩ, thực nghiệm, trăn trở của các nhà Nho sống qua các triều đại của các minh quân lẫn hôn quân.

Có lẽ cuộc đời của thầy Khổng đủ để minh hoạ điều vừa bàn ở trên. Ông chẳng bao giờ giàu có; phải sống chật vật với cái nghề giáo (lương cho các cụ đồ gần như một loại bố thí); vào cái tuổi đáng lẽ ở nhà an nhàn với vợ với con, ông lại bôn ba trong 14 năm để kiếm người cai trị ứng hợp với những lý tưởng mà ông ôm ấp, mà thành quả chẳng là bao, thành quả chính trị đó nhỏ đến nỗi không xứng đáng đưa vào một chú thích nhỏ trong một trang sử, nói chi chuyện vang danh sử xanh.

- Chữ Lễ

Đứng sau chữ Nhân, chữ Nghĩa, là chữ Lễ. Tuy đứng thứ ba, nhưng Lễ chiếm một phần không nhỏ trong những lời dạy của thầy Khổng. Trong xã hội cũng như nơi quan niệm của thầy Khổng, người ta thấy Lễ, tùy theo văn cảnh, là cách cư xử có phép tắc với nhau hàng ngày; sự cử hành các nghi lễ tang chế, cưới hỏi cho đúng nghi thức; và những qui định liên hệ tới chuyện giao thiệp với các nước, cũng như nơi triều đình, công đường. Vì Lễ là một phương tiện để biểu lộ tình cảm bên trong ra ngoài, cho nên thầy Khổng chú trọng đặc biệt.

Thầy Khổng cho rằng sự kính trọng là nét căn bản trong chữ Lễ. Ông coi sự lễ phép như là một dấu chỉ để xem một quốc gia có cái sức mạnh đạo đức hay không; một quốc gia mà ở đó người ta tôn kính, và coi trọng nhau.

Như thế, chữ Lễ mà ông muốn gởi gắm không phải chỉ là những nghi lễ tế tự cổ xưa mà thôi, mà Lễ còn là lễ phép, tinh túy của nghi lễ tế tự; lễ phép như một công năng làm đẹp cuộc đời. "Nếu

người ta không thể điều hành một nước bằng Lễ, thì Lễ còn dùng được chuyện chi?"

- Chữ Trí

Thầy Khổng cũng đặc biệt nhấn mạnh tới chữ Trí, cứ nhìn chuyện ông hết lòng với chuyện giáo dục, với chuyện mở mang tâm trí suốt cả đời ông cũng đủ thấy. Mục đích của sự hiểu biết, mà ông dạy, không phải chỉ đào luyện, học hỏi đặng đạt đến sự hiểu biết, mà còn ứng dụng sự hiểu biết của mình vào chuyện gầy dựng, bồi đắp các đức kia: Nhân, Nghĩa, Lễ, Tín. Khi được hỏi thế nào là Trí, ông đã trả lời: "Ấy là biết người." Câu trả lời này nếu ta đặt vào cái khung của những gì ông quan tâm, sẽ thấy là "biết người" ấy là kiếm cách để hiểu lòng người, hiểu tính tình con người; và là nắm bắt lấy cung cách cư xử của con người trong xã hội, cũng như trong đời sống riêng tư, và rồi xem những cung cách cư xử ấy sẽ dẫn đến đâu, đến thành quả nào.

Khi hiểu biết kể trên đã đạt đến mức cao thiệt cao, thời sự hiểu ấy là được gọi là khôn ngoan sáng láng, hay gọi theo chữ Nho là minh trí. Người khôn ngoan sáng láng là người có khả năng hiểu cả những chuyện riêng lẽ rời rạc, nhờ kẻ ấy đạt được cái nhìn của lòng thấu suốt mọi lẽ.

- Chữ Tín

Chất keo dán mọi sự trong sinh hoạt hằng ngày trong thế giới đạo đức của thầy Khổng với nhau, ấy là chữ Tín. Tín, tùy theo văn cảnh, có nghĩa là đức tính thật thà, sự đáng tin cậy, sự trung thành với những lý tưởng Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Thầy Khổng ví Tín như là mối liên kết thân xe với nguồn phát sinh ra sức kéo như càng xe nối xe với trâu, bò, ngựa...Và ông còn dạy rằng đức Tín là yếu tố vô cùng cần thiết cho sự sống còn của một quốc gia.

Thầy Khổng tin rằng những người lãnh đạo chính trị, những người trí thức hàng đầu chính là những người có chữ Tín nơi mình; và họ chỉ được người dân tín nhiệm hoàn toàn, bao lâu họ là những kẻ đáng tin, là những kẻ còn trung thành nắm giữ đức Tín. Và nơi người dân thường cũng phải nắm giữ chữ Tín đó. Như thế người người ai cũng phải có Tín.

Kết luận

Mỗi người ai cũng có những tài năng, những tiềm năng giúp con người sống cho ra người. Nghĩa là con người sinh ra là được khoác cho bổn phận sống cho ra người, đối với mình hay đối với kẻ khác, nhưng con người cũng còn có quyền lựa chọn, lựa chọn sự thành thật, lựa chọn sự trung tín với những lý tưởng cao đẹp: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. (3)

Hay là vứt đi.

Và đẹp thay một cuộc đời cứ loay hoay lo chuyện người! Cứ để Trời vô ngôn.

Chú thích

1. Viết dựa theo Julia Ching, Chinese Religions / Thomas Cleary, The Essential Confucius/ Và một số tài liệu tiếng Việt khác.

2. Về chuyện thầy Khổng có phải là kẻ biên soạn, hay chỉ là một trong nhiều kẻ chỉnh lý và nhuận sắc Năm Kinh, vẫn còn nhiều tranh luận. Nhưng có điều chắc là thầy Khổng đã dùng Năm Kinh nhiều ít, tùy cuốn, khi nói chuyện, dạy học; dùng nhiều nhất Kinh Thi, ít khi dùng Kinh Dịch. Kinh Dịch quan trọng cho các phái khác hơn là cho đạo Khổng (Ole Bjorn Rongen).

3. Những giải thích nôm na về Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín qua tiếng Việt hẳn không làm các học giả uyên bác hài lòng vì chưa đưa ra được hết ý nghĩa của chúng, nhưng trộm nghĩ sống cho được những cái điều diễn nôm đó, tưởng cũng đủ lắm rồi.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

GIÁNG SINH TRẮNG

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Cửa kiếng phòng bếp của chiếc Tina tròn, đường kính rộng đúng sáu tấc tây, đủ để nhìn không gian bên ngoài biến đổi từng vùng và mỗi từng mùa. Bây giờ là mùa động, ngoài boong dầy một lớp trắng mịn, vậy mà trên không tuyết cứ tuông xuống ào ào. Cái mừng nầy tiếp tục cho tới ngày tàu xuống hàng mặt sức thủy thủ đoàn vừa xúc tuyết đem đổ vừa lạnh teo...

Chiếc Tina cặp bến Bremen nhằm chiều hăm bốn tháng Chạp dương lịch, tàu đậu nối đuôi chiếc Đại Dương. Sáng nay bên chiếc Đại Dương xuống hàng với hai cần trục và năm sáu xe vận tải chạy tới chạy lui dẫm tuyết lên bùn nhầy nhụa. Trông công việc rấp rút chắc chắn chiếc Đại Dương sẽ khởi hành trong vài giờ sắp tới. Vậy là thủy thủ đoàn bên chiếc Đại Dương sẽ mở tiệc Giáng Sinh trên biển và luôn cả tết tây tàu họ vẫn còn lênh đênh trên sóng nước.

Chiều hôm qua thuyền trưởng thông báo chiếc Tina đậu lại qua Giáng Sinh mới khởi hành. Ông nhắc đầu bếp chuẩn bị lo cho bữa tiệc Giáng Sinh trưa hôm nay. Dĩ nhiên không cần ông phải nhắc nhở, tôi là đầu bếp, nhiệm vụ của tôi tôi phải lo. Tôi đã ướp gà tây, thỏ và chuẩn bị những món nhậu sẵn từ chiều hôm qua.

Mùa Giáng Sinh bên Âu châu người ta ăn uống nhiều lắm. Mặc dầu mấy ngày nầy thức ăn luôn lúc nào cũng đầy bàn, đầy tủ lạnh. Thực đơn thường ngày cho thủy thủ đoàn, tuy không sang trọng như những nhà hàng lớn nhưng phẩm chất ăn đứt những căn tin tập thể trên đất liền và hơn hẳn bữa ăn bình thường ở nhà. Bữa ăn nào cũng năm món và một vài món tráng miệng. Ấy vậy có tên ngồi trước mâm ngó dáo dác không biết ăn món nào. Cuối cùng đứng dậy đi vô phòng bếp hỏi:

- Xếp! Hôm nay có món nào đặc biệt không?

Khi đầu bếp hỏi lại:

- Cái gì đặc biệt?

Thì hắn ta giơ tay lên gãi gãi đầu, trơ cái bảng mặt đần độn ra, trả lời:

- Không biết.

Nếu là thủy thủ bình thường ít học có ba trợn chút đỉnh coi cũng còn được. Đây là chuyên viên xuất thân trong trường kỹ thuật hàng hải, lâu lâu lẫn lộn một vài tên ngốc nghếch xuống tàu làm rối loạn trật tự và gây phiền nhiễu mọi người. Làm như trong ngày Giáng Sinh không ăn được thỏ và gà tây thì sau khi chết sẽ sa vào hỏa ngục hay sao. Hễ cứ đến tháng Chạp thì có người nhắc nhở đầu bếp phải đặt mua hai loài vật nầy để sẵn trong tủ đông đá. Phải chi thịt gà Tây và thịt thỏ là món ngon lành gì cho cam, đằng nầy thịt gà thì khô khốc, lạt nhách, tanh tanh, mùi vị không hấp dẫn tí nào. Nếu may mắn gặp đầu bếp khéo tay ướp gia vị đúng cách, pha nước xốt ngon mới ăn được, bằng không hai miếng thịt dưới ức coi như đồ bỏ. Thỏ nấu rượu chát trước kia còn có người ăn, ngày nay dọn ra để ngó chơi chớ ít thấy người rớ tới.

Hơn hai mươi năm làm đầu bếp trên tàu buôn, tuy tôi chưa từng cắt cổ, nhổ lông thú vật nhưng ngày nào tay tôi cũng dính máu, không con nầy cũng con kia. Trong những ngày cuối năm, tôi thịt ít nhứt cũng một chục ký gà tây và bốn năm con thỏ, đó là chưa kể tới thịt thà, tôm, cá mà tôi chế biến thức ăn hàng ngày và các món nhậu lai rai. Quả thật, nếu có luân hồi, quả báo thì kiếp sau tôi khó trở lại làm kiếp con người.

- Xếp có chuyện gì phụ không?

Tôi ngoái lại thấy Bobby đứng ngoài cửa phòng bếp. Tôi chỉ tay qua bình cà phê, nói:

- Có, nhưng rót cà phê uống và ăn cái gì đi đã.

Bobby mới xuống tập sự, nó theo đạo Tin-lành. Gặp mấy tên thủy thủ hải hành hơn nó vài năm, theo đạo Hồi, thấy ma mới mấy tên bèn hè nhau đì thằng nhỏ. Bobby không biết chơi với ai nên nó mới lẽo đẽo theo làm quen với tôi. Thấy tội nghiệp, có cơ hội tôi giúp đỡ và an ủi nó. Nhưng bề mặt lúc nào tôi cũng giữ khoảng cách, làm đầu bếp cho một nhóm người tạp nhạp, muốn thân thiện với người nào cũng cần phải có thời gian, hấp tấp kết bạn lỡ gặp tên không biết điều sẽ gây rắc rối trong việc ăn uống sau nầy. Chờ Bobby ăn, uống xong tôi phân công nó lột tôm và chỉ cách đánh nước xốt làm cốc-tai. Phần tôi thì lo nướng gà và hầm thỏ.

- Xếp à.

- Gì đó.

- Năm nay mình có Giáng Sinh trắng.

- Vùng nầy mùa đông nào lại không có tuyết.

- Hồi nhỏ tới lớn lần đầu tôi thấy tuyết.

- Vậy là ở In-đô Giáng Sinh đen.

- Ha ha...

- Cười khỉ gì, nếu không trắng thì đen, nhưng Giáng Sinh bên mầy có ăn gà tây và thỏ không?

- Có những gia đình theo đạo Tin-lành và Thiên Chúa thôi, chớ đạo Hồi thì không.

- Hèn chi..

- Gì xếp.

- Đúng ra giờ nầy thủy thủ xuống dọn dẹp và trang hoàng phòng ăn, chớ có đâu mạnh thằng nào nấy nằm trong phòng riêng.

- Ha ha, để tôi lột tôm, đánh xốt xong tôi ra trang hoàng phòng ăn cho. Hôm kia thuyền phó thấy cây thông bị sóng lắc ngã, kêu mấy ông dựng lại. Mấy ông nói Giáng Sinh không phải lễ của đạo Hồi nên không ông nào chịu làm.

- Chờ người ta làm sẵn nhào vô đớp. Đạo gì mà khôn quá vậy.

- Đạo Hồi chớ đạo gì.

- Phải chi được ở bên In-đô tao cũng theo đạo Hồi cho sướng. Chiều hôm qua hội nhà thờ xuống tặng quà ông nào cũng vui vẻ đón nhận và rối rít cám ơn, nhưng khi người ta đi rồi mấy ông lựa lấy quà còn sách báo, kinh thánh mấy ông đem liệng thùng rác. Nhưng thôi, bỏ cái chuyện đạo Hồi qua một bên. Hôm nay Giáng Sinh mình lo chuyện đạo Chúa cái đã. Mầy cũng không cần phải trang hoàng phòng ăn làm gì. Mầy thấy đó, trên tàu thuyền trưởng với thuyền phó chửi lộn nhau như cơm bữa, thợ máy chánh, thợ máy phụ cũng không thuận thảo gì cho lắm, thủy thủ có bốn năm thằng mà cũng chia phe chia cánh. Trông cái mũng nầy bữa tiệc không kéo dài hơn một giờ đồng hồ đâu. Nấu cho người ăn thì phải khác hơn cho ngợm, bày biện nhiều ra chỉ tốn công vô ích.

Trong phòng ăn không căng giấy màu, cây thông dựng tuần trước bị sóng vật ngã mấy lần làm lá thông rụng sạch không còn lấy một màu xanh, những nhánh cây khẳng khiu bán vào thân cây xám xịt, mấy món đồ chơi và dây kim tuyến treo lủng lẳng làm quần chiếc cành, vài nhành bị gãy cụp xuống, đèn điện bóng cháy bóng tắt. Quả thật, nếu khắp nơi người nào cũng mừng Chúa giáng sinh với cây thông thê thảm như vầy, tôi tin chắc ông Jêsu sẽ không bao giờ trở lại trần gian như lời ông đã hứa.

Thuyền trưởng ôm thùng quà quà xuống, phát cho mỗi người một gói giống như người ta phát quà cứu nạn bão lụt. Không có nhạc Giáng Sinh, không nâng ly mời rượu, không chúc lành nhau. Mạnh ai nấy ăn, nấy uống giống như dân Phi Châu bị nhịn đói lâu ngày...

Đúng như tôi tiên đoán, chưa đầy một giờ đồng hồ, bàn tiệc bắt đầu rời rạc. Đám In-đô bắt đầu xí xô xí xào kéo nhau đứng dậy. Chợt nghe tôi thông báo, chiều phòng bếp đóng cửa. Như hay tin bão lụt tới nơi, mỗi anh bốc thức ăn bỏ đầy đĩa bưng lên phòng dự trữ. Đám sĩ quan ngồi cầm cự một lát rồi cũng đứng dậy đi về phòng. Bữa tiệc chấm dứt chưa tới ba giờ chiều.

Xong công việc, tắm rửa sạch sẽ, tôi rồi leo lên giường đánh một giấc tới chiều. Thức dậy, tôi sửa soạn đi chơi. Giáng Sinh xa nhà, tôi ưa lang thang ngoài trời, sau đó ghé hội quán mua chai rượu đỏ, tới chiếc bàn trong góc nơi dựng cây thông, ngồi đây tôi có thể vừa nhâm nhi rượu vừa ngửi mùi dầu thông tỏa thơm ngai ngái và nhìn

CHU VƯƠNG MIỆN

LỤC THẬP

từ độ qua đây sống quá nghèo
tình thơ cụ Tản – Bính nồi niêu
bạn thật chạy xa vài ngàn dặm
bạn giả loanh quanh tụi chó mèo
đâu nghĩ có ngày thân thú vật
ngó vài con thỏ với con heo
tình nghĩa keo sơn thu nhỏ lại
nửa giống đồng xu nửa bánh bèo

vì quá nghèo thơ cũng bỏ ta đi (*)
thơ đi thân đó chẳng còn gì!
chả lẽ già đầu bạn con bìm bịp
mỉm cười thất thập cổ lai hi?

** thơ Thành Đạt*

được sinh hoạt bên trong hội quán.

Khi bước lên bến, tôi thấy Bobby tay kẹp điếu thuốc đi tới đi lui trên kè đá. Ngạc nghiên tôi hỏi nó:

- Sao mầy còn đứng đây?

Mặt rưng rưng buồn, nó nói:

- Tôi không biết đi đâu hết Xếp à.

- Sao mầy không theo xe hội quán.

- Mấy người kia không cho tôi theo.

- Xe của hội quán chớ xe của mấy người kia sao?

Bobby lắc đầu:

- Tôi không biết.

Nhưng tôi biết! Đã sống chung chạ với dân In-đô ngót hai mươi năm tôi đâu còn lạ gì tánh tình của họ. Mười người hết bảy tám, mới ra làm việc nước ngoài mặt thằng nào cũng ngơ ngơ ngáo ngáo như người rừng ra phố. Sau một hai năm, quen bơ, quen sữa bắt đầu hống hách nghênh ngang. Muốn chứng tỏ văn minh hơn đồng hương, không còn cách nào khác ngoài chuyện bỏ tập tục ăn bốc và chê món ruốc khô (trassie), món quốc hồn quốc tùy của In-đô, thúi ăn không vô. Lại thêm cái màn ma cũ bắt nạt ma mới. Mấy tháng nay Bobby bị mấy ông đì. Tôi biết hết nhưng đó là chuyện riêng tư của họ tôi không muốn xía vô. Biết đâu Bobby đi được một vài năm thì cũng cá mè một lứa. Mặc kệ nó, tôi nhấn mạnh gót giày, quay lưng cất bước.

Chiếc Đại Dương rời bến hồi nào không biết. Dấu nhầy nhụa như bùn của những bánh xe bốc hàng ban sáng đã bị tuyết lấp không còn dấu vết nào. Tôi có thói quen mùa hè bận áo mỏng, Xuân - Thu tôi khoác áo dầy vừa phải, mùa Đông tôi bận áo dầy cộm, choàng khăng cổ thản nhiên tà tà thả bộ năm ba cây số là chuyện thường.

Đêm hôm ấy người ta kết hàng ngàn bóng đèn nhỏ thành hình ngôi sao, trái tim và hình cây thông gắn trên những chiếc cần trục dọc theo bến cảng. Chiếc cầu dài bắt ngang dòng sông Elbe rực rỡ ánh đèn, uốn cong dưới nền trời tăm tối. Tiết trời lạnh, không gian im lìm nhưng tràn đầy thánh thiện. Vạn vật như thể hồi sinh câu chuyện cách đây hơn hai ngàn năm ở thành Bết-lê-hem.

Khi chưn bước đều và tâm tư lắng đọng, chợt gương mặt dàu dàu của Bobby hiện ra làm tôi chạnh lòng. Tôi nhớ lại, đời tôi cũng có một lần trong đêm Giáng Sinh, nhờ bạn bè còn nghĩ chút tình đồng hương, nếu không tôi đã bị ăn đòn hội chợ. Sau khi vu khống và nhục mạ hết những lời lẽ bẩn thỉu, hạ cấp thu vô chiếc băng nhựa, họ liền tống cổ tôi ra khỏi nhà như tống một con vật dơ dáy. Đêm hôm ấy tôi lang thang giữa trời đầy tuyết, trong lúc đầu óc tôi toan tính chuyện trả thù, bỗng chợt nghe trong không gian chuông nhà thờ reo inh ỏi. Tôi đứng lịm hồi lâu, lạ thay tôi cảm thấy giữa không trung lạnh lẽo kia vẫn còn có sự ấm áp. Tôi không theo đạo, nhưng từ đâu trong tâm thức vọng về hai tiếng ăn năn. Đêm hôm đó trở về nhà đánh một giấc thẳng cẳng. Sáng hôm sau mọi chuyện xảy ra trong đêm chỉ còn là cơn ác mộng.

Tôi nghĩ, tâm trạng Bobby bây giờ có lẻ cũng như tôi trong đêm Giáng Sinh năm ấy, cô đơn, tủi nhục và nhớ nhà. Trên bước đường xa xứ nó không còn hy vọng trong tình đồng hương, vậy tôi còn hẹp hòi gì không chia sẻ cho nó chút tình người.

Tuyết lại đổ nữa rồi. Tôi ngoái lại thấy Bobby đứng trơ như pho tượng mặt ngó ra dòng sông Elbe, tuyết tuôn đầy người mà nó vẫn không xuống tàu trốn tuyết. Tôi chụm hai bàn tay lên miệng làm loa kêu lớn:

- Bobby!!!

Lâu lắm rồi tôi mới nghe tiếng kêu của mình rền vang trong không khí. Ngày còn là ngư phủ bên

bờ vịnh Thái Lan, tôi đã từng quát tháo mỗi khi gặp bầy cá nổi ngoài khơi. Âm thanh ấy đêm nay vẫn còn mãnh lực làm giựt mình cái pho tượng đứng trơ mặt ra dòng sông Elbe. Bobby tức tốc day lại và đi nhanh về phía tôi đứng:

- Chuyện gì đó xếp?

- Mầy muốn đi chơi với tao không?

Như người đắm thuyền bá được phao, nó nói nhanh:

- Dĩ nhiên.

- Nhưng tao đi bộ lên hội quán chơi thôi.

- Được, được Xếp đi đâu tôi theo đó.

- Vậy thì mình đi.

Bobby hỏi tôi:

- Đêm nay trên hội quán có gì vui?

- Vui buồn là do lòng mình - tôi câu vai thân mật nói tiếp - đêm nay ngồi nơi yên ổn uống rượu nho, nghe nhạc Giáng Sinh ấm áp vô cùng. Nhưng, nếu trên hội quán không làm mầy được vui thì năm nay mầy cũng có một Giáng Sinh trắng. Phải không?

Gương mặt đưa đám ma ban nãy biến mất, nó cất tiếng cười vang:

- Ha ha... đúng lắm, đúng lắm.... Đêm nay tôi với xếp uống cho say mới được.

Biển Bắc tháng Giêng 2002

ĐI TÌM CHÂN DUNG JESUS

(Nguyên tác *"The real face of Jesus"* của Mike Fillon
đăng trong tạp chí *Popular Mechanics* tháng 12 năm 2002)

NGUYỄN HÙNG VŨ phỏng dịch

Lời người dịch:

Jesus là một trong những vĩ nhân của lịch sử nhưng đồng thời cũng là một trong những huyền thoại được xem là khó xác định nhất. Sự hiểu biết mơ hồ của người đời sau về Jesus không ra ngoài phạm vi một số mẩu chuyện ghi chép lại qua ngòi bút của bốn tông đồ trong cuốn kinh Tân Ước. Tuy cuộc đời và sự nghiệp của Jesus đã được nhiều sử gia, triết gia, thần học gia bàn cãi qua bao thời đại, có một nghi vấn thú vị về Jesus không mấy ai thắc mắc, đó là: bộ mặt xương thịt thật của Jesus như thế nào? Đây là một câu hỏi không dễ trả lời và điều chắc chắn là không ai có thể hình dung ra được khuôn mặt ông qua một vài nét bút sơ sài viết gần hai ngàn năm về trước.

Bài này không đề cập đến những khía cạnh tôn giáo quen thuộc đã được khai thác, chỉ bàn về một vấn đề rất ít khi được quan tâm: làm cách nào để nhận diện được khuôn mặt xương thịt và vóc dáng của Jesus qua những phương pháp khoa học để đi đến một bức chân dung tương đối chính xác, phản ảnh được khuôn mặt thật đã bị những bàn tay họa sĩ và điêu khắc gia đời sau tùy hứng nhào nặn theo trí tưởng tượng một cách sai lầm.

Việc tìm ra được bộ mặt thật của Jesus là một thách đố lớn cho khoa học và chỉ trong thời gian gần đây, sau gần hai ngàn năm lịch sử, với những tiến triển vượt bực của máy điện toán trong lãnh vực modeling-mô hình hóa, thì nghi vấn lịch sử này mới có hy vọng được giải đáp.

Ngành khảo sát phân nghiệm gần đây đã trở nên một thành phần quan trọng, trở thành một dụng cụ không thể thiếu trong lãnh vực tư pháp. Chữ phân nghiệm được tạm dịch từ chữ forensics. ***Forensic analysis*** *là một phương pháp tranh cãi rất quan trọng trong những vụ án hình sự. Có thể tạm gọi nó là một quy tắc về tranh tụng, một phương pháp trình bày có hệ thống những chứng cớ trước tòa án của công tố viện, dựa trên những khảo nghiệm đặt trên phương pháp khoa học chuyên môn có giá trị về mặt pháp lý.*

Và sau đây là mẩu chuyện khoa học TK21 xin gửi đến độc giả trong dịp lễ giáng sinh 2002, câu chuyện về một phương pháp khoa học được dùng trong việc khám phá ra chân dung của bậc vĩ nhân KiTô giáo, dựa trên forensic science-khoa phân nghiệm học.

Những dòng chữ trong ngoặc [ ], ( ), là những giải thích thêm của người dịch mục đích làm sáng tỏ tinh thần và nội dung câu chuyện.

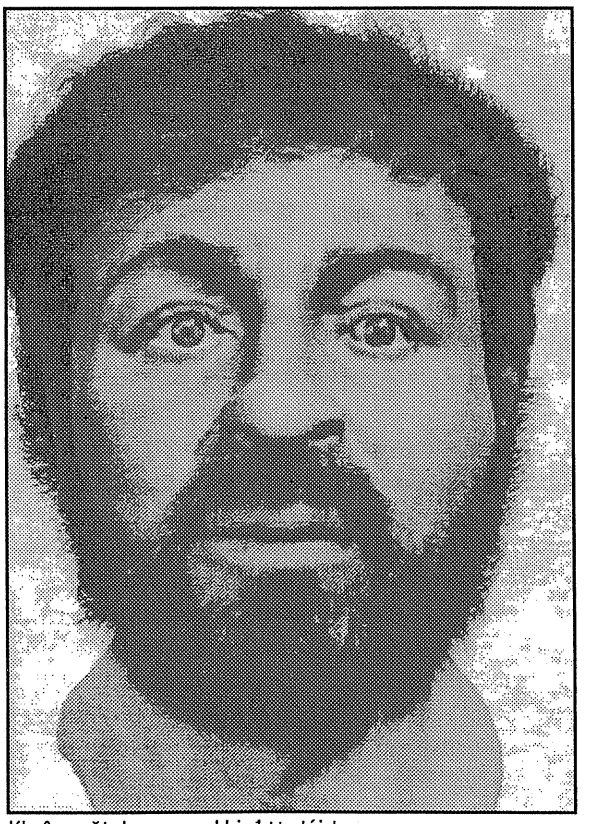

Khuôn mặt Jesus sau khi được tái tạo.

Từ ngày đặt chân đến trường vào lớp học giáo lý ngày Chủ Nhật, những trẻ em theo KiTô giáo đã được thầy cô chỉ cho thấy những bức hình vẽ Chúa Jesus treo trên tường (hay những bước tượng Chúa bị đóng đinh

trên thập tự giá.) Những hình ảnh này đã in sâu vào những bộ óc thơ ngây của các em và đã trở thành những sự thật hiển nhiên không cần thắc mắc. Chúa Jesus được mô tả là một người có vóc dáng cao hơn những môn đệ của ông. Đôi mắt ông nâu nhạt, da ông trắng. Ngoài ra, ông còn có dáng vẻ thanh tao, với một suối tóc nâu óng ả chảy dài trên đôi vai.

Rất tiếc, hình ảnh quen thuộc này của Jesus tự nó là một sai lầm căn bản. Nếu Jesus thực sự giống như những nét họa trong tranh vẽ thì diện mạo và hình dáng ông đã phải khác xa những người sống trong thời điểm đó ở vùng đó, nơi ông đã lớn lên và truyền đạo. Và nếu như vậy, thì những người viết sách chắc chắn đã phải ghi lại những khác biệt về hình dáng của Jesus trong cuốn Tân ước.

Trong Tân ước, sách Matthew, kể lại câu chuyện Jesus bị bắt trong vườn Gethsemane. Tên bán Chúa Judas đã phải chỉ rõ cho bọn lính La Mã người nào trong đám là Jesus vì bọn lính không thể phân biệt được ai là Jesus giữa đám tông đồ ông. Điều này cho thấy Jesus và những môn đệ trông rất giống nhau về vóc dáng, tướng mạo. Trong kinh thánh, không có đoạn nào tả rõ về khuôn mặt Jesus, cũng không có một bức tranh vẽ nào cùng thời về ông còn sót lại. Sau khi Jesus mất, bộ xương hay những di thể sót lại như tóc, răng cũng không còn để đời sau có thể tìm hiểu qua khảo nghiệm DNA.

Vì không còn lưu lại bất cứ một dấu tích gì, cho nên hình ảnh Jesus dễ dàng trở thành một sản phẩm tưởng tượng của những bàn tay họa sĩ, điêu khắc gia chịu ảnh hưởng yếu tố văn hóa và những quan niệm thẩm mỹ (về vóc dáng của đàn ông) thuộc thời đại của họ.

Giáo sư Cardoza-Orlandi về khoa Ki-Tô giáo thế giới tại trường Thần học Columbia, thủ đô Atlanta, đã nhận định,

"*Ngoài những hình ảnh Jesus da trắng quen thuộc của dân tộc Tây phương, những nước khác trên thế giới vẽ Jesus tương tự như dân của họ, như Jesus da đen, Ả Rập, hay Tây Ban Nha.*"

Vì vậy, câu hỏi chính vẫn là: Tướng mạo thực sự của Jesus ra sao?

Môn *nhân chủng phân nghiệm học* -forensic anthropology- là một chi nhánh mới đầy triển vọng của thế giới khoa học, đã giúp trả lời câu hỏi khó khăn này. Bằng những phương pháp tương tự như phương pháp cảnh sát dùng để điều tra tội ác, những khoa học gia Anh quốc đã chung sức cộng tác với những nhà khảo cổ Do Thái trong việc tái tạo lại bức chân dung mà họ tin rằng đó là khuôn mặt của nhân vật nổi tiếng nhất lịch sử tôn giáo thế giới.

Ông Midori Albert, giáo sư dạy môn phân nghiệm nhân chủng học tại đại học North Carolina ở Wilmington giải thích cho biết ngành này là một chi nhánh chuyên môn xuất phát từ ngành nhân chủng học mà ra. Nó bao gồm những hiểu biết rút tỉa từ những kiến thức học hỏi được về sinh hoạt văn hóa, yếu tố thể chất, di tích khảo cổ của từng sắc dân khác nhau. Những chuyên gia thuộc nhóm này là những người có kiến thức cao về di truyền học, sinh thể học, di tích học, hầu nhân học, và ngành học về sự phát triển của hệ thống xương cốt loài người. Họ cũng sử dụng những kiến thức về môi trường sống, yếu tố địa dư, cách dinh dưỡng, sự phát triển của bộ răng vào trong ngành nghiên cứu chuyên môn này.

Ngành nhân chủng phân nghiệm học tuy được dùng hầu như hoàn toàn trong việc điều tra tội ác, nhưng ông **Richard Neave**, một họa sĩ y khoa về hưu tại đại học Manchester tại Anh quốc, khám phá ra rằng kiến thức chuyên môn của ông có thể dùng vào việc đi tìm khuôn mặt thật của Jesus. Trong hai mươi năm qua, ông Neave đã tái cấu tạo khuôn mặt của hàng chục nhân vật nổi tiếng, trong số có những người như Philip II của Macedonia, người cha của Alexander the Great, vua Midas của Phrygia. Nếu có một người nào đó có đủ khả năng để kiến tạo lại khuôn mặt của Jesus, người đó phải là ông Neave. (Ông Neave là một trong hai tác giả của cuốn sách *Making Faces:Using Forensic And Archaeological Evidence* -tạm dịch: Tạo Chân Dung Qua Thuật Phân Nghiệm Và Di Tích Khảo Cổ).

Tái cấu tạo Jesus

Sách tân ước của tông đồ Matthew ghi khá rõ biến cố trong vườn Gethsemane trong đó diện mạo Jesus được suy đoán ra khá dễ dàng từ một chi tiết nhỏ: Jesus có khuôn mặt và vóc dáng giống như sắc dân **Galilean Semites** vào thời ấy.

[***Galilee**: tên địa dư một vùng đồi núi phía bắc Palestine và Israel tại Trung Đông. **Semites**: nhóm người Do Thái và Ả Rập sống tại vùng này. Vào thời cổ xưa, chữ Semites chỉ chung cho những giống dân như Babylon, Assyria, Phoenicia, sống gần vùng Địa Trung Hải. Chữ Anti-Semitic có nghĩa là chống Do Thái, bắt nguồn từ phong trào diệt Do Thái dưới chế độ Đức Quốc Xã.*]

Việc đầu tiên ông Neave và nhóm chuyên viên bắt tay thực hiện là làm sao để kiếm ra vài chiếc sọ người đào lên ở gần Jerusalem, nơi Jesus sống và giảng đạo. Một số chuyên gia khảo cổ Do Thái trong quá khứ đã tìm ra được một số xương sọ cổ của người vùng này. Nhóm chuyên gia đã chọn được ba chiếc sọ người còn khá nguyên vẹn ở trong vùng và họ giúp nhóm chuyên viên của ông Neave dùng chúng trong việc tái cấu tạo.

Việc kế tiếp là dùng đến phương pháp "**computerized tomography,**" một kỹ thuật sử dụng tia sáng X để "thái mỏng -slices" những bộ xương sọ, và từ những lát xương mỏng, những chi tiết tỉ mỉ của những chiếc xương sọ được đưa vào máy điện toán. Sau đó, bằng những software -nhu liệu đặc biệt viết theo những ***reconstruction algorithms***- kế trúc thảo chương tái tạo, những dữ kiện về bộ mặt được máy điện toán ước tính và "ráp" vào những chiếc xương sọ để từ đó một khuôn mặt được tái tạo với những đường gân thớ thịt cũng như sự dầy mỏng của làn da tùy theo từng khu vực riêng trên mỗi khuôn mặt của chiếc xương sọ đó.

[*Trong phương pháp tomography, chiếc xương sọ còn nguyên vẹn, những "lát xương mỏng" không có nghĩa là chiếc sọ thực sự bị cưa mỏng, nó chỉ có nghĩa là mỗi tia sáng X chiếu lên chiếc sọ theo chiều ngang chứa đựng tất cả những dữ kiện chi tiết của từng lát xương rất mỏng. Tiếng Anh gọi là cross-sectional imaging.*]

Tất cả những dữ kiện này được máy điện tử mô hình hóa, trở thành một "tấm bản đồ không gian 3 chiều" chính xác và tất cả những chi tiết của bộ mặt sau đó được phối kiểm dùng những kiến thức chuyên môn của khoa nhân chủng. Từ đây, không chỉ riêng bề mặt mà tất cả dữ kiện về hình dáng khuôn vóc một chiếc đầu người trở thành "hiện hữu" trong bộ óc của máy điện toán - 3-*Dimension reconstruction of the face.*

Việc kế tiếp của ông Neave là đổ khuôn. Ông Neave dùng một chiếc xương sọ làm khuôn và tạo ra một chiếc khuôn dựa theo chiếc sọ này. Sau đó, theo đúng với những dữ kiện về khuôn mặt lấy ra từ mô hình 3-chiều trong máy điện toán, ông Neave tỉ mỉ dùng loại đất sét dẻo trét lên chiếc sọ những đường gân thớ thịt mặt theo

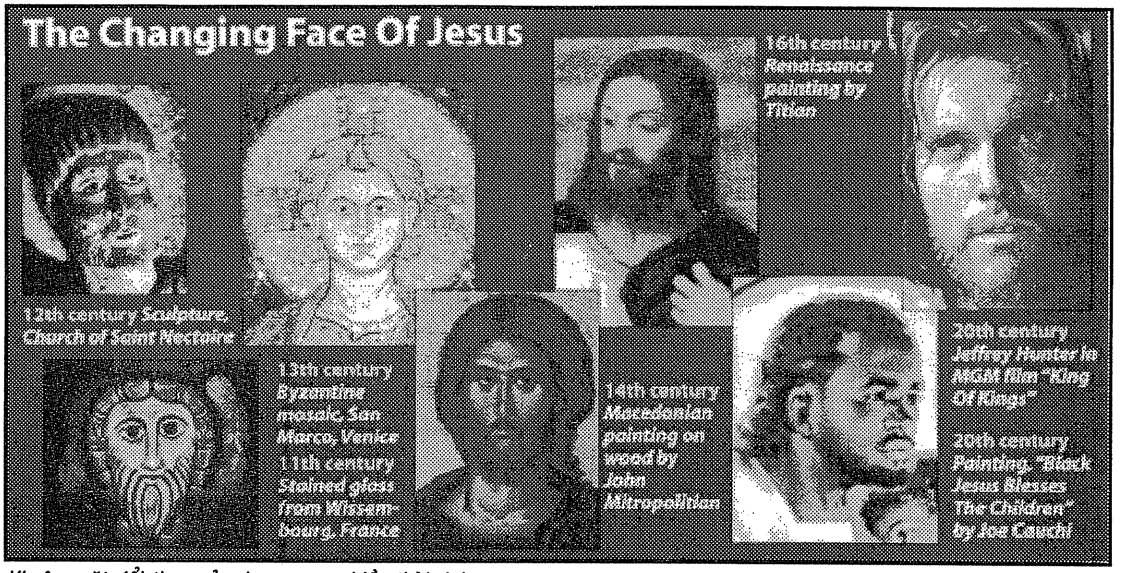

Khuôn mặt đổi thay của Jesus qua nhiều thời đại.

đúng với chiều kích dầy mỏng do máy điện toán chỉ định. Những miếng đất sét đặc biệt này thay thế cho những bắp thịt quan trọng nằm dưới làn da mặt. Sau khi tạo ra xong những bắp thịt mặt, một chiếc da mặt bằng một loại cao-su đặc biệt được ráp vào khuôn mặt. Việc sau cùng là nhào nắn làn da mỏng này những vị trí quan trọng của cánh mũi, đôi môi, và quầng mắt.

[*Trong TV, chương trình Discovery thỉnh thoảng có chiếu những phim về thuật phân nghiệm tạo hình này và những bộ mặt người tái tạo trong vòng thí nghiệm trông rất giống với hình những người đã chết. Từ một mảnh xương sọ, sở cảnh sát, FBI có thể tái tạo lại một khuôn mặt và những chi tiết cá nhân của người chết, và từ đó có thể tiến hành cuộc điều tra về những vụ án mạng mà trong đó nạn nhân mất tích vì bị thủ tiêu. Công việc tái tạo khuôn mặt rất tốn thì giờ đòi hỏi sự*

kiên nhẫn tỉ mỉ của người họa sĩ.]

Tuy nhiên, có hai chi tiết không thể suy đoán ra từ những chiếc xương sọ là tóc và màu tóc của Jesus. Để trả lời vấn đề này, ông Neave đã dùng những chi tiết lấy ra từ những tranh vẽ cổ khai quật lên được trong vùng, trong số có những bức đã được vẽ từ thế kỷ đầu tiên. Về vấn đề mầu mắt, từ một số chi tiết lấy ra trong những tấm tranh cổ đã được vẽ trước khi cuốn kinh thánh được biên soạn, những chuyên viên đi đến một kết luận là tròng đen mắt của Jesus mầu nâu đậm thay vì mầu nâu nhạt. Về phần bộ râu thì theo như truyền thống quen thuộc của Do Thái, hiển nhiên là Jesus cũng đã phải có một bộ râu khá rậm.

Một câu hỏi khác cần trả lời là tóc Jesus dài hay ngắn. Những họa sĩ vẽ Jesus thường có khuynh hướng vẽ ông với mái tóc óng mượt dài đến vai, nhưng những sử gia nghiên cứu kinh thánh hầu hết đều kết luận rằng tóc Jesus ngắn và rất quăn (tight curls).

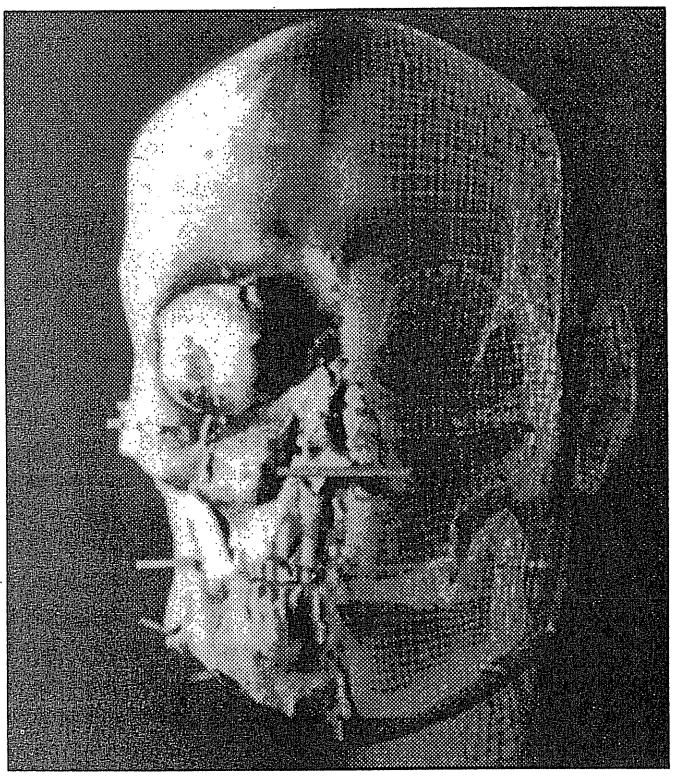

Mô hình ba chiều trong bộ óc của máy điện tử.

Tuy nhiên, nếu Jesus thực sự có một mái tóc ngắn và quăn thì nó trái ngược trầm trọng với một di tích lịch sử, đó là tấm vải liệm xác chết Turin (Shroud of Turin). Tấm vải liệm Turin này cho thấy nó đã được dùng để bó xác chết của một người đàn ông có một *bộ râu và mái tóc dài*, và rất nhiều người nhẹ dạ đã tin nó chính là tấm vải liệm xác Jesus.

[*Những thí nghiệm khoa học vào năm 1988 dùng phương pháp carbon-dating cho thấy tấm vải liệm này là một sản phẩm ngụy tạo làm ra vào khoảng thế kỷ 13-14. Người làm tấm vải liệm giả này hiển nhiên không có một phân tích sáng suốt nào và chỉ bịa ra một tấm vải dựa theo những bức tranh vẽ Jesus mà tự chúng cũng đã là những sản phẩm tưởng tượng sai sự thật. Turin là một thành phố tại Ý.*]

Tuy nhiên, câu hỏi về mái tóc ngắn dài của Jesus đã được chính cuốn kinh thánh trả lời cho biết sau đây. Những người cho rằng tấm vải liệm Turin là giả tạo đã trích dẫn kinh thánh -sách Corinthians 1- do tông đồ Paul viết. Trong một chương sách, Paul đã viết là ông có thấy Jesus, sau đó ở một đoạn khác Paul quan niệm về mái tóc dài của đàn ông là một điều nhục nhã, xấu hổ (disgraceful). Từ hai chi tiết quan trọng này, nhóm chuyên gia của ông Neave đã kết luận là Jesus phải có mái tóc ngắn. Mái tóc ngắn của Jesus phù hợp với những bức vẽ người đàn ông thời ấy. Nếu Jesus, thầy của Paul, có một mái tóc dài thì Paul sẽ không bao giờ viết rằng mái tóc dài là một sự nhục nhã cho người đàn ông vì viết như thế có khác gì chửi thầy.

Những chứng tích lịch sử cũng đã giải quyết nghi vấn về chiều cao của Jesus. Sự khảo nghiệm những bộ xương sót lại vào thời điểm đầu kỷ nguyên đã giúp những nhà khảo cổ xác định một cách khá chắc chắn Jesus cao khoảng bao nhiêu. Những bộ xương khai quật lên cho thấy chiều cao trung bình của một người đàn ông Semite vào khoảng 5 feet 1 inch, với sức nặng trung bình khoảng 110 cân Anh (49 kilô). Ngoài ra, Jesus sinh kế bằng nghề thợ mộc và ông lao động ngoài trời cho đến năm 30 tuổi, vì thế có lẽ ông có một cơ thể tương đối vạm vỡ gân guốc hơn người không lao động (dáng vóc cao và gầy trên những cây thánh giá có lẽ không phản ánh sự thực.) Cũng vì lao lực tay chân trong vùng sa mạc nắng gắt gió khô, khuôn mặt dầu dãi (weather-beaten) của Jesus

có thể trông già hơn số tuổi 30 của ông. [*Chiều cao và sức nặng của Jesus có lẽ xấp xỉ bằng một người đàn ông Việt Nam trung bình.*]

Đi đến một bức chân dung chính xác

Với đại đa số tín đồ vốn quen thuộc với hình ảnh Jesus phác họa trong những tranh vẽ treo trong những lớp học kinh thánh thì hình ảnh khác lạ của một Jesus với mầu da nâu sậm cháy nắng của một người đàn ông xứ Trung Đông sẽ là một sự nhắc nhở cho tín đồ biết thêm về nguồn gốc của niềm tin họ.

Giáo sư Charles Hackett, giám đốc trường Thần học Candler tại thủ đô Atlanta đã nhận định về bức chân dung mới của Jesus xuất phát từ phòng thí nghiệm của ông Neave,

"*Một Jesus trông giống như một anh chàng Semites da ngăm đen thay vì giống như tranh vẽ ta thường thấy là một sự nhắc nhở cho chúng ta biết tiếng tăm Jesus phổ thông ở khắp mọi nơi.*"

"*Đây cũng là một sự nhắc nhở cho chúng ta biết rằng thái độ tùy nghi sử dụng Jesus* [*vẽ chân dung hay tạc tượng một cách thiếu chính xác*] *để phục vụ những giá trị văn hóa của chúng ta là một hành động phạm tội.*"

Ông Neave cũng nhấn mạnh rằng trong việc tái tạo khuôn mặt Jesus ông chỉ có ý muốn trình bày một bộ mặt điển hình nào đó của một người đàn ông sống cùng thời và cùng một địa điểm với Jesus mà thôi. Dĩ nhiên, không phải ai cũng đồng ý rằng pho tượng mặt của ông Neave làm ra phản ảnh được khuôn mặt thật của Jesus.

Nữ giáo sư nhân chủng học Alison Galloway tại đại học Santa Cruz, California, phê bình rằng khoa phân nghiệm học không hẳn là một môn chính xác trong việc tái cấu tạo khuôn mặt. Những họa sĩ phân nghiệm tuy đã dùng cùng một cách thức kỹ thuật như nhau khi áp dụng phương pháp nắn ráp này vào trong những bộ xương sọ để tạo ra một khuôn mặt nào đó, nhưng có những chi tiết nhỏ vẫn còn bị tùy thuộc vào sự khéo tay và ý kiến chủ quan của mỗi họa sĩ. Có những họa sĩ chú trọng đến những yếu tố tỉ mỉ khác nhau trên mặt, như chiều dài của nhân trung, trong khi đó những chi tiết quan trọng tạo thành khuôn mặt cá biệt của mỗi cá nhân, như vùng quanh mắt với những nếp nhăn, khuôn sống mũi, vùng bắp thịt quanh miệng, bị ảnh hưởng nhiều bởi bàn tay nắn bóp của mỗi họa sĩ tạc tượng và khiếu thẩm mỹ riêng trong lúc tạo hình. Chính vì sự không đồng nhất này, nhiều khi bộ mặt thật của một người và

Ông Neave đang gọt đẽo khuôn mặt theo các dữ kiện của máy tính.

bộ mặt của người đó tái tạo theo phương pháp phân nghiệm có thể không giống nhau. Một họa sĩ phân nghiệm có thể thành công hay thất bại tùy theo từng trường hợp một, không phải lúc nào cũng thành công.

Tuy nhiên, sau những dè dặt cần thiết, nữ giáo sư Galloway đã kết luận về bức chân dung Jesus của ông Neave như sau, một kết luận mà hầu hết tất cả mọi người từng thấy bức tượng đều không thể không đồng ý,

"*Bức chân dung này có lẽ giống khuôn mặt thật của Jesus hơn là những sản phẩm tưởng tượng của nhiều danh sư từng đặt bút vẽ.*"

[*Những độc giả nào có tinh thần khoa học, muốn tìm hiểu thêm những biến cố trong kinh thánh một cách độc lập, vô tư, có thể đọc những tác phẩm như "Ngôi sao tại Bethlehem -The star of Bethlehem" của Michael Molnar, "Khai quật Jesus -Excavating Jesus" của John D. Crossan, "Ai đã viết kinh thánh -Who wrote the bible" của Richard Friedman.*]

Xin chúc quý vị độc giả một Giáng Sinh vui vẻ an lành./.

NỀN KINH TẾ NÀO SẼ KẾ TIẾP NỀN KINH TẾ TIN HỌC

TRƯƠNG ĐĂNG ĐỆ

Trước kia chúng ta cứ tưởng rằng từ đầu thập niên 1950 đến đầu thập niên 1970 chúng ta vẫn còn sống trong nền kinh tế công nghiệp. Cuối cùng, sau khi đã ý thức được rằng nền kinh tế công nghiệp này đã chấm dứt từ lâu thì ta không biết nên gọi nền kinh tế mới là gì. Nền kinh tế hậu công nghiệp chăng? hay kinh tế dịch vụ? Cuối cùng danh hiệu tin học đã thắng.

Nay chúng ta hãy chuẩn bị để thấy trở lại trường hợp đó mà chúng ta đã từng kinh nghiệm. Cũng giống như mọi vật hay mọi điều khác, các nền kinh tế đều có điểm khởi đầu và điểm kết thúc, và bây giờ, chúng ta đã có thể thấy trước điểm kết thúc của nền kinh tế hiện tại, nó sẽ xảy ra chừng 10 hay 20 năm nữa. Các nền kinh tế chấm dứt không phải vì chúng đuối dần mà là do sự thách thức của một nền kinh tế khác tới thay chúng, và điều này sẽ xảy ra khoảng 1/4 thế kỷ nữa.

Các nền kinh tế săn bắn và gặt hái đã thống trị cả hàng trăm ngàn năm trước khi chúng bị lu mờ trước các nền kinh tế trồng trọt, và các nền kinh tế này đã thống trị chừng 10 000 năm. Sau đó là các nền kinh tế công nghiệp. Nền kinh tế công nghiệp đầu tiên khởi sự ở nước Anh vào những năm 1760, và nền kinh tế công nghiệp đầu tiên đã bắt đầu kết thúc tại Hoa Kỳ vào đầu những năm 1950. Chúng ta hiện đang ở giữa đường trong nền kinh tế tin học; từ đầu đến cuối, nền kinh tế này sẽ kéo dài từ 75 đến 80 năm, như thế nó sẽ chấm dứt vào khoảng cuối những năm 2020. Và chúng ta hãy chuẩn bị cho nền kinh tế tiếp sau: đó là nền kinh tế sinh học (bioeconomy).

Chu kỳ đời sống của người và cây cối, của các doanh nghiệp, công nghiệp, của các nền kinh tế và cả của các nền văn minh đều có bốn thời kỳ: thời kỳ thai nghén,thời kỳ phát triển, thời kỳ trưởng thành, và thời kỳ suy tàn. Internet là sự kiện quan trọng nhất trong thời kỳ trưởng thành của nền kinh tế tin học, mà giai đoạn cuối cùng được đánh dấu bằng việc sử dụng phổ biến các chip rất rẻ, và bằng kỹ thuật vô tuyến để nối mọi vật với bất kỳ vật nào khác.

Những chu kỳ đời sống chồng chéo cái nọ lên cái kia. Như thế, nền kinh tế tin học sẽ trưởng thành vào những năm trước khi thời kỳ thai nghén của nền kinh tế sinh học kết thúc, và nền kinh tế này cuối cùng sẽ đi vào thời kỳ trưởng thành vào những năm 2020.

Nền kinh tế sinh học mở cửa cho các doanh nghiệp vào năm 1953, khi Francis Crick và James Watson nhận dạng được cấu trúc hình xoắn ốc của DNA. Từ thời điểm đó, nền kinh tế sinh học bắt đầu thời kỳ thứ nhất, và thời kỳ thai nghén này sẽ kết thúc khi việc giải mã bộ di thể con người hoàn tất.

Chúng ta hiện đang tiến tới thời kỳ thứ nhì - thời kỳ phát triển - khi mà những ngành công nghiệp mới rất sôi động xuất hiện, cũng giống như kỹ nghệ bán dẫn và kỹ nghệ phần mềm trong thời kỳ thứ hai của nền kinh tế tin học. Như vậy, kỹ thuật sinh học sẽ mở đường cho kỷ nguyên kinh tế sinh học. Trong hai thập niên tới, kỹ thuật sinh học về các chất hữu cơ sẽ chồng chéo lên kỹ thuật tin học về chất silicon vô cơ, những vật liệu hỗn hợp vô cơ (inorganic composite materials) và công nghệ học về các vật siêu cực nhỏ (nanotechnologies; nano = 1/1 tỉ, ví dụ như 1 nanometer = 1 / 1 000 000 000 m).

Trong khoảng thời gian mà các kỹ thuật tin học và kỹ thuật sinh học trùng với nhau, chúng ta sẽ có thể mã số hóa nhiều phương pháp về sinh học. Đến nay, có bốn loại tin học nổi bật nhất: các con số, các chữ, âm thanh và hình ảnh. Nhưng tin học còn có thể đến dưới nhiều dạng khác như mùi, vị, xúc giác, tưởng tượng (xem chú thích ở cuối bài). Vấn đề là các công nghệ học về mùi, vị, và những dạng khác chưa đủ phát triển để có thể đem ra thị trường. Vào những năm 2020, chúng sẽ được thực hiện. Ví dụ như mùi - có lẽ là một trong những giác quan quan trọng nhất - đang được mã hóa, giống như hình ảnh và âm thanh trước đó. Những yếu tố quan trọng nhất cấu tạo thành mùi có thể được thu nhập dưới dạng các phân tử và hiện ra bằng mã số trong một chip với giá phải chăng. Những công ty như Digiscents ở Oakland, Cal., và Ambryx ở La Jolla, Cal. đã tạo ra được những mùi bằng mã số. Công ty Cyrano Sciences ở Pacadena, Cal. đang phát triển một kỹ thuật chẩn bệnh có thể "ngửi" được các bệnh tật.

Bây giờ bạn đã có thể gửi một thiếp mừng với

một bài nhạc kèm theo lời chúc tụng; hãy tưởng tượng bạn có thể gửi thêm mùi hoa hồng hay hoa nhài nữa! Vào năm 2020, các bộ phim bằng mã số sẽ có mùi đặc biệt riêng của từng phim. (Bạn có thể coi phim "The Beach" đã được quay lại với mùi dầu dừa). Một ngân hàng sẽ có mùi gì? Ngân hàng Montreal ngửi khác ngân hàng CIBC thế nào? Mùi The Bay khác mùi Sears ra sao? Đó chỉ là vài ví dụ của những điều sẽ xảy ra.

Về cơ bản hơn nữa, bốn ngành công nghiệp đầu tiên được kỷ nguyên kinh tế sinh học đem lại sẽ là ngành dược phẩm, ngành chăm sóc sức khỏe, ngành nông nghiệp, và ngành thực phẩm.

Được biết đến nhiều nhất là chừng vài chục dược phẩm do việc sử dụng kỹ thuật sinh học tạo nên đã được đem ra thị trường để chữa bệnh và có kết quả tốt. Một trong những thay đổi lớn nhất về kỹ thuật sinh học cho những thập niên tới sẽ là phương pháp biến việc chăm sóc sức khỏe từ cách chữa trị bệnh sang cách dự đoán và phòng ngừa bệnh. Việc chăm sóc sức khỏe ngày nay thực ra chỉ là săn sóc bệnh nhân. Trong nền kinh tế sinh học, việc săn sóc sức khỏe sẽ được tiến hành theo mô thức phòng ngừa và giúp người ta tránh phải vào bệnh viện.

Trong mọi nền kinh tế, những đòi hỏi căn bản được đáp ứng bằng cách sử dụng những kỹ năng tối tân nhất. Trong nền kinh tế sinh học ở những năm 2020, các trang trại sẽ là những khu vực điều khiển kỹ thuật sinh học với những nhà máy sản xuất đất hàng triệu đô la để thay thế các đồng ruộng.

Ngày nay, sữa, thịt và các sản phẩm nông nghiệp đã được biến đổi bằng các kỹ thuật sinh học, và được bầy bán đầy trong các siêu thị. Có nhiều loại ngô đã được biến đổi bằng cách sửa di thể của chúng, mặc dù gặp nhiều phản đối.

Sau năm 2025, khi nền kinh tế sinh học đã trưởng thành thì những hiệu quả và những ứng dụng của kinh tế sinh học sẽ lan ra những ngành hầu như không dính dáng gì đến sinh học. Trong những năm 1950 và 1960, khó mà biết được các máy điện toán sẽ làm thay đổi mọi ngành công nghiệp, từ việc chế tạo các sản phẩm đến dịch vụ khách sạn, đến ngành bảo hiểm, đến cả vũ khí chiến tranh, cũng như ngày nay, khó mà thấy kỹ thuật sinh học sẽ làm thay đổi các doanh nghiệp không phải thuộc về sinh học như thế nào. Vào giai đoạn 3 của nền kinh tế kế tiếp, chừng vào khoảng giữa thế kỷ này, những ứng dụng của sinh học sẽ lan dần vào mọi ngõ ngách của đời sống không thuộc về sinh học của chúng ta.

Nếu có những điều lợi thì cũng có nhiều vấn đề sẽ xảy ra. Mỗi thời đại đều có mặt tiêu cực của nó. Thời đại công nghiệp kéo theo nó sự ô nhiễm và sự xuống cấp của môi sinh. Vấn đề chính của thời đại tin học là sự riêng tư. Trong nền kinh tế sinh học, đó là vấn đề đạo đức. Sinh sản vô tính, thực phẩm được biến đổi về di truyền, ưu sinh học, việc cấp đặc quyền chế tạo, chỉ là một số trong nhiều diễn biến đã từng gây ra sóng gió. Và hiện nay ở Hoa kỳ đang có cuộc tranh luận sôi nổi giữa hai phe ủng hộ và chống đối việc dùng tế bào gốc (stem cells / cellules souches) từ thai nhi để có thể chữa nhiều bệnh hiểm nghèo của con người.

Tất cả những điều trên sẽ làm cho những người sinh ra trong thời kỳ trẻ sơ sinh tăng vọt (baby boomers) thành một thế hệ duy nhất. Họ là thế hệ đầu tiên trong lịch sử trải qua ba nền kinh tế khác nhau. Sinh ra vào cuối thời đại công nghiệp, cả đời làm việc của họ nằm trong thời đại tin học, và vào cuối đời, họ sẽ thấy các cháu chắt của họ vượt qua thời đại kinh tế sinh học.

Nền kinh tế sinh học sẽ là nền kinh tế kế tiếp, và trong tất cả các nền kinh tế trong quá khứ, trong hiện tại, và trong tương lai, nó sẽ đem lại ảnh hưởng cực kỳ lớn lao làm cho nền kinh tế tin học giống như một đứa con èo uột nhất trong cả lứa.

Tài liệu: Times *ngày 22 / 5 / 2 000*

Tháng 12 năm 2 001

Chú thích

Theo một bài đăng trong báo The Ottawa Citizen ngày 24 / 4 / 01 thì các khoa học gia đã thực hiện được một máy điện toán có thể "đọc" các ý nghĩ, do sự điều khiển chỉ bằng năng lượng của óc thôi :

Ông Philbin, 40 tuổi bị bệnh teo bắp thịt xương sống (spinal muscular atrophy); bệnh này làm ông mất khả năng điều khiển tứ chi, và tiếng nói cũng bị hủy tổn. Khi dùng thử máy đọc bằng óc ABI (Adaptive Brain Interface) thì sau ba giờ luyện tập, ông có thể dùng ý nghĩ để viết một thông điệp; thông điệp đó là "Arsenal Football Club."

Máy ABI giải thích những tín hiệu điện từ thật nhỏ từ óc đưa lại, huấn luyện cho phần mềm của máy điện toán nhận ra được những làn sóng của tư tưởng, và điều khiển một con trỏ (cursor) để chọn những mẫu tự của thông điệp.

Máy ABI giá 2.3 triệu đôla, không cần phải dùng đến phẫu thuật để ghép một thiết bị nào trong đầu, mà chỉ dùng những điện cực (electrodes) gắn vào một cái mũ plastic đội trên đầu người dùng và nối bằng một sợi dây tới một máy điện toán Window 2 000 có những nhu liệu đặc biệt.

Ông Philbin tin rằng máy có thể giúp ông liên lạc với người khác.

NGƯỜI THÍCH NGHE CHUÔNG

NGUYỄN VĂN THÀ

Khoảng tháng mười gió bấc bắt đầu thổi mang theo cái lạnh phương Bắc; thổi rền rĩ ngày đêm. Lá cỏ héo dần rồi tan nát. Gió đưa cát bụi len vào từng lỗ chân lông; người lúc nào cũng cảm thấy nhớp nháp, bứt rứt. Được cái những ngày như thế, chuông nhà thờ vang xa.

Khi mấy ổng chưa vào tôi chẳng để ý đến gió bấc cho lắm. Mùa gió nồm mát mẻ hay mùa bấc khô khốc vẫn hai ngày cắp sách đến trường, có cơm ăn no, có áo lành mặc. Nhưng rồi từ độ hai miền hết đánh nhau, gió bấc làm tôi phải chú ý đến nó nhiều hơn, vì cờ bay mạnh, bay nhiều, và cũng là lúc khởi đầu cho những năm tháng tơi tả. Người và gió bấc, cờ xí cùng vó ngựa, văn hoá với những luồng tư tưởng bóp miệng. Những người dân miền Bắc như những người từ cõi âm, bắt đầu xuất hiện trước lẻ tẻ, sau đó ào ạt vào Nam để ráng kiếm cho mình một mảnh đất sống. Họ là những người ngàn đời đói đất; và vào cái thời cái gì cũng nhân dân làm chủ thì sự thèm khát đất đai lại càng mãnh liệt. Chẳng có gì quý hơn đất. Đất nào cũng được miễn là có đất, dù chỉ tạm thời. Đất rừng bạc màu chẳng chịt cỏ tranh người trong làng tôi không ai thèm làm, cũng đã là quá tốt đối với họ. Nhưng chẳng dễ gì moi được miếng ăn từ những đám cỏ tranh lì lợm, rễ đan tầng tầng địa võng ấy. Dần dà mộng ước đất đai của họ bị cỏ tranh bóp nghẹt; thân xác héo quắt dưới nắng đỏ.

Chúa HCM độ ấy cũng đã theo gươm giáo vào ngự trị trong mọi nhà xứ Đàng Trong. Thực ra, đối với số đông, cái mặt của chúa như một lá bùa gớm ghiếc mà những thầy pháp, bà bóng của chúa, cứ gióng phèng la, cứ hô âm binh đe dọa, nên cực bằng đả phải dán trong nhà, vì ai mà biết được lúc nào ma tha quỷ bắt.

Vậy mà có người đàn bà không thèm dán lá bùa ấy. Một người đàn bà Đàng Ngoài.

Tôi đang đi kiếm con trâu lạc, tay cầm chiếc roi mới tự bẹn. Rừng rậm rạp và mênh mông xanh. Chẳng hi vọng gì kiếm được trâu, nhưng cứ phải tìm. Đi giữa lòng con suối cạn, lá vòm giáo đường, cát mịn mát in dấu chân chim lăm nhăm lẫn giữa những vết trườn mỏng manh của loài bò sát. Và, nơi đây cõi đâu đâu uống lời im ắng; chim kêu chiều biền biệt vô ngôn. Bỗng có tiếng chuông nhà thờ đổ, vang vang giữa ngàn cây. Chuông đổ trước loa. Họ đã quên mở đài. (Bấy nay trời thôn dã rộn tiếng máu xương, chẳng mấy khi, như chiều nay, chuông đưa lòng về được một cõi không trâu.) *Cảm ơn suối nhỏ vòm cây. Cảm ơn ai kẻ quên loa rộn chiều.* Một nhánh tre quẹt ngang mặt cắt ngang câu thơ lạng quạng, làm tôi giật mình, nhìn lên. Bóng dáng một cô gái đang đi lại phía tôi, thong dong mềm mại. Cô mặc quần xanh bó Trung quốc và áo sơ mi trắng, bộ đồ kiểu cọ nhất của các chị em dân ngoài Bắc thời đó; còn tôi, tôi lại đang bận cái quần tà lỏn, hình như đủng hơi rách thì phải - tại chỉ nhợ hồi đó quá bở; ngượng quá lẽ, bèn chữa thẹn:

- Cô đi đâu đó?

- Dạ em đang nghe chuông - Câu hỏi trật bản lề của tôi nghe thiệt tội nghiệp so với câu trả lời đầy tiêu dao làm tôi thảng thốt - Chuông chiều nơi đây nghe thật thích! Còn anh?

- Tôi đi kiếm trâu.

- Anh đi kiếm trâu hay đi kiếm tiếng chuông Trời đã gởi cho người thế từ lâu? *Angelus Dómini nuntiávit Mariae et concépit de Spiritu Sancto... Et Vebum caro factum est et habitávit in nobis!...* Mà trâu lạc lâu chưa anh?

- Hồi trưa đứng bóng.

- Tối đến nơi rồi, anh kiếm nhanh đi!

- Thôi, khỏi cần kiếm!

- Sao vậy?

- Vì đã có cô đây!

Tôi bắt đầu trổ mòi. Nhưng cô nàng vẫn cứ như không:

- Anh có biết không... ?

Và ánh mắt cô đóng cõi ngoài tôi lại; lời chở tôi trôi dạt mải mê. Cô thao thao về những tiếng chuông trong các tác phẩm văn chương Nga-la-tư (2). Những tiếng chuông ấy tắt đi từ Maxim Gorki, người khởi đầu cho một nền văn chương Nga-Xô-viết. Từ độ ấy tiếng chuông đã bị bóp cổ, cô nói. Chuông Nga xưa ấy sao giống tiếng chuông trong những bài văn mẫu của thầy Kính dạy tôi! , tôi reo, tiếng chuông nào cũng bay và mang theo ánh sáng.

Cô còn kể thêm chuyện một ông pốp (3) già

ở Nga suốt đời băn khoăn về một câu thơ chữ La tinh khắc trên chiếc chuông cổ của giáo đường cụ; cụ ăn không ngon ngủ không yên suốt 70 năm vì câu thơ ấy. Rồi cô đọc câu thơ tiếng La tinh - dĩ nhiên tôi mù tịt, nhưng tôi vẫn nhớ được câu thơ bắt đầu bằng một cái âm tựa như là luna (4) - giống tên hiệu đèn Huê kỳ nhà tôi đang dùng - và cô dịch ngay: Rừng đẻ trăng. *Tiếng chuông của cỏ.* Câu thơ đã làm cụ pốp phải kêu lên: "Người đời xưa mà làm được những vần thơ mới đến như thế ru!?" và cụ nghi đó là thơ ngàn-hoa-nội-cỏ của Virgil (5). Nhưng rồi, dù miệt mài đọc thơ của Virgil và cả của các thi sĩ La tinh khác đến bạc cả mái đầu, cụ vẫn không kiếm ra gốc tích câu thơ. Cuối cùng chuyện đến tai một anh thợ cày trong vùng, anh ta bèn phán với thằng con, vốn là trò giúp lễ của cụ pốp: "Mẹ, biết đâu thằng thợ đúc chuông khắc sai!?" Chú bé mách lại với cụ pốp, tóc cụ đang bạc trắng hóa ra đen; rồi cụ bỏ xứ đạo mà đi, không biết đi đâu...

- Cô đã ở Nga?

- Em là công chúa Anastasia (6). Em là công chúa ngàn đời của Đất Nước em. Khi gã Lênin ám sát em, gã đã làm một việc rất dại dột: Gã đã phong thánh cho em.

- Cũng như tiếng chuông?

- Đúng, làm sao hắn bóp được âm vang của muôn vàn chuông vàng đã thấm vào từng cục đất, hạt cỏ nước Nga cả hàng ngàn năm.

- Thế là cô không cho là câu thơ La tinh khắc trên chuông mà cô vừa kể là sai từ vựng, sai văn phạm?

- Không, đó là một câu sấm hoặc một câu thơ thị kiến.

- Xem ra nước Nga sinh ra khá nhiều những con người thị kiến...

-...và những con người hoang tưởng. Tôi nghĩ là gián tiếp giáo hội Chính thống Nga với những lễ nghi phụng tự và các hình thái nghệ thuật liên hệ chẳng những đã sản sinh những con người đầy thị kiến như Dostoievsky, Pasternak mà còn tạo nên những kẻ hoang tưởng như Lênin và Stalin. Cứ thử vào tham dự một thánh lễ nơi nhà thờ Chính thống Nga anh sẽ cảm nhận được những điều tôi nói. Các ông pốp và các tín hữu như đang tận hưởng những hoan lạc siêu hình suốt cả hai ba tiếng đồng hồ giữa giòng nhạc rền rĩ, ray rứt, khát khao, giữa chơi vơi trầm hương, nến sáng. *Elohim! Elohim! Elohim! (7)*

...Còn tiếng chuông?

Nàng im lặng không đáp. Cú bắt đầu rúc loanh quanh. Muỗi bay thành vòng quanh mặt nàng ánh xanh lấp loáng. Nàng đi vòng vòng dưới vòm cây, đôi khi mơn man một chiếc lá, đôi khi như đang lặng nghe tiếng nghìn trùng, rồi có lúc thầm thì chuyện vãn. Quên cả rừng chiều sắp đóng. Tôi ngồi trên tảng đá ngóng cổ nghe nàng. Ngờ ngợ nàng như Đức Giêsu, và tôi, như thánh nữ Mađalêna, đang ngồi dưới chân nàng uống suối nguồn trí huệ từ môi. Một lúc sau, miệng nàng mấp máy máu tươi:

- Tôi chỉ biết bay trong tiếng chuông nước Nga, nhưng tôi nghĩ chỉ có các ông pốp dưới thời Xô viết mới thực sự sống tiếng chuông. Họ là những Quasimodo (10) gánh oằn vai những sầu thương nhân thế và của chính đời mình. Nghĩ mà thương...

- May có Esmeralda chia xẻ gánh gian truân.

- Anh có biết không, tôi vào Nam để nghe, để nhìn những tiếng chuông cuối mùa?

- Tại sao lại là cuối mùa? Tôi tin rằng chính phủ đương thời, rút kinh nghiệm bên Nga, sẽ vẫn cho giật chuông nhưng lại ra sức khuyếch đại âm thanh của chiếc loa vốn đã rĩ sét của mấy ông ấy. Và họ tin là loa sẽ thắng chuông. Cô có nghĩ như vậy không?

- Làm sao mà biết được. Ai mà hiểu được Bóng Tối!

Và tôi cúi đầu nhẫn nhục để cho bóng tối tràn lan, che kín nhãn quan và nuốt chửng tâm tư. Nghe đời mình quen dần bóng tối.

Không biết bàn tay huyền hoặc cỏ cây đã cởi quần áo nàng hay chính nàng đã tự khỏa thân mà, khi ngước lên, tôi thấy nàng đang trần truồng, đong đưa ảo diệu như một chiếc bình pha lê treo giữa tà huy.

Có tiếng thì thào đâu đó trên muôn ngàn lá:

- Bóng tối đã bóp nghẹt cả giang san. Tôi phải về nhà cha tôi. Cha tôi có nhiều chỗ ở, anh có về không, anh có về không?

Nàng tan loãng theo tiếng gà rừng gáy sảng: Hoàng hôn mà cứ ngỡ bình minh.

Trời gần đứng bóng tôi ngủ mới dậy. Sáng dậy đi làm không nổi dù má kêu năm lần bảy lượt. Đi tàn tàn qua nhà thằng em hút điếu thuốc lào cho tỉnh, thấy mấy anh hàng xóm đang phụ nhau xẻ thịt một con chó. Máu me vung vãi, lấm lem những chùm lông chó trắng nõn lung linh như muôn ngàn mũi kim dưới trời trưa nắng đổ.

- Kiếm được con cầy đâu mà ngon vậy, mấy cha!? - Tôi hỏi

Thằng Năm em tôi cười hề hề:

- Ngon cái khỉ mốc, thịt ba con chó cái, mười

con hết chín mềm xèo! Đầu hôm ra rẫy gần suối Rạn để canh heo rừng, thấy nó cứ xớ rớ cạnh chòi, đã vậy lại còn rên ư ử như rượng đực, tui ngứa máu nhào lại tính phang cho một một cuốc, vậy mà nó vẫn đứng im nhìn tui, làm tui phải gượm tay lại...

- Rồi sao...?

- Tính để kệ mẹ nó, nhưng nghĩ lại thấy gió bấc thổi mạnh, trời động cả mấm không có, tui tròng cổ trói lại, bỏ bị vác về hồi hôm.

- Hay là chó bị người ta thuốc mậy? Coi chừng ăn ngọng miệng cả đám! Vả lại chó của người ta...

Anh hàng xóm đỡ lời:

- Không sao đâu anh ơi! Tụi em đi xẻ ván hằng ngày trong rừng thấy con chó nầy cứ chạy lông rông trong rừng cả mấy năm nay rồi; chắc ai dời nhà không đưa nó theo. Tụi em tính thịt nó từ lâu rồi mà không được. Nó cứ thoáng ẩn thoáng hiện; không biết sao đêm qua lại lại dẫn xác đến rẫy nhà anh như vậy. (Tôi với em tôi làm chung một rẫy).

Thằng Năm phụ họa:

- Đúng như vậy đó anh Tư... Thôi, chó nào cũng là chó! Mà anh Tư nè... đang kẹt không biết kiếm đâu ra trái dừa khô để hầm chó. Không biết dừa bên má có buồng nào già chưa, anh về chỉa cho tui ít trái.

- Hôm qua má nhờ thằng Hào chọc xuống bán sỉ cho bà Tám ngoài chợ hết rồi... mà thằng Hào con Huệ đâu cả rồi?

- Thằng Hào dọt ra đâu đầu xóm, còn con nhỏ Huệ còn ngồi khóc đằng hồi nhà. Ai đời nó với thằng Hào cứ giành nhau cái chuông con chó, la lối um xùm. Xùng máu, tui xáng cho một đứa một cái bạt tai. Cái thằng mất dạy nó lì đòn, còn con nhỏ cứ khóc rấm rứt hoài... Mẹ, ở đây chó nhà quê mà ai đó còn treo cái thứ chuông lục lạc như chó Tây không bằng! Nhưng phải công nhận cái chuông thiệt đẹp, bóng lộn như vàng.

- Giờ ở đâu rồi?

- Nóng gà, tui dụt mẹ xuống ao cho khỏi cãi nhau... Mà anh Tư à, kẹt quá, không có dừa khô thì khó mà hầm thịt chó cho ngon được!

- Sao không đạp xe ra ngoài chợ chồm hổm mà mua?

- Chợ búa xa xôi quá, mà chắc gì đã có!

- Thôi, để tui lên cha xứ xin cho các ông một trái. Hôm qua tui còn thấy cây dừa bung bên giếng của ổng có mấy buồng già rồi.

- Không dễ đâu, ổng kiết lắm.

- Mầy đừng có nói vậy. Các cha phải giữ thế chớ! Cha là cha trăm họ; cho người này mất người nọ.

- Ừ, thì cũng được đi. Nhưng anh là cái gì mà anh cho là cụ sẽ chơi đẹp với anh?

- Mầy không nhớ anh mầy là trưởng ca đoàn sao!?

Trời đứng bóng. Khi vừa đến trước nhà thờ cổng nhà thờ, tôi thấy ông cha xứ đang giật chuông trưa truyền tin, thấy cả bóng dáng một thiếu nữ quần áo trắng thấp thoáng giữa những bụi hoa trúc đào cao tới vai cạnh tháp chuông. Tôi không thấy rõ mặt người con gái, vì mái tóc thề lơ là che kín một nửa khuôn mặt; và dường như cô nàng đang lắng nghe chuông. Tôi để ý thấy trên mái tóc bên trái có cài một cánh hoa bằng lăng và dưới chân đeo một đôi giày cao gót màu trắng, kiểu giày cao cấp vẫn thấy bán trong các cửa hàng quốc doanh số một ở Mạc Tư Khoa vào những thập niên sáu mươi, bảy mươi. Giật chuông xong, ông cha hối hả đi vào nhà xứ, hay nói đúng hơn, hối hả đi thẳng vào nhà bếp. Tôi đang bận thu xếp câu cú trong đầu sao cho khéo, để thỉnh bằng được một trái dừa nạo của cụ cho mấy thằng đàn em nễ chơi. Khi ngước lên, tôi không còn thấy cô gái đâu.

Khi vào tới cửa bếp nhà xứ, tôi thấy cụ đã ngồi thoải mái giữa chiếc bàn rộng mênh mông đầy ắp thức ăn: cá, thịt, trái trăng, đủ màu đủ cở. Và còn có cả chai rượu lễ đỏ như máu, hiệu Cờ đỏ, sản xuất tại Liên xô - vì tôi thấy có cái tên Cộng Hoà Liên Bang Xô Viết viết tắt bằng mẫu tự Nga: CCCP to chần dần trên nhãn, mà bọn trẻ trong làng, không biết ai bày, từ lâu đọc là Coi Chừng Chúa Phạt.

Tôi chào, cụ im. Tôi bèn tự động kéo ghế ngồi, cụ hơi khó chịu, nhưng cụ vẫn tiếp tục ăn và không chào hoặc hỏi tôi một câu dù chỉ cho có lệ. Tôi thấy giấc mơ trái dừa khô bị bóp nát tàn nhẫn. Và khi đang loay hoay giữa phẫn nộ và khinh bỉ, tôi thấy người đẹp áo trắng lúc nãy đi vào và đứng ngay trước bàn ăn, nhìn thẳng vào cụ. Tôi nửa ngờ ngợ nửa khoái trá nhìn cô gái mặt hoa da phấn. Ông cha xứ vừa xăm xói ăn vừa hỏi, câu hỏi lửng lơ không chủ từ mà những kẻ bề trên hay dùng:

- Đến đây có việc gì?

Cô nàng đáp ngay, dù chưa chắc ông cha xứ đã hỏi cô, giọng thỏ thẻ, (tôi bắt buộc dùng cái chữ rất đỗi cải lương này, nhưng chỉ có động từ này mới diễn tả được đúng cái giọng của cô gái

lúc đó):

- Con đến để tìm tiếng chuông của con. Tiếng chuông con lưu lạc chưa về. E chừng mất hẳn rồi, cha ơi!

Tôi nghe chuông rừng vọng ngược về. Tôi nghe pha lê rạn vỡ.

Và cô vẫn đứng đó nhìn vị linh mục đăm đăm như đang cố tìm nơi ông tiếng chuông của cô; và bỗng nhiên, ánh mắt cô tối sầm lại.

Ông cha xứ hoặc không nghe cô ta trả lời hoặc không thèm để ý đến cô ta, như thể cô gái không hề đứng trước mặt ông, bởi ông chỉ nhướng mắt nhìn tôi, và rõ ràng là ông đang giận tôi vì tôi đã không trả lời ông. Thực ra không phải như thế, chẳng qua tôi đã không nhanh miệng hơn cô gái.

- Dạ con đến để nói chuyện với cha cho vui - Bây giờ tôi mới trả lời được.

Rõ ràng câu trả lời của tôi chỉ cho đỡ ngượng, bởi phương án xin dừa hầm thịt chó đã cháy tiêu ngay từ phút đầu gặp gỡ. Sượng trân, tôi nhìn bâng quơ ra ngoài cửa sổ một lúc; khi quay lại, cô gái đã đi từ hồi nào - và hình như không thèm chào ông cụ - và tôi chỉ thấy một bà già áo quần vá chằng vá đụp, đầu quấn khăn xứ Nghệ, một bà Bắc bộ chính hiệu, đứng ngay chỗ cô gái đứng lúc nãy. Bà ta khúm núm, hốt hoảng:

- Thưa cha, mấy thằng chăn trâu mới phát hiện con mẹ Ngọc treo cổ tự vận ngoài suối Rạn đâu hồi hôm.

Ông cha vẫn cắm cúi ăn:

- Ngọc nào?... Mà sao lại biết là đêm qua?

- Con-Ngọc-đĩ-Liên-xô đó cha! Biết là đêm qua là vì nếu ả treo cổ giữa ban ngày mấy anh thợ cưa, mấy đứa chăn trâu phát hiện ra ngay. Cái đồ đĩ đó có chết cũng...

Ông cha xứ bây giờ mới ngước mặt lên:

- Bậy nào, sao gọi người ta là đồ đĩ, rồi còn gọi là đĩ Liên xô là làm sao!?

- Thì con ni, hồi còn ở ngoài nớ, giỏi giang răng đó lại được đi học Liên xô. Học đâu được mấy năm mà lại cứ lân la tằng tịu với mấy ông cha râu xồm ở bên nớ. Trình cha, không biết tại răng mà người ta gọi mấy ông cha Liên xô là như rứa?

- Ừ, tại vì các linh mục theo giáo phái Chính thống có tập tục để râu dài như thế.

- Chớ không phải các ông ấy sinh đàng tội lội mà người ta kêu như rứa?

- Khồồồng... Làm gì có chuyện đó! - Ông linh mục gạt ngang, rồi hăm hở hỏi tiếp, trái cổ đưa lên đưa xuống - Rồi sao nữa?

- Thì bị nhà nước kéo cổ về nước chơ sao nựa cha! Đã vậy còn lăng nhăng mô ngoài Hà Nội mấy năm; lại lân la đến các nhà thờ. Có bựa đi tham quan mô đó nhà thờ chính tòa, ả lại chài mồi được thầy giảng Chung (8). Cha có biết không: Chẳng ai kéo chuông hay bằng thầy nớ. Thiệt uổng công tu trì mấy chục năm gian khổ cha nợ!

- Rồi sao nữa bà? Rồi sao!?

- Thì thầy xấu hổ quá, phải xin đi bộ đội vào Nam. Có kẻ nói thầy chết mất xác nghe đâu trong một trận đánh lớn ở cái tỉnh Thuận Hải nầy; có kẻ lại nói thầy hàng địch rồi xin đi tu làm cha đâu ở trong Nam.

LÊ THỊ KIM

ĐỪNG NHÌN EM NHƯ THẾ

Đừng nhìn em như thế
Cháy lòng em còn gì
Sự nồng nàn của bể
Cuốn mất hồn em đi

Đừng nhìn em như thế
Khắc giờ thành thiên thu
Mắc nợ đời dâu bể
Mắc nợ đời thơ si

Em đành làm chim nhỏ
Đứng hót chơi trong chiều
Thả đôi lời hoa cỏ
Cho đời bớt tịch liêu

Bởi tình yêu có thật
Vĩnh cửu trong cuộc đời
Bởi ghen tuông có thật
Xuống mồ biết có thôi

Đừng nhìn em như thế
Sự dịu dàng nhường kia
Sẽ làm em chết ngạt
Hết một đời thơ si

- Rồi sao nữa!? Rồi sao nữa!?

- Nghe thằng cháu của con học đại học ở Hà Nội nói là người ta còn đồn ả cứ quần là áo lượt vô ra toà đại sứ Liên Xô, còn đi múa đôi, ăn uống với mấy ông nớ.

- Sao người ta biết hay vậy?

- Thì có anh người cũng ở quê với chúng con, làm to đâu trong bộ, trong phủ chi đó ngoài nớ, phải lòng ả, mê ả, răng đó không được, thất tình, uống rượu, nói lung tung phèng.

- Có gì nữa không, kể cho cha nghe!

- Chúng con vô Nam đầu tắt mặt tối bởi đất lặt cỏ mới kiếm được đôi miếng bỏ miệng, còn ả cứ ăn trắng mặc trơn đi lòng dòng trong rú.

- Vô rú mần cấy chi rứa? - Lần này không biết tại sao ông cha lại trọ trẹ giọng Nghệ, quên béng cái giọng Hà Nội mà ông cố uốn lưỡi bao năm để, khi đứng trên toà giảng, giảng cho oai, cho ra cái vẻ mình là dân Thăng Long ngàn năm văn vật.

- Thì nằm với mấy thằng thợ cưa trong rú chơ mần chi nữa cha nợ. Chơ của mô mà ăn trắng mặc trơn đi cà nhỏng cả mấy năm ni... Nhưng mà trình cha, dừ ả treo cổ chết như rứa, họ (9) chúng con không biết làm phải mần răng đây?

- Mà ông trùm chồng mụ đi đâu mà mụ lại vô đây?

- Nhà con đi xẻ ván trong rừng từ hôm qua; không biết chết rấp xó nào góc nào mà trưa vẫn chưa thấy về.

Khuôn mặt ông cha hăm hở lúc nãy bây giờ ra dáng lập nghiêm:

- Hay là đêm hôm lại đi la cà... Thiệt là bê bối!

- Dà...

- Mà nì, không thấy chị ta đi nhà thờ nhà thánh chi cả, chắc là phường vô đạo?

- Có mô cha! Cha mẹ của ả đạo dòng mà! Gia đình ả ngoài nớ ở cách nhà chúng con có ba bốn căn chơ mấy!

- Dù có đạo đi nữa mà tự tử thì không được chôn trong đất thánh. Chôn đâu cũng được, không được chôn đất thánh.

- Thôi rứa cũng được chơ hơi mô mà mất công khiêng cả bốn năm cây số đường rừng những kẻ...

-...những kẻ cướp quyền ban phát sự sống của Chúa. Tôi sống không còn phải là tôi sống nhưng là... Chắc mụ còn nhớ?

- Dạ nhớ. Cám ơn cha... Con sẽ về báo cho họ đạo của con biết lời dạy của cha.

Rồi bà trùm già cắp nón le te đi ra.

Một luồng gió bấc thổi mạnh làm vô số những cánh hoa dầu lông bay ào ào xuống phía trước đài Đức Mẹ.

Tôi vọt ngay khỏi nhà xứ quên cả chào ông cha xứ; chạy ngay ra phía suối Rạn. Tới nơi, tôi thấy có độ chục người đang còn đứng đó chỉ chỏ cây bằng lăng, hoa tím mát tinh khôi. Dây treo cổ còn đong đưa trước gió như xác rắn hồng hoang mới lột, nhưng xác của người đàn bà tên Ngọc ấy tôi không biết người ta đã hạ xuống hồi nào và đã đưa đi đâu. Có anh đàn ông đưa hàm răng hô ra vừa cười vừa chỉ về phía bìa rừng không xa cội bằng lăng là bao nói, dù tôi không hỏi:

- Chòi ả đằng nớ, chòi ả đằng nớ tề.

Tôi thấy phía đằng đó có một mái tranh, thật nhỏ nhưng khá xinh xắn nằm cạnh con suối cạn, gần chỗ tôi đi kiếm trâu chiều qua. Tôi chạy nhanh đến chòi. Chòi với liếp cửa lát đan theo hoa văn của các sắc tộc người Á sống trong rừng taiga Tây Bá Lợi mà tôi có dịp xem trong các tờ Báo Ảnh Liên xô. Và không có ai quanh chòi; vì sợ hồn ma người đàn bà chăng? Tôi giật liếp xông vào, thấy chỗ, mà những nhà khác người ta phải dành để treo hình chúa Hồ, là hình một cái chuông lớn vàng rực ánh sáng với hàng chữ mà tôi đoán là câu thơ La tinh vì nó bắt đầu với chữ luna. Phía bên phải gian chính là chái bếp. Và bên trái còn có một căn phòng bé, thật bé, có lẽ là phòng riêng của chị ta, có khoá; tôi giật tung ổ khoá nhìn vào, thấy bên trong có một chiếc giường... nệm với khăn trải giường và hai chiếc gối, cả hai thứ đều trắng muốt phẳng phiu - những hình ảnh ước lệ mà các nhà-văn-có-lý-lịch-nằm-ổ-rơm thường dùng trong những phân cảnh mô tả những trò hủ hoá của các giai cấp bóc lột; và mùi hương ngọt ngào vẫn còn lẩn khuất trong phòng. Trên đầu giường tôi thấy một bức tranh màu nước, không lộng kiếng, vẽ một vùng cỏ xanh rối rắm, tựa cỏ tranh, bên trên là một hàng chữ Nga viết bay bướm, mới trông thì giống như những đám mây nhỏ, nhưng nhìn kỹ thì giống như mái tóc con gái - không hiểu sao tôi cứ đinh ninh đó phải là tóc con gái chứ không phải là tóc đàn bà - đang chờn vờn trên muôn nhánh cỏ. Hàng chữ ấy là hai câu thơ Việt viết tháu bằng mẫu tự Nga: Tiếng chuông của tôi nay đâu Chìm đâu khe suối hay mầu cỏ cây. Tôi còn tìm thấy dưới gối một cuốn sổ mà tôi cầm chắc là cuốn nhật ký; và có cả chiếc roi đánh trâu của tôi cuộn quanh cuốn sổ, như một con rắn hổ mang đang bảo vệ Kinh Thiêng trong các bức

phù điêu Ấn Độ. Tôi thử giở vài trang, có trang viết bằng mẫu tự tiếng Nga, cố đọc vài dòng nhưng chẳng hiểu gì, có trang lại là thứ văn tự tượng hình kiểu như cổ tự Ai Cập đầy biểu tượng chim, người, hoa lá, mãnh thú, nông cụ.

Bỗng, tôi nghe có tiếng trống cà rùng và tiếng hét, của nhiều người lắm thì phải: "Đả đảo con đĩ Liên xô! Đả đảo con đĩ Liên xô" và hình như họ đang tiến lại phía chòi. Tôi nhét cuốn sổ vào bụng, chạy tọt ra ngoài và thấy ngay một đoàn mấy thằng chăn trâu vừa đang hô hoán vừa hằm hè cầm mồi lửa chạy xốc tới. Thế nào mà chúng nó chẳng thấy tôi đang từ trong chòi "con đĩ Liên xô" chạy ra!

Và bọn nó đốt chòi. Lửa cháy đượm phải biết! Gặp gió mà lại!

Đột nhiên có thằng hô to:

- Đập chết cha cái thằng dê xồm!

"Ủa chẳng lẽ là tôi?" - Tôi ngạc nhiên tự hỏi.

Không cần biết, tôi chạy thí mạng về hướng mặt trời. Chạy một đỗi, lạ quá, không thấy ai đuổi theo. Mừng rơn. Chắc lũ trẻ đang bận xem lửa cháy. Tôi còn nghe mấy thằng nhãi vừa vỗ tay vừa hát cả bài Kết đoàn kiểu mới Rừng núi giang tay nối lại biển xa... sau lưng.

Khi hoàn hồn tôi thấy mình đang đứng trước bãi biển, thở dốc. Coi vậy chứ bọn chăn trâu đâu có tha đâu tôi đâu mà đã vội mừng, vì loáng thoáng phía rừng tràm dọc bãi biển, tôi thấy chúng đang lội bì bọp như đàn trâu điên, tay đao tay mác, rõ ràng là đang rượt theo tôi, và lần này chúng hô một khẩu hiệu khác: "Đả đảo cái thằng liếm l...! Đả đảo cái thằng liếm l...!" Quýnh quáng, tôi ném luôn cuốn sổ ra biển, nhưng cuốn sổ cứ dật dờ bên mép sóng; những lượn sóng dữ bổ ập vào vẫn không nhận chìm được cuốn sổ; và sổ vẫn đóng kín. Khiếp quá vì sợ mấy tay đánh trâu chộp được, tôi nhảy vội lên cuốn sổ, dí nó xuống nước, nhưng bỗng nhiên tôi cảm thấy người nhẹ tênh tênh: Cuốn sổ mở toang lòng đưa tôi lướt phăng phăng trên điệp trùng sóng dữ, nhanh đến nỗi chưa hét xong "Giêsu Maria, lậy Chúa tôi!" (11), tôi đã đặt chân khô ráo lên bờ biển đảo Bidông, Mã Lai.

Ở trên đảo ấy cũng có một nhà nguyện nhỏ cho những thuyền nhân tị nạn Công giáo, và một cái chuông ai đó gắn lẳng lơ trên cây bằng lăng tím ngát màu quê. Và, mỗi lần nghe chuông truyền tin trưa chiều, nhất là chuông chiều, thay vì đọc kinh, tôi lại bắt đầu chửi, chửi tôi đã không theo cô gái pha lê về nhà cha cô hoàng hôn hôm đó.

Sau này, khi đã được định cư, tôi mò mẫm học lại tiếng Nga (cố ý để đọc cuốn sổ tôi lấy trong nhà người đàn bà tự vẫn tên Ngọc, mà sau hơn hai mươi năm, qua bao sóng to gió cả, chữ vẫn còn rõ nét). Nhưng, khi học được tiếng Nga ở mức có thể đọc được các tác phẩm cổ điển văn chương Nga-la-tư, thử giở lại cuốn sổ để đọc, tôi lại đụng phải cái văn phong phù thuỷ tựa tựa như văn phong trong những sưu tập sấm ngôn của các nước Bắc Âu nơi tôi đang cư ngụ. Ấy là chỉ nói tới phần tiếng Nga; còn phần chữ chim-cò, đành chịu thua.

Vào dịp sang viếng Rôma, Năm Thánh 2000, tôi cố ý mang theo cuốn sổ để nhờ giám mục Nguyễn Văn Thuận, một vị chủ chăn vốn thông kim bác cổ, mà báo chí người Việt hải ngoại đã thuật lại là thời gian ở tù ngài còn cố gắng học đến thông thạo tiếng Nga, và còn soạn được cả từ điển Nga - Việt, để ngài đọc và giải nghĩa dùm.

Nhưng nghĩ ngợi loanh quanh, tôi lại thôi.

Oslo, 6.8.00 - 3.11.02

Chú thích:

(1) Angelus... (tiếng La tinh): Thiên thần của Chúa truyền tin cho Maria. / Và bà đã chịu thai bởi phép Đức Chúa Thánh Thần... Và Ngôi Lời đã trở thành xác thịt./ Và ở giữa chúng ta. (Trích từ kinh Truyền tin, nói về chuyện sứ thần của Đức Chúa Trời truyền tin cho Đức Bà Maria về việc bà sẽ chịu thai Đấng Cứu Thế Giêsu, theo Kinh Thánh Tân Ước. Người Tây họ gọi kinh này là kinh Angelus, vì chữ Angelus là chữ đầu của kinh, bản La tinh. Tôi, kẻ viết truyện này, khi cô gái đọc kinh này bằng tiếng La tinh thời nhớ lại ngay, vì phải học thuộc lòng kinh đó từ lớp 6, và bây giờ vẫn còn nhớ để chép ra đây. Còn câu thơ kỳ bí ở khúc sau thì chịu, không nhớ được.)

(2) Nga-la-tư: Tiếng dùng để phân biệt với nước Nga-xô-viết sau này.

(3) Pốp (tiếng Nga): dùng để xưng hô các linh mục Chính thống Nga.

(4) Luna (tiếng La tinh): trăng

(5) Virgil: Thi sĩ La tinh cổ đại; chính ra tên La tinh là Publius Virgilius Maro (70 - 19 tr. CN), sở trường về thơ đồng nội. Thơ của ông có ảnh hưởng nhiều nền thi ca Tây phương qua các thế hệ.

(6) Anastasia: Công chúa út của Nga hoàng Nicolas II, bị hạ sát cùng với cả gia đình, do chính lệnh của Lênin.

(7) Elohim (tiếng Do thái): Chúa; ngoài ra Đức Chúa Trời, trong Cựu ước, còn tự xưng ngài là Gia vê. Trong các bài kinh của đạo Chính thống Nga, người ta hay kêu thánh danh này.

(8) Chung: Âm Hán Việt có nghĩa là 1. *chuông, 2. hết.*

(9) Họ: Một xứ đạo chia ra nhiều họ đạo.

(10) Quasimodo (nam), Esmeralda (nữ): Hai nhân vật chính trong tác phẩm Thằng Gù Nhà Thờ Đức Bà Ba Lê của nhà văn Victor Hugo.

(11) Giêsu Maria lậy... : Câu tán thán người Công giáo hay dùng.

NGƯỜI HUẾ

TÔN NỮ THU NGA

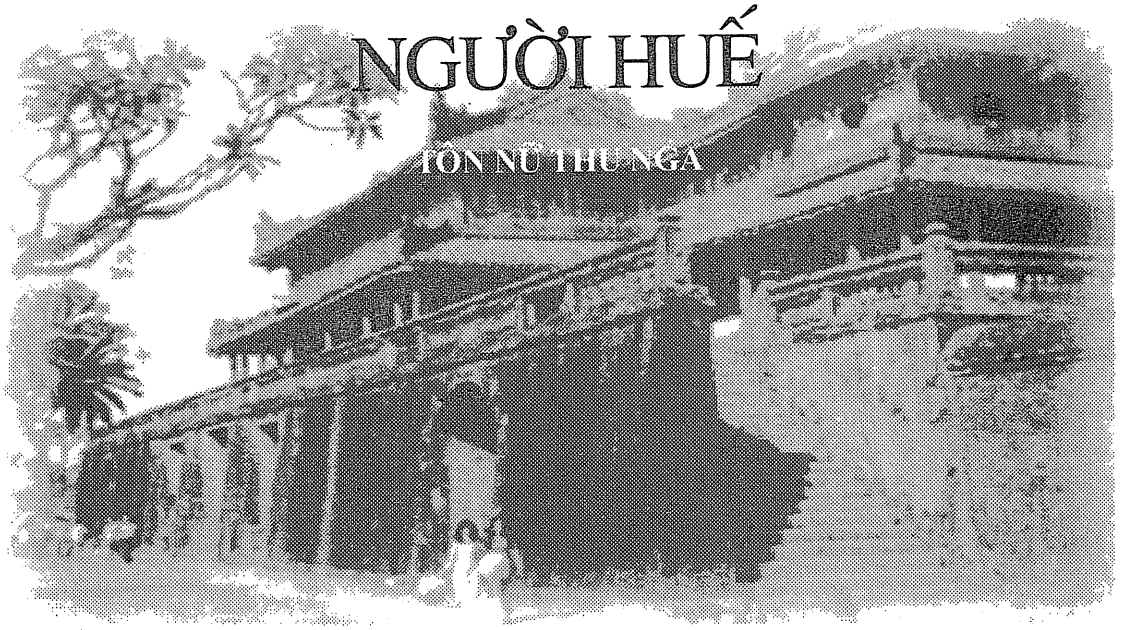

Tôi về trong một buổi chiều hanh nắng. Cơn mưa rào vừa dứt, thỉnh thoảng vài hạt lắc rắc rơi trên tấm kính xe như dọa dẫm tôi: " À há, bữa ni mi lại về Huế, tau cho mi biết tánh tình khắc nghiệt và vô chừng của tau, người mà mi e sợ, người mà mi khiếp đảm nhìn qua khe ván trong căn nhà rường nghiêm trang và cô quạnh..."

Tia nắng vàng xuyên qua bụi trúc thì thầm: "N. ơi, đừng để ý tới mụ O già ế chồng nớ, ta sẽ dẫn con về trên con đường kiệt xanh tươi, ta sẽ dẫn con đi trên cái cầu tre lắt lẻo, nắm tay con thật chặt như con bé ngày xưa lắt lẻo đuôi gà chạy tung tăng bên ta mỗi lần ra chợ..."

Đám mây xám nhạt cuồn cuộn bay nhanh sau lũy tre, những mái chùa cong cong rực rỡ, trang trí hoa mỹ thấp thoáng bên đường lộ.

" Chào cô chú, cô chú lại về Huế chơi lần nữa..." Tôi mỉm cười bâng quơ không trả lời, để Tuấn làm các công việc giao tiếp, công việc của tôi chỉ là mơ mộng. Tuấn cũng hiểu thế, chuyến nào anh về Huế là cũng vì chiều theo ý tôi.

"Huế vừa mới lụt xong cô chú à, lần này không lớn, nước chỉ xăm xắp, tuy nhiên con sông Hương mình bị đỏ, không biết khi mô mới trong lại được."

Tôi đưa mắt buồn rầu nhìn dòng nước đỏ ngầu chảy dưới chân cầu, vài chiếc thuyền mong manh lướt trôi trên dòng. Từ lan can phòng ngủ, tôi chống tay lên má, nhìn qua cầu Tràng Tiền, giờ này thiên hạ vừa bãi sở, trên cầu lúc nhúc xe gắn máy và xe đạp. Bên kia là chợ Đông Ba, tôi mơ màng tưởng tượng ra dáng mẹ gầy guộc, mong manh như liễu, tay nắm chặt hai con bé gái tóc thắt bím hai bên, ngồi trong lòng thuyền. Một con bé ấy là tôi đấy, bao nhiêu năm về trước, những năm rất ngắn ngủi nhưng đã thắt chặt đời tôi với xứ Huế oan kiên.

*

Mở cửa xe bước xuống, những đôi mắt chòm xóm láng giềng thấp thoáng ẩn dấu trong những khe cửa, sau các tấm liếp đã nhận ra tôi. Bầu không khí tuy âm thầm nhưng những làn điện thông tin đã rèn rẹt chạy trong không gian. Tôi cảm nhận điều ấy vì đột nhiên có nhiều bóng người lảng vảng qua lại đầu ngõ. Tôi thò đầu vào khung cửa tối tăm nhỏ hẹp gọi vang:

" Chú ơi, chú có nhà không?"

"Ơi, đứa mô rứa? Con N. đó hỉ? Về khi mô rứa?" Tôi biết chú ngạc nhiên nhưng chú không tỏ lộ ra. Trí óc chú chỉ có một chiều, mà cái chiều ấy nó chỉa về phương nào thì không ai đoán được.

Thấy chú lục đục tận trong xa, tôi rướn cổ nhìn vào căn phòng tối.

"Chú đang làm chi rứa?"

Hai tay chú đang dầm trong thau nước, cầm một đồng tiền xưa lớn hơn bàn tay tôi, chú đang chùi rửa, mài giũa một cách thận trọng.

Chú chìa đồng tiền ra cho tôi xem:

"Nì, mi đoán thử đồng tiền ni được mấy lượng?"

Tôi thò tay cầm đồng tiền sáng loáng, màu giống như đồng xu mới của Mỹ.

"Con không biết mô!"

"Thì mi cứ đoán thử."

" Bốn lượng"

" Trật lất, đồng tiền vàng ni nặng tới sáu lượng,

mà mi cọ biết một lượng vàng là mấy không?"

Biết ông chú mình có bệnh tâm thần, tôi tính kế thoát thân một cách khôn khéo, biết rằng thế nào ông cũng nhờ mình đem đồng tiền kẽm đi bán cho ông để ông lấy đô la.

"Con không biết giá vàng vì có đeo vàng vòng chi mô?"

"Mi cứ cầm ra tiệm hỏi cho chú".

"Thôi chú ơi, đồng tiền ni có giá trị lắm, chú giữ cho kỹ, con cầm đi lỡ mất thì phiền".

"Ừ thôi, để tau cho mi thứ ni, mi đi bán lấy tiền tiêu vặt".

Chú quay vô buồng, lục lọi mấy phút, cầm ra một cục kim khí màu đồng, móp méo như ai lấy mấy lá vàng ròng mà vo lại cho nhăn nheo.

"Mi đem cái ni về bên nớ mà bán".

Tôi lắc đầu từ nan:

"Con không cầm đi được, lỡ bị quân gian theo dõi, hắn cắt cổ ăn cướp vàng thì mệt lắm, mà nếu không gặp quân gian, qua phi trường người ta cũng lấy mất".

Nghe lời tôi chí lí, chú lục đục đem vàng đi cất.

O Sa, người đàn bà góa chú cho ở trọ trong góc vườn biết tôi về, bưng qua một khay trà thơm ngát. O rót cho tôi một tách trà sen trong cái chén hột mít rất dễ thương nhưng đã sờn cũ lắm. Nhìn cái chén con thanh nhã trên tay, tôi ngậm ngùi nhớ lại những ngày xa xưa, tựa bên sập gụ, nhìn ông nội uống trà. Những lúc ấy đôi mắt ông xa xăm chi lạ, chắc ông cũng đang nhìn vào một quá khứ nào huy hoàng và hùng tráng lắm.

" Chà, chị lại đem áo quần về cho ôn nữa, ôn có thiệt nhiều áo quần đẹp".

O Sa nhìn bao quà tôi đem về cho chú. Chú khoác tay:

"Tau cần chi áo quần mà bây đem về cho mệt".

"Trong nớ có mấy thứ chú thích chớ mô phải là áo quần thôi, có mấy cây viết cho chú viết, có hình ảnh, và có cái cặp bằng da để chú cất các giấy tờ quan trọng..."

Tôi bông đùa:

"Khi mô chú viết di chúc cho con thì cất vô trong nớ cho khỏi ướt".

Chú gật đầu:

" Phải rồi, mấy thứ nớ thì được."

Chú bổng trầm ngâm nhìn tôi:

"Mấy đứa bây có khi mô muốn về đây ở không?"

Tôi ngẫm nghĩ, nói sự thật thì sợ chú buồn, tương lai của tôi không có chữ Huế, mà xứ Huế trong tâm tư tôi thì toàn là các nỗi dằn vặt quá khứ. Một mai khi chú không còn nữa, tôi còn lưu luyến Huế hay chăng?

"Bây giờ con chưa biết chú à, biết mô khi già rồi thì lại có quyết định khác!"

"Rứa còn mấy đứa kia, con D.,thằng H. ???"

Làm sao tôi trả lời cho chú được khi Hoành đã nặng nợ vợ con, đang xây dựng cuộc đời cho mấy đứa con trên vùng đất mới. Làm sao giải thích cho chú hiểu rằng D. đang thành khẩn nguyện cầu cho chóng được ra đi, để hy vọng từ bỏ được nếp sống cơ hàn, mấy mươi năm không ngóc đầu lên nổi.

"Chú ơi, con thật không biết tụi nó muốn gì cả."

Trong thâm tâm chú, từ một ngõ ngách sáng suốt nào đó trong trí, chú cương quyết ôm chầm mảnh đất bà Cố để lại, mấy mươi năm chính quyền và xóm giềng manh tâm chiếm đoạt nhiều lần nhưng vô hiệu. Tuy chú bị trêu ghẹo vì bệnh tâm trí nhưng bệnh của chú là bệnh "Autistic Savant"(1), chú chọn lựa cho mình những lối suy tư kỳ lạ, chú thông thái tiếng Tây, tiếng Mỹ và tiếng Nhật, chú viết những tập bản thảo dày cộm về kinh tế, chính trị và thị trường chứng khoán rồi dấu trong cái rương gỗ to có ràng dây xích, không cho ai thấy trừ tôi ra, vì chú muốn tôi đem đi xuất bản cho chú. Anh Thu, người cháu rể sống bên cạnh nhà cười ngặt nghẽo khi kể cho tôi nghe những điều ngộ nghĩnh về chú:

"Chị biết không, năm ngoái lụt rất lớn, em bơi xuồng về nhà thấy chú ngồi ôm cái rương không chịu đi. Chú noái là mi phải đem cái rương ni đi thì tau mới đi, không thôi tau ngồi đây tau chết".

Thằng Bi, con anh kể:

"Mỗi lần cô gửi tiền về, cháu đều ký nhận giùm ôn nhưng ôn hay lấy tiền đi mua đồ tầm bậy phí lắm, mua trái cóc, trái ổi về để cho hư thúi chớ có ăn uống chi mô. Ôn thương tụi cháu lắm nhưng ôn chỉ nghe lời con bé Ly thôi. Chỉ có hắn mới kêu ôn đi tắm rửa được, mấy năm ni hắn lớn, bận học hành bè bạn nên không tắm cho ôn nữa cho nên ôn không bao giờ tắm. Ôn dữ lắm, ôn không cho bé Ly có bạn trai, đứa mô tới chơi thấy ôn cầm cái đùi(2), đi qua đi lại là bữa sau hết dám tới. Hôm nọ, bạn gái con Ly, tóc ngắn, tới học bài chung, trời chạng vạng, ôn không thấy đường, ôn chỉ thấy hai cái đầu chụm vô nhau, ôn giơ cái đùi lên tính đập, may thay bọn hắn thấy được, la lên nên ông đập hụt, chút nữa thì bể đầu...

Chuyện tụi nhỏ kể làm tôi cười chảy nước mắt.

Vẫn loay hoay gọt giũa đồng tiền, chú ngước mắt nhìn tôi:

"Rứa mi có biết Bác Toàn mất rồi không? Mi về đám bác Toàn hả?"

"Không, con không biết bác Toàn chết, con về đây để thăm chú, nhưng chắc phải qua viếng tang gia".

"Có con bác là anh Hoàng bên Mỹ về lo đám cho bác, chắc túi ni mới tới".

"Nếu rứa thì mai con qua phúng điếu". Hôm qua, trước khi đến Huế anh Tuấn nhẹ nhàng nhắc nhở tôi:

"Lần này về Huế, em nên hỏi chú cần thứ gì, đem chú đi phố mua sắm cho chú, dẫn chú đi ra tiệm ăn, chớ mấy lần trước anh thấy em chẳng làm gì cho chú cả".

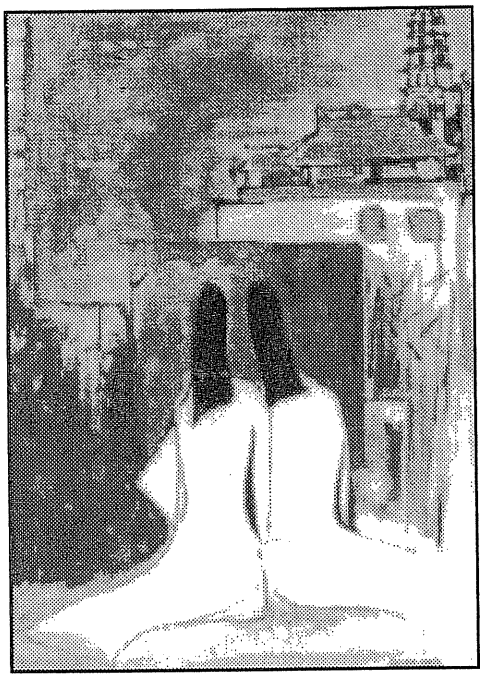

Tôi ậm ừ cho anh vui lòng nhưng hiểu rằng, anh nói thế vì anh không biết chú nhiều. Riêng tôi, tôi biết chú sẽ không bao giờ đi cùng tôi mua sắm và ăn uống như những người bình thường khác. Tôi và các em tôi chẳng phải là những người đã thay ba mạ để lo lắng cho chú mấy mươi năm qua hay sao. Chúng tôi là ngân hàng của chú, là những tên chú đem ra dùng như thẻ tín dụng tại các quán tạp hóa để lấy gạo, lấy mắm, lấy thuốc xịt muỗi...Trong mấy mươi năm, cái ngân hàng tại Mỹ Quốc của chú chẳng bao giờ để chú cạn tiền. Tuy nhiên tôi cũng mời chú đi ăn cho anh Tuấn vừa lòng.

"Không, tau mắc việc không đi được!"

"Rứa ngày mai chú có muốn qua nhà bác Toàn không, con cho xe tới rước đi".

"Không, mi đi với anh Thu đi".

Biết tánh chú, tôi không nài nỉ nữa.

Tối hôm ấy, ngồi ăn bên bờ sông Hương với gia đình anh Thu, tôi tò mò hỏi anh:

"Có khi mô chú đi ra khỏi nhà không anh?"

"Có chơ, thỉnh thoảng chú đi ra chợ Cống mua sắm, khi nào trong họ có ai chết thì chú đi đưa đám một khúc rồi về."

Thằng Bi cười ngắt nghẻo:

" Mỗi dịp đầu năm ôn đi cúng trong Tôn Nhân Phủ (3), ôn mặc áo dài the đen, quần trắng, đội khăn đóng, mang giày da và xịt nước hoa thơm phức. Ôn kêu một chiếc xích lô, trả thật nhiều tiền, bắt chở ôn đi chơi cả ngày, tới tối mới về. Mỗi năm một lần như rứa."

"Nước hoa ôn mua hả?"

"Không, mạ cháu bán còn dư đem cho ôn dùng".

"Ừ, ôn không tắm nên cần phải xịt nhiều nước hoa, rứa là ôn giống các người Pháp ở Paris đó". Tôi trả lời cho Bi và mọi người cười khúc khích.

Tôi đưa mắt nhìn ra cầu Tràng Tiền, dạo này vì mục đích làm đẹp cố đô, thành phố được dọn dẹp khá sạch, các công viên cây cỏ xanh tươi, ban đêm mười hai nhịp cầu được bắt đèn màu, thay đổi màu sắc rất đẹp. Tôi hình dung chú tôi, một ông già rất Huế, thanh nhã và thượng lưu trong bộ áo dài the, quần lĩnh trắng, khăn đóng chững chạc bước dưới cửa Ngọ Môn, hoài vọng lại một thời hoàng kim xa tít. Tâm trí chú lúc ấy nghĩ gì, nhớ gì, tôi không thể nào tưởng tượng ra cả.

*

Tôi đi chơi với Hòa Nam, người con gái Huế tôi vừa gặp qua sự trung gian của cô tiếp tân trong khách sạn.

"Để em kêu bạn em, đến chở chị đi chụp ảnh, chiều hắn mới đi làm".

Hòa Nam mặc áo dài hoa cà, chở tôi trên chiếc xe gắn máy của cô và hai đứa chạy qua Bao Vinh. Chiếc ba lô máy ảnh và chân ba càng treo trên lưng, tôi ôm hờ vòng eo bé nhỏ của cô cho khỏi ngã trong khi cô khéo léo chạy len lỏi trong đám xe gắn máy và xe đạp trên các con đường nhỏ hẹp. Qua phố Bao Vinh, tôi thất vọng vì các căn nhà cổ không còn nữa, rải rác một vài nhà còn sót nằm lạc lõng bên những căn phố tân trang. Qua khỏi cầu Bao Vinh, chúng tôi ngừng tại một cổng Tam Quan, tôi và Hòa Nam gửi xe rồi lội bùn vào bờ sông. Thấy không có cảnh đẹp, tôi

băng qua đường vào chùa Ông. Một người đàn ông cầm điếc trong chùa chạy ra múa may loạn xạ, ý muốn chúng tôi vào chùa lễ Phật, nhưng tôi chỉ muốn vãng cảnh chùa bên ngoài và chụp vài tấm ảnh thôi nên anh ta giậm chân tỏ ý thất vọng lắm.

Rời chùa, tôi và Hòa Nam tìm thuyền qua sông. Nơi bến thuyền một nhóm phụ nữ đi buôn đang ngồi chờ thuyền chuyện trò vang rân, mi tau ỏm tỏi. Mấy đứa học trò cũng kiên nhẫn chờ và đem cả xe đạp theo. Giá qua sông chưa tới mười xu, thuyền rất bẩn vì chở đủ thứ kể cả đất cát. Hòa Nam chỉ cho tôi thấy con rắn nước đang ngoằn ngoèo bơi lội, tôi trèo lên thuyền một cách thận trọng, không muốn lọt xuống sông để bơi cùng con rắn ấy. Qua bên kia sông, chủ thuyền bảo tôi:

"Cô có muốn thuê chiếc thuyền kia đi chơi trên sông không? Hai mươi ngàn thôi". Ông ta chỉ vào một cái thuyền khác, có mui và băng ghế.

Hai mươi ngàn đồng chỉ tương đương với 1.25 đô la Mỹ nên tôi đồng ý. Tôi và Hòa Nam đổi thuyền, thuyền bơi dọc ven hai bờ sông, tôi chụp ảnh thật là thỏa thích.

Rời Bao Vinh, tôi đi ven sông, chụp ảnh các đứa trẻ sống trên thuyền. Hòa Nam cho tôi biết là những đứa trẻ này thường rất nghèo, quanh năm suốt tháng sống trên thuyền và ít đứa được đi học. Thấy tôi cầm máy ảnh, bọn chúng vui vẻ leo lên mũi thuyền vẫy tay và làm điệu bộ. Có những bé gái nhỏ thật xinh xắn dễ thương nhảy theo tôi thoăn thoắt từ thuyền này qua thuyền khác. Mấy đứa bé nhỏ xíu mới chập chững biết đi, không theo chị được, ôm cửa khóc lóc inh ỏi làm các bà mẹ trong khoan tò mò, chui ra nhìn chúng tôi.

Tôi và Hòa Nam vô chùa Diệu Đế, một người đàn bà đứng tuổi nhìn Hòa Nam:

"Màu áo dài tím dễ thương lắm.." Nhìn lên khuôn mặt đơn sơ hiền lành của Hòa Nam bà tiếp lời..." rứa mới tỏ ra cái hạnh (4) của gái Huế." Tôi mỉm cười nhìn bà cám ơn thay cho Hòa Nam vì biết cô đang mắc cỡ. Chao ôi, khó cho tôi thật, làm sao tôi diễn tả được cái hạnh của người con gái Huế trong tác phẩm mình? hay tôi chỉ tả được những khuôn mặt ngây thơ của lũ trẻ con nghèo đang sống hồn nhiên một cuộc đời sông nước.

Tôi và Hòa Nam đi ăn cơm trưa tại một quán ăn ven đường rất đông khách. Nơi đây Hòa Nam và các bạn cô thường ghé ăn trưa nên tôi không ngại ngùng chi mà cũng nhào vô cái bàn trống, kéo hai cái ghế nhựa xanh. Hòa Nam kêu cá thu kho lạt, rau muống xào, thịt heo, mắm tôm, dưa giá cho tôi ăn cơm. Cô dịu dàng lau muỗng đũa trong khi tôi chăm chú tò mò nhìn các món ăn dọn ra cho các thực khách khác, tôi nhìn những khuôn mặt Huế ấy như hy vọng tìm thấy hồn mình vương vấn đâu đây. Trên bàn, muỗng đũa để sẵn, khăn mặt thơm ngát, nước rót sẵn sàng. Tôi nhìn gương mặt Hòa Nam và chân thành bảo cô:

"Cô làm tôi ước mong có được cô con dâu Huế".

Cái hạnh của con gái Huế là như vậy, phải không bà cụ Huế tôi thoáng gặp bên đường? Hôm nay đi chơi, dù chẳng quen biết chi tôi nhiều, thế mà Hòa Nam cứ dành trả các khoản phí tổn lặt vặt bằng những tờ giấy bạc trong cái ví khiêm tốn của cô. Thấy vậy tôi bảo cô cứ trả hết mọi thứ rồi tôi sẽ gửi lại cô sau cuộc đi chơi. Tôi nhờ cô cho tiền những kẻ xin ăn tội nghiệp, các đứa trẻ vòi tiền ăn kẹo. Có bà cụ già ngồi đơn côi bên hiên đã vui vẻ cho tôi chụp ảnh. Mấy anh thợ mộc đang làm hòm thấy vui vui nên ngừng làm việc, họ nhao nhao trêu cụ:

"Mệ cười đi cho đẹp nghe mệ..., bữa ni mệ được làm tài tử điện ảnh ..." Nụ cười mệ hiền lành, nhưng trên khuôn mặt nhăn nheo của mệ tôi thấy một nỗi u buồn phảng phất.

*

Hòa Nam đưa tôi vào thành nội để mua bánh su sê và bánh ít đen, mấy món tôi ưa thích, thấy cổng thành cổ kính, tôi nhờ cô ngưng lại cho tôi chụp ảnh các cô gái đi xe đạp trên đường phượng bay.

Tôi chụp ảnh Hòa Nam trước cổng thành xám đen rêu phủ, màu áo hoa cà tươi đẹp như một điểm thanh tú trên nền đá xám cổ xưa. Thì ra tôi đang mải mê đi tìm cái linh hồn cố đô mà cái hồn ấy đã và đang bao phủ tôi bằng bàn tay linh diệu, êm ái như những giọt mưa thu trên tầng tháp cổ, tươi mát như những lá phượng xanh đang cùng nhau rải lá trên mái tóc thề của Hòa Nam.

Trước khi về khách sạn tôi dúi vào tay Hòa Nam tờ giấy bạc để trả các phí tổn tôi đã nhờ cô gánh vác, bảo cô giữ cả tờ giấy bạc, cô nhìn tôi từ chối:

"Cô cho em nhiều quá không được, em chỉ muốn giúp chở cô đi chơi cho vui thôi!!!"

Tôi mỉm cười:

"Cô cứ giữ đi, sắm cho mình một món quà lâu nay cô từng ước mơ nhưng chưa có, cho cô món quà này cũng như tôi cho con gái tôi, có giữ lại tôi cũng tiêu đi mất"

"Vậy thì em cám ơn cô."

*

Tối nay Thảo, cô em họ ở gần bên chú tôi, đóng cửa hàng, về sớm để đi ăn tối. Nửa bữa cơm, sau món cá trê đồng nướng ăn với dưa môn, Thảo nói:

"Chị đừng lo lắng quá cho Chú, tuy tâm trí chú như rứa mà thể chất chú còn rất khỏe mạnh. Khi chú bệnh, chú viết tên thuốc ra tờ giấy, biểu O Sa cầm tiền đi mua, chú cầm từng viên thuốc lên, đọc tên cẩn thận rồi mới uống, chú sợ người ta bỏ thuốc độc. Chú ăn cơm nhiều và khỏe , có cái là hay ăn các thứ tả pí lù, thứ chi cũng trộn đại vô với nhau rồi mới ăn..."

"À thì ra đó là cái món màu đen đen chú mời tôi ăn lúc chiều"

"Rứa chị có ăn không? Đau bụng chết!"

Tôi cười:

"Ai mà dám ăn!"

"Rứa chị thấy mấy chục chai thuốc xịt muỗi bên chái không?"

"Có, thuốc mô mà nhiều rứa?"

"Chú mua đó, chú xịt lung tung, hít vô phổi hoài mà sao thấy cũng mạnh khỏe. Hôm nọ chú bị cái mụt lớn trên lưng, không mặc áo được vì đau lắm, chú lấy thuốc xịt muỗi xịt vô, rứa mà lại lành".

Thảo rùng mình:

"Thấy chú làm nhiều chuyện bắt dễ sợ".

Tôi nhìn Thảo:

"Thế nhưng Thảo thấy chú có vui vẻ không?"

"Thì chú cũng vui vẻ bình thường, chú hay nhắc tới các anh chị lắm".

Tôi nhìn bâng quơ ra dòng sông Hương tối đen, vài chiếc đèn hoa đăng còn dật dờ trôi trên mặt nước, nghe giọng mình rẩy run, vắng xa như từ miền nào vọng lại:

" Chú vui vẻ là được rồi".

*

Buổi sáng tôi đến chào chú ra đi, chú cầm cái áo len của mình ra đưa cho tôi:

"Mi cầm cái áo ni lên máy bay mặc cho ấm"

"Không, bên ni trời nóng lắm con không mặc áo len được"

"Cái ni là của tau cho mi, mi không lấy tau từ mi, lần sau không gặp mi nữa". Đôi mắt chú ướt nhòe, tôi vội vã cầm cái áo trên tay.

Chợt chú đổi giọng, tươi tỉnh :

"Mi có biết Bill Clinton là cháu của chú không? Hắn không đem con Chelsea về thăm chú chi cả, mi về bên nớ, đem con Chelsea qua đây thăm tau".

"Dạ được rồi, thôi con xin phép chú con đi, về bên nớ con phải đi làm thêm giờ phụ trội để lấy tiền mua vé máy bay cho con Chelsea, con nhỏ đó chỉ đi vé máy bay hạng nhất, con chưa có đủ tiền mua cho nó".

Tôi nghiêng đầu hôn lên má chú, chú đưa tay ôm đầu tôi, không biết đang mê hay tỉnh, chú thầm thì:

"Mi cẩn thận hỉ, coi chừng hắn (?) cắt cái đầu của mi là coi như vĩnh biệt hỉ???

Lời nói chú đem một luồn hơi lạnh chạy dọc theo xương sống tôi. Chú đang ở thời điểm nào? 1945,1954, 1968 hay1975? Tôi bổng nhận ra rằng chú là một tàn tích của cuộc chiến triền miên trong quá khứ. Những mảnh sầu đau còn hiện diện đâu đó bổng trồi ra và hoành hành tâm não chú. Tôi chợt nhớ lời con Bé :

"Ôn đưa cho con coi cục đá, noái là ôn lượm được cái trứng con rồng, ôn noái là cái đầu con rồng sắp sửa chui ra..."

Con rồng đâu chẳng thấy, tôi chỉ những cái đầu rắn chứa đầy nọc độc, ẩn nấp đâu đó trong tâm não chú ,cứ ngoi cái đầu ra mà hành hạ chú hoài.

Ra khỏi ngỏ, tôi ghé lại nhà O Sa, đưa lại O cái áo len, nhờ O len lén trả lại cho chú. O nhìn tôi:

" Chị đừng lo, ôn còn mạnh, em coi chừng ôn cho chị".

Tôi nghẹn ngào quay đi, bụi trúc đầu hè đang lung linh bóng nắng, con sông An Cựu bình lặng trôi, các con thuyền nhẹ nhàng lướt theo dòng. Đám lục bình hoa tím nhạt bồng bềnh trên sông. Đời chú tôi cũng trước sau như một. Chú yên bình nơi đây với bà con lối xóm hơn tám mươi năm, như cái cục đất, như cây mai vàng, như bức bình phong, như cái nhà rường sắp sập theo dấu thời gian.

"*Núi Ngự Bình trước tròn sau méo, sông An Cựu nắng đục mưa trong*". Thay đổi làm sao được!. Thôi, tôi cũng để "*cho dòng đời ấy, cuốn người theo...*" (5)

(Tháng mười - 2002)

Chú thích:

(1) Người bị bệnh tâm thần nhưng có nhiều khả năng về nhạc, ngôn ngữ, trí nhớ ..ví dụ như anh Raymond trong phim Rain Man.

(2) Cây gậy

(3) Nhà thờ của các Tôn Thất, dòng họ Nguyễn Phước trong Đại Nội.

(4) Công, Dung, Ngôn, Hạnh

(5) Nhạc Vũ Thành An

TANCREDI (1)

truyện thật ngắn của BARBARA ALBERTI (1)
bản Việt dịch từ Anh ngữ của VÕ ĐÌNH, 2002

Trong phòng riêng của Bà nội Santina (2), có treo ảnh mấy đứa con đã mất. Một trong những cái khung có đến hai ảnh để chung.

Đó là ảnh của Tancredi, con trai duy nhất của Bà, đứa con sinh ra với hai cái đầu.

Có thai lần thứ nhất trong đời, Bà nội mang nặng đến mười ba tháng, rồi sinh ra một thằng cu thật xinh xắn, khỏe mạnh, không kể chuyện lạ hai đầu đó.

Con người lắm tội lỗi, không đếm nổi, thôi thì tìm làm gì cho ra lý do tại sao Thượng đế trừng phạt như vậy.

Hôm đem thằng cu đi rửa tội, cả nhà thật lúng túng. Rốt cuộc, cha xứ cho nó cái tên Tancredi, cái tên số nhiều, với ẩn ý, giải tỏa hết trơn mọi nghi vấn.

Và Bà nội vác cây thập tự giá của bà mà trong lòng vẫn vui vẻ hãnh diện.

Bà cho bé bú, mỗi mồm một vú, không một lời than thở. Bà cũng không hở môi thốt ra bất cứ một lời đắng cay nào, bởi vì ai cũng biết Chúa thương yêu những kẻ bất thường. Ngay trên thiên đàng, chưa chắc đã có nhiều thiên thần hai đầu.

Nhưng rồi mấy tháng đầu đời trôi qua, Tancredi cứ sống nhăn, Thượng giới chẳng thèm gọi nó về.

Bà nội Santina tự nhủ , đã vậy thì vầy, bà phải ra tay.

Không biết Bà nội suy tính làm sao mà một hôm Bà nghĩ trong bụng ờ thì Chúa đã muốn thì Bà làm: đêm tháng Giêng lạnh đứt ruột, tuyết không rơi nổi, mà Bà đem nôi Tancredi ra để ngoài vườn. Sáng hôm sau, thằng cu khóc um sùm, hai cái mồm đói ngoác ra, mặt mũi đỏ nhừ.

Bà nội bèn tiến xa hơn, đun một nồi lá độc, thứ lá người ta dùng giết chó sói đó.

Uống xong, Tancredi chỉ đau bụng lai rai. Bà nội chịu không thấu, túm lấy đứa bé, tung nó ra ngoài cửa sổ. Đúng ngay lúc đó, một chiếc thuyền chở rạ đầy ắp lướt qua dưới sông, đỡ ngay lấy thằng bé, bốn mắt thao láo, coi như vô cùng ngạc nhiên.

Bà nội rốt cuộc tự nhủ Chúa muốn sao thì bà chịu vậy, cứ ráng mà chịu thôi, không cách chi hiểu nổi.

Tancredi lớn dần. Hai cái đầu càng ngày càng khác nhau.

Thằng bên phải mặt mũi thanh cảnh. Mắt xanh, tóc vàng, tính tình hiền lành, hơi nhát, ít nói nhưng hay cười. Thằng bên trái lại có nước da ngăm ngăm, và đôi mắt sáng quắc. Cứng rắn, hùng hổ, hắn không ưa tuân lời ai cả. Với bàn tay trái, hắn tát thằng bên phải và thằng này chỉ cúi đầu, thì thầm: "Tui tha thứ."

Cả hai không thích cùng mặc một thứ áo quần vì chúng có những sở thích đối nghịch nhau. Chỉ có một cách giải quyết, trong hoàn cảnh mà số phận đã dành cho chúng: Hai đầu thì đội hai mũ khác nhau. Thằng Tancredi bên trái thích thứ mũ lãng mạn có vành rộng che bớt những nét nhăn nhó cau có trên trán đi. Thằng kia thì chỉ đội cái mũ nồi bụi bặm, không trùm kín hết những đuôi tóc loăn quăn của nó, trông như cái đuôi dê.

Dần dà, ai cũng nhận thấy rằng mặc dù chỉ có một thân hình, Tancredi thật ra là hai con người rất khác nhau cho nên không thể nào đối xử với chúng như thể chúng là những con người giống hệt nhau. Đi qua làng, thằng Tancredi bên phải cất mũ chào khi nó gặp các bà các cô, các cha, hay cả những bà già nhà ở tuốt trong thung lũng.

Thằng Tancredi bên trái thì cứ chăm chăm nhìn thẳng, mũ sụp trước mắt, không chào hỏi ai cả.

Và cũng chẳng ai chào hỏi hắn. Dữ tợn, vô phép vô tắc, không ai thương hắn nổi.

Hai cái đầu sống với nhau mà không được hòa thuận.

Thằng bên trái cứ lên tiếng phỉ báng thằng bên phải vì thằng này nhiều đức tin, biết vâng lời, và lúc nào cũng thưa gửi đàng hoàng.

Khi chúng còn nhỏ, có lần Bà nội Santina, một khi đã quyết định nuôi sống, bảo chúng quì xuống để lần chuỗi mân côi. Cái đầu tóc vàng hân hoan vâng lời, trong khi thằng Tancredi kia thì đưa tay rờ cu và trong đầu nghĩ toàn chuyện xấu xa ghê tởm.

Thằng bên phải rượt bắt bươm bướm rồi ngắm nghía con bướm trong lòng bàn tay phải, hắn thấy sự tuyệt hảo của cả vũ trụ. Thằng kia, với bàn tay trái, xé nát con bướm ra rồi dí lên mặt thằng bên phải.

Lớn lên, hai đứa suy nghĩ rất khác nhau về đời sống chính trị. Tancredi bên trái bảo rằng tụi nhà quê và bọn nghèo khổ, đem chúng treo cổ cả

lên, hay đem đốt sống đi, chưa nói chuyện đéo phăng luôn mấy mụ vợ và đám con gái chúng.

Tancredi bên phải, vốn có những ý nghĩ tiến bộ hơn, mơ tưởng một thế giới có trật tự, ai cũng tuân phục những khác biệt hằng có xưa nay như Chúa và lịch sử nhân loại đã an bài. Và cũng vì hắn thường nghiền ngẫm chút xíu về triết lý triết liếc, hắn gọi thế giới đó là "Chính thể Lý tưởng Toàn thiện," và tiên đoán rằng trong giai đoạn cuối của cuộc tái sinh trên toàn thế giới, bọn vô-chính phủ và bọn Cọng sản Bôn-sê-vích sẽ hối cải tội lỗi rồi đồng loạt tự sát để quả địa cầu này thoát ra khỏi khổ nạn của cái Ác.

Tuy nhiên, điều làm cho hai cái đầu Tancredi bực bội, khổ sở nhất là mỗi đứa không thể nào tách mình ra khỏi những hành động có tính cách vật chất của đứa kia. Trong khi đứa bên phải nhịn ăn, sám hối, thì đứa bên trái ăn bậy uống bạ, nhai nuốt tùm lum một cách thô bỉ; bất cứ cái khoái nào không có tính cách tâm linh, hắn chịu liền.

Trong khi đứa bên trái ngủ say sưa ngon lành, ngáy và ựa rổn rảng thì đứa bên phải trằn trọc, vật vã vì không tiêu hóa nổi những thứ đồ ăn ghê gớm đó.

Và khi đứa bên trái làm cái gì sai trái, mặc dù những can gián của đứa bên phải, rồi bị Bà nội Santina quất cho mấy roi, cả hai phải cùng chịu đau.

Giai đoạn tồi tệ nhất trong đời Tancredi là khi thằng bên trái bắt đầu lai vãng nhà Sbrega, con đĩ mập trong xóm. Bao nhiêu tiền bạc thằng bên phải dành dụm để đem bố thí trôi biến vào tay con Sbrega cả.

Những lần thằng bên trái ân ái với con đĩ, thằng bên phải chỉ còn biết nhắm mắt khóc, cố hết sức nhận chìm đi những xúc động đang chiếm cứ lấy hắn, và đau đớn nghĩ rằng, hỡi ơi, hắn và thằng kia, thật ra, cùng có một linh hồn.

Thế mà, sau những cọ xát dâm đãng, những vật lộn xác thịt tàn bạo, đến lúc thằng Tancredi bên phải cũng không cầm được nữa, phải rú lên tiếng rú khoái sướng, kêu lên, thét lên, mặc dù biết rằng làm vậy chẳng phúc lợi gì cho linh hồn hắn cả.

Không bao giờ hắn than vãn với ai về chuyện này.

Không bao giờ hắn mở mồm mách với Bà nội Santina trong khi thằng Tancredi bên trái cứ kiếm cách lẻn đến nhà con đĩ, và mỗi lần là mỗi chết điếng cho hắn, cả thể xác lẫn tinh thần.

Nhưng khi Sbrega và thằng Tancredi bên trái phạm những tội phản thiên nhiên, làm ô uế cả những gì đáng ra phải tôn kính, làm những gì chỉ mấy con mụ phù thủy làm với bọn quỉ sứ, thằng Tancredi bên phải mới thấy trước được những gì sẽ xảy ra cho hắn trong cõi bên kia, và đúng vào lúc hắn chịu nhận cái sướng khoái ghê gớm không cách gì cưỡng lại được, hắn thấy rõ cảnh địa ngục nơi con quỉ Sa-tăng đâm lút cây gậy sắt vào hắn, vừa thọc sâu vào vừa cười ha hả chế nhạo hắn đã phạm tội đời đời.

Rồi bởi vì nỗi kinh hãi đó, hắn hét vào tai Sbrega những lời thóa mạ ghê gớm nhưng con đĩ, thích chí với đống tội lỗi của mình, chỉ cười lớn một cách khinh bỉ.

Sau đó, thằng Tancredi tẩy uế thân thể hắn bằng cách tự hành xác. Lặng lẽ, hắn lấy một cây ghim mũ đàn bà, dài và nhọn, nghiến răng đâm lút vô bụng.

Đau đớn kêu thét lên, thằng Tancredi bên trái rút cây ghim ra. Hắn giận vô cùng, hắn đánh cái đầu kia tới tấp, rồi khi cơn giận bùng lên đến mức không còn biết Trời Đất gì nữa, hắn tóm lấy cổ thằng kia, bóp cho tắt thở luôn.

Cái đầu tóc vàng thõng thượt, rũ qua một bên vai. Khi ấy thằng Tancredi bên trái mới biết nãy giờ không phải là một trò chơi quỉ quái, hắn đã giết chết cái đầu song sinh của hắn.

Lần đầu tiên trong cuộc đời sống đôi, Tancredi òa khóc mà không phải vì bị Bà nội Santina cho ăn roi. Hắn nâng cái đầu kia lên, vuốt ve, thầm thì: "Thôi mà, giỡn hoài, tỉnh dậy cho rồi...!"

Nhưng cái đầu kia chỉ nhìn hắn với hai mắt trắng giã. Tancredi vuốt cho đôi mắt khép lại, rồi hai tay ôm lấy cái đầu đã chết hắn cất tiếng hát một bài ru em nghe thật buồn.

Một chốc sau, khi cái chết từ đầu kia về đến trái tim của cả hai, Tancredi cũng trút hơi thở cuối cùng; không kịp chửi thề một lần nữa vì thằng kia đâu có nghe được, mà dù có nghe đi nữa cũng không lấy làm khó chịu nữa.

Barbara Alberti
***Lawrence Venuti** dịch từ Ý ngữ ra Anh ngữ*
***Võ Đình** dịch từ Anh ngữ ra Việt ngữ*

Chú thích

(1)Barbara Alberti, nhà văn nữ người Ý, sống ở Rome, viết tiểu thuyết, kịch bản, và phim truyện. Bà đoạt giải "Premio Inedito" năm 1976 với tiểu thuyết đầu tay *Wicked memories*; cuốn sau, *Delirium*, được ấn hành như một bản Anh ngữ năm 1980. Những bản dịch của tác phẩm bà từng xuất hiện trên Antaeus, Denver Quarterly, và Fiction. Những phim bản của bà gồm có *The Night Porter* và *The Master and Margherita*.

(2) Vì người dịch không biết Ý ngữ của nguyên tác nên phải dùng tạm bản dịch ra Anh ngữ của Lawrence Venuti. Trong bản này chỉ thấy có "Grandma Santina", không rõ đó là bà nội hay bà ngoại. Nếu chỉ dịch ra là "Bà Santina", e rằng bạn đọc có thể cho rằng đó là "Bà, hay Madame, hay Mrs. Santina". Vì thế người dịch thêm... đại chữ "nội" vào để rõ nghĩa "grandma" hơn. Mong rằng bạn đọc thấy hai chữ "bà nội" nhưng cứ hiểu cho rằng đó cũng có thể là "bà ngoại".

CHỦ NGHĨA MÁC VÀO VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO?

MINH VÕ

Trong vòng 2 tháng 10 và 11 năm nay (2002) có hai nhà khoa bảng ra mắt sách về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa mác-xít tại Việt Nam. Một là giáo sư Nguyễn Văn Canh, tiến sĩ luật khoa, ra cuốn ***"Cộng Sản trên đất Việt."*** Hai là giáo sư Đỗ Mạnh Tri, tiến sĩ triết học, ra cuốn ***"Di Sản Mác-xít tại Việt Nam,"*** nhân đọc Đêm Giữa Ban Ngày của nhà văn Vũ Thư Hiên. Từ trước tới nay đã có rất nhiều giáo sư tiến sĩ viết về cộng sản, hoặc về các vấn đề chính trị, lịch sử chiến tranh có liên hệ đến cộng sản. Nhưng đây là lần đầu vấn đề Mác-xít và Cộng Sản Việt Nam được mổ xẻ bởi một vị tiến sĩ triết học, một nhà tư tưởng. (1)

Nhân dịp này chúng tôi xin góp một vài ý kiến thô thiển về vấn đề chủ nghĩa Mác-xít hay chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam như thế nào? Vì theo chúng tôi nghĩ, vấn đề này có liên hệ mật thiết với hai vấn đề của hai tác giả nói trên, như gốc với ngọn, như nhân với quả; một vấn đề rộng lớn, có thể là chủ đề cho một cuốn sách. Tuy nhiên trong phạm vi một bài báo chúng tôi chỉ xin tóm lược một vài điểm chính.

Thoạt tiên, chủ nghĩa Mác đã vào Việt Nam gần như tự do qua sách báo bằng tiếng Pháp, cũng như các triết thuyết hay học thuyết xã hội khác. Mặc dầu không tán thành, thực dân Pháp, theo truyền thống tự do tư tưởng từ mẫu quốc, vẫn không triệt để cấm truyền bá chủ nghĩa này. Những nhà trí thức Việt Nam đọc được tiếng Pháp đã tiếp thu luồng tư tưởng mới này mà lúc ấy, chẳng riêng gì họ, nhiều trí thức nổi tiếng khác trên thế giới cũng ngưỡng mộ.

Cái chủ nghĩa Mác xâm nhập lúc ban đầu ấy là một thứ Mác Xít nặng về tư tưởng triết học và cải cách xã hội, nhẹ về tổ chức, hành động và bạo động. Nó có xu hướng "đệ nhị" nhiều hơn. Với lập trường ấy và chỉ bằng hình thức đấu tranh tư tưởng, trong phạm vi văn hóa xã hội, những Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu... đã có thể ra báo bằng tiếng Pháp (*La Lutte*) và cả tiếng Việt (*Tranh Đấu*) để cổ võ cho cải cách xã hội, mà không bị Pháp bỏ tù hay cấm chỉ. Nhưng dĩ nhiên đôi khi họ cũng gặp khó khăn (nhất là khi họ xa rời đường lối "đệ nhị," muốn thiên sang đường lối "đệ tam") và phải khéo léo lắm mới tồn tại được trong một thời gian vắn.

Cho đến khi đường lối của Đệ Tam Quốc Tế thắng thế thúc đẩy những cán bộ cộng sản nhập cuộc để không những đấu tranh bằng tư tưởng, sách báo mà cả bằng những tổ chức bí mật, những hội kín, lâu lâu lại tổ chức biểu tình, mít-tinh phản đối, yêu sách vân vân... thì nhà cầm quyền phải ra tay can thiệp, đàn áp, viện cớ là để giữ an ninh trật tự.

Cái chủ nghĩa Mác vào Việt Nam lúc ban đầu xem ra hiền lành đó, dần dần biến thành chủ nghĩa Mác Lê-nin hung bạo. Nói đến chủ nghĩa Mác Lê-nin là nói đến Đệ Tam Quốc Tế, hay Quốc Tế 3, Quốc Tế Cộng Sản (Comintern). Vì Lê-nin là cha đẻ của tổ chức QT 3 (1919) người Quốc gia thường gọi thứ chủ nghĩa này là "chủ nghĩa Mác Lê," hàm ý một chủ nghĩa bạo động mang hình ảnh gươm giáo (hay giáo *mác* và lưỡi *lê*). Phải chăng giáo sư Đỗ Mạnh Tri cũng hàm ý đó khi viết về xã hội cộng sản lúc mới vào Việt Nam, ở phần cuối sách, sau khi so sánh, phân tích hai nhạc phẩm của Lưu Hữu Phước và Phạm Duy với cái nhìn của một nhà âm nhạc học:

"Từ buổi bình minh đã có mây mù che phủ. "*Hào quang bừng sáng*" cũng chói lọi như *gươm giáo* trong đêm đen của tội ác." (tr. 246) (Những câu văn vắn gọn như danh ngôn tương tự rất nhiều trong tác phẩm.) Ông muốn nói đến những cuộc tàn sát dã man ngay trong những ngày đầu cách mạng tháng tám thành công. Ví dụ cụ thể là trường hợp do hòa thượng Thích Quảng Độ nêu lên trong một bức thư gửi nhà cầm quyền cộng sản ngày 19- 8- 1994: Sư phụ ông bị giết một cách man rợ bởi những người cộng sản ngay trong ngày "cách mạng tháng tám thành công." Tác giả chỉ nêu một trường hợp duy nhất đó. Nhưng đó là trường hợp có trọng lượng, đủ tiêu biểu cho hàng ngàn trường hợp tương tự. Vì nó được công khai nêu lên bởi một vị chân tu lãnh tụ Phật Giáo Việt Nam, một ứng viên của giải Nobel về hòa bình, người đã

lãnh giải thưởng về nhân quyền trong năm nay.

Sau khi Đệ Tam Quốc Tế xuất hiện (1919), đảng xã hội Pháp bị phân tán, chia làm hai. Và từ đó xuất hiện đảng Cộng Sản Pháp ngay trong đại hội thứ 18 của đảng Xã Hội ở thành phố Tours (cuối năm 1920).

Chẳng may cho Việt Nam, trong đại hội Tours lại có mặt Hồ Chí Minh, lúc ấy mang tên Nguyễn Ái Quốc. Ông ta trở thành một trong những sáng lập viên của đảng Cộng Sản Pháp. Vì noi gương những Marcel Cachin, Jean Longuet, cháu ngoại của Marx ... bỏ phiếu cho Quốc Tế 3.

Đó là mầm mống, cội gốc sự xâm nhập của chủ nghĩa Mác Lê vào Việt Nam.

Sau này ông nói sở dĩ ông bỏ phiếu cho quốc tế 3, tức quốc tế của Lênin, vì thấy Lênin chủ trương "giúp các dân tộc thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân."

Quả thật Lênin đã biến đổi và bổ túc cho Mác. Mác cho rằng lịch sử tất yếu sẽ xóa bỏ giai cấp tư bản. Việc giai cấp vô sản lên nắm quyền chuyên chính là lẽ tự nhiên, sớm muộn sẽ phải xảy ra. Việc Mác cổ võ cho cách mạng chỉ nhằm thúc đẩy cho tiến trình lịch sử nhanh lên thôi. Và ông chỉ chú trọng đến giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất, theo ông, có thể làm việc đó. Như vậy cách mạng vô sản trước tiên phải xảy ra, nếu không muốn nói là chỉ có thể xảy ra, trong các nước tư bản tiên tiến, nơi mà giai cấp công nhân chiếm số đông và trở thành lực lượng hùng hậu đủ sức lật đổ giai cấp tư bản. Thời ấy, những nước có các điều kiện trên đều ở phương Tây.

Còn Lênin thì cho rằng giai cấp công nhân không thể một mình làm cách mạng mà không liên minh với giai cấp nông dân. Một phần vì ông thấy kinh nghiệm nước Nga lúc ấy. Ở đây, giai cấp nông dân chiếm đa số trội hẳn. Vì thế ông đã lập ra Quốc Tế Nông Dân, sau này Hồ Chí Minh là một ủy viên trong ban chấp hành. Lênin cũng lập nên Cục Phương Đông nhắm vào các nước Á Châu chậm tiến trong đó nông dân chiếm tuyệt đại đa số. Hồ Chí Minh cũng là một trong những ủy viên của tổ chức này.

Điều quan trọng hơn nữa là Lênin đã đưa ra trong đại hội 2, Quốc Tế 3 cái gọi là "*Cương lĩnh về chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc,*" như một bước đi chiến lược mới nhắm vào các "dân tộc đang bị các đế quốc, tay sai của Tư Bản thống trị."

Hồ Chí Minh đã hoan hỉ tiếp nhận cương lĩnh này như kẻ sắp chết đuối vớ được chiếc phao. Ông ta đã thuật lại rằng dù đang ở một mình trong phòng riêng ông ta cũng hô lớn lên một cách vui mừng. Ông đã tìm được ánh sáng mới, được cẩm nang, được sách ước. Có thể là lúc ấy ông ta chưa thấy được thâm ý về sách lược của Lênin.

Thực ra, lý do khiến Lênin đưa ra cương lĩnh 2 vấn đề dân tộc và thực dân, cũng tương tự như lý do đưa ra liên minh công nông: Để giúp giai cấp vô sản sớm đánh đổ hoàn toàn giai cấp tư sản, chẳng những cần có sự tiếp tay của giai cấp nông dân, mà còn cần tới quần chúng nói chung trong đó có cả giai cấp tư sản. Vậy quần chúng trong các nước thuộc địa muốn gì? Họ muốn độc lập, muốn thoát khỏi ách thống trị của thực dân. Cho nên khi đưa ra cương lĩnh về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân, Lênin nhắm mục đích dùng *sách lược giai đoạn* vận dụng quần chúng đông đảo tiếp tay cho giai cấp công nhân để làm cách mạng vô sản thế giới. Ông cũng thận trọng xác nhận đây chỉ là sách lược, chứ không phải mục đích tối hậu của cách mạng, và những người thực thi sách lược này vẫn cảnh giác các đảng viên không được quên rằng mục đích nhắm tới là cách mạng vô sản, giải phóng giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Tóm lại chủ nghĩa dân tộc phải nằm trong khuôn khổ chủ nghĩa đấu tranh giai cấp và phải phụ thuộc vào cuộc cách mạng vô sản toàn thế giới.

Về sách lược giai đoạn của Lênin, Stalin đã giảng giải cặn kẽ trong tác phẩm *"Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin"*: Mục tiêu tối hậu của cách mạng vô sản là gì? Muốn tiến tới đó phải chia cuộc đấu tranh toàn bộ, toàn cầu trường kỳ ra làm những giai đoạn nào. Mỗi giai đoạn có những chiến lược dài hạn và vắn hạn tương hợp, cùng với những sách lược giai đoạn thích nghi. Chiến lược (strategy) cho một giai đoạn dài thường cố định. Nhưng sách lược (tactics) thường thay đổi và biến thiên tùy theo *cao trào* (flux, tide) hay *thoái trào* (reflux, ebb). Về điểm này, ta thường gọi sách lược (hay chiến thuật) của VC một cách nôm na là chiến thuật "mềm nắn rắn buông," tuy không lột được hết ý của mấy tiếng *cao trào* và *thoái trào*, nhưng cũng gợi được một hình ảnh tương tự.

Phải đặt cương lĩnh về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân trong khuôn khổ chiến lược và sách lược đó thì mới hiểu được thực chất của nó và mục đích của Lênin.

Có phải vì ông Hồ là người yêu nước, thấy có kẻ mở ra con đường cứu nước cho ông mà ông

vui mừng không? Cho đến nay nhiều nhà báo và sử gia Tây phương vẫn còn nghĩ thế.

Nhưng một số người nhìn kỹ đường đi nước bước của Quốc Tế 3 từ khi nó được thành lập, phân tích những nghị quyết của các đại hội từ khi Lênin còn sống đến khi nó chết, tức bị Stalin giải tán sau đại hội VII, năm 1935, nhất là nắm được các chiến lược, sách lược đấu tranh của Cộng Sản được Staline vạch ra chi tiết một cách rành mạch trong tác phẩm *"Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin,"* rồi đối chiếu với mục đích cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản do Mác-Ăng Ghen đề ra ban đầu, thì thấy rõ ngay cái gọi là chủ nghĩa dân tộc mà Lênin nói chỉ là một phát minh về chiến lược, sách lược mới, cần thiết trong một giai đoạn nhất định và tại một địa phương nhất định, nhằm phục vụ mục tiêu tối hậu của Cộng sản là tiêu diệt Tư Bản và đưa Vô Sản lên nắm quyền chuyên chính, hay nói trắng ra là đưa các nhà lãnh đạo Liên Xô lên nắm quyền bá chủ thế giới.

Sau đó, nếu theo rõi hoạt động của ông Hồ Chí Minh từ khi ông ta gia nhập đảng Xã Hội Pháp rồi trở thành sáng lập viên của đảng Cộng Sản Pháp cho đến khi được Manuilski, một lãnh tụ Quốc Tế 3 cử làm phụ tá cho Borodin trong phái đoàn của Liên Xô cạnh chính phủ Trung Hoa Quốc Dân Đảng của bác sĩ Tôn Dật Tiên, thì sẽ thấy ông ta có thực sự phục vụ dân tộc không hay chủ yếu là làm tròn những trách vụ mà Quốc Tế 3 đã ủy thác: nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á?

Ngay từ khi mới vào đảng Xã hội rồi đảng CS Pháp, ngoài một số nhân vật quan trọng người Pháp, người Đức gốc Do Thái, Nguyễn Ái Quốc đã lọt vào mắt xanh của Manuilski, một tay trong của Lênin. Sau khi cách mạng 1905 ở Nga thất bại Manuilski đã sống lưu vong ở Pháp và có ảnh hưởng lớn trong đảng cộng sản Pháp. Vào đúng lúc lãnh tụ và đồng chí của ông ta là Lênin mới đưa ra cương lĩnh về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân

NGUYỆT-THƯ

Sân Khấu

Giữa cuộc sống lao xao
ta dựng riêng sân khấu,
hoá trang nhiều lớp áo
đóng vai ngoài thế gian.

Khi anh là tình nhân
em tròn vai đào lẳng,
xoa lưng ru anh ngủ
Thị Nở của Chí Phèo.

Anh sắm vai chàng Siêu
em cô Mùi thu vén,
bên A Châu xinh xắn
có Kiều Phong chung tình.

Trăm vai anh kép chính
vẫn em là đào thương,
từ lẫm liệt quân vương
xuống tên tù cùng khổ.

Nhưng yêu nhất làm vợ
để anh diễn vai chồng,
khi quấn quít đóng chung
khóc cườI đều rực rỡ.

Trên sân khấu đôi ta
thương yêu tha hồ tỏ,
xúc cảm vẫn tràn dâng
diễn viên lòng chưa mỏi.

Cuộc tình ba mươi năm
xôn xao hoài âm ngữ,
tuồng tích vượt thời gian
màn nhung chưa hề rũ.

Buồn chi tóc thôi xanh
áo khăn pha dấu cũ,
duyên nghiệp vẫn níu chân
sân khấu sao đành bỏ.

và chủ trương liên minh công nông, đang cần kiếm người thi hành, thì Manuilski vớ ngay được Quốc. Manuilski đã giới thiệu Quốc và chỉ thị cho đảng cộng sản Pháp gửi anh ta qua Nga để dự đại hội Quốc Tế nông dân, (sau đại hội này Quốc nghiễm nhiên trở thành một trong 11 ủy viên của đoàn chủ tịch) rồi dự và phát biểu tại đại hội V, QT 3. Sau đó Manuilski lợi dụng anh ta vào việc cổ võ cho việc vận động quần chúng trong các nước thuộc địa châu Á tham gia đấu tranh giai cấp bằng cách trước tiên đấu tranh giành độc lập, đồng thời đặt một số hạt nhân tại các nước bị trị để sau này biến nó thành những chi bộ cộng sản địa phương.

Ngoài Manuilski, và cũng do Manuilski xếp đặt, Hồ Chí Minh còn tiếp xúc và hoạt động với Borodin. Ông này cũng giống Manuilski chạy trốn khỏi Nga sang Mỹ sau cách mạng 1905 ở Nga thất bại. Quốc được cử làm phụ tá và thông dịch viên cho Borodin, trưởng phái bộ Liên Xô cạnh chính phủ Trung Hoa Quốc Dân Đảng của bác sĩ Tôn Dật Tiên. Đó chỉ là bình phong. Nhiệm vụ hay sứ mạng chính và đích thực của Quốc quan trọng hơn thế nhiều và nằm trong kế hoạch tối mật.

Được biết, để chu toàn nhiệm vụ bí mật đó, Hồ thường xuyên tiếp xúc, nhận chỉ thị và báo cáo thi hành chỉ thị tại Trung Quốc cho Hilaire Noullens, đại diện của QT 3 thuộc cục Đông Phương có văn phòng tại Thượng Hải. Hoạt động phí của Hồ cũng do Noullens cung cấp. Đến nay theo rõi đời hoạt động của Hồ tại Trung Quốc trong thời gian đó người ta đã biết chắc chắn: Tuy trên danh nghĩa bề ngoài (vỏ bọc) Hồ là phụ tá và thông dịch viên cho Borodin (với bí danh Lý Thụy), và là phái viên của tờ báo La Rosta (với bí danh Lu, một vỏ bọc thêm bên ngoài cho an toàn hơn), nhưng trong thực tế, QT 3 đã giao cho Hồ nhiệm vụ quảng bá chủ nghĩa cộng sản tại Đông Nam Á và lập các chi bộ cộng sản tại những nước trong vùng, trong số đó những tài liệu chính thức của VC ngày nay đã xác nhận có Xiêm, Mã Lai, Nam Dương, Trung Quốc, Lào, Miên và Việt Nam. (Ngoài ra Hồ còn có nhiệm vụ đặc biệt khác, mà đại tá VC Hồng Hà, tác giả cuốn "*Bác Hồ trên đất nước Lênin*" bảo chỉ có vợ chồng Borodin biết).

Cái hạt nhân đỏ mà ông Hồ gieo vào Việt Nam là "Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội." Hội này là biến dạng hay thối thân của Tâm Tâm Xã của những người quốc gia, đồ đệ của cụ Phan Bội Châu lập nên ở Hoa Nam. Ông Hồ đã lợi dụng chỗ quen biết xâm nhập, thao túng lũng đoạn rồi đổi tên, dần dần thay đổi hẳn đường lối của nó. Về sau, tiến thêm một bước quyết định, hội này biến thành Đông Dương Cộng Sản Đảng, một trong ba tổ chức CS được thống nhất vào ngày 3-2-1930 do chỉ thị của QT 3 mà Hồ đại diện và chứng kiến.

Chỉ xét qua vài chặng đường đi của ông Hồ đã được chính thức ghi vào lịch sử đảng, và tiểu sử của ông ta như vừa kể, cũng đủ thấy ông đã thi hành đúng chỉ thị của QT 3, tức của Liên Xô (Nói "tức Liên Xô," vì QT 3 chỉ là bình phong của các nhà lãnh đạo Nga dùng để chi phối các đảng cộng sản trên thế giới nhằm mục đích bá chủ thế giới). Cho nên cái gọi là chủ nghĩa dân tộc mà VC và các nhà báo, sử gia thiên cộng hay khuynh tả nói tới chỉ là một bộ phận của chủ nghĩa Quốc Tế vô sản. Những việc ông Hồ Chí Minh và đảng CS Việt Nam làm, nói là để giải phóng dân tộc, dành độc lập và thống nhất tổ quốc, thực ra chỉ là hành động sách lược giai đoạn trong chiến lược toàn cầu của QT 3 nhằm thống trị thế giới.

Trở lên là biện luận theo lý thuyết. Bây giờ hãy xét về thực tế. Ông Hồ và đảng cộng sản Việt Nam đã làm gì cho tổ quốc, cho nhân dân để có thể bảo là ông theo chủ nghĩa dân tộc?

Theo đúng đường lối do QT 3 vạch ra, ông Hồ đã xâm nhập, lũng đoạn ly tán phá hoại các đảng phái quốc gia ở Hoa Nam, lợi dụng lòng tốt của các cán bộ quốc gia phi cộng sản như Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần để lấy lòng các giới chức quân sự Trung Hoa Quốc Dân Đảng như Trương Phát Khuê. Rồi về sau, khi lập nên mặt trận Việt Minh, đã bắt chước và chiếm danh của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của người quốc gia ngỏ hầu thu hút quần chúng vào các tổ chức Cứu Quốc, dựng lên chiêu bài kháng chiến chống thực dân, nhưng đồng thời cũng chống và tiêu diệt các đảng quốc gia từng đứng chung với ông trong mặt trận Việt Minh, và chính phủ liên hiệp.

Cái trò mặt trận này mặt trận nọ (từ MT phản Đế đến MT Dân Tộc Thống Nhất, MT Việt Minh, MT Liên Việt, Mặt trận Tổ Quốc v.v...) đều là những sách lược giai đoạn của cuộc chiếm lĩnh quyền hành đưa ông và phe đảng lên nắm quyền chuyên chính độc tôn. Đến lúc đó thì không còn thành phần dân tộc thuần túy nữa, chỉ còn đảng cộng sản theo đường lối của QT 3.

Cái gọi là cách mạng tháng Tám thành công chẳng qua chỉ là một cuộc cướp chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim. Cuộc kháng chiến

chống Pháp sau đó chỉ là một cuộc tàn sát phe quốc gia dưới quyền của quốc trưởng Bảo Đại, người đã thu hồi được độc lập do hiệp ước Vịnh Hạ Long (1948) và hiệp ước Élysée (1949). Nếu là người thực lòng yêu nước thương dân thì đã không có những cuộc tử chiến thí quân khủng khiếp trong các trận Việt Bắc những năm 1949-1950, trong trận Điện Biên Phủ 1954, trong trận "tổng công kích tổng nổi dậy" hồi tết Mậu Thân, không có những mồ chôn tập thể trên 3000 người. Nếu vì dân chứ không phải vì chủ nghĩa cộng sản, thì làm gì có cải cách ruộng đất với hàng chục vạn người bị giết, làm gì có chính sách sửa sai bịp bợm dùng làm cái bẫy bắt thêm hàng ngàn văn nghệ sĩ, làm gì có vụ dâng đất hiến biển cho Trung Cộng năm 1958. Nếu thực lòng yêu nước thương dân thì ông Hồ đã chẳng xua quân xâm nhập miền Nam, bắt cóc, ám sát các hương chức chính quyền trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, vì lúc ấy ông Ngô Đình Diệm đã tranh đấu được để quân đội Pháp phải rút hết khỏi miền Nam (tháng 4- 1956) và miền Nam đã trở thành một quốc gia độc lập có hiến pháp, có quốc hội, được đại đa số các quốc gia trên thế giới công nhận. Và hơn nữa dân miền Nam đang sống trong cảnh thanh bình phồn thịnh. Nếu ông thực sự yêu nước thì đừng phá hoại miền Nam mà hãy cùng miền Nam thi đua phát triển kinh tế cho dân miền Bắc đỡ đói khổ. Nhưng ông đã làm ngược lại.

Nhiều người đến nay vẫn còn bào chữa cho ông Hồ. Họ bảo đó là do đàn em của ông làm chứ ông không chủ trương thế. Nhưng những sự việc giết hại nhân dân nêu trên đều xảy ra trong lúc ông Hồ còn sống và còn đầy quyền lực.

Cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam, cũng có người bảo là chủ trương hiếu chiến của nhóm Lê Duẩn và Lê Đức Thọ chứ không phải của ông Hồ. Nhưng biết bao bằng chứng cho thấy Lê Duẩn cũng như Trường Chinh trước kia, không thể tự ý có những quyết định quan trọng mà không được ông Hồ cho phép. Ông Hồ đã chẳng từng nói với những người ngoại quốc, trong số đó có tướng Salan, rằng bọn họ là do ông tác thành, chứ có làm được gì?

Tóm lại cứ xét theo chủ thuyết Mác-Lê và chiến lược, sách lược của QTCS, và những hành vi cụ thể ông Hồ đã làm cho dân tộc Việt Nam, thì không thể bảo ông Hồ thực lòng yêu nước thương dân. Mà phải kết luận ông chỉ dùng chiêu bài dân tộc để chiếm lãnh quyền hành hòng phục vụ mục tiêu nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á do QTCS, cũng là Liên Xô đề ra. Ví thử ban đầu ông không có ý đó đi chăng nữa, thì kể từ khi ông trở thành đảng viên, điệp viên, cán bộ, một trong những cán bộ quan trọng của Quốc Tế Cộng sản, thì ông đã không có cách gì thoát ra ngoài guồng máy của nó, và mặc nhiên trở thành tay sai đắc lực của nó, để sau cùng phản lại quyền lợi dân tộc.

Đấy, chủ nghĩa Mác-xít, chủ nghĩa Mác-Lê đã vào Việt Nam qua nhân vật Hồ Chí Minh như thế đó. Và vì nó vào qua sự lừa phỉnh dân tộc của một tay gián điệp quốc tế gian hùng đầy mưu mô xảo trá được Liên Xô đào tạo, rèn luyện đến nơi đến chốn cho nên ngày nay nó vẫn còn tồn tại, di sản của nó còn tai hại. Nhiều nhân vật quốc tế quan trọng vẫn còn nghĩ Hồ Chí Minh là người yêu nước, chỉ dùng chủ nghĩa cộng sản như một vũ khí đấu tranh để dành độc lập cho dân tộc Việt Nam.

Đó là những ngộ nhận, những thành kiến cần xóa bỏ nếu muốn xóa bỏ ***di sản*** (độc hại) ***của chủ nghĩa Mác-xít tại Việt Nam.***

Nam Cali tháng 11 năm 2002

Chú thích:

(1) Dĩ nhiên sau giáo sư thạc sĩ Trần Đức Thảo là người, tuy không có bằng tiến sĩ triết, nhưng (cũng như Jean Paul Sartre chưa bao giờ có bằng tiến sĩ) đã là triết gia nổi tiếng ngay tại Pháp trong những năm 40. Về Trần Đức Thảo xin xem chương 12 (trang 245- 258), "Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực hay hư?" của Minh Võ).

Thơ BÙI GIÁNG

MƯỜI HAI CON MẮT

Thêm một số bài trích trong các tập:

RONG RÊU • ĐÊM NGẮM TRĂNG
NHƯ SƯƠNG • MƯA NGUỒN HÒA ÂM
BÙI GIÁNG TRẢ LỜI
PHỎNG VẤN BÁO THỜI VĂN, SÀI GÒN 1997

AN TIÊM

HỘI CHỨNG MÊ PHÂN

THẾ UYÊN

Hai cô em họ vợ tôi ở Hà Nội, Xuân và Hạ, kể lại xưa kia trên tầng ba có một toilet riêng kiểu Pháp đã gây nỗi khổ cho cả gia đình trong những năm chính quyền bắt dân phá hết các cầu tiêu giật nước hay dội nước trong các nhà để chuyển sang đi cầu tiêu công cộng, một phần để phá cá nhân chủ nghĩa, tập tính tập thể, một phần khác để dễ thu góp phân bón ruộng. Hạ cười buồn nhắc tới ông bố nay đã chết, chỉ vì muốn giữ toilet ấy cho các con gái, làm cả nhà cứ phải che dấu như chứa gián điệp vậy...

Còn cầu tiêu công cộng như thế nào, xin để một cô gái chính cống dân Hà Nội đi du học Âu Châu, sau định cư tại Hòa Lan, là nhà văn Phạm Hải Anh kể lại như sau: *"Nhưng rùng rợn nhất là những ngày đổi thùng. Công nhân vệ sinh đeo khẩu trang, đi ủng, xách xô, xẻng vào nhà vệ sinh cậy nắp hố xí. Phân tươi tràn ra lênh láng. Các chị công nhân lấy xô múc, gánh từng thùng ra vào kĩu kịt, phân rải như hoa sao dọc đường vào ngõ. Nhà nào nhà nấy đóng cửa buồng rèm kín mít, thắp hương, có người nhạy cảm hơn thì lấy khăn mặt dấp nước quấn quanh mũi... Chẳng ăn thua gì. Cái mũi nhọn sắc như mũi khoan bén, xuyên qua mũi, xoáy sâu vào tận cùng não bộ, một ngày không quên, một đời không quen.*

"Ở Cổ Nhuế người ta còn thờ cả cứt. Buổi sáng, chợ phân họp đông đúc. Người bán kẻ mua sắn tay áo lên tận nách, khuấy vào thùng phân, nắn bóp ngửi xem chất lượng, chê phân này chua, phân kia nhão. Phân cũng giả đấy. Có đứa trộn đất sét, có đứa nghiền khoai lang vứt vào, mua bán không cẩn thận là lỗ vốn. Lại chia phân ra hạng một, hạng hai. Hạng nhất là phân khu Giao tế, Tôn Đản, bốn quận nội thành nói chung chất lượng tốt. Ngoại thành nhà quê ăn rau dưa nhiều, phân loảng xanh chẳng quí. Quí nhất là phân ngoại. Chẳng phải hàng imported gì nhưng là nguồn tuôn từ sứ quán Tây ra. Phân ấy đắt gấp đôi phân thường, nghe bảo bón cây nào cây nấy lên to vật vã như đổi giống... Xóm mình đây còn đỡ, chứ nhìn sang khu tập thể đối diện mà xem. Hơn hai trăm con người, tám nhà vệ sinh. Buổi sáng hàng người xếp hàng trước nhà xí như con rồng tám đầu, đầu vào nhăn nhó, đầu ra thảnh thơi. Từ ông giáo sư đến chị quét rác vào đây nhất loạt đều bình đẳng. Cánh cửa nhà vệ sinh chẳng hiểu sao chỉ che đến ngang ngực. Người ngoài cứ nhìn vào mặt người trong là biết nông nỗi đoạn trường. Sau có đứa sáng kiến đem mẹt đến đó bán, vừa để che mạt vừa phẩy phẩy chống hơi nóng, mùi hôi, nhất cử tam tứ tiện. Cái thằng bán mẹt kiếm bạc nghìn ngon ơ. Từ đó, mọi người đi vệ sinh lại trang bị thêm cái mẹt tre, như cái mộc của hiệp sĩ thời trung cổ. Tưởng tượng hai trăm cái mẹt cùng vẫy lên một lúc là con rồng trước cửa nhà vệ sinh xòe vây, giương vẫy bay lên vút tận trời. Sau này đi đây đi đó nhiều, đôi lúc thấy bọn Tây đơn điệu quá nhàm chán. Hố xí nhất loạt giật nước...còn lâu mới sáng tạo được như mình."* (Tìm trăng đáy nước, Phạm Hải Anh, trg 118, Hợp Lưu số 66 năm 2002, CA, USA).

Trong cuốn hồi ký viết lúc cuối đời, nhà văn Tô Hoài kể là có thời kỳ được Đảng trao cho nhiệm vụ quản lý 200 cầu tiêu công cộng, như Phạm Hải Anh đã miêu tả trên. Mới có tám cái mà quang cảnh mùi vị đã như vậy, không biết với 200 cái, Tô Hoài sống và viết ra sao. Một nhà văn nội địa khác, Nhật Tuấn, trong một truyện đã xuất bản, tả nhân vật chính không may phải ở một căn phòng hẹp nằm ngay đầu con hẻm đường lấy phân của công ty vệ sinh, đã thỉnh thoảng khổ hơn nữa vì những người đi lấy phân trộm hai ba giờ sáng bị công an rượt bắt, gánh nguyên cả hai thùng phân vào nhà xin gửi tạm. Cần chú giải là phân thuộc phần quản lý của công ty vệ sinh, một công ty quốc doanh, ăn cắp phân là ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, một tội hình sự hẳn hoi...

Mọi người kể là nhạc sĩ Văn Cao lúc về già được Đảng cho xây dựng trong nhà một cầu tiêu riêng, giật nước đàng hoàng. Không phải vì Đảng trọng tài người đã làm bài quốc ca, mà vì sĩ diện quốc gia. Một hôm phái đoàn báo chí của tờ National Georgraphic kéo đến chụp hình phỏng

vấn Văn Cao cho một số báo đặc biệt về miền Bắc: một bức hình nhạc sĩ này mặc đồ lớn ngồi gục đầu mỏi mệt trước đàn dương cầm, với một ly rượu, một bức hình khá đẹp, được đăng lên. Trong thời gian làm việc tại đây, một ký giả buồn đi tiểu, hỏi chủ nhà buồng vệ sinh đâu, thì Văn Cao chỉ ra gốc cây cổ thụ ngoài hè: Tôi vẫn đi tiểu tại đó...

...Tôi không được biết các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu có thích phân hay không, nhưng Việt Nam và Trung Quốc thì phải nói là bị ám ảnh, đến độ nếu nói đùa một chút thì dân Mỹ bị ám ảnh bởi *sex* như thế nào thì "hai nước anh em, núi liền núi sông liền sông, cỏ cây bên này đâu có khác cỏ cây bên kia" (lời Võ Nguyên Giáp) Trung Quốc và Việt Nam bị ám ảnh bởi phân, phân người và phân heo, như thế.

Tôi đã trải qua nhiều năm tháng quen thuộc với phân sau 1975, đã thò gáo vào cầu tiêu múc biết bao lần để bón rau trong trại cải tạo, sau khi được tha về đã thiếu gì lần xin phân heo hàng xóm để trồng luống rau trước nhà. Bây giờ, trên con đường *"tiến mau tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội,"* không phải *"mai là bạn cũ, hạc là người quen"* nữa mà *"phân là bạn cũ, heo là người quen"*... Một lần ghé đến Hội Trí Thức Yêu Nước (Hội này không áp dụng chủ nghĩa lý lịch của miền Bắc, ai muốn làm hội viên, chỉ cần có một điều kiện duy nhất là tốt nghiệp ba năm bất cứ đại học nào nên cải tạo được tha về gia nhập khá đông) để uống cà phê gặp bạn bè, tôi bị kéo vào tham dự một buổi họp tất cả các trưởng ngành nông nghiệp các tỉnh miền Nam. Người nào lên báo cáo, ngoài các mục thông thường, bao giờ cũng nhấn mạnh thành tích là thu hoạch được bao nhiêu tấn phân heo... làm sau cùng, một chuyên viên miền Nam tốt nghiệp Âu Châu đã phải lên tiếng hỏi mỉa mai: Các đồng chí nuôi heo chỉ cốt lấy phân như thế, vậy thịt heo để cho ai! Thi có một cô em họ thuộc chi khác, là cháu cưng nên đã ở lại với ông bà Hà Nội chứ không theo bố mẹ di cư vào Nam 1954, bây giờ mới vô Sàigòn thăm bố mẹ ruột đã kể rằng khi lớn lên, mặc dù học rất giỏi nàng đã thật khổ với cái lý lịch "có bố mẹ đi Nam". Để xóa được cái lý lịch *"thiếu trong sáng"* (từ Đảng hay sử dụng cho những ai có gốc xa gần "ngụy quân ngụy quyền", hoặc không có lý lịch ba đời vô sản và thất học), nàng đã phải tình nguyện xin chân gánh phân trong ba năm tại một nông trường miền núi, sau đó mới được học đại học.

Sau buổi họp, cùng bạn bè kéo sang câu lạc bộ, nơi "giới sĩ phu Nam Hà" thường gọi đùa là "ốc đảo cuối cùng của tự do" nhưng phải xuất trình thẻ hội viên mới được mua phiếu đồ uống rẻ hơn bên ngoài, một người bạn tôi cho rằng miền Bắc quá lạc hậu nên nói đến ý niệm phân hóa học phân urée là "ú ớ", vậy không dùng phần người phân heo thì bón ruộng bằng gì. Anh mang truyện *Shogun* của James Clavell dẫn chứng rằng nếu thời trung cổ dân Nhật đã ăn ở sạch sẽ vô song trong khi dân London còn ở bẩn như heo ngựa, nhưng chẳng biết bón ruộng bằng gì khác ngoài phân nên cảnh đồng quê Nhật đẹp nhưng lúc nào cũng thoang thoảng mùi phân. Một ông bạn khác không chịu, cho điều đó là bất đắc dĩ cho thời trung cổ thôi, bây giờ là thế kỷ 20 rồi và nông dân miền Nam đâu có bón phân người. Một ông bạn khác, tốt nghiệp năm xưa tận Amsterdam khề khà nhận xét: Cuộc đời là biện chứng thôi, người xưa đã phán "dùng vàng để thử đàn bà, dùng đàn bà để thử đàn ông, và bây giờ *dùng phân để thử trình độ cách mạng của dân*... Dứt khoát là "cũng tốt thôi"! Các bạn chẳng chịu học tập tốt, tiến bộ gì cả...!

Tôi lắng nghe, ít bàn luận vì nghi ngờ rằng có đâu đây một thứ hội chứng mê phân, một thứ triết lý nhân sinh lắt léo lệch lạc nào đây mà cả các ông Freud, ông Jung chưa ai bàn tới. Tôi chỉ nghi nghi hoặc hoặc vậy thôi, cho đến khi được đọc bộ Sử Trung Quốc do Nguyễn Hiến Lê viết khoảng 1983 (hai tập, nhà Văn Hóa xb, Hà Nội 1997), tôi mới thấy nghi ngờ của tôi là có căn cứ. Khi mô tả cuộc "cách mạng văn hóa" do Mao Trạch Đông phát động với các cô cậu Vệ binh đỏ, Nguyễn Hiến Lê đã viết:

"Các nhà bác học may mắn hơn còn được tiếp tục khảo cứu nhưng không được ở thị trấn, gần thư viện, trong các labo (phòng thí nghiệm) nữa, cũng phải về đồng ruộng, hoặc vào các xưởng xem nông dân, thợ thuyền cần gì thì cũng tìm tòi cùng họ về cái đó.

"Giáo sư Đại học phải đi hốt phân, đổ vào xe 'bù ệt' (xe một bánh) đẩy đi. Quách Mạt Nhược bảo: 'Văn minh phát từ phân mà ra, từ khi bọn du mục biết rằng phân cừu, phân ngựa của họ chôn xuống đất làm cây cỏ tươi tốt.' Họ Quách bác học và thông minh thật.

"Các giáo sư chở phân ra ruộng đổ phân xuống ruộng rồi dùng hai tay nhồi đất và phân cho thật đều, thật nhuyễn, để có sự hòa hợp mật thiết giữa đất và phân thì kết quả mới tốt. Có nơi còn tổ

chức một cuộc tiếp đón linh đình, đủ kèn trống, cờ biển ngữ (không hiểu có múa lân hay không) để đón một ngàn xe 'bù ệt' phân tới!

"Có hốt phân thì mới là 'hồng' cả 'chuyên' nữa chứ và phải làm sao cho bọn trí thức 'thấy sung sướng rằng mình không còn là trí thức nữa' thì cách mạng mới thành công." (trg 204, 2o, tập II, sđd).

*

Tình trạng nhà cầu và phân người của Hà Nội là như thế, cho đến đầu thập niên 90 của thế kỷ 20, nên mỗi khi đến thành phố này, vợ chồng tôi cố gắng như thế nào để xong công việc trở về đi tiểu tại khách sạn, có máy lạnh và bathroom như ở Mỹ (hãng American Standard mở đại lý bán sản phẩm của mình rất sớm ở Việt Nam), và dĩ nhiên thu tiền phòng bằng dollar đắt gấp nhiều lần dân bản địa (tôi nhớ đã có lần viết đâu đây là muốn sạch sẽ vệ sinh ở Việt Nam, cũng phải trả giá). Dù sao là đàn ông, nếu cần đi tiểu gấp còn có các gốc cây cổ thụ cứu nguy, còn đàn bà thì sao? Cuốn chỉ nam du lịch Việt Nam do các tác giả Úc soạn bày bán khá nhiều ở Mỹ, cũng thắc mắc: Phụ nữ ở Việt Nam đái ở đâu? Một giải pháp thông dụng là vào một hàng quán, gọi đồ ăn hay đồ uống rồi ra phía sau đi cầu nhờ. Cũng được, nhưng hàm chứa một hiểm nguy mà nhà văn nữ lê Thị Thấm Vân đã tả trong "Xứ nắng" như sau: Sau khi đã vào nhà cầu nằm cạnh chuồng heo của một nhà hàng, tối về nằm ngủ bỗng thấy buồn buồn như có con gì bò ở chỗ đó của mình. Đưa tay xuống, túm được một chú giòi trắng đã bám vào âm mao từ lúc nào...

Vấn đề tiểu tiện là một vấn đề không nhỏ của những người xa nhà, nhất là người nước ngoài, thành phố Hà Nội cũng có một nỗ lực giải quyết: cho xây một nhà vệ sinh công cộng ven hồ Hoàn Kiếm, gần lối vào đền Ngọc Sơn. Tôi chưa bao giờ vào đó để biết tình trạng vệ sinh ra sao, nhưng biết rõ những người bình dân, không tiền, hoặc homeless, vẫn thích chọn bờ tường khu nhà Thủy Tạ hơn. Coi như không có hàng chữ đỏ kẻ rõ ràng: Cấm đái tại đây.

Thủ đô Hà Nội không phải chỉ có vấn đề tiểu tiện chưa giải quyết được (theo tôi nghĩ có lẽ tại Trung ương Đảng không cho đó là một vấn đề, mặc dù miền Bắc vẫn tự hào là văn minh tiến bộ nhất, đã *"tiến mau tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội"* từ lâu), mà là vấn đề vệ sinh chung. Miền Nam vẫn thường có thói xấu vứt xác chuột ra đường, đổ rác trên mặt cầu nhưng tốc độ xả rác ra đường phố không cao bằng dân Hà Nội. Các

HOÀNG HUY KHÁNH

NHỚ CHIỀU CẨM NAM

Bên ấy bây giờ có vui không?
Những quán bên đường khách có đông?
Những con đường có bao áo trắng?
Níu kéo đi về trên bến sông.

Ta yêu từng khúc quanh đường nhỏ
Thương chiếc cầu con nối phố xưa
Thương những buổi chiều ta qua đó
Làm chứng nhân những hẹn hò đón đưa.

Nàng ở bên sông biết có buồn?
Cẩm Nam chiều xuống nắng còn vương
Có bao giờ nhớ ta không nhỉ?
Chân những chiều nao lấm bụi đường.

Bao giờ có dịp về bên ấy
Để đứng một mình dưới bóng cây
Nhìn dòng sông chảy về xa tít
Thương nhớ cuộc tình như khói bay.

Ai về bên ấy cho ta nhắn
Thăm hộ dùm ta những buổi chiều
Dù nắng có phai tình có nhạt
Dù đời có lạnh biết bao nhiêu!

bà các cô quét đường và hè phố kỹ và sạch sẽ như quét sân nhà mình, nhưng chỉ loáng một cái rác đã xả đầy đường. Ở đây cần mở ngoặc một chút để nhắc nhở những ai cáu giận với người viết vì đoạn văn này nhớ giùm: người viết cũng là dân Hà Nội, theo nghĩa sinh ở thành phố này và lớn lên cũng ở đó, trước khi vào Nam rồi lang thang thế giới...

Trong thời gian chót lưu lại Việt Nam, tôi được đọc trên báo chí tin nhà nước mới ra lệnh khuyến cáo dân miền Nam kể từ nay phải phá bỏ các cầu tiêu truyền thống bắc trên sông rạch, ao thả cá... Đó là một mệnh lệnh hợp lý vì xây nhà cầu như thế dễ làm ô nhiễm nguồn nước, dễ bị bệnh truyền nhiễm nhất là bệnh đường ruột. Ngoài vấn đề vệ sinh, còn có vấn đề thẩm mỹ của nếp sống dân tộc. Bờ sông đẹp như thế, buổi chiều gió mát như thế, bỗng nhiên bị phá rối bởi những nhà cầu nhô ra chênh vênh, trống trải. Nếu những cầu tiêu công cộng Hà Nội hở mặt người cho mọi người ngó mà đoán sự tình tới đâu, nhà cầu miền Nam Kỳ lục tỉnh lõm bõm phân rơi...Thậm chí ngay Đông Hồ ở Hà Tiên được thi sĩ Đông Hồ ca tụng và ngâm vịnh, cũng có một nhà cầu công cộng mấy chục ngăn nhô ra mặt hồ.

Vậy thì hủy loại cầu tiêu truyền thống trên sông nước ấy là phải thôi, nhưng lệnh hủy lại kèm theo yêu cầu các cán bộ phải hướng dẫn dân làm nhà xí hai ngăn thay thế...Hố xí hai ngăn, phải chăng cũng giống như các nhà xí, cũng truyền thống dân tộc, của Hà Nội? Nghĩa là đại khái như nhà văn Phạm Hải Anh đã mô tả? Nếu đúng là vậy thì Đảng Cộng sản vẫn còn theo "Mao", vẫn còn mắc hội chứng mê phân hơi nặng. Nhưng đó là truyện của Đảng, của đảng viên cán bộ thôi, còn dân Việt nói chung, kể cả dân Hà Nội, vẫn tiến tới nếp sống Tây Phương, ít nhất về phương diện vệ sinh. Dân Hà Nội bây giờ không phải ăn độn như thời bao cấp nữa, lại có tiền bạc, vậy ta đi một đường "phú quý sinh lễ nghĩa" thôi. Các nhà sửa chữa lại, nhất là các nhà mới xây cất sau này, đều trang bị một buồng tắm nhà vệ sinh hiện đại như ở Tây Phương, mà không bị mang ra tổ dân phố kết tội theo chủ nghĩa cá nhân, theo nếp sống tư sản đồi trụy, hữu khuynh... Ở Sài gòn, các nhà giàu mới, các tư bản đỏ còn xài sang hơn nữa, cho lắp ráp cho gia đình những thiết bị mới nhất mà phòng tắm trung bình ở Mỹ còn không có.

Tại Hà Nội, trong một lần đến thăm gia đình bạn cố tri Nguyên, vợ chồng tôi phải đánh đu bờ tường với cầu khỉ mới vào được vì đường vô hẻm bị đào lên đặt ống cống ngầm. Sau khi hàn huyên, vợ Nguyên mời vợ tôi vào thăm phòng tắm mới tinh. Nguyên kể nhà bên vợ có một miếng đất rất xấu bỏ hoang chó ị ở ven hồ Tây, nay có ngoại kiều trả mấy chục cây vàng mua lại để xây biệt thự. Nhà vợ cho lại con gái một số cây vàng, và vì nhà có hai con gái lớn xinh xắn, Nguyên ưu tiên xây cất và sửa chữa hệ thống buồng tắm cầu tiêu cho sạch sẽ, hiện đại. Mẹ của cô Phạm Hải Anh cũng đã viết thư cho con gái ở phương trời xa xăm, khoe rằng ở nhà cũng mới xây cất cầu tiêu mới, riêng biệt, giật nước hẳn hoi, cứ việc về thăm nhà thoải mái. Và những đổi thay như vậy cũng là *đổi mới tư duy*, là tốt hẳn hoi, chứ không phải là *cũng tốt thôi*... nữa.

* Tây: miền Bắc dùng chữ Tây để chỉ người da trắng bất cứ nước nào, miền Nam dùng chữ Tây để chỉ người Pháp.
Cổ Nhuế: Tên một làng chuyên đi lấy phân từ đã lâu đời, không xa Hà Nội.

TÔ MẠN THÙ

Nhà Sư Vướng Lụy

Bùi Giáng dịch

AN TIÊM

Cuốn truyện sâu thẳm nhất của Văn Học Trung Hoa trong buổi giao thời thế kỷ 19 và 20. Tác giả là người Trung Hoa lai Nhật Bản. Một thiên tài u uẩn dị thường, sử dụng một bút pháp thần diệu, nêu ra một thảm kịch não nùng khôn tả...

PHYTOESTROGEN VÀ SỨC KHỎE CON NGƯỜI

NGUYỄN VĂN TUẤN

Ở các nước Tây phương trong thời gian vài mươi năm trở lại đây, trong chiều hướng tìm một chiến lược giảm thiểu những bệnh như ung thư, tim mạch, tiểu đường, v.v... giới chức y tế thường kêu gọi công chúng nên giảm lượng tiêu thụ chất đạm động vật, và thay vào đó là dùng những thực phẩm được chế biến từ rau cải hay cây trái. Một thiểu số đã thay thế hẳn chất đạm động vật bằng chất đạm thực vật trong bữa ăn, và họ thường được gọi là "những người ăn chay" (tuy nhiên cách ăn chay của họ không hoàn toàn đồng nghĩa với ăn chay của các tu sĩ Phật giáo). Một trong những thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong bữa ăn chay là đậu nành hay các thức ăn được chế biến từ đậu nành. Đối với những người này, họ đến với rau cải và trái cây vì họ tin rằng đây là một nguồn thực phẩm an toàn và bổ dưỡng nhất.

Nhưng ngược lại cũng có người, trong đó có một số người làm việc trong ngành y tế, chất vấn khuynh hướng này, vì theo họ chưa có bằng chứng gì cho thấy đậu nành có tác dụng tích cực đến sức khỏe con người. Nhiều khi cuộc tranh luận xảy ra trên các diễn đàn khoa học trong một không khí "nóng", và một sự phân chia ý thức hệ rất rõ ràng: một bên ủng hộ, một bên chống. Trong một cuộc hội thảo ở San Francisco vào năm 1998 mà người viết bài này có tham dự, sau khi một đồng nghiệp diễn giả từ Mayo Clinic thuyết trình về lợi và hại của đậu nành, một loạt ý kiến cực kỳ ồn ào được đưa ra mà ngay cả hai vị chủ tọa cũng không điều khiển được cuộc thảo luận!

Ngay cả trong cộng đồng người Việt, một cuộc tranh cãi như thế cũng xảy ra, nhưng hình như với tính cách niềm tin cá nhân và tình cảm hơn là khoa học. Có người tin rằng đậu nành là "một nguồn dinh dưỡng tuyệt hảo," nhưng cũng có người cho rằng dùng đậu nành có thể có hại đến sức khỏe. Nhưng cả hai bên đều ít hay không dẫn chứng những tài liệu khoa học, mà chỉ dựa vào một số thông tin từ internet và ý kiến của một vài vị bác sĩ trong cộng đồng. Thực ra, đứng trên phương diện biện chứng, tất cả các ý kiến cá nhân của các chuyên viên, dù là chuyên viên hàng đầu trong ngành, có giá trị khoa học rất thấp. Mặt khác, người ta có thể tìm trên internet những thông tin để ủng hộ hay bác bỏ một quan điểm về ảnh hưởng của đậu nành rất dễ dàng, vì hiện nay có hàng trăm, nếu không muốn nói là hàng ngàn, các trang nhà trên liên mạng viết về đậu nành. Tuy nhiên, không phải thông tin nào trên liên mạng cũng đều có giá trị và độ tin cậy như nhau, vì không có ai hay có cơ chế gì để kiểm tra các thông tin này trước khi chúng được công bố.

Thực ra, đậu nành chỉ là một trong nhiều loại thực phẩm hàm chứa kích thích tố nữ estrogen. Gọi là "kích thích tố nữ" vì estrogen là một yếu tố hóa học chi phối đến sự phát triển sinh dục trong phụ nữ. Một trong những chức năng chính của estrogen là giúp cho các cơ quan sinh dục tăng trưởng, và làm phát triển các đặc tính nữ (như vú chẳng hạn). Trong thời kỳ còn khả năng sinh sản, estrogen là một kích thích tố quan trọng đóng vai trò điều hòa các hoạt động sinh học của cơ thể, kể cả sinh hoạt tình dục. Nhưng sau thời kỳ mãn kinh (tuổi mãn kinh trung bình trong người da trắng là 49-51 tuổi), buồng trứng không còn sản xuất estrogen nữa, và gây ra một loạt thay đổi tâm sinh lý trong người phụ nữ, và dẫn đến một số bệnh mãn tính như ung thư, tiểu đường và loãng xương.

Hiện nay, một trong những phương án điều trị và phòng ngừa bệnh tật cho phụ nữ sau thời mãn kinh là thay thế kích thích tố (hay còn gọi là HRT, hormone replacement therapy). Tuy nhiên, mấy năm gần đây, kết quả vài nghiên cứu lâm sàng cho thấy HRT có thể làm tăng nguy cơ bị ung thư vú trong các phụ nữ có tuổi. Và vấn đề được đặt ra là phải đi tìm một phương án chữa trị vừa an toàn vừa hữu hiệu hơn HRT. Phytoestrogen được

xem là một trong những phương án đó. Vậy phytoestrogen là gì? Tác dụng và tác hại của nó ra sao? Bài viết này có một mục đích khiêm tốn là trả lời hai câu hỏi trên, bằng cách điểm qua một số kết quả nghiên cứu liên quan đến đậu nành nói riêng [và phytoestrogen nói chung] và sức khỏe con người đã được công bố trên các tập san y sinh học trên thế giới. Những thông tin này đều được giới nghiên cứu y khoa duyệt qua trước khi công bố, do đó, độ tin cậy của chúng, dù không tuyệt đối, nhưng cao hơn những thông tin trên internet hay ý kiến cá nhân.

Nói một cách ngắn gọn, phytoestrogen là những hợp chất estrogen (kích thích tố nữ) được tìm thấy trong thực vật [1]. Có ba nhóm phytoestrogen chính: *isoflavones*, *coumestans*, và *lignans*. Tất cả ba nhóm phytoestrogen này có cấu trúc hóa học rất giống với estrogen và anti-estrogen [2]. Vai trò của phytoestrogen trong thực vật chưa được xác định một cách rõ ràng, nhưng có bằng chứng cho thấy hợp chất này có chức năng chống nấm [3] hay nhuộm cây [4]. Có giả thuyết cho rằng phytoestrogen còn là một bộ phận phòng thủ của cây trong quá trình tiến hóa.

Năm 1954, người ta phát hiện có 53 loại cây cỏ có chứa estrogen [5], nhưng sau này con số được tăng lên hơn 300 cây cỏ [6]. Isoflavones và counestans được ghi nhận là những hợp chất phổ thông nhất.

Bảng sau đây cho thấy hàm lượng của phytoestrogen trong một số thực phẩm thông thường: Miso: mỗi phần tư tách chứa khoảng 30 mg phytoestrogen; Đậu nành, đổ tương (soybeans): mỗi nửa tách chứa khoảng 40 mg phytoestrogen; Bột đậu nành (soyflour): khoảng 25 mg phytoestrogen trong một phần tư tách; Tempeh: nửa tách chứa khoảng 40 mg phytoestrogen; Đậu hủ (tofu): cứ nửa tách chứa khoảng 40 mg phytoestrogen; Sữa đậu nành (soy milk): khoảng 40 mg phytoestrogen trong mỗi tách; Đậu xanh (green soybeans) 135 mg phytoestrogen trong 100 gram; Ya-ua đậu hủ (Tofu yogurt): khoảng 16 mg phytoestrogen trong 100 gram; Mì đậu nành khô (soy noodles): khoảng 8.5 mg phytoestrogen trong 100 gram.

Tác dụng của phytoestrogen

Các triệu chứng sau thời kỳ mãn kinh.

Như đề cập trên, đối với phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh, cơ thể không còn sản xuất kích thích tố estrogen, và dẫn đến một loạt thay đổi quan trọng về tâm sinh lí. Một số trong những triệu chứng sinh lí là nóng bừng (thường gọi là "hot flush"), khô âm hộ, viêm âm đạo. Nhưng cường độ mà phụ nữ kinh qua những triệu chứng này có thể tùy thuộc vào văn hóa. Chẳng hạn như phụ nữ Nhật Bản ít bị những triệu chứng nóng bừng so với phụ nữ Canada. Chỉ có 4% phụ nữ Nhật Bản dùng HRT [để chế ngự các triệu chứng trên], so với 30% trong các phụ nữ người Mỹ [7]. Sự khác biệt này có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng có người cho rằng phytoestrogen là một nguyên nhân chính có thể giải thích tại sao phụ nữ Nhật Bản ít bị chứng nóng bừng hơn, và do đó ít cần đến hơn là phụ nữ người Mỹ.

Trong một nghiên cứu trên 58 phụ nữ sau thời kì mãn kinh, với tối thiểu là 14 cơn nóng bừng hàng tuần; qua 12 tuần theo dõi, tỉ lệ nóng bừng trong các phụ nữ được điều trị bằng bột đậu nành (45 gram) giảm 40% so với phụ nữ không được điều trị bằng phytoestrogen là 25%. Tuy nhiên, mức độ khác biệt này không được xem là có ý nghĩa thống kê (tức có thể do các yếu tố ngẫu nhiên, chứ không phải tác dụng của phytoestrogen) [8].

Loãng xương

Trong các phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh, tình trạng suy giảm estrogen dẫn đến mất xương. Tính trung bình tỉ lệ bị mất chất xương khoảng 1% mỗi năm. Nhưng trong thời kỳ mới mãn kinh, tỉ lệ này có thể cao đến 5 hay 10% mỗi năm. Giảm chất xương có thể dẫn đến gãy xương nếu bị té hay tai nạn. Do đó, một trong những mục tiêu quan trọng của việc chữa trị bệnh loãng xương là duy trì chất xương sao cho không giảm trong thời kì sau mãn kinh. HRT là một loại thuốc có khả năng làm giảm tỉ lệ mất chất xương và phòng chống gãy xương trong phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh. Tuy nhiên, vì dùng HRT lâu năm có thể làm tăng nguy cơ bị ung thư vú (và có thể cả bệnh tim mạch). Từ đó, một trong những hướng nghiên cứu mới là tìm một phương cách điều trị khác an toàn hơn, vừa giảm nguy cơ gãy xương lại vừa không làm tăng nguy cơ ung thư vú hay các phản ứng phụ.

Phytoestrogen có thể ngăn ngừa tình trạng mất chất xương trong các phụ nữ sau thời kì mãn kinh. Nhiều dữ kiện trong vòng ba thập niên qua cho thấy những phụ nữ được điều trị bằng Iproflavone, một dạng isoflavones, có mức độ mất chất xương thấp hơn các phụ nữ không được điều trị bằng Iproflavone. Nhưng kết quả này vẫn còn nằm

trong vòng tranh cãi, vì có nhà nghiên cứu cho rằng tác dụng của phytoestrogen không cao như nhiều người "cảm tình viên" tưởng, nhưng họ cũng công nhận là phytoestrogen rất ít khi nào gây ra phản ứng phụ. Mặt khác vì chưa có nghiên cứu lâm sàng nào được tiến hành theo đúng các tiêu chuẩn khoa học của thử nghiệm lâm sàng đối chứng ngẫu nhiên, nên vấn đề vẫn chưa mấy rõ ràng.

Mới đây, một nhóm bác sĩ và khoa học gia bên Ý đã tiến hành một thử nghiệm lâm sàng đối chứng ngẫu nhiên, với 90 phụ nữ tuổi từ 47 – 57, bình thường (không bị chứng loãng xương). Những phụ nữ này được chia làm ba nhóm: 30 người không được điều trị gì cả (gọi là placebo, hay nhóm "đối chứng"); 30 người được điều trị bằng HRT 1 mg/ngày; và 30 người được điều trị bằng phytoestrogen genistein 54 mg/ngày). Sau 12 tháng điều trị, các nhà nghiên cứu ghi nhận vài kết quả chính như sau [9]:

Mật độ xương đùi trong nhóm được điều trị bằng phytoestrogen genistein tăng [trung bình] 3.6%; trong khi đó, nhóm được điều trị bằng HRT, tỉ lệ tăng là 2.4%; và như có thể đoán trước được, mật độ xương đùi trong nhóm đối chứng giảm khoảng 0.7%.

Chỉ số sinh hóa tạo xương (bone formation marker), nhóm được điều trị bằng phytoestrogen genistein tăng 23% đến 29%, trong khi chỉ số này trong nhóm được điều trị bằng HRT và nhóm đối chứng lại giảm.

Về phản ứng phụ: có ba phản ứng phụ như sau: chảy máu âm hộ, vú mềm (breast tenderness), và nóng bừng (hot flushes). Chảy máu âm hộ được ghi nhận ba người trong nhóm được điều trị bằng HRT, một người trong nhóm phytoestrogen genistein, và một người trong nhóm đối chứng. Chứng nóng bừng được ghi nhận trong 12 người thuộc nhóm đối chứng, cao nhất so với nhóm HRT (chỉ một người) và nhóm phytoestrogen genistein (ba người). Tuy nhiên, chứng vú mềm được ghi nhận cao nhất trong nhóm HRT (sáu người) so với nhóm phytoestrogen genistein (ba) hay đối chứng (1).

Các nhà nghiên cứu kết luận rằng phytoestrogen có tác dụng tích cực đến xương trong các phụ nữ sau thời kì mãn kinh, qua khả năng làm giảm hoạt động của các tế bào hủy xương và tăng hoạt động của các tế bào tạo xương.

Đứng trên khía cạnh phương pháp và ý nghĩa lâm sàng, đây là một nghiên cứu quan trọng về ảnh hưởng của phytoestrogen trong việc điều trị chứng loãng xương. Đây là lần đầu tiên một nghiên cứu về phytoestrogen trong ngành xương được tiến hành theo các tiêu chuẩn khoa học của nghiên cứu lâm sàng. Nghiên cứu này cung cấp thêm bằng chứng cho thấy phytoestrogen có thể làm cho xương phụ nữ trong và sau thời mãn kinh mạnh hơn, và làm giảm nguy cơ gãy xương. Nếu kết quả của nghiên cứu này được xác nhận bằng vài nghiên cứu độc lập khác, có thể nói trong tương lai ngành xương sẽ có một phương án mới điều trị chứng loãng xương an toàn hơn và rẻ tiền hơn với các loại thuốc hiện hành.

Ung thư

Đã từ lâu các nhà nghiên cứu ghi nhận rằng mức độ khác nhau về tỉ lệ ung thư giữa các sắc dân trên thế giới là một bằng chứng cho thấy bệnh này chịu ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến môi trường hơn là các yếu tố di truyền. Tỉ lệ dân bị ung thư cao nhất thường tập trung trong các dân số có mức tiêu thụ chất béo cao, chất đạm động vật, và ít tiêu thụ chất fibre; trong khi đó tỉ lệ ung thư thường thấp ở các nước mà mức độ tiêu thụ thịt ít nhưng có mức độ tiêu thụ thực vật và rau cỏ cao, nhất là các cây cỏ có chứa phytoestrogen [10-11].

Trong thời gian gần đây, có khá nhiều nghiên cứu về mối liên hệ giữa ung thư và thực phẩm đậu nành. Ở Nhật, đàn ông dùng đậu hủ (năm lần một tuần) có tỉ lệ bị ung thư tuyến tiền liệt (prostate cancer) thấp hơn khoảng 50% so với đàn ông dùng đậu hủ một lần hay ít hơn trong một tuần [12]. Trong một nghiên cứu trên 265,000 người Nhật trong vòng 12 năm cho thấy những người dùng miso (một loại đậu hủ) hàng ngày có nguy cơ bị ung thư dạ dày thấp hơn những người không dùng đậu nành [13-14]. Hai nghiên cứu khác ở Trung Quốc cho thấy phụ nữ dùng thực phẩm đậu nành ít (dưới một lần / tuần) có tỉ lệ bị ung thư phổi và ung thư vú cao gấp 2 đến 3.5 lần so với các phụ nữ dùng hàng ngày [15-16].

Trong một nghiên cứu mà đối tượng là những người Mỹ gốc Trung Quốc, Nhật Bản, và Phi Luật Tân, các nhà nghiên cứu ghi nhận một mối liên hệ nghịch chiều giữa mức độ tiêu thụ đậu hủ và nguy cơ bệnh ung thư vú: phụ nữ dùng đậu hủ nhiều có nguy cơ bị ung thứ vú thấp hơn phụ nữ không dùng hay dùng ít đậu hủ [17]. Một phát hiện tương tự cũng được ghi nhận trong một nghiên cứu ở Singapore [18] và Hawaii [19].

Kích thích tố nội sinh (endogenous hormones)

và kích thích tố ngoại sinh (exogenous hormones) đều có quan hệ với nhiều loại ung thư. Trong đàn ông, những người có độ kích thích tố nam (androgens) cao thường có nguy cơ bị ung thư tuyến tiền liệt hơn những người có độ kích thích nam thấp. Trong phụ nữ, nguy cơ bị ung thư vú và noãn sào thường tăng theo mức độ kích thích tố nữ (hay estrogen). Tương tự những sắc dân có độ kích thích tố thấp cũng là những người có nguy cơ bị ung thư thấp [20]. Do đó, một giả thuyết được đặt ra là nếu có một hóa chất hay thực phẩm làm giảm độ kích thích tố nam và nữ thì nó cũng có thể làm giảm nguy cơ bị ung thư. Mặc dù mối tương quan giữa kích thích tố nội sinh và ung thư đồng chiều (tức là mức độ kích thích cao thì nguy cơ ung thư cao), nhưng mối tương quan giữa phytoestrogen và ung thư lại ngược chiều (tức là mức độ phytoestrogen càng cao thì nguy cơ ung thư càng giảm).

Không ai biết tại sao lại có một "nghịch lí" như vừa nói, nhưng nhiều thí nghiệm trong chuột cho thấy phytoestrogen có khả năng làm giảm sự tăng trưởng của tế bào ung thư. Trong những nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu điều trị hai nhóm chuột (một nhóm bằng phytoestrogen, và một nhóm đối chứng tức không có thuốc nào), và cả hai nhóm đều được cho sống trong một môi trường gây bệnh ung thư. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm được điều trị bằng phytoestrogen có tốc độ phát sinh ung thư chậm hơn một cách đáng kể so với nhóm đối chứng, và điều này chứng tỏ rằng phytoestrogen có thể có tác dụng tích cực trong việc ngăn cản những bệnh ung thư tùy thuộc vào kích thích tố [21-22].

Chu kỳ kinh nguyệt

Mối liên hệ giữa phytoestrogen và ung thư vú, và giữa chu kì kinh nguyệt và ung thư vú là hai vấn đề thu hút một số nghiên cứu trong thời gian gần đây. Trong phụ nữ người da trắng,

ĐỖ QUANG NGHĨA

Người Giao Chỉ

Hắn như
người Giao chỉ cuối cùng,
bàn chân đã hướng biển,
ngón cái còn vọng núi.
(Đại gia đình từ đây vỡ tan.)

Đi xa chỉ nhớ về ngô lúa
đêm nằm mê lá chuối vỗ quanh nhà.
Nhọc nhằn những lũy tre,
chiều nghe đàn trâu bước.

Hắn nghĩ, còn nhiều người Giao chỉ cuối cùng.

Cơn bão đã tàn,
trời cao lại xanh thắm.
Dông bão đã ngừng,
dòng sông lại phẳng lặng.

Đâu rồi những cuồng điên, đam mê, gào thét,
đâu rồi những vật vã chia ly, hoảng hốt lo âu?

Đâu rồi tất cả đâu rồi,
những ngày cháy khát bên nhau?

Hình Phạt

Chỉ cần bắt hắn xa con
thả cho hắn đi hoang ngoài phố.
Chỉ cần bắt hắn xa sông
Xa lũ vịt trời, hoàng hôn ngoài bến.
Cấm hái hoa dại, cấm hát ngu ngơ
cấm hoài vọng một khung trời đâu đó...
Là suốt đời hắn cay đắng không thôi.

Biển vô bờ, không bao giờ ngừng lặng
cát trên bờ nuôi nấng cỏ khô.
Thêm nước mắt, biển mặn thêm chút nữa
những ngấn dài, thêm tiếng sáo ly hương.
Phía chân mây đôi hải âu có biết,
biển vô bờ, bay mãi, mãi bay đi?

chu kì kinh nguyệt trong những người bị ung thư vú ngắn hơn khoảng hai đến ba ngày so với chu kì trong những người không bị ung thư vú [23]. Chu kì kinh nguyệt trong phụ nữ người da trắng tính trung bình ngắn hơn chu kì trong phụ nữ người Á châu khoảng hai đến ba ngày, và sự khác biệt này được đề nghị là có liên hệ đến mức độ tiêu thụ đậu nành trong người Á châu cao hơn trong người Tây phương nói chung [24-25].

Trong một nghiên cứu nhỏ trên cho sáu phụ nữ dùng sữa đậu nành trong vòng một tháng, các nhà nghiên cứu ghi nhận chu kì kinh nguyệt tăng lên khoảng ba ngày. Nhưng vì nghiên cứu này quá nhỏ và không có một nhóm đối chứng nên chưa thể xem là một bằng chứng đáng tin cậy [26]. Trong một nghiên cứu khác lớn hơn [27], các nhà nghiên cứu không ghi nhận ảnh hưởng nào của sữa đậu nành đến chu kì kinh nguyệt. Do đó, dựa theo các dữ kiện đang có, chúng ta chưa thể kết luận được là phytoestrogen có khả năng kéo dài chu kì kinh nguyệt, và chu kì kinh nguyệt tương đối dài trong phụ nữ Á châu chắc không phải do ảnh hưởng của phytoestrogen [28].

Bệnh tim mạch

Bằng chứng y học thu thập trong khoảng 30 năm qua cho thấy phytoestrogen có ảnh hưởng tích cực chống lại các bệnh tim mạch. Đã từ lâu, giới nghiên cứu ghi nhận tỉ lệ người Á châu, những người có mức độ tiêu thụ rau cải nhiều, bị bệnh tim mạch ít hơn người da trắng Tây phương [29-30].

Trong phụ nữ người da trắng, estrogen là một kích thích tố được xem là có tác dụng phòng chống nguy cơ bị bệnh tim mạch. Phụ nữ sau thời kỳ mãn kinh dùng estrogen (hay HRT) có nguy cơ bị bệnh tim mạch thấp hơn phụ nữ không dùng estrogen [31-33]. Mối quan hệ giữa phytoestrogen và bệnh tim mạch chưa được nghiên cứu qui mô như trong trường hợp HRT.

Tuy nhiên kết quả từ nhiều nghiên cứu mối quan hệ giữa phytoestrogen và bệnh tim mạch không hoàn toàn nhất quán, và thường mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn như một nghiên cứu báo cáo rằng chỉ số cholesterol trong các phụ nữ dùng isoflavones với 45 mg/ngày giảm một cách đáng kể so với phụ nữ không được điều trị bằng isoflavones [34]. Nhưng một nghiên cứu khác [35] trong đàn ông được điều trị bằng soy protein với 60 g/ngày trong vòng bốn tuần không ghi nhận một ảnh hưởng tích cực nào của phytoestrogen. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu cũng nói thêm rằng các đối tượng trong nghiên cứu của họ có độ cholestrol thấp, tức là cơ hội giảm cholesterol không có bao nhiêu.

Khá nhiều nghiên cứu cho thấy thay thế thức ăn động vật bằng chất đạm chế biến từ đậu nành làm giảm LDL cholesterol [36-37]. Một phân tích tổng hợp 38 nghiên cứu lâm sàng gần đây kết luận rằng đậu nành hay chất đạm chế biến từ đậu nành có khả năng giảm LDL và triglyceride [38].

Khả năng tác hại của phytoestrogen

Khả năng sinh sản.

Vào thập niên 1940s, ở Tây Úc người ta thấy một số trừu có vấn đề về khả năng sinh sản, kể cả các chứng u nang trong noãn sào, và thiếu khả năng thụ tinh [39]. Sau này triệu chứng trên có tên là "Clover disease," và sau khi nghiên cứu, các nhà khoa học biết rằng chứng này do trừu ăn một loại cỏ có tên là *Trifolium subterraneum* (hay thường gọi là "clover", hay cỏ ba lá, cỏ clô-vơ) có chứa nhiều hàm lượng isoflavones [40]. Tác hại (hay "ảnh hưởng" thì đúng hơn) của cỏ clô-vơ trong vấn đề sinh sản sau này còn được ghi nhận trong thỏ, lợn (heo), và chuột.

Câu hỏi cần được đặt ra là một ảnh hưởng tiêu cực của isoflavones như trên có thể có trong con người hay không? Qua các nghiên cứu được công bố trong vài mươi năm qua thì có lẽ câu trả lời là "không". Thực ra, chưa có một nghiên cứu nào cho thấy isoflavone có ảnh hưởng tiêu cực đến sinh sản trong phụ nữ trước thời kỳ mãn kinh cả. Tuy nhiên, có một nghiên cứu ở Hòa Lan báo cáo rằng các phụ nữ dùng củ tulip (có chứa nhiều phytoestrogen) ở một liều lượng lớn có thể gây ra chứng chảy máu âm hộ và vài rối loạn chu kỳ kinh nguyệt [41], nhưng vì nghiên cứu này quá sơ sài, nên không ai có thể kết luận được là các triệu chứng này trực tiếp liên quan đến phytoestrogen hay một yếu tố trung gian nào khác. Trong phụ nữ Á châu, những người dùng đậu nành trong một thời gian rất dài (qua nhiều thế hệ) và với liều lượng trung bình, thì khả năng sinh sản của họ không có gì để gọi là có vấn đề.

Phát triển.

Cho đến nay, tất cả các nghiên cứu về phytoestrogen và phát triển chỉ giới hạn trong các động vật cấp thấp như chuột, nhưng kết quả cũng không có gì mang tính khẳng định. Dù thế, có người đặt giả thuyết rằng (còn gọi là Sharpe-Skakebaek hypothesis) nếu trẻ sơ sinh được tiếp

thu estrogen sớm có thể dẫn đến một vài biến chứng trong thời gian trưởng thành, như chất lượng tinh trùng thấp, hay nguy cơ bị ung thư tuyến tiền liệt [42]. Nhưng trong thực tế cho đến nay, những tác hại trên chưa được ghi nhận trong bất cứ một nghiên cứu nào. Thực ra, có bằng chứng cho thấy ngược lại rằng nếu trẻ sơ sinh dùng phytoestrogen thì trong thời gian trưởng thành họ thường ít bị các chứng bệnh mãn tính. Ở Mỹ, sữa đậu nành đã được dùng cho trẻ sơ sinh hơn 50 năm và chưa có bằng chứng gì cho thấy nó có tác hại [43].

LÝ THỪA NGHIỆP

Tâm Hà Khứ Lai

Khi chân bỏ bước xuống thuyền
Biển đưa ta tới một miền nào đây
Hơn mười năm vẫn chưa hay
Rằng ta đã bỏ đất đai quê nhà
Như là một buổi đi xa
Thân như mây trắng, tâm hà khứ lai.

Vài hàng nhận xét

Nói chung mặc dù trong thời gian qua đã có khá nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa phytoestrogen và sức khỏe con người, nhưng kiến thức của chúng ta về mối quan hệ này vẫn còn rất rời rạc. Một phần lớn là vì gần như 95% các nghiên cứu chưa được tiến hành theo những tiêu chuẩn khoa học và nguyên tắc lâm sàng cao. Chẳng hạn như trong khoảng 100 nghiên cứu liên quan đến phytoestrogen và loãng xương, ung thư và bệnh tim mạch, chỉ có năm nghiên cứu được liệt vào loại "thử nghiệm lâm sàng đối chứng ngẫu nhiên" (tức là "Randomized controlled clinical trial"), một loại nghiên cứu mà giá trị của kết quả được đánh giá là có độ tin cậy cao nhất trong tất cả các loại nghiên cứu lâm sàng.

Tuy nhiên, điểm qua kết quả của các nghiên cứu trên chuột và con người trong thời gian qua, chúng ta có thể nói rằng tác dụng của phytoestrogen đến sức khỏe con người nói chung là tích cực và an toàn nếu dùng với một liều lượng vừa phải và trong một thời gian trung bình. Những bằng chứng này cho thấy phytoestrogen có thể ảnh hưởng đến nhiều cơ phận, kể cả làm giảm cholesterol, ngăn chặn sự phát triển của các tế bào ung thư, giảm tình trạng mất chất xương trong người, và có thể xoa dịu những triệu chứng sau thời kỳ mãn kinh như nóng bừng. Nhưng phytoestrogen cũng có một vài biến chứng phụ nếu dùng với một liều lượng cao, dù những biến chứng này nói chung là không nghiêm trọng.

Thế nào là một liều lượng trung bình? Cho đến nay chưa có nghiên cứu nào trả lời dứt khoát câu hỏi này. Nhưng các dữ kiện khoa học công bố trong thời gian gần đây cho thấy có lẽ dùng khoảng 30 đến mg / ngày (tức khoảng một ly sữa đậu nành hàng ngày) là một liều lượng an toàn. Về thời gian dùng "an toàn", cũng chưa có câu trả lời rõ ràng, vì hầu hết các nghiên cứu về tác dụng của phytoestrogen thường rất ngắn hạn, và chúng ta vẫn chưa biết được những biến chứng lâu dài. Tuy nhiên, cho đến nay, trong các sắc dân Á châu dùng phytoestrogen từ thế hệ này sang thế hệ khác, chưa thấy có biến chứng nguy hiểm nào được báo cáo.

Tăng cường tiêu thụ các sản phẩm như đậu hủ, hay rau cải cũng nằm trong một chiến lược y tế công cộng của chính phủ nhiều nước Tây phương nhằm giảm tỉ lệ dân số bị bệnh tim mạch, ung thư và loãng xương. Đối với người Việt Nam, đậu nành, đậu hủ là những món ăn quen thuộc, và không có lý do gì chúng ta phải từ bỏ nguồn thực phẩm lành mạnh và quan trọng này.

Tài liệu tham khảo và chú thích:

[1] Chữ "Phytoestrogen" là ghép từ tiếp đầu ngữ "phyto" có nghĩa là thực vật (cây cỏ), và estrogen.

[2] Tất cả ba nhóm phytoestrogen này có cấu trúc hóa học rất giống với estrogen và kháng- estrogen (anti-estrogen). Có bằng chứng nghiên cứu cho thấy khi phytoestrogen được dùng trong những trường hợp estrogen nội sinh với độ cao thì phytoestrogen đóng vai trò khống chế hoạt động của estrogen.

Các tài liệu tham khảo sau đây được liệt kê theo thứ tự: tên tác giả, tựa đề bài báo, tên tập san (viết tắt theo qui luật quốc tế), năm xuất bản, bộ số, và trang.

[3] Naim H, et al. *Soy bean isoflavones, characterisation,*

determination and antifugal activity. J Agric Food Chem 1974;22:806-810.

[4] Clevenger S. Flower pigments. Sci Am 1964; 210:84-92.

[5] Bradbury RB, White DE. *Oestrogens and related substances in plants.* Vitam Horm 1954; 12:207-33.

[6] Farnsworth NR, et al. *Potential value of plants as sources of new antifertility agents.* J Pharmacol Sci 1975; 64:717-54.

[7] Colditz GA, et al. *Type of postmenopausal hormone use and risk of breast cancer: 12-year follow-up from the Nurses' Health Study.* Cancer Causes Control 1992; 3:433-39.

[8] Murkies AL, et al. *Dietary flour supplementation decreases postmenopausal hot flushes: effects of soy and wheat.* Maturitas 1995; 21:189-95.

[9] Morabito N, et al. *Effects of genistein and hormone replacement therapy on bone loss in early postmenopausal women: a randomized double-blind placebo-controlled study.* J Bone Miner Res 2002; 17:1904-12.

[10] Parkin DM. *Cancers of the breast, endometrium, and ovary: geographic correlations.* Eur J Clin Oncolo 1989; 25:1917-25.

[11] Ross PD, et al. *International comparisons of mortality rates for cancer of the breast, ovary, prostate and colon, and per capita food consumption.* Cancer 1986; 58:2363-71.

[12] Severson RK, et al. *A prospective study of demographics, diet, and prostate cancer among men of Japanese ancestry in Hawaii.* Cancer Res 1989; 49:1857-60.

[13] Haenszel W, et al. *Stomach cancer among Japanese in Hawaii.* J Natl Cancer Inst 1972; 49:969-88.

[14] Nagai M, et al. *Relationship of diet to the incidence of esophageal and stomach cancer in Japan.* Nutr Cancer 1982; 3:257-68.

[15] Koo LC, et al. *Dietary habits and lung cancer risk among Chinese females in Hong Kong who never smoked.* Nutr Cancer 1988; 11:155-72.

[16] Lee HP, et al. *Dietary effects on breast cancer risk in Singapore.* Lancet 1991; 337:1197-200.

[17] Wu AH, et al. *Tofu and risk of breast cancer.* Cancer Epidemiol Biomarkers Prev 1996; 5:901-6.

[18] Lee HP, et al. *Dietary effect on breast cancer risk in Singapore.* Lancet 1991;337:1197-2000.

[19] Goodman MT, et al. *Association of soy and fiber consumption with the risk of endometrial cancer.* Am J Epidemiol 1997; 146:294-306.

[20] Trichopoulos D, et al. The effects of Westernization on urine estrogens, frequency ov ovulation and breast cancer risk. Cancer 1984; 53:187-192.

[21] Lamartiniere CA, et al. *Genistein suppresses mammary cancer in rats.* Carcinogenesis 1995; 53:187-192.

[22] Lamartiniere CA, et al. *Neonatal genistein chemoprevents mammary cancer.* Proc Soc Exp Biol Med 1995; 208:120-3.

[23] Olsson H, et al. *Retrospective assessment of menstrual cycle length in patients with breast cancer, in patients with benign breast cancer and in women without breast cancer.* J Natl Cancer Inst 1983; 70:17-20.

[24] Treolar AE, et al. *Variation of the human menstrual cycle through reproductive life.* Int J Fertil 1970; 12:77-126.

[25] Key TJA, et al. *Sex hormones in rural China and Britain. Br J Cancer 1990;* 62:631-636.

[26] Lu LH, et al. *Effects of soya consumption for one month on steroid hormones in premenopausal women: implications for breast cancer risk reduction.* Cancer Epidemiol Biomarkers Prev 1996; 5:63-70.

[27] Baird DD, et al. *Dietary intervention study to assess estrogenicity of dietary soy among postmenopausal women.* J Clin Endocrinol Metab 1995; 80:1685-90.

[28] Lock M. *Contested meanings of the menopause.* Lancet 1991; 337:1270-72.

[29] Artaud-Wild SM, et al. *Differences in coronary mortality can be explained by differences in cholesterol and saturated fat intakes in 40 countries but not in France and Finland. A paradox.* Circulation 1993; 88:2771-9.

[30] Keys A, et al. *The seven countries study: 2289 deaths in 15 years.* Prev Med 1964; 13:141-154.

[31] Chae CU, et al. *Postmenopausal hormones replacement therapy and cardiovascular disease.* Thromb Haemost 1997; 78:770-80.

[32] Stampler MJ, et al. *Postmenopausal estrogen therapy and cardiovascular disease: ten-year follow-up from the Nurses' Health Study.* N Engl J Med 1991; 325:756-62.

[33] Gilligan DM, et al. *Effects of estrogen replacement therapy on peripheral vasomotor function in postmenopausal women.* Am J Cardiol 1995; 75:264-268.

[34] Cassidy A, et al. *Biological effects of isoflavones in young women: importanceof the chemical composition of soy bean products.* Br J Nutr 1995; 74:587-601.

[35] Gooderham MJ, et al. *A soy protein isolate rich in genistein and daidzein and its effects on plasma isoflavone concentrations, platelet aggregation, blood lipids and bone density in postmenopausal women.* J Nutr 1996; 126:2000-6.

[36] Carroll KK. *Review of clinical studies on cholesterol-lowering response to soy protein.* J Am Diet Assoc 1991; 91:820-27.

[37] Sirtori CR, et al. *Soybean protein diet and plasma cholesterol: from therapy to molecular mechanisms.* Ann NY Acad Sci 1993; 676:188-201.

[38] JW Anderson và đồng nghiệp. *Meta analysis of the effects of soy protein intake on serum lipids.* New England Journal of Medicine 1995; 333:276-282.

[39 Bennetts HW, et al. *Specific breeding problem of sheep on subterranean clover pastures* in *Western Australia.* Aust Vet 1946; 22:2-12.

[40] Bradbury RB, White DE. *Estrogen and related substances in plants.* Vitamins Hormones 1954; 12:207-233.

[41] Labov JB. *Phytoestrogens and mammalian reproduction.* Comp Biochem Physiol 1977; 57:3-9.

[42] Sharpe RM, Skakkebaek NE. *Are estrogens involved in falling sperm counts and disorders of the male reproductive tract?* Lancet 1993; 341:1392-5.

[43] Huggett AC, et al. *Phytoestrogens in soy-based infant formula.* Lancet 1998; 350:815-6.

MẤY NGÀY Ở PRAHA

ĐĂNG TRÌNH NTV.

Từ Amsterdam (Hoà Lan) phi cơ của hãng hàng không Czech chở chúng tôi đáp xuống phi trường Prague, mà đúng tên của nó là Praha lúc gần 13giờ (giờ địa phương), đó là một phi trường nhỏ, có vẻ yên vắng giống như một nhà ga của tỉnh lẻ. Xuống máy bay rồi lại lên xe buýt để vào toà nhà chính của phi trường để trình thông hành và lấy hành lý.

Tiệp Khắc là tên tiếngViệt của Czechslovakia âm theo Hán Việt. Tôi không hiểu vì sao mà có âm này vì giữa âm tiệp-khắc và Czechslovakia chừng như không có chút gì liên hệ về thanh âm.

Tiệp Khắc là nước đông Âu trong khối Cộng, thuộc minh ước Warzawa (Warswa). Thời chiến tranh Việt Nam, Tiệp Khắc cũng là nước chi viện cho Bắc Việt nhiều vũ khí. Chiến trường VN thường nghe nói đến trung liên Tiệp Khắc. Sau khi Xô Viết sụp đổ, Tiệp Khắc thoát khỏi được quĩ đạo Cộng sản, tách thành hai nước riêng: Cộng hoà Czech và cộng hoà Slovakia, tức là nước Tiệp và nước Khắc, truyền thông trong nước bây giờ gọi Tiệp là Cộng hoà Séc, với dân số trên 10 triệu và vẫn giữ thủ đô Praha (Prague). Còn Khắc (Slovakia) thì hầu như không mấy khi được truyền thông nói đến. Cộng hoà Séc là một trong ba nước thuộc khối Đông Âu cũ được nhận vào khối Nato.

Ông Vaclav Pavel là một nhà trí thức có uy tín, vừa là kịch sĩ, vừa là kịch tác gia nổi tiếng quốc tế, được bầu làm tổng thống từ tháng 2 năm 1993, hiện vẫn còn là nguyên thủ nước này. Chúng tôi được nghe kể lúc ông Pavel mới giữ chức tổng thống, bà Pavel còn đang làm tài xế xe điện (tram), mỗi ngày bà đem bữa ăn trưa vào văn phòng cho chồng ăn.

Thành phố Praha có 1,2 triệu dân, được coi là đô thị đẹp nhứt của Âu châu như nhiều sách hướng dẫn du lịch khẳng định.

Thành phố này được xây dựng từ nửa sau thế kỷ thứ 10, chưa từng bị chiến tranh tàn phá nên còn nguyên vẹn những kiến trúc nguyên thủy. Bạn có tưởng tượng được Vương cung thánh đường St. Vitus được xây cất ròng rã trong 580 năm không? Praha được mệnh danh là "thành phố nạm vàng" hay "thành phố trăm ngọn tháp." Mà đúng vậy Praha có tất cả 347 tháp, là thành phố du lịch thu hút nhiều du khách cả khi còn thuộc khối Cộng, nhất là du khách thanh niên, sinh viên đi theo lối interrail (đi xe lửa vòng Âu châu với giá rẻ dành cho thanh niên dưới 27 tuổi). Sau cuộc "cách mạng nhung" 1989, thì du khách "bùng nổ" với con số mỗi năm khoảng 20 triệu! Praha có sinh hoạt văn hoá rất phong phú, nhà hát thành phố, nhà nhạc kịch quốc gia, các nhà thờ cung ứng nhiều buổi trình diễn nhạc kịch opera, vũ, hoà nhạc...

Con sông Vltava còn có tên khác nữa là Moldau chảy ngang thành phố Praha, có năm chiếc cầu nối hai bờ của con sông với thành phố, trong đó có cầu Karluv nổi tiếng nhứt, cầu dành cho bộ hành, lúc nào cũng đầy du khách, mặt cầu lót đá, dài theo hai bên thành cầu được trang hoàng với 30 bức tượng, trên cầu người ta thấy nhiều họa sĩ vẽ chân dung cho khách. Người Tiệp có câu Đến Praha mà không tới cầu Karluv là chưa đến Praha.

Các bạn VN ở Praha bảo người Việt ở đây gọi nó là Cầu tình, vì vẻ tình tứ thơ mộng của nó.

Người Việt ở Tiệp và các khu chợ Việt Nam

Đi loanh quanh gần khách sạn, chúng tôi thấy có bóng mấy người Việt trong một tiệm bán rau quả, thế là chúng tôi vào thăm hỏi. Được biết ở Cộng hoà Séc có đông đảo người Việt sinh sống, con số có thể xấp xỉ 30 ngàn, gồm thành phần du học sinh và xuất khẩu lao động, đại đa số là người Việt miền Bắc.

Phần du học sinh thì được một anh bạn mới quen cho biết là phần đông không về nước, anh nói tiến sĩ, phó tiến sĩ ở lại đây buôn bán thiếu gì! Anh sang đây du học năm 1979, tốt nghiệp xong ở đây và kết hôn với một cô tốt nghiệp tiến sĩ triết học Mac-Lenin bên Đông Đức, bây giờ họ có cơ ngơi là mấy tiệm buôn bán.

Vui miệng anh nhắc lại thời du học ở đây bị toà đại sứ VN kềm kẹp quá sức như không được để tóc dài, không được xem phim Mỹ, không được mặc quần jeans, toàn là các thứ thời thượng mà thanh niên ở đâu cũng ưa thích. Bởi vậy các cậu sinh viên sắm quần jeans phải gởi ở nhà bạn Tiệp, muốn chút có tự do phải lén lút thôi!

Chắc quí độc giả không lạ gì với cử nhân luật Lê Chí Quang, một người trí thức trẻ ở Hà Nội,

đã từng du học ở Tiệp, đã can đảm dấn thân vào con đường tranh đấu cho dân chủ, cho tiến bộ, chống tham nhũng và kêu gọi "cảnh giác với Bắc triều" thì đã bị công an bắt và hồi tháng Hai năm nay và đưa ra xử trong một phiên toà nửa kín nửa hở ngày 8.11.02 vừa qua, tuyên án bốn năm tù và ba năm quản chế để dằn mặt tuổi trẻ Việt Nam và để làm vui lòng ông đàn anh vĩ đại phương Bắc chăng?

Chợ Đỗ Hàng hay đổ hàng?

Chúng tôi được biết ở Praha có mấy khu doanh nghiệp của người Việt gọi nôm na là chợ Việt Nam. Chúng tôi có dịp được anh bạn mới quen đưa đi khu chợ ở Praha 10, dân ở Praha quen gọi là chợ đổ hàng, ban đầu chúng tôi cứ tưởng là tên người lập chợ là Đỗ Hàng, sau mới vỡ lẽ đó là khu chợ bán sỉ, quần áo, giày dép và các thứ linh tinh các nơi nhập vào rồi phân phối cho bạn hàng Tiệp lẫn Việt, do đấy mà có tên này. Đó là một khu biệt lập, muốn vào phải qua cổng chính có nhân viên an ninh người Tiệp gác. Bên trong có đến 90 phần trăm là các gian hàng của người Việt, còn lại là người Tàu và rất ít người Tây. Cửa hàng của người Việt thì đủ thứ tiệm giống như một Little Saigon ở Cali thu nhỏ (hay "Tiểu Hà Nội" cũng nên?), nào tiệm tiết canh cháo lòng, cafe Trung Nguyên (hiệu sản xuất cà phê nổi tiếng nhất VN hiện nay, có cả một hệ thống tiệm cà phê cùng tên), tiệm cho thuê áo cưới, trang điểm cô dâu, băng nhạc, sách báo, rau trái, ngay cả đến tiệm thịt cầy, đi ngang nghe mùi chả nướng thơm phức, tôi nhìn vào thấy có mấy anh Tây đang ngồi thưởng thức! Nghe nói nhiều người Việt ở Áo, Đức không quản ngại đường xá xa xôi đã lái xe đến nơi đây để thưởng thức món đặc sản "sống trên đời" này!

Chưa hết đâu, nào còn có các dịch vụ dạy lái xe, dạy vi tính, dạy tiếng Séc, tiếng Hoa...

Ăn uống ở đây thật rẻ so với giá sinh hoạt ở Tây Âu và có lẽ ở Mỹ nữa. Một bữa ăn ở nhà hàng cho một người (cả thức uống) khoảng 6-7 Mỹ kim. Chúng tôi ba người ăn bún chả với thức uống trong khu chợ VN, chỉ tốn khoảng 10 Mỹ kim. Đơn vị tiền Tiệp là korun (đọc là kurun), viết tắt là kc- với dấu/ á/ nhọn trên đầu chữ c. Người Việt mình có thói quen nói tắt, nên chỉ gọi là ku thôi, chẳng hạn cái này 30 ku, cái kia 50 ku... mới đầu tôi thấy lạ sau mới hiểu, cũng vui vui...

Cộng hoà Séc được coi là thiên đàng của người Việt tại Đông Âu. Người Việt ở đây không có băng đảng tội ác, ai cũng chăm chỉ làm ăn kiếm tiền để "chi viện" cho "hậu phương lớn" đàng sau lưng là gia đình ở VN. Chúng tôi có nói chuyện với một chị quê ở Hải Dương, có chồng ở quê và con trai 20 mươi tuổi đang học Đại học ở Hà Nội. Một cô khác người Nam ở Bàn Cờ... những người này thuộc diện xuất khẩu lao động. Khi khối cộng Đông Âu sụp đổ, họ ở luôn không về và tìm cách làm ăn sinh sống. Họ được sống và làm ăn hợp pháp ở đây. Đời sống họ có vẻ thoải mái. Họ cho biết thường xuyên đi đi, về về VN, ít nhứt mỗi năm cũng một lần.

Được biết tình trạng cư trú của người Việt ở Cộng hoà Séc đều hợp pháp. Những du học sinh và công nhân thuộc diện trao đổi lao động đều được thường trú ở Séc. Bên cạnh đó còn có những người từ VN xin sang kinh doanh...

Có trường hợp cần phải "chạy thuốc" thì khoảng 4 - 5000 đô là được ký giấy cho phép thường trú 10 - 15 năm.

Khu chợ Pakova

Khu doanh nghiệp Việt Nam thứ hai chúng tôi có dịp viếng là khu Pakova ở Praha 4, khu này còn to hơn khu ở Praha 10, mới vào cổng đã thấy các parking xe đậu san sát và các dãy tiệm tạp hoá, với các loại rau quả tươi, có cả báo chí và video ca nhạc từ trong nước và Paris By Night của Thuý Nga nữa. Lại có cả video porno với hình ảnh tục tĩu phơi bày không che đậy! Báo chí thì thấy các báo trong nước như: Công an, An ninh thế giới và vài tờ gì nữa... Anh bạn hướng dẫn chúng tôi ghé xuống lấy một tờ, trả tiền, anh bán báo nói giọng có vẻ đùa: Lại đọc báo phản động à? Anh bạn nói lại: Phải thông tin hai chiều chứ bạn!

Một lát sau ngồi ăn trong tiệm bún chả, tôi thấy tờ báo của anh bạn mua khi nãy là tờ *Đàn Chim Việt*, số tháng 10 của nhóm người Việt ở Ba lan, dở ra xem thấy có bài của Nguyễn Xuân Nghĩa, Ngô Nhân Dụng. Báo có đăng bài Tăng Tuyết Minh người vợ Trung Quốc của Nguyễn Ái Quốc, dịch từ bài viết của một nhà sử học Trung Quốc Huang Zheng. Và bài 27 năm sau chiến tranh, một bí mật được hé mở: Nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã đào tạo trẻ em làm gián điệp thế nào? của tác giả Sông Ninh, bình luận về cách tổ chức điệp vụ của nhà nước CS huấn luyện các bé gái từ 12 đến 14 tuổi thành những nữ gián điệp và sát thủ giết người không gớm tay, thật khủng khiếp không tưởng tượng nổi! Với bài vở dám động chạm tới bác và đảng, thì

kết là báo "phản động" cũng đúng đường lối nhà nước thôi!

Chúng tôi đi loanh quanh đến 7 giờ tối chợ đóng cửa mới về. Chúng tôi định đi metro về khách sạn, hỏi nhiều xe xin đi nhờ tới trạm metro, cuối cùng có hai thanh niên cỡ 20 tuổi cho chúng tôi đi nhờ tới ga metro gần đấy.

Tôi hỏi, hai cậu cho biết là sinh viên du học. Với chiếc xe mới láng coóng này, chắc chắn hai cậu phải là con ông lớn ở Việt Nam.

Có điều, dù gì thì gì chứ những người Việt chúng tôi có dịp gặp mấy hôm nay, tuy xa lạ nhưng vẫn có sự niềm nở với tình đồng bào. Bởi vậy người Việt trong và ngoài nước đâu có gì phải hòa giải, chỉ cần giới cầm quyền trong nước bỏ cái mặt nạ cộng sản giả trá, phi nhân đi thì người mình với nhau có vấn đề gì đâu!

Ngoài hai khu doanh nghiệp VN lớn mà chúng tôi có dịp thăm, còn có những chợ nho nhỏ mà chúng tôi thấy có các sạp hàng của người Tàu và Việt.

Phương tiện di chuyển

Điều đáng ca ngợi Tiệp là các phương tiện di chuyển công cộng dành cho đại chúng như metro, xe *tram*, xe buýt, xe lửa rất thuận tiện và rẻ tiền. Chẳng hạn bạn có thể mua một ticket 12 kc (khoảng 40 xu Mỹ), có thể đi đủ các loại metro, xe điện, xe buýt trong thời gian 90 phút.

Ở Praha, bạn không cần những bản ghi giờ giấc xe chạy, chỉ cần đứng đợi ở trạm chưa tới năm phút thì đã có xe.

Tuy nhiên có điều mà du khách cần chú ý là khi lên xe, bạn phải có vé sẵn. Vé này mua nơi khách sạn bạn ở là tiện nhứt. Lên xe thì cứ lên, cầm tấm vé trong tay mà chả thấy ai làm gì cả. Mình cũng đứng yên, nhưng chợt nghĩ là vé xe có giá trị 90 phút, mà mình giữ như vầy thì làm sao biết mình lên xe lúc nào và hết hiệu lực lúc nào. May tôi chợt thấy có người lấy thẻ bấm vào máy, thế mới biết. Mới đi xe lần đầu, không biết thì cũng không thấy được máy vì hành khách đứng che kín cả. Còn những hành khách lên xe mà vẫn cứ điềm nhiên là họ đổi xe, vé họ còn hiệu lực.

Có vài người bạn ngoại quốc kể là họ nghĩ sẽ mua vé trên xe, nhưng trên xe không bán vé, đến lúc có người lên soát vé thì bị phạt rất nặng (gấp cả 50 lần giá vé) coi như bị gài bẫy vậy!

NGUYỄN HÀ TUỆ

THƠ MÙA THU

Chim quyên đi mãi không về
Trời khuya nổi gió trăng thề lệch xiêu
Trăm năm nằm gối tịch liêu
Ngàn năm còn vọng chút chiều tơ phai
Người về ngả bóng nghiêng vai
Mùa thu như thể đôi lời thơ ru.

Còn nếu đi taxi thì nên lưu ý là taxi ở thành phố Praha không có đồng hồ, tức taximeter. Trước khi lên xe không trả giá ắt bị đập có thể gấp hai lần giá thật sự phải trả. Chúng tôi phải trả 800 Kc từ phi trường về Praha 2 thay vì 450 Kc ở bận về do khách sạn gọi xe giùm. So với các phương tiện di chuyển công cộng khác, thì xe taxi là đắt nhứt.

Cộng hoà Séc và vùng Đông Âu vừa trải qua một cơn lụt lớn nhứt từ 100 năm qua, vào mùa thu năm 2002. Đường metro trong thành phố và những khu phố thấp đã bị ngập. Nay metro bắt đầu hoạt động lại ở một số tuyến đường, những tuyến metro chưa hoạt động, được tạm nối kết bằng xe buýt.

Sản vật và phong cách

Tiệp nổi tiếng từ lâu với các đồ pha lê có phẩm chất cao và giá rẻ, được biết đến nhiều nhứt là hiệu Bohemia. Trong phố Praha đầy các cửa hàng pha lê, nhưng muốn được giá rẻ nữa thì phải đi xa hơn. Có một nơi không xa Praha mấy, chỗ đó là xưa cung điện của vua Karl gọi là Karkstjen, cách Praha 38 km, du khách đáp xe lửa đến đây vừa thăm di tích vừa mua đồ pha lê. Vé xe lửa khứ hồi cho hai người trên quãng đường đó chỉ có khoảng 3 Mỹ kim!

Đặc sản ăn uống của Tiệp mà chúng tôi có dịp thử qua là món vịt nướng, không giống như vịt quay kiểu Bắc kinh, mà tôi có cảm tưởng là họ lấy đùi vịt phơi khô đem hấp lên, ăn với thứ giống như khoai tây và bánh mì, tôi nghĩ là khoai tây được nhồi ra và ép lại, bánh mì cũng thế, ăn chẳng thấy ngon, chắc là không hợp khẩu vị người

Việt chăng? Tôi có mua một chai rượu Becherovka, đó là loại rượu mạnh (38 độ) có ngâm hương liệu, có vị quế, uống cũng hay hay...

Khách sạn tôi ở là một khách sạn ba sao, giá mỗi ngày khoảng 100 Mỹ kim có ăn sáng (khách sạn đặt qua văn phòng du lịch, nếu chịu khó tìm trong internet thì có thể có được những chỗ giá khoảng 20 Mỹ kim), phòng có bếp để nấu ăn đơn giản, nhưng chúng tôi thấy nồi, bếp còn mới nguyên, có lẽ vì ăn uống rẻ nên không ai thiết đến việc nấu ăn riêng.

Buổi ăn sáng được dọn cho khách từ 7.30 giờ đến 9.00 giờ, có ba bà phục dịch khoảng lứa tuổi 40, họ làm việc rất tà tà. Có khi vào phòng ăn, bàn khách đi rồi, ngổn ngang ly, đĩa mà có khách mới tới họ cũng khôngbuồn dẹp, phải đợi khách yêu cầu. Tôi nhớ có lần ở Barcelona cũng phòng ăn như thế mà chỉ có một cô phục vụ, cô ta làm rất nhanh chóng, gọn gàng. Còn mấy bà ở đây, chắc quen với cung cách làm việc dưới thời cộng sản, lúc còn chế độ bao cấp.

Bữa cơm thân mật

Anh bạn mới quen hẹn 1 giờ trưa hôm đó đưa chúng tôi đến chợ đổ hàng ở Praha 10, và rồi anh còn có nhã ý mời chúng tôi về nhà dùng cơm chiều ngày thứ bảy tuần ấy.

Anh đón chúng tôi về nhà sau khi đóng các cửa tiệm buôn bán xong khoảng 7 giờ tối. Xe vào một khu chung cư yên tĩnh, cũng giống như bất cứ một chung cư nào ở các quốc gia Tây Âu. Mâm cỗ được bày trên sàn nhà ở phòng khách với nhiều món "đặc sản" miền Bắc anh dành đãi chúng tôi. Đó là tiết canh ngan, ngan quay, canh măng, giò, chả, bánh trôi...

Trước khi tới đây bà xã tôi ngại, cứ căn dặn đừng đá động gì đến chuyện chính trị, tôi cũng thấy như thế, nhưng rồi trong không khí cởi mở của bữa ăn, chúng tôi đã trao đổi ý kiến, quan điểm một cách thẳng thắn và thoải mái.

Đặc biệt có một món rau của một chị mới ở VN mang sang gọi là "rau tiến vua" mà tôi chưa bao giờ nghe nói tới. Chị nói rau đó ở quê người ta phơi khô mang lên Hà Nội bán, khoảng hai đô một cân, ăn thấy dòn dòn, dai dai... cũng lạ lạ, biết đâu nó có dược tính gì bí mật cũng nên, đời nay không có vua, sao không đổi lại là rau tiến bộ chính trị hay tổng bí thư, mấy "đấng" này cũng là vua rồi!

Mất đồ và cảnh sát ở Praha

Mấy bài hướng dẫn du lịch Praha mà tôi đọc trên internet có cảnh báo về nạn móc túi ở xe điện (tram), metro. Mấy ngày đầu tôi được bình an, nên trong bụng cũng có ý khen thầm sự an toàn ở Praha và đâm nghi ngờ lời cảnh giác "phố Praha là thiên đàng của bọn móc túi." Chẳng ngờ đến ngày chót, từ xe điện xuống, nhà tôi thấy cái ba-lô tôi mang sau lưng hở dây kéo, kêu tôi kiểm soát đồ đạc mới hay là mất tiêu cái máy chụp hình Olympus (may mà đã chụp được một cuộn phim!). Nhớ lại ở trạm trước có hai gã cao lớn chen vào đứng khoảng giữa tôi và nhà tôi. Thì ra một tên che cho tên kia mở balô. Chúng tôi có bảo hiểm, nên về khách sạn hỏi trạm cảnh sát gần đó để khai báo. Đến nơi khoảng 7.30 giờ, nhân viên cảnh sánh chỉ phòng đợi để ngồi chờ. Trong phòng có vài người dân địa phương chờ trước, không thấy họ có vẻ gì nôn nóng, chắc ở đây quen vậy rồi! Chờ mãi... chờ mãi hơn hai tiếng đồng hồ sau, cảnh sát mới gọi vào nghe điện thoại của một thông dịch viên Anh ngữ, nói sẽ tới giúp thông dịch trong 30 phút nữa. Chờ nữa... Rồi thông dịch viên tới, đó là một người đàn ông khoảng 60 tuổi, cư xử rất lịch sự. Ông nói rất xấu hổ trước sự việc chúng tôi là du khách bị dân của ông trộm đồ! Rồi ông phỏng vấn tôi để ghi vào form. Tôi nghĩ chắc vầy là xong, nhưng chưa... Lại tiếp tục ngồi chờ vì cả trạm cảnh sát chỉ có một nhân viên làm công việc này và ông ta đang làm việc với một người. Cả giờ sau tôi mới được gọi vào. Và cảnh sát vừa hỏi bằng tiếng Tiệp, vừa đánh máy, người thông dịch dịch lại tiếng Anh, ông ta hỏi rất kỹ từng chi tiết, mất cả giờ. Cuối cùng cũng xong, biên bản được đóng dấu, ký tên, nhưng lại toàn bằng tiếng Tiệp.

Thấy tôi có vẻ ngỡ ngàng, ông thông dịch nói cứ gởi biên bản này cho hãng bảo hiểm, họ có người phiên dịch, đừng lo! Tôi xem đồng hồ lúc đó đã hơn 12 giờ khuya... Cái số tôi đi đâu cũng hay bị mất đồ, phải lui tới cảnh sát khai báo hoài, nhưng chưa thấy nơi nào phải mất nhiều thì giờ như ở Praha lần này!

*

Ai đã từng viếng kinh thành Paris của nước Pháp một lần, chắc còn muốn trở lại lần nữa. Chúng tôi nghĩ đối với Praha cũng vậy. Với thời gian bốn, năm ngày không thấm vào đâu. Có những nơi chúng tôi chưa kịp viếng, có những buổi hoà nhạc hay vũ chúng tôi không có thì giờ xem, và nhứt là cái mùi thịt chó thơm phưng phức từ trong một quán của khu "chợ đổ hàng" như còn quyện vào mũi tôi... Chắc chắn phải có một lần tái ngộ!

(Tháng 11.02)

HOÀNG HOA TỰ BÍCH

(Bức Họa trên tường chùa Hoàng Hoa)

LÊ MẠNH HÙNG *tuyển dịch*

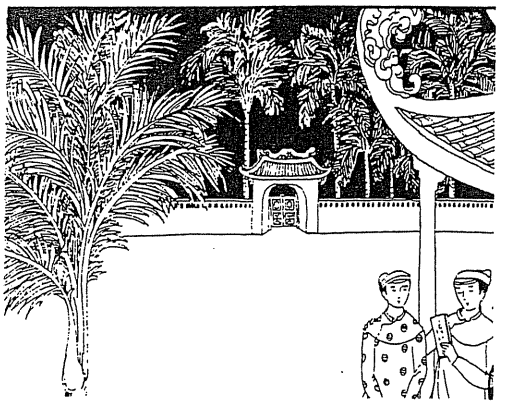

Dẫn nhập: *Truyện "Bức họa tường chùa Hoàng Hoa" này được rút ra từ tập "Lâm Đăng Bác Vật chí" tương truyền là tác phẩm vào cuối thời Lục Triều. Tập này không thấy được nhắc đến trong các sách sử về đời này và Thái Bình Quảng Ký cũng chỉ rút một câu chuyện này ra mà thôi. Truyện này mở đầu cho những chuyện đời sau nói về các bức họa hoặc tượng phật thành yêu mà câu chuyện "Cái chùa hoang ở Đông Triều" trong Truyền Kỳ Mạn Lục của Việt Nam sau này chịu ảnh hưởng.*

Thời Hậu Ngụy, khi vua Hiếu Văn Đế (1) vừa lên ngôi, có người ở Ngụy Thành (2) tên là Nguyên Triệu có tài dùng Cửu Thiên Pháp (3) cấm tuyệt yêu ma. Hồi đó, Nghiệp Quận có một cô gái mới 14 tuổi con nhà dòng dõi bị yêu làm bệnh nhiều năm. Gia đình mời cả chục thầy thuốc đến trị nhưng đều vô công hiệu. Một hôm cả gia đình mang cô gái đó đến nơi Nguyên Triệu tạm trú. Khi gặp Triệu, Triệu nói:

- Bệnh này không phải là do hồ ly ma quái làm ra mà là do một bức tranh yêu quái tạo thành. Làm sao ta lại biết như vậy? Này, trong thiên hạ, không có giống yêu nào thần thông đến mấy, giống quái linh thiêng đến mấy, hoặc loài tinh trên đất, loài quái dưới biển nào mà ta không biết. Theo trạng huống bệnh tật của con bé đó chính là do bức họa thiên thần trên tường một ngôi phật tự nào làm yêu hại đó. Người thấy ta nói có đúng không?

Cha cô gái bèn nói:

- Mỗ, ngày trước thường đến chùa Hoàng Hoa tại Vân Môn. Tại chùa, mỗ vẫn đến trước bức họa Đông phương thần ở tường phía đông chùa để cầu phúc. Mỗi lần vậy thường mang con bé này đi theo. Con bé vẫn thường thấy bức tranh thần đó thì sợ. Nhân đó bị ác mộng kinh hét. Thường mơ thấy ác quỷ đến ôm lấy nó mà cười. Từ đó thành tật.

Triệu nghe nói vậy cười lớn nói:

- Quả nhiên là không sai.

Rồi đột nhiên ngửng đầu lên không trung như nói với người nào, chung quanh cũng nghe phảng phất như có tiếng ai trả lời. Hồi lâu, Triệu hướng ra ngoài sân lên tiếng trách mắng:

- Tại sao không mau bắt mang lại đây.

Tả hữu nghe không trung có tiếng người trả lời:

- Xuân phương đại thần (4) truyền báo Nguyên đại hành rằng, ác thần ta tự sẽ trừng trị, không cần phải đến gặp đại hành.

Triệu giận dữ, hướng không trung nói:

- Các ngươi tưởng mang ý ta đến mời Xuân Phương tất thế nào cũng đến. Thôi ta tạm không trách cứ. Hãy mau mang xích trói lại tới đây.

Nói xong, lại quay lên không trung nói:

- Hãy gọi hai tên Song Nha, tám tên Xích My đến bắt, không cần phải đến đòi Đông Phương.

Tả hữu nghe trên không có tiếng mưa gió ầm

ầm. Hồi lâu nghe tiếng người đến. Triệu cười nói:

- Ngươi vốn không có hình thù gì, nhờ người vẽ mà nên, dám ỷ vào cái gì mà làm hại đến người sống?

Rồi quay sang cô gái Triệu nói:

- Ngươi hãy thử xem sao?

Rồi Triệu ra lệnh hiện hình. Mọi người thấy hiện lên ba vị thần; ai nấy đều cao hơn một trượng, miệng có hai cái răng lòi ra ngoài môi đến ba thước, quần áo một mầu đỏ chói. Lại thấy tám vị thần khác đều mặc áo đỏ, my, mắt đều đỏ máu; tất cả đều hộ tống một vị thần dẫn đến trước thềm. Vị thần bị bắt này,đầu tóc bù xù, mắt đỏ, mũi to, miệng vuông răng hô lộ ra ngoài, hai tay có vẩy như chân chim, hai chân lông lá dài ngoằng, quần áo tự như là làm bằng da báo. Người nhà trông thấy vội bảo ngay với Triệu:

- Đó chính là quỷ mà cháu nó thường thấy.

Triệu ra lệnh cho vị thần bị bắt đến trước rồi hỏi:

- Ngươi vốn là hư không, nhờ người ta vẽ mà nên. Tại sao lại có thể làm yêu quái?

Vị thần kia trả lời:

- Hình vốn do họa mà ra, họa làm cho trở thành có thực nhờ đó thành có thần. Huống chi trên bức họa này lại có một cái gì tinh linh có thể nhờ vào đó để cảm thông; kẻ thần hạ chính nhờ vào đó mà có cảm ứng; cảm ứng nên ảo hóa. Thần hạ thật có tội.

Triệu giận dữ, ra lệnh cho đồng bộc lấy nước tẩy sạch vị thần đi. Nước đổ hết, nhưng ác thần nhan sắc vẫn như cũ. Triệu càng giận thêm, ra lệnh đun nước sôi để tẩy. Chốc lát, thần hóa, tựa như là một cái túi không. Triệu ra lệnh ném ra ngoài đồng. Cô gái tự đó khỏi bệnh và được cha mang trở lại đất Nghiệp.

Sau gia đình có dịp đến lại chùa Hoàng Hoa. Đến chỗ bức họa cũ, thấy sạch như bị lấy nước rửa. Cả gia đình hãi sợ coi như là chuyện lạ. Có một vị tăng tên là Vân Kính thấy vậy bèn hỏi:

- Các người đến thấy bức họa lên tiếng ta thán tất biết chuyện gì lạ? xin hãy kể lại cho nghe.

Người cha nói:

- Con tôi bị bệnh, do thần quỷ ám. Nhờ Nguyên tiên sinh cho biết là vì do bức họa tại chùa này thành yêu.

Rồi lấy tay chỉ chỗ vị thần bị tẩy xóa đi trên bức họa. Sư ngạc nhiên nói:

- Câu chuyện thí chủ kể quả thật là lạ. Chùa này vào tháng trước, một hôm trời bỗng trở nên u ám rồi bỗng nhiên gió lớn mây đen đổ tới, tiếng ầm ầm như sấm sét, tại chỗ bức họa này có tiếng như tiếng người bị bắt giữ. Rồi nghe tiếng người nói:

- Thế lực không bằng Nguyên đại hành, thôi đành đi vậy!

Nghe nói xong, gió bụi bỗng tan đi, trời đất trong sáng trở lại. Đến tối thấy bức họa thần này như bị tẩy xóa. So với lời thí chủ nói chính phù hợp với nhau."

Triệu tức là thầy dậy của Khâu Khiêm vậy.

Chú thích:

1. Một triều đại thành lập tại phía bắc nước Tàu do tộc Tiên Ty thành lập. Hiếu Văn Đế tên Nguyên Hoằng trị vì từ CN 471 đến 500.
2. Nay là thị trấn An Dương thuộc tỉnh Hà Nam.
3. Một loại pháp thuật của đạo giáo được coi như là có thể hàng yêu trừ quái.
4. Tức Đông phương đại thần. Theo ngũ hành của Trung Quốc mùa xuân thuộc phương Đông.

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

Buồn Thu

Tặng C.T.

Bỗng dưng trời đã vừa thu
Nhớ một nụ cười hơi thở lạnh
Chiếc lá bên hồ ngập ngừng đỏ
Má em êm dịu cánh hoa tươi

Ai sát mầu hoa hồng môi thắm
Tôi trở về ấp ủ thơ ngây
Long lanh giọt nước mi ai đọng
Một cuộc tình đã rất xa xôi

8.18.96

CHỖ CÁI XÓM

NGUYỄN NAM AN

Kim Mao Sư Vương là chuyện trí tưởng cũng như Hân Tố Tố... Ngày đó Kim Dung vẽ vời, thêu dệt trong bộ "Cô Gái Đồ Long" dữ dội quá làm tụi tôi say mê. Nhiều lần thầy dạy Việt Văn phải khuyên đám học trò coi chừng bị nhiễm; viết luận văn sẽ sặc mùi kiếm hiệp. Tôi là một trong đám học trò của thầy, thuở đệ lục cùng hai thằng bạn lên làm thuyết trình. Tôi lỡ dại giới thiệu toán mình theo kiểu cải lương chi bảo, cuối giờ bị thầy phê bình thành "quê" luôn từ đó.

Thằng họa sĩ số một của lớp ở cùng xóm tôi. Nhà nó nghèo lắm. Chiều chiều mẹ nó gánh đậu hũ đi bán rong. Nhiều lúc đi ngang qua nhà ba mẹ tôi, bác dừng chân nghỉ mệt. Bác hỏi mẹ tôi xin bát nước chè, miếng cau ăn trầu. Thuở đó người trong xóm thích tụ lại hiên nhà mẹ tôi để uống nước nấu bằng chè Truồi mang vào từ Huế. Mẹ bạn tôi ngồi đó lâu một chút để câu đám nhóc thích ăn hàng rong. Những lúc đó tôi có đậu hũ "chùa" ăn hoài vì bác cho.

Không biết sao bạn tôi bị dính biệt danh Phạm Cái Bang. Chắc thằng nào trong lớp coi Đại Cái Bang trên báo Dân Ta, nổi máu kiếm hiệp chế tên họ thằng họa sĩ của lớp thành thế. Và nó chết tên luôn từ đó!

Một thằng khác bị gọi là Huỳnh Đá Vàng. Thằng này là một trong vài tên bạn thân tôi đó. Lớp làm báo. Đến hạn nộp bài thằng chủ trương hối quá làm Huỳnh Đá Vàng hoảng. Nó "chôm" nhẹ thơ người nào trong tờ Phổ Thông của ông Nguyễn Vỹ. Bài thơ có câu: "*Anh trở lại con đường Phan Thanh Giản...*" Thơ tình. Tình lắm! Trong lớp tụi nó tin là thơ của Huỳnh Đá Vàng vì nhà nó ở đường Phan Thanh Giản. Báo in ronéo xong rồi thì đen trắng mới phân minh. Cười trừ thôi chứ có ai kiện cáo gì tờ báo lớp!

Từ thuở trung học đến giờ tôi không nhớ hết bài thơ đó. Chỉ có thơ bốn thằng tôi làm trong lớp, chuyền tay nhau đọc giờ học thì tôi nhớ kỹ. Một thằng bắt đầu với "anh yêu em" sau đó lớp có bài thơ "để đời" năm đệ tứ. Phải ghi rõ thế nhỡ mai có thằng nào viết về lịch sử trung học Phan Chu Trinh Đà Nẵng có đầy đủ tài liệu. Lịch sử bị xuyên tạc nhiều rồi sau cú đổi đời thảm nạn.

Tôi chép lại đây bài thơ hay đúng hơn là bài vè thời mới lớn, lúc mỗi thằng làm một câu. Không may có thằng bạn nào đọc được những gì nơi đây thì đừng cười.

Anh yêu em
Yêu quá xá
Như con cá
Nó cắn câu
Thề hộc máu
Anh yêu em

Thuở đó lỡ "*thề hộc máu/ anh yêu em*" rồi nên thằng nào dính vào bài thơ cà chớn này đời khổ ráng chịu! Thế đó "tập thể làm chủ tình yêu và yêu tập thể."

Chỉ có một thằng trong lớp, tôi biết, nó yêu ai. Nó dám chôm hình trong học bạ của "người ta" thì biết. Một thằng trong bọn tôi là con thầy giám học trường nữ. Cuối tuần nó lấy chìa khóa văn phòng của bố, mở tủ tìm học bạ của "người ta" cho bạn coi. "Người ta" đẹp lắm nhưng các môn thi của lục cá nguyệt đều dưới trung bình ngoại trừ Nữ Công Gia Chánh. Vậy là đủ rồi. Con gái đẹp đâu cần học giỏi. Bạn tôi lấy luôn cái hình có đóng dấu của cô nhỏ nào đó bỏ ví. "*Thương em chẳng biết bỏ đâu. Sợ bỏ trên đầu thì rớt...*" ai đau!

Phạm Cái Bang có số lận đận từ thời còn đi học. Nó vẽ số một trong lớp nhưng bài nộp lên là bị trứng vịt. Điệp khúc của cô dạy vẽ, giáo sư hoa khôi của trường dạo đó: "Ai vẽ dùm?" Phạm Cái Bang đỏ mặt lên, lúng ta lúng túng trả lời là "zéro." Oan cho nó hơn oan Thị Kính vì tôi biết nó vẽ. Tranh của thằng khác nhờ nó quẹt sơ sơ thì điểm cao. Mười bảy mười tám là thường. Tài của Phạm Cái Bang chỉ được nhận ra khi lớp học vẽ thầy Đỗ Toàn.

Mấy đứa khác trong lớp thì sao không biết. Hộp màu nước của tôi màu trắng hết đầu tiên, màu đen còn dài dài. Những lúc thế tôi nghĩ đến Phạm Cái Bang. Tôi chạy qua mượn nó mà quên nhà nó nghèo hơn nhà tôi! Giờ nhớ lại vẫn còn mắc cỡ. Nhiều lúc thấy nó pha màu, quẹt vài nét trên giấy cứng mà ham. Tôi vẽ cả đời cũng không bằng năm phút nó múa cọ.

Phạm Cái Bang lại có trái tim hào hiệp. Tranh nào vẽ xong, bạn bè xin là nó cho. Thành ra cuối cùng nó chỉ còn một bức chưa cho được. Bức tranh vẽ cô hàng xóm. Người ta chưa xin mà nó chẳng dám mang tặng.

Nhà "người ta" ở sát nhà nó. Trên gác nhìn xuống thằng Cái Bang thấy em hàng ngày ra giếng vo gạo nấu cơm. Nhà nó có căn gác làm cứ điểm nhìn sang sân nhà của "người ta." Trên cao đánh xuống sao không thắng được. "Người ta" làm gì bên kia thằng Cái Bang biết hết. Nhưng nó nhát như gì. Cứ nói càng hai câu cuối trong bài thơ cả bọn làm trong lớp "*thề hộc máu/anh yêu em*" rồi được, không được tính sau.

Bạn tôi không nói đâu. Nó giữ kín mối tình trong lòng và tập tành làm người lớn. Lúc đó muốn sang nhà ai chơi là chạy sang chứ đâu cần gọi điện thoại báo trước. Tôi đã làm vậy rất nhiều lần khi muốn thăm thằng Cái Bang. Xỏ dép vào chạy cái ào đến nhà nó. Thấy cửa mở là dọt luôn xuống nhà dưới, leo lên gác.

Có bữa thấy tôi vào nó vất que lửa mồi điếu thuốc không kịp. Tội nghiệp nó. Lại một màn lúng ta lúng túng như khi ở lớp bị cô dạy hội họa bắt bẻ. Thuở đó lớp tôi chưa có thằng nào biết thuốc lá là gì. Thằng Cái Bang mà tập kiểu này chắc có biến cố lớn. Mà lớn thật. Tôi biết vậy khi nhìn bức tranh nó giấu kỹ trong góc nhà.

"Mày cũng bày đặt hút Ruby hả mày?"

"Lạnh quá trời..."

Chữ này y chang như chữ mẹ tôi vẫn nói mỗi khi vấn điếu thuốc lá Cẩm Lệ. Tôi nhìn xuống nhà con bé Nguyện. "Người ta" của thằng Cái Bang đó. Nó đã biết được tên thật của con nhỏ rồi nên không gọi là Ni nữa.

"Bồ mi bên đó hả?"

Không có tiếng trả lời của nó. Thằng này nên đổi tên và họ nó thành Quách Cứ Tĩnh! Nói vậy chứ nó ít nói chứ không như tôi. Dân láu cá vặt. Tôi rủ rê nó.

"Bữa nào mày qua nhà tao, lên mái nhà ngủ tối. Đã lắm mày. Con Nguyệt, mày biết phải không, hay ngồi học bài ở cửa sổ. Nhà nó bên kia bờ tường Kho Y Dược. Nằm trên mái nhà tao là thấy nó rõ lắm."

Phạm Cái Bang phá ra cười.

"Có bữa nằm ngủ trên đó, lăn qua lăn lại rớt xuống đất chết bà mày. Coi chừng chết vì tình si."

"Làm sao rớt được mày. Ba mẹ tao biết an toàn nên mới cho ngủ trên đó. Đã lắm."

Mặt thằng Cái Bang bỗng nghiêm trọng.

"Bộ mày thích con đó hả?'

"Tao cóc biết."

Lúc đó là năm cuối của đệ nhất cấp. Tụi tôi gần xong lớp 9 nên coi như lớn rồi. Lên lớp 10 là có quyền học chung với con gái. Chiến tranh đã đến thành phố. Cái đám trốn chui trốn nhũi trên rừng cứ kê súng bắn bậy. Thỉnh thoảng đạn pháo kích về giữa đêm khuya trúng nhà dân. Người ta chết oan cũng nhiều.

Thời gian đó tụi trong xóm phải đi Nhân Dân Tự Vệ. Phạm Cái Bang được phát cây *carbine*. Tôi cũng vậy. Hai thằng chơi ngon, hỏi xin mấy chú lính Quân Y đóng đồn gần xóm băng đạn cong. Lắp vào súng trông cũng ngầu lắm. Nhưng *carbine* của tụi tôi chỉ dùng để lấy le những đêm gác khuya, không có chuyện làm. Có mấy thằng biết nhiều về súng ống, chế đạn mã tử để bắn chuột: Những "bia sống du kích" đêm khuya thập thò tìm đồ ăn trong cống. Chưa có thằng nào vào lính nên thấy súng ham lắm. Sau này làm dân tác chiến, mang hoài cấp số hành quân bốn ngày muốn bỏ mà không được.

Đêm tụi nó gác ông tổ trưởng dặn hoài "Phải canh phòng cẩn thận." " Dạ. Bác đừng lo." Bác tổ trưởng đi vào nhà ngủ là tụi nó quậy. Phạm Cái Bang rủ tôi tìm cách hái dừa nhà cô giáo dạy trường nữ trong xóm. Chồng cô là tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 610 Truyền Tin. Dừa thì cao. Thằng nào cũng muốn hưởng phần nhưng không dám trèo. Tôi đề nghị vào lấy cái thang nhà bác tổ trưởng. Thằng khác mang theo cái chăn. Đứng dưới cây căng ra để thằng trèo lên thả dừa xuống. Dừa rớt vào chăn êm ru bà rù. Như vậy chủ nhà khỏi biết.

Có thang rồi chẳng có tên nào dám leo lên hái. Phạm Cái Bang suy nghĩ một lúc, gật đầu đồng ý xung phong ăn trộm. Ba quầy dừa ngon lành quá. Chịu không nổi! Nó trèo lên, lấy tay lắc mạnh. Tụi tôi bốn thằng căng chăn đứng dưới hứng dừa mà tim đập như trống làng. Lần đầu đi ăn trộm một cách quy mô. Ăn trộm có súng *carbine* yểm trợ! Phạm Cái Bang chắc cũng run nên dừa rơi không trúng tọa độ. Một trái trúng lưng thằng Thành con bác Đóa. Nó la ối, thả góc chăn đang cầm. Thế là những trái tiếp rớt xuống đất lịch bịch. Chủ nhà thức dậy. Đại Úy tiểu đoàn trưởng lên đạn súng *colt*. Thằng Phạm Cái Bang còn ở trên cây. Tôi hoảng vác luôn cái thang, không quên kéo cây súng, mà chạy. Phạm Cái Bang ôm thân dừa tuột xuống, thương tích không

biết thế nào. Tôi chạy một hơi, cố nén tiếng thở mạnh, gác cái thang vào hiên nhà bác tổ trưởng rồi len lén đi về nhà. Gác trực mà làm gì!

Sáng mai đi học ngang qua nhà cô giáo, tôi không dám nhìn vào. Đôi dép thằng Phạm Cái Bang để ở gốc dừa sát đường đi khuya qua không còn nữa. Vào lớp hai thằng tôi ngó nhau thì thào:

"Sao mày?"

"Tao bị trầy cả ngực. Xuống không kịp là ổng bắn chết! Sao mày lấy thang đi?"

Nó định chửi nhưng ngưng kịp.

"Tại tao hoảng hồn."

"Đôi dép tao còn để dưới gốc cây. Vậy là chết mẹ rồi."

"Đổ tội cho toán thằng 'đạo dừa' bên xóm lục lộ đi. Thằng này có thành tích từ trước đến giờ rồi."

"Tao không biết. Nhưng buồn mày ạ. Đêm qua con Nguyện không có nước dừa để uống."

"Mày nói gì. Mày đi ăn trộm dừa vì vậy!"

"Sao tao có thể làm chuyện đó nếu không vì 'người ta'..."

Ba của Phạm Cái Bang làm cho sở hỏa xa. Sau những bữa đi sửa đường sắt ngoài đèo trở về bác hay nhâm nhi rượu đế. Những cuộc độc ẩm như thế ngoài quán kéo dài đến tối. Bác trở về khi xóm đã lên đèn. Lúc đó "mặt trời cũng thức dậy" trên mặt bác. Không biết vì rượu hay vì tuổi ngày càng lớn mà bác chắt cheo lại. Hình như vậy hay tại tụi tôi đang tuổi lớn, mỗi ngày mỗi thấy mình cồ ra nên có cảm tưởng bác nhỏ đi!

Phạm Cái Bang có người chị cả. Lúc đó chồng chị tử trận, để lại mẹ con nheo nhóc sống. Chị Ký phải ở nhờ nhà ba mẹ để buôn thúng bán bưng nuôi con. Mỗi đầu niên học ở Phan Chu Trinh, nhiều lúc ba mẹ thằng Cái Bang lo chới với để kiếm tiền đóng niên liễm phụ huynh học sinh. Tôi nhớ ba cái vụ này vì không có tiền đó không được vào lớp. Thầy phụ tá giám thị nhắc hoài khi có dịp vào những buổi chào Quốc Kỳ.

Có buổi tối nó rủ tôi qua căn gác nhà nó ngủ. Trời sáng trăng. Ngồi đấu láo một lúc tôi ngủ hồi nào không hay. Đến khi thức dậy, nhìn quanh thấy vắng. Chút vàng trăng rớt vào căn gác nhỏ. Thi vị. Ước gì có đối tượng cho tôi làm thơ như Mường Mán: "*Trăng từ hoàng cung trăng lên lầu nguyệt.*" Phạm Cái Bang đang làm gì gần cánh cửa. Tôi tò mò nhìn thằng bạn. Mắt nó như dán vào khe hở. Chắc có chuyện gì đây. Nghe tiếng bước chân, nó quay lui, dơ ngón tay lên môi. Tôi thì thầm.

"Gì đó mày?"

Mặt bạn tôi chắc đỏ lên. Chẳng có tiếng trả

TRẦN QUÁN NIỆM

Sao vẫn lạc đời nhau

Chưa trang điểm mà hồn ta đã đuối
Đôi mắt em, ngàn đóa đẫm tương tư
Giòng sông nào chẩy xuôi vào dĩ vãng
Chợt một chiều thổi ngọn gió hoang vu

Bước ngập ngừng, mang hồn Thu diễm tuyệt
Áo em bay, rạo rực lá sang mùa
Thu về chưa mà hồ xanh sóng biếc
Ta bồi hồi rung động trái tim xưa

Chừng len lén đi sâu vào tâm thức
Những xuyến sao, lạ lẫm thủa đầu đời
Môi em hồng quyện lấy hồn nao nức
Trên đường về lòng lãng đãng chơi vơi

Ta thủa đó hồn ngu ngơ vụng dại
Giòng đời trôi, lạc lối bước trần gian
Con sóng nào xô đời ta đi mãi
Miền xa xôi, vẫn nhớ nẻo thiên đàng

Ngàn năm em, còn trầm hương dáng ngọc
Ngàn năm ta, còn nuối tiếc tình đau
Hoa hạnh ngộ, con tim nào chợt thắt
Tìm được người, sao vẫn lạc đời nhau

lời. Kéo nhẹ nó qua một bên, tôi nhìn ra ngoài. Trăng vằng vặc trên những mái nhà. Trăng trải lụa. Trăng đầy con xóm nhỏ. Chiến tranh đêm này còn đâu đó xa lắm, như trên giòng mực in trang nhất của báo chí đến từ Sài Gòn. Bên giếng nhà hàng xóm bạn tôi, Nguyện đang tắm. Nguyện tự nhiên để nguyên áo quần từ từ xối nước. Nước ướt áo bám sát vào người cô nhỏ. Tôi nhìn ké... rồi hiểu vì sao Phạm Cái Bang vẽ tranh mà không dám mang tặng. Đám mất dạy trong xóm vẫn đòi "xin xôi hay bánh ú" những khi tình cờ thấy Nguyện. Tụi nó dùng tiếng lóng. Giờ tôi hiểu. Chỉ mong người đang tắm dưới kia đừng thắc mắc những chữ kia của đám tôi vừa nhắc đến. Sao không: "*...Em đến nằm phơi mộng giữa vườn trăng. Trong bóng lá anh thấy mình chết điếng. Từ dạo đó anh đâm ra lười biếng. Bởi mộng đời còn lại có bao nhiêu*" cho thi vị hơn. Chẳng biết nữa. Mắt nhìn của người thi sĩ khác xa nhịp sống thường nên đám tôi níu không kịp.

Nguyện tắm xong vào nhà. Tôi chọc Phạm Cái Bang.

"Tao biết sao rủ hoài mà mày không sang nhà tao để ngủ trên mái nhà rồi."

Bạn tôi cười.

"Từ mái nhà mày nhìn sang chỗ con Nguyệt xa quá sao mà thấy... cho được."

Lần đầu tôi nghe nó nói chuyện đùa về con gái. Phạm Cái Bang bước sang ngưỡng cửa khác rồi đó.

Có thời gian thành phố mọc đầy *bar* dành cho quân đội Mỹ. Đường Độc Lập, đường Bạch Đằng chạy dọc sông Hàn toàn là *bar*. Tội nghiệp cho nơi dân tôi sống. Gần xóm tôi, đường Gia Long cũng nổi lên cái *bar*. Người trong xóm gọi là *bar* Đại Hàn. Cách gọi không giấy tờ của dân xóm tôi nó dễ làm sao ấy. Thấy tụi Đại Hàn vào *bar* đó nhiều thì gọi vậy. Nhưng bên đường Lê Lai, nơi có động... thì bị gọi là "xóm chuối." Chữ này tôi không biết ở đâu mà ra. Xóm đó đâu có trồng chuối! Chỗ như thế lại ở rất gần cơ quan công quyền. Chỉ có trời mới biết ai là người đỡ đầu những nơi ăn chơi này.

Xóm tôi ở tụi nhóc nhóc chia làm hai loại. Đi học phần đông. Dân bụi đời cũng dăm ba mạng. Có đám sống lang bang, qua tuổi vị thành niên rồi đi lính. Hình như lính thứ dữ không à. Phá phách ở đâu không biết nhưng về đến xóm tụi nó hiền. Đi ra đi vô thì cũng con chú này, con thím kia. Mới đó thôi mà lớn như thổi. Trong đám cô hồn có mấy thằng con nhà giàu. Tối tối tụi nó tập nhảy đầm trong sân nhà. Nhìn một cặp, hai thằng con trai ôm nhau nhảy *slow* kỳ thấy bà. Tôi với Phạm Cái Bang thỉnh thoảng ngó vào bị tụi nó nghinh. Mà nghinh thì mình đi chỗ khác chơi. Chuyện nhỏ.

Đến khi Nguyện bị một thằng chận lại bóp vú thì chuyện không còn nhỏ nữa. Thằng để tóc như con gái, học ở Sài Gòn về. Nó là sinh viên. Mới nghe dân đại học tụi tôi khớp lắm nhưng nhìn mái tóc dài theo lối *hippie* như đám nhạc trẻ mà ngứa mắt. Thằng này bảo nó là đàn em Chín "đá". Đó là một thằng trốn lính chuyên phá làng phá xóm, đi hốt sòng bài.

Một lần tên du đãng này tới số. Nó kênh một anh lính tác chiến thứ thiệt. Anh này dân tiểu đoàn 5 Nhảy Dù về phép thăm nhà. Thằng Chín "đá" chạy xe gắn máy lạng qua lạng lại rồi chơi cái thắng gấp trước mặt anh ta. Chuyện gì đây? Xém nữa đụng người rồi cha. Chín "đá" xổ giọng mất dạy "đ. cha đ. má" kiểu Sài Gòn. Anh nhảy dù nghe người trong xóm nói rồi nên muốn dằn mặt nó. Mày Chín "đá" thì tao Mười "cước". Chín "đá" bị dũa toe, bỏ cả xe mà chạy. Nó về vác dao và kéo thêm đàn em ra. Anh Mười "cước" đâu phải tay vừa, dễ gì đánh đòn hội đồng. Anh "nhá cạnh" trái lựu đạn M67 trong túi. Chín "đá" biết gặp tay chơi thứ thiệt khựng lại. "Thằng nào nhào vào banh xác liền." Cho tiền cái đám cắc ké cũng không dám thử. Mười "cước" dằn mặt được thằng Chín "đá" thì cả bọn chạy. Cái đám chuyên chơi trò ỷ đông hà hiếp người khác là vậy đó.

Mẹ anh trong nhà nghe tin con bày trận ngoài đường lộ hớt hãi chạy ra. "Con ơi! Là con." Bà kéo anh đi về gấp, cất lựu đạn vào tủ rồi giữ luôn chìa khóa.

Anh Mười "cước" hết phép trở về đơn vị thì thằng Phạm Cái Bang lãnh đủ. Tên tóc dài *hippie* dũa nó lại vì mày dám kêu đàn anh đục tụi tao. Bạn tôi làm gì có đàn anh đàn em. Tội nó. Kẻ mạnh bao giờ cũng có lý. Thằng *hippie* biết Phạm Cái Bang đang mết Nguyện nên đánh dằn mặt. Từ bữa chận đường cô nhỏ "xin xôi" nó về to nhỏ với đám con nhà giàu trong xóm. Thế đó tụi nó cứ qua lại ngõ nhà Nguyện hoài. Đến lúc bạn tôi nổi máu nóng lên:

"Đám mất dạy."

Nó chỉ nói được chừng đó. Nguyện cũng ngại đi qua khúc đường xóm gần nhà đám kia. Thành ra con xóm nhỏ tự nhiên có phe có đảng. Tôi chỉ mong có ngày đánh lại được mấy thằng này vì

tôi cũng là nạn nhân như Phạm Cái Bang.

Trước khi đôn quân, tôi có dịp uống rượu đế lần đầu với thằng bạn nghèo cùng xóm. Nó say sướt mướt. Khi đó mối tình câm của chàng được dịp tuôn ra. Nó cho tôi coi bức tranh vẽ Nguyện đang tắm đêm, nửa kín nửa hở. Tay cầm cọ của thằng bạn tôi chạy kịp theo cái đầu nên nhìn tranh như thấy cô nhỏ đêm nào bên giếng. Chết người thật. Hình trang giữa của sách báo Mỹ bán ngoài chợ trời không bằng.

Thời gian sau tôi hay ngồi ở bót gác đầu ngõ xóm của Nhân Dân Tự Vệ để nhìn Nguyệt. Con nhỏ cứ đạp xe mini lên xuống khúc Nguyễn Du, ghé chợ đường Đống Đa để mua đồ. Tôi ngồi nhìn để mà nhìn vì nhát. Giờ cho làm lại tôi vẫn thỏ đế như thường. Vậy đó mà nhớ. Về nhà tôi buồn vụ vơ rồi làm được bài thơ. Sau thời di tản, được đoàn tụ với gia đình, nghe đứa em nghêu ngao "thơ tui" những khi xỉn tôi biết mình chỉ thua thằng Đoàn Dự về vụ mê gái vài ba bậc là cùng! "*Mai ta đi cũng chỉ ta tiễn ta. Còn nhớ gì không nguyệt đêm tóc thả...*" Tôi ghi lên tường phòng ở nhà như vậy. Nào ngờ nó vận vào người. Có lúc dạy đám em tập viết, tôi lại dùng tên người quen mà tôi đang theo. Bạn bè thân ghé ngang nhà, thấy tụi em được tôi ra bài như vậy hiểu liền. Có thằng sau này thành nhà thơ nổi tiếng trên các tạp chí văn học hải ngoại, đã chọc quê. Thật ra nó chỉ nói với bạn bè thân chơi chung với nhau. Tôi biết được đâm ra "quê độ" từ dạo đó. Nhưng thương nhau, một chiều, chiều rưỡi, hay được hai chiều thì đâu phải tội. Tôi vờ như không biết cho nhẹ người.

Phạm Cái Bang ra trường ở Nha Trang, được pháo binh bốc. Nó lại khăn gói về Dục Mỹ trình diện để học chuyên môn với thằng con thầy giám học trường nữ. Cũng bạn bè nhau cả. Cuối cùng số thằng nhỏ bớt lận đận. Nó dính ngay tiểu đoàn Pháo Binh 105 Cơ Động, hậu cứ nằm Đà Nẵng. Kỳ này nó ngon a. Pháo binh đạn to súng dài. Lại gặp pháo 175 ly cơ động thì còn thua thằng nào. Nhưng nó thua những thằng có điều kiện không đi lính. Nguyện đã biết ngồi sau honda để đứa khác đưa em xuống phố. Lúc đầu con nhỏ không dám để người ta đưa đón ngay đầu xóm. Nguyện đi bộ xuống tới ngã tư đường Gia Long-Lê Lợi, nhìn tới nhìn lui mới lên xe để người ta chở. Cô nhỏ theo tình đi đâu ai biết. Chỉ có bức tranh Phạm Cái Bang vẽ Nguyện tắm đêm ngày nào, lúc bạn tôi còn đi học, theo giòng đời chạy về nhà chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn. Ông này đối xử với nó tốt quá, lại thích tranh nhìn vào "có ấn tượng mạnh" thì Phạm Cái Bang tặng vậy. Nó thấy Nguyện ngồi sau honda với người nào đó một lần, về nhà ốm cả tháng. Sau lần tình vật thê thảm người cũng chẳng là ân nợ nói gì bức tranh câm nín.

Ngày tôi theo đơn vị rời Đà Nẵng, bạn bè kẹt lại cả. Phạm Cái Bang trở về xóm. Nguyện nghe nói theo tàu di tản về Sài Gòn. Nguyệt của thuở trước tôi vẫn nhìn từ mái nhà những tối mùa hè leo lên đó ngủ cũng bỏ thành phố chạy loạn. Ty Cảnh Sát đã trở thành chỗ ở của Công An bên đó. Những cán bộ vào từ miền Bắc mua lại nhà trong xóm. Giá cả sao không ai rõ vì ai cũng nơm nớp lo sợ.

Có căn nhà lầu của một người trong xóm, được một tên làm công an miền Bắc mua lại. Căn này trước đó đẹp lắm. Sau khi đổi chủ, tên công an cho xây tường thật cao, phía trên còn giăng thép gai như pháo đài. Chắc nó lấy kiểu từ ngoài Bắc.

Từ đó người trong xóm tôi như gần lại với nhau hơn. Đám nhóc nhóc đánh lộn thuở trước, đám du đãng phá xóm phá làng, tự nhiên trở thành một. Cái gai là đồn công an với những tên đội nón có ngôi sao. Gần nhất là tên mua căn nhà của người trong xóm.

Buổi làm vệ sinh đường hẻm, đám nhóc chôn rác, đào hố ngay trước ngõ nhà tên công an. Nó về nghe người nhà nói lại, ra chửi dân trong xóm là thiếu thông minh! Từ đó người trong xóm gọi thằng công an là "thiếu thông minh" không cần biết tên thật nó là Nguyễn Văn Trỗi, Hoàng Văn Thụ, hay Đồng Khởi như tụi Xã hội Chủ Nghĩa vẫn tru tréo mỗi ngày trên loa phóng thanh. Biết làm cái con mẹ gì! Thời gian đầu, tranh cãi nhau nhiều lúc nó xách súng ra hăm dọa. Những du đãng trước 75 của xóm cũng đâu có hiền. Con bác tổ trưởng Nhân Dân Tự Vệ, thằng Chín "đá" cũng mang súng ra. "Đ.m. bắn thì bắn. Thằng nào lỗ biết liền!" Tên "thiếu thông minh" mới hưởng được mùi phú quí đâu dám chơi với những kẻ liều.

Thằng họa sĩ lớp tôi sau này vừa vẽ vừa bán chợ trời. Chỉ huy hậu cứ nó đi học tập. Tài sản trong nhà, có bức tranh ông thích, lần lần chạy ra đường Khải Định ở chợ Cồn. Khu chợ trời nổi tiếng của thành phố. Tôi biết Phạm Cái Bang khóc khi nhìn bức tranh nó vẽ Nguyện nằm lăn lóc giữa chỗ bày hàng. Tảng màu vẽ áo cô nhỏ như bị bóc ra!

An Phú Vang

* Thơ Nguyễn Đức Sơn

TẠ ƠN ĐỜI NGÀN ĐIỆU RU ĐƠN

CỔ NGƯ

J'ai cueilli un brin de bruyère,
L'automne est morte, souvient-en,
Nous ne nous verrons plus sur terre
Odeur du temps brin de bruyère,
Et souviens-toi, que je t'attends.
Guillaume Apollinaire

Tháng mười một. Paris đẫm trong thu. Xác lá ngô đồng sũng ướt la liệt mặt đường. Trời đục, nặng, hơi thở đã vương vất khói buổi đầu ngày. Một muà thu như thế, mấy mươi năm trước, bao nhiêu người sống giữa cái oi bức bụi bặm của Sài Gòn, của các thành phố, tỉnh lỵ đồng bằng miền Nam Việt Nam đã từng mơ ước. Một chút hương xa, thoát thai từ hồn thơ Paul Verlaine, Guillaume Apollinaire, Cung Trầm Tưởng, nhập thân vào những dòng nhạc Phạm Duy, vỗ cánh bay lên. Cứ tưởng những hình ảnh, âm thanh viễn mơ đó rồi có lúc sẽ dần theo thời gian chìm xuống, lắng vào một góc nào đó của ký ức, để phai, và quên... Nhưng, với gần một ngàn khán thính giả đến dự chương trình «Phạm Duy, 60 năm, dòng Nhạc - dòng Đời» đêm 09.11.2002 tại Paris, lời thơ điệu nhạc như mở bừng mắt phục sinh, tươi mởn và tẩm đậm hương sắc nồng nàn của không gian thu tây phương. Mùa thu đã không chết trong khúc hát bi thương của người tình phụ, mùa thu chỉ thê thiết trên dây vĩ cầm, khắc khoải với tiếng kèn đồng, dần vàng ươm theo dòng tóc tơ nhỏ sợi, để rồi đỏ rựng lên cùng màu rượu chát nồng nàn. Mùa thu, từ đó, cuốn hồn người vào con trốt xoáy cuả dòng hồi tưởng.

Với gần bốn mươi ca khúc, nhạc sĩ Phạm Duy và các con của ông đã mời mọi người cùng viếng thăm lại từng chặng đường của sáu mươi năm sáng tác âm nhạc. Mở đầu và kết thúc bằng hai bài đồng ca «Đường về quê» và «Giọt mưa trên lá - Mẹ Việt Nam ơi,» những nhạc phẩm còn lại được các giọng hát thành danh Julie, Ái Vân, Thái Hiền, Thái Thảo, Tuấn Ngọc, Duy Quang trình bày đơn ca hoặc song ca. Có rất nhiều ca khúc phổ thơ, từ « Tiếng sáo Thiên Thai » phổ thơ Thế Lữ (1951), với tiếng hát Thái Hiền - Thái Thảo, gợi nhớ trong lòng những khán giả lớn tuổi hình ảnh hai chị em Thái Hằng - Thái Thanh nửa thế kỷ về trước, đến nhạc phẩm «Tình Cầm» phổ thơ Hoàng Cầm (1984) qua phần song ca của Tuấn Ngọc và Duy Quang. Gần hết những ca khúc phổ thơ thành công nhất của nhạc sĩ Phạm Duy, theo sự nhận xét và phân tích của nhạc sĩ Phạm Quang Tuấn trong bài viết « Nghệ thuật phổ thơ vào nhạc » (báo VĂN, số đôi 66 & 67), đều lần lượt được trình bày : «Tiếng sáo Thiên Thai,» «Nụ tầm xuân,» «Thu ca điệu ru đơn,» «Ngậm ngùi,» «Kỷ vật cho em.» Bên cạnh những ca khúc phổ thơ, các bài hát từng vang vọng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp: «Đường về quê,» «Về miền Trung» được giới thiệu xen kẽ với những tình khúc đã được nhiều thế hệ tình nhân ấp ủ : «Đêm Xuân,» «Đừng xa nhau,» «Phượng yêu,» «Nha Trang ngày về,» «Trả lại em yêu» ... Ngoài ra, nhạc sĩ Phạm Duy còn mời người mộ điệu thưởng thức các ca khúc trích từ trường ca «Con đường Cái Quan» («Đi đâu cho thiếp theo cùng»), trường ca «Mẹ Việt Nam » («Mẹ Việt Nam ơi»), Tâm Ca («Tôi ước mơ,» theo thơ Nhất Hạnh và «Giọt mưa trên lá,» Tâm Phẫn Ca - Thương Ca Chiến Trường («Tưởng như còn người yêu,» thơ Lê Thị Ý và «Áo anh sứt chỉ đường tà,» thơ Hữu Loan), Đạo Ca («Quán Thế Âm,» thơ Phạm Thiên Thư). Mảng ca khúc có «khí hậu» Paris và Âu Châu, phù hợp với cái lạnh một đêm trọng thu tháng 11, được tán thưởng nồng nhiệt : «Muà thu Paris» và «Tiễn em» (thơ Cung Trầm Tưởng), «Thu ca điệu ru đơn» (theo thơ Paul Verlaine), «Muà thu chết» (theo thơ Guillaume Apollinaire), «Huyền thoại trên một vùng biển» (thơ Thái Phương Thư)...

Từ hàng ghế khán giả, có người chép miệng: «Tưởng như mới hôm qua... » khi nghe Julie hát «Muà thu chết» và Duy Quang trình bày «Cô Bắc kỳ nho nhỏ,» «Thà như giọt mưa. » Cái «tưởng như mới hôm qua» ấy thật sự đã có một khoảng cách thời gian ba mươi năm và một khoảng cách không gian vài trăm ngàn cây số đường chim bay. Vẫn là hồi tưởng, về chốn quê nhà của một quá khứ xa hơn nữa, thời đất nước

phân đôi, người người *lìa nhau vì lý tưởng*. Những hình ảnh cũ, cảm xúc xưa được khơi gợi lại qua tiếng hát Ái Vân trong «Tình hoài hương» và Tuấn Ngọc với «Tâm sự gửi về đâu» (thơ Lê Minh Ngọc). Vẫn là hồi tưởng, khi Thái Thảo chọn hát «Đêm Xuân,» «bài hát của bố viết tặng mẹ,» khi Thái Hiền cất lên câu hỏi từng làm ray rứt cả một thế hệ những người tuổi trẻ: «Biết bao giờ tôi mới được nói những điều tôi ước mơ?» Cũng vẫn là hồi tưởng, khi những nốt nhạc quấn quýt mê đắm của «Cỏ Hồng » vừa dứt, nhạc sĩ Phạm Duy, đứng giữa Tuấn Ngọc, Thái Thảo, ánh spotlight chói lòa và những tràng pháo tay vang dội, run run kể về lần trở lại đồi Hồng - Đà Lạt cách đây vài tháng, cảnh cũ vẫn đấy, nhưng em ngoan như tình nồng, em bao la mịt mùng, em thơm như cỏ hồng... của ngày nào, nay không còn nữa!

Hơn ba tiếng đồng hồ, gần bốn mươi ca khúc, người trình diễn và người thưởng thức vẫn chưa muốn rời nhau. Thêm vài bài hát được yêu cầu, thêm nhiều tràng pháo tay tán thưởng và tri ân người nhạc sĩ, tóc trắng phau, vẫn tráng kiện tươi cười đứng trên sân khấu, giữa các con, dâu, rể, người nhạc sĩ suốt một đời ôm đàn mơ làm con dế hát rong... Chương trình «Phạm Duy, 60 năm, dòng Nhạc - dòng Đời » được khán thính giả Paris đánh giá cao về mặt nghệ thuật. Bà Nguyễn Xuân Thư, chủ tịch hội «Những người bạn của Việt Nam và Á Châu, » hội bảo trợ cho chương trình, cho biết, nhạc sĩ Phạm Duy đã có toàn quyền quyết định trong việc chọn lựa và đứng ra giới thiệu các nhạc phẩm của mình. Với lời dẫn giải dí dỏm của người MC lớn tuổi nhất trong làng âm nhạc Việt Nam (và thế giới?), với phần trình diễn xuất thần của các ca sĩ tài danh, của ban nhạc The Fanatics, cùng phần soạn hoà âm, phối khí độc đáo của Duy Cường, tất cả các nhạc phẩm trình bày, dù phổ thông hay ít được biết đến, đều được khen ngợi nồng nhiệt. Phải chăng, với người nhạc sĩ đã viết ca khúc «Tạ ơn Đời, » cuộc đời và người thưởng thức đã đến lúc biết trân trọng đáp lại, với lòng ngưỡng mộ? Chỉ trong vòng sáu tháng của năm 2002, hai chương trình «Phạm Duy, một đời nhìn lại» và «Phạm Duy, 60 năm, dòng Nhạc - dòng Đời» đã được tổ chức với tính chất quy mô tại Little Saigon và Paris. Sau đó, có thể sẽ thêm nhiều chương trình tương tự như vậy, ở khắp nơi trên thế giới. Còn Việt Nam, nơi ông đã sáng tác những dòng nhạc bất tử : «Tôi yêu đất nước tôi, nằm phơi phới bên bờ biển Đông... »? Biết đến bao giờ? Có phải đó là ước mơ cuối cùng của người nhạc sĩ đã trên tám mươi tuổi đời, hơn sáu mươi tuổi nghề, mong một ngày được ôm đàn hát lại những ca khúc cũ của mình ngay trên quê hương yêu dấu?

Năm 2002, người Việt tại Paris đã «xuân thu nhị kỳ» được thưởng thức âm nhạc Phạm Duy. Trước và sau đêm «Phạm Duy, 60 năm, dòng Nhạc - dòng Đời,» sáng tác mới nhất cuả ông: «Minh hoạ Kiều» cũng được giới thiệu tại Thư viện Diên Hồng vào đầu tháng tư và tại đại học Jussieu vào giữa tháng 11. Như vậy, từ «Đường về quê» viết năm 1947 đến «Minh hoạ Kiều, phần 2 » ra mắt năm 2002, thính giả đã có dịp đi dọc theo hành trình sáu mươi năm âm nhạc Phạm Duy, từ âm thanh đơn điệu của cây đàn guitare thời kháng chiến đến âm thanh đa điệu đa tầng của dàn nhạc điện tử kỷ nguyên computer, với phần trợ lực của con trai thứ Duy Cường. Cũng trong chuyến đi giữa muà thu này, đạo diễn Đinh Anh Dũng, người đã thực hiện các bộ phim «Đoàn Chuẩn-Từ Linh, gởi gió cho mây ngàn bay, » « Văn Cao, giấc mơ một đời người, » «Văn Cao, buổi sáng có trong sự thật,» «Trịnh Công Sơn, xin trả nợ người»... (Hãng phim Trẻ, Việt Nam) và góp phần trong «Du Tử Lê, giữ đời cho nhau» (Trung tâm Diễm Xưa, Hoa Kỳ) đã có dịp ghi lại những hình ảnh của nhạc sĩ Phạm Duy qua nhiều lần gặp gỡ với bạn bè, người thân và khán giả tại Paris. Đó sẽ là nguồn tài liệu quý giá cho những bộ phim mà anh hằng ấp ủ từ lâu và hy vọng thực hiện được trong một tương lai không xa lắm. Chúng ta tin rằng những bộ phim này sẽ sớm ra mắt khán giả và sẽ có tầm vóc xứng đáng với sự nghiệp âm nhạc của người nghệ sĩ đã viết nên ngàn lời ca.

Nắng chiều vẫn rực rỡ. Người tình già Phạm Duy vẫn tiếp tục cuộc hành trình liên lục địa, gieo rắc đó đây những âm thanh của một thời, của một đời, mời gọi mọi người yêu nhau, nhưng tự đáy lòng, vẫn không quên cất tiếng kêu tha thiết :

Mẹ Việt Nam ơi! Mẹ Việt Nam ơi!
Chúng con đã về khát khao hơi Mẹ
Chúng con xin thề giữ thơm quê Mẹ
Cuộc đời rồi phai tàn sau thế giới
Chỉ còn tình yêu cuả Mẹ mà thôi
Ôi! Mẹ Việt Nam!

Paris, trọng thu 2002

GIỚI-THIỆU "LƯỢC KHẢO VẤN ĐỀ CHỮ NÔM" CỦA CỤ TRẦN VĂN GIÁP

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Mới đây, báo Ngày Nay ở Minnesota có in ra cuốn *Lược khảo vấn đề chữ Nôm* do cụ Trần Văn Giáp (1902-1973), một nhà nghiên cứu Hán-Nôm thuộc vào hạng xuất sắc ở nước ta, biên soạn. Từ năm 14 tuổi (1916), cậu bé Trần Văn Giáp đã đi dự kỳ thi hương ở trường Nam (tức Nam-định). Năm 18 tuổi đã vào làm việc ở Viễn Đông Bác Cổ (tức viện nghiên cứu nổi tiếng về Á-đông-học ở nước ta lúc bấy giờ, Ecole franĉaise d'Extrême-Orient). Năm 1927 sang Pháp theo học tại Ecole pratique des Hautes études, theo viện Cao-học Hán-học. Hai luận-án ông soạn trong thời-gian ở Pháp là "Các thư-tịch-chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú" ("Les chapitres bibliographiques de Le QuyDon et Phan Huy Chu," có in trong BSEI ở Sài-gòn năm 1938) và "Phật-giáo Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIII" ("Le Bouddhisme en Annam des origines au XIIIè siècle," sau in trong BEFEO, tập 32, Hà-nội: 1932). Về nước năm 1932, cụ trở lại làm việc tại Viện Viễn Đông Bác Cổ, và từ đó cụ không ngừng đóng góp vào học-thuật Việt Nam với nhiều tác-phẩm vĩ đại trong đó ta có thể kể hai bộ *Lược truyện các tác gia Việt Nam* (Hà-nội, 1962-1972) ["tác gia" không có dấu hỏi, không phải "tác giả"] và *Tìm hiểu kho sách Hán-Nôm* (Hà-nội, 1984-1990) mà không hiểu vì lý-do nào, bộ sau đã không được ghi trong phần "Thư mục Trần Văn Giáp" (trang XI-XII) ở đầu sách *Lược khảo vấn đề chữ Nôm.*

Cũng như nhiều gia-đình Việt Nam, cụ Trần Văn Giáp đã đi theo Việt Minh và ở lại miền Bắc trong khi các con cụ lại tìm đường vào Nam. Năm 1975, khi CS xâm-chiếm miền Nam, mấy người con bị kẹt lại Sài-gòn vẫn không có cơ-hội gặp lại cụ vì tiếc thay, cụ đã ra đi từ cuối năm 1973. Việc in sách của cụ ở hải-ngoại lần này là một việc làm báo hiếu của mấy người con, chủ-yếu là của G.S. Trần Văn Đĩnh (dấu ngã chứ không phải dấu hỏi) hiện ở Minnesota, khi cách đây ít năm ông có về Hà-nội để lấy được bản thảo mang sang Mỹ.

Việc in sách ở hải-ngoại mà lại còn chua thêm chữ Hán, chữ Nôm là một việc làm rất nhiêu khê và chúng ta, những người đọc (hay ít nhất cũng có cá-nhân tôi), rất biết ơn G.S. Lê Văn Đặng ở Seattle, Washington, khi ông đã thể theo lời yêu-cầu của G.S. Nguyễn Đình Hòa (trước khi ông Hòa ra đi cách đây gần hai năm) nhận lời "thực-hiện văn-bản" cho cuốn sách. Kết-quả là một cuốn sách không những giá rất phải chăng (có 12 Mỹ-kim một cuốn) mà chữ Hán, chữ Nôm trong sách in rất rõ ràng không mờ hay mất nét như trong một số sách in có chua loại chữ này ở trong nước.

Nội-dung sách

Đi vào nội-dung, ta sẽ thấy cuốn sách chủ-yếu được chia thành hai phần, một phần nói về chữ Nôm và một phần trích văn thơ Nôm. Phần I gồm bốn chương cả thảy:

Chương mở đầu "giới thiệu" chung về cuốn sách

Chương 1 nói về "Nguồn gốc chữ Nôm"

Chương 2 đi vào "Cách cấu tạo của chữ Nôm"

Chương 3 mở rộng đề-tài ra thành "Chữ Nôm và văn học Việt Nam."

Phần II thì gồm ba chương (4 tới 6) được chia thành tất cả là 10 phụ-lục, với mỗi phụ-lục gồm một số bài văn thơ Nôm, có thể coi như là bài đọc. Có bài thì kèm theo chữ Hán hay chữ Nôm, song phần lớn không có bản chữ Hán hay chữ Nôm đi kèm. Có thể dụng-ý của tác-giả (cụ Trần Văn Giáp) là sẽ cung-cấp đầy đủ các bản văn Hán-Nôm này nhưng rồi cụ mất sớm nên ý-định này đã không thực-hiện được.

Một số nhận-định đã hơi cũ

Thật vậy, Chương 1 là lấy lại từ một bài báo cụ hoàn-tất từ 25 tháng 2 năm 1969, cách đây đã 33 năm, và có in trong *Nghiên cứu lịch sử* số 127 (tháng 10-1969), trang 7 đến 25. Ngay từ thuở ấy, một vài nhận xét của cụ, tỷ-dụ như ba chữ "Minh giám bản" trên đầu sách *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* mà cụ hiểu là "Ván khắc in [theo bản] đã được xét từ đời Minh," đã có người không đồng-ý (xem bài của Hoàng Thúc Trâm trong *Nghiên cứu lịch sử* số 140, tháng 9-10, 1971). Tuy-nhiên, trong sách mới in thì bài viết có được khai triển hơn và đặc-biệt là có chua chữ Hán, chữ Nôm đi ngay theo mỗi chữ hay câu cần được viết sang loại chữ này để minh-họa hay làm rõ điều đang được nói đến. (Trong bài báo in ra năm 1969 thì những chữ chua này được in thành một

bảng ở cuối bài, trang 25, và có chỗ cũng không rõ lắm.)

Chương 2, Chương 3 hoàn-tất vào ngày 7 tháng 11 năm 1970 thì hình như chưa được công-bố ở bất cứ đâu, cho đến khi có cuốn sách này ra đời. Do vậy nên đối với một người đọc như tôi thì đây là phần mới mẻ do quyển sách mang lại. Chương 2, "Cách cấu tạo của chữ Nôm," có lẽ cũng không đi xa hơn sách *Việt Nam văn-học sử-yếu* của Dương Quảng Hàm bao xa dù như sách của cụ Dương đã ra từ năm 1942, gần 30 năm trước đó nữa và cách chúng ta là đúng 60 năm. Tuy-nhiên, phần kết-luận của Chương 2 này đáng chú ý vì nó tóm lược quan-niệm của cụ Trần Văn Giáp về chữ Nôm: "Chính vì những lý do phức tạp, không có qui củ nhất định trong việc cấu tạo chữ như nói trên, thành ra chữ Nôm, tuy người nào cũng thấy tiện, đã sử dụng trong một thời gian khá lâu mà vẫn không phổ biến và phát triển mạnh... Phần sơ bộ nghiên cứu về sự cấu tạo của chữ Nôm trên đây, cũng lại có thể chứng minh thêm cho nguồn gốc chữ Nôm có từ lâu. Nó đã nói lên sự hình thành của chữ Nôm manh nha từ thời Hán, hồi mấy thế kỷ đầu [của công-nguyên], tới nay cũng đã có đến trên dưới hai ngàn năm."

Như vậy, thuyết của cụ Trần Văn Giáp, nhắc lại ý-kiến của Văn-đa cư-sĩ Nguyễn Văn San ghi trong sách *Đại Nam quốc-ngữ* (làm ra khoảng năm 1880), cho rằng chữ Nôm có từ thời Sĩ Nhiếp (187-226 sau công-nguyên, trang 16 trong sách ghi "487-326" là sai) thành ra là cái thuyết đòi về cho chữ Nôm một nguồn gốc xa xôi nhất, "đã có đến trên dưới hai ngàn năm." Theo tác-giả Nguyễn Văn San, khi Sĩ-vương (tức Sĩ Nhiếp đời Hậu-Hán) phải dịch chữ "thư cưu" trong bài "Quan thư" tức bài đầu tiên trong *Thi-kinh* Trung-hoa hay dịch chữ "dương-đào" (quả khế) sang tiếng Việt để dạy chữ Hán cho người Việt thời bấy giờ, ông chẳng biết mấy thứ đó tiếng Việt gọi là gì. Có lẽ vì thế mà ông phải nghĩ ra cách ghi lại tiếng Việt, tỷ-dụ "khế," bằng một chữ Hán với âm tương-tự. Thế là nguồn gốc của chữ Nôm.

Tuy-nhiên, chính cụ Trần Văn Giáp cũng phải công-nhận là khảo-cổ-học đã không tìm ra được bao nhiêu di-vật từ thời Sĩ Nhiếp (cuối thế-kỷ II và đầu thế-kỷ III) đến khoảng 1000 năm sau đó làm chứng cho giả-thiết là chữ Nôm đã có từ thời xa xôi kia. Thật ra là không tìm được ra gì cả! Cụ viết nơi trang 58: "Qua các sách vở giấy tờ khác về Việt Nam và của Việt Nam xưa kia, qua các cuộc khai quật khảo cổ gần đây, có tìm thấy nhiều mộ cổ đời Hán, mộ cổ đời Đường, v.v... nhưng trong đám di vật ấy cũng chưa thấy có dấu tích gì về chữ Nôm."

Do vậy nên có lẽ chúng ta cũng không nên hồ hởi quá về thuyết chữ Nôm đã có "trên dưới hai ngàn năm nay."

Mấy hướng mới về nghiên cứu chữ Nôm

I. Tìm về văn-bản cũ

Vì cụ muốn tin như vậy nên cụ Trần Văn Giáp đã phải cố gắn tác-phẩm *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* (mà cụ đồng-ý là bản in ta hiện còn là một bản in sau này của thế-kỷ XVIII) vào với một hai tác-phẩm mà người ta ngờ là có thể có được từ thời Sĩ Nhiếp hay ít nhất cũng "có lẽ từ đời Hán còn truyền lại" như *Chỉ nam phẩm vựng* và sách *Chỉ nam song tự*. Song đây cũng chỉ là ức-đoán mà thôi, khi cụ cho rằng cuốn trên là "dựa theo các sách cũ" như hai quyển sau này "mà làm lại và ghi thêm nhiều chữ khác" (NCLS 127, trang 19), và ta không còn hai quyển sau này để mà biết nội-dung nó ra sao và sự ức-đoán của cụ có bao nhiêu phần là sự thật.

Theo cuốn sách mới in ra của cụ thì cụ Trần Văn Giáp cho rằng có những tác-phẩm sau đây để giúp ta dựng lại một cách chắc chắn lối viết Nôm cổ của ta qua các thời-đại (xem các trang 22-33):

1/ Cuốn *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* của sư Pháp Tính (mà có chỗ, trang 32, cụ ghi là "trước thế kỷ thứ XVII" song có nơi, trang 22, cụ lại nói là "một bộ tự điển Hán Việt làm ở Việt Nam từ trước thế kỷ XV"). Dầu sao, dưới con mắt cụ, đây cũng là bộ tự-điển cổ nhất của tiếng Việt, theo cụ là có trước cả từ-điển Alexandre de Rhodes in ra ở Roma năm 1651.

2/ Cuốn *Tự học toản yếu* (hay còn gọi là *Tam thiên tự giải âm*, tức "Ba nghìn chữ [Hán] giải sang quốc-âm [tức Nôm]") của Ngô Thời Nhiệm (1746-1803), nghĩa là gần như chắc chắn làm ra trong thế-kỷ XVIII.

3/ Cuốn *Chỉ nam bị loại* mà theo cụ là "có người giọn [= dọn] lại [từ] bộ *Chỉ nam ngọc âm* cũ, và giải nghĩa gọn gàng thành bộ *Chỉ nam bị loại*. Bộ này chưa được đem in, chỉ truyền lại bằng bản sao chép. Còn tác giả, chắc cũng là một vị sư, vì thấy chú ý đến danh từ Phật giáo, nhất là Phật giáo Việt Nam, như An nam tứ khí v.v." (trang 23). Về thời-điểm sách này được soạn ra, cụ phân vân giữa thế-kỷ XVIII (trang 33) và "khoảng mười năm đầu thế kỷ XIX" (trang 23).

4/ Cuốn *Nhật dụng thường đàm* của Phạm Đình Hổ (1768-1839) làm ra "khoảng cuối đời Minh Mạng" (trị vì 1820-1840), song lại có sách ghi là năm 1827 (xem *Tìm hiểu kho sách Hán-Nôm*, Tập II, trang 18).

5/ Cuốn *Thiên tự văn* tác-giả vô danh ("thế kỷ

XIX").

6/ Cuốn *Thiền gia phạn số* của Phước-điền hòa-thượng, tên An Thiền, soạn vào năm 1845 (Ất-tỵ, Thiệu Trị thứ 5).

7/ Cuốn *Đại Nam quốc ngữ* của Hải-châu-tử [Nguyễn Văn San] sống dưới đời Tự Đức (trị vì 1848-1883).

8/ Cuốn *Nam phương danh vật bị khảo* của Đặng Xuân Bảng (sinh 1828-sau 1901).

9/ Cuốn *Tự học giải nghĩa ca* của vua Tự Đức.

Theo cụ, nếu ta nghiên cứu được đầy đủ chín bộ sách trên đây, ta sẽ có được bộ dạng đích-xác của chữ Nôm Việt Nam ít nhất qua ba thế-kỷ, từ thế-kỷ XVII đến thế-kỷ XIX, nếu không muốn nói là sớm hơn (vì theo cụ cuốn *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* có thể phản ánh chữ Nôm "từ trước thế kỷ XV" nữa).

Song thực-sự, bằng-chứng về chữ Nôm ta còn có từ trước đó nữa. Chính theo cụ Trần Văn Giáp, ta đã có những mốc về chữ Nôm như sau:

Thế-kỷ VIII - Phùng Hưng dấy lên làm vua vào năm 791, được nhân-dân tặng cho danh-hiệu "Bố Cái Đại Vương." "Bố Cái" không phải là tiếng Hán mà là tiếng Nôm. (Về ý nghĩa của hai chữ "Bố Cái" thì một thuyết đã theo sách *Quang mục* mà cho rằng "Bố" là Cha, "Cái" là Mẹ, song sau này cũng có người cho rằng "Bố Cái" nghĩa là "Vua Lớn" tương-đương với chữ "Đại-vương.")

Thế-kỷ X - Đinh Tiên-hoàng đặt tên nước là Đại Cồ Việt vào năm 968, tên chính-thức của nước ta đến năm 1054. "Cồ" tiếng Nôm có nghĩa là Lớn (so sánh "gà cồ") và như vậy, cách nói "Đại Cồ" thành hơi giống cách nói "Bố Cái Đại Vương." Trong một luận-văn, nhà học-giả uyên bác Nguyễn Khắc Kham đưa ra giả-thiết cho rằng chữ "Cồ" ở đây có thể có đồng-nghĩa với chữ "Cồ Đàm" (Gotama Buddha), và như vậy "Đại Cồ Việt" có nghĩa là "nước Đại Việt Phật-giáo." ("Đại Cồ Việt Revisited," *Vietnam Culture* IV(4), New York, Winter 1985, trang 162-170; "Đại Cồ Việt (A Revised Version)," *The Journal – Institute of Asian Studies* 10, March 1989, Soka University, Tokyo, trang 17-47; bài sau này có in lại trong *Đại Học*, Mission Viejo, CA, Tháng 7-1991, trang 125-153)

Thế-kỷ XI - Ông Trần Huy Bá, trong báo *Tổ Quốc* số 3 năm1963, có giới-thiệu một cái chuông đồng của chùa Vân-bản ở Đồ-sơn, mới được vớt lên từ dưới biển vào năm 1958, mà niên-đại đúc có thể là vào năm 1076 đời Lý Nhân-tông (trị vì 1072-1127) trên đó có khắc hai chữ "Ông Hà" là tên người và là tên chữ Nôm, chứ không phải chữ Hán. (Theo ông Bá thì có tới ba chữ Nôm là "xứ Ông Hà" nhưng cụ Đào Duy Anh kiểm lại thì chỉ thấy có hai chữ "Ông Hà" mà thôi. Ông Nguyễn Đình Chiến trong *Khảo cổ học* số 1-1980 thì lại cho chuông chùa Vân-bản đúc vào khoảng 1288-1304.)

Thế-kỷ XII - Bia mộ Lê Phụng Thánh, dựng năm 1173 (niên-hiệu Chính-long Bảo-ứng 11) ở chùa Hương-nộn, Phú-thọ (ngày nay là Vĩnh-phú), có sáu chữ Nôm: "đầu đình, cửa ngõ, bến sông." (Trần Xuân Ngọc Lan và Cung Văn Lược trong *Ngôn ngữ* 29, tháng 9-1976)

Thế-kỷ XIII - Bia chùa Tháp-miếu, huyện Yên-lãng, tỉnh Vĩnh-phú, đề đầu năm 1210 đời Lý Cao-tông (trị vì 1176-1210), theo cụ Đào Duy Anh, "là chứng tích xưa có nhiều chữ Nôm hơn nữa," khoảng 13 chữ chắc chắn là Nôm (như "bơi, đồng, đường, dậu, chài, nhe, chạy, phướn, thằng, phao v.v.") chưa kể những chữ là Hán nhưng dùng theo ngữ-pháp Việt. (*Chữ Nôm: Nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, Hà-nội, 1975, trang 14-18)

Sau đó, cụ Đào đưa ra một số tác-phẩm Nôm từ đời Trần (1225-1400), nghĩa là chắc chắn có trước sách *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* là cuốn sách đầu tiên mà cụ Trần Văn Giáp nhắc đến ở trên:

- Hai bài của Trần Nhân-tông (trị vì 1279-1293), gồm một bài phú ("Cư trần lạc đạo phú") và một bài ca "Đắc thú lâm tuyền thành đạo."

- Một bài phú "Vịnh Hoa-yên-tự" của Trúc Lâm đệ tam tổ Huyền Quang (1254-1334). (Nhân nói đến nhà thơ và thiền-sư Huyền Quang, tưởng cũng nên nhắc là nàng Điểm Bích có bài thơ Nôm ghẹo ông còn lại đến ngày nay. Xem TV Giáp 2002, trang 63.)

- Một bài phú trạng-nguyên Mạc Đĩnh Chi (1280-1350) chết vào âm-phủ bảy ngày, thấy Địa-ngục rồi sống lại, làm để dạy con. (Bốn bài trên đây được chép trong sách cũ *Thiền-tông bổn-hạnh*.)

Từ năm 1941, cụ Hoàng Xuân Hãn đã công-bố trong *Khai trí tiến đức tập san* số 2 và 3 mấy bài thơ Nôm đời Hậu-Trần được gom trong *Nghĩa-sĩ-truyện*: một bài của vua Trùng Quang (1409-1413) tặng Nguyễn Biểu khi lĩnh mạng đi sứ, bài họa lại và sau đó là bài thơ bữa tiệc "Đầu người" của Nguyễn Biểu khi bị giặc làm áp-lực, bài tế Nguyễn Biểu của vua Trùng Quang và bài tụng chí-khí của Nguyễn Biểu do sư chùa Yên-quốc làm ra.

Cũng khoảng Hậu-Trần Lê-sơ, ta còn có một tác-phẩm rất quý-giá do G.S. Tạ Trọng Hiệp ở Pháp tìm ra, sau có tặng Viện Hán-Nôm ở Hà-nội một phiên-bản, đó là cuốn nhan-đề *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* (Xem bài của Nguyễn Ngọc San trong *Ngôn ngữ* số 3 năm 1982,

trang 34-41. G.S. Lê Hữu Mục ở Canada cũng đã đọc kinh này, cho rằng Nguyễn Trãi có thể là tác-giả cuốn kinh mà ông dịch thành "Kinh Cả Blả Ơn Áng Ná Cực Nặng." Xem *Quê Mẹ*, Paris, từ số 134 trở đi)

Sang đến thời Lê-sơ thì hiển-nhiên, ta có *Quốc-âm thi-tập* của Nguyễn Trãi (1380-1442) gồm hơn 250 bài thơ Nôm. Cuối thế-kỷ, ta có thơ Nôm *Hồng-đức quốc-âm thi-tập* (thời Lê Thánh-tông, trị vì 1460-1497) và thế-kỷ sau ta có Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) với những lời sấm ký bằng chữ Nôm và *Bạch-vân-am quốc-âm thi-tập*. Sau Nguyễn Trãi và trước Nguyễn Bỉnh Khiêm, ta còn có Vũ Quỳnh hiệu-đính và Kiều Phú san-định sách *Lĩnh-nam chích-quái* của Trần Thế Pháp (không rõ thời nào), trong đó truyện "Hà Ô Lôi" cũng có mấy bài thơ Nôm.

Tóm lại, văn thơ Nôm trước thế-kỷ XVII mà còn truyền đến ngày nay—trong văn-bản đàng-hoàng—cũng không phải là hiếm. Ta chỉ cần khai thác khoảng gần 1000 những bài này, đa-số là thơ nhưng cũng có một cuốn kinh, dăm bài phú và một số văn bia, là ta có được một khái-niệm rất rõ ràng về chữ Nôm (và tiếng Nôm) cổ trước từ-điển Alexandre de Rhodes và *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*.

2. **Định tuổi chữ Nôm từ cách đọc Hán-Việt**

Chữ Nôm, để viết được đầy đủ tất cả lời nói của người Việt xưa, hiển-nhiên không thể chỉ gồm toàn những chữ thuần-Nôm (nghĩa là gốc không phải mượn từ chữ Hán). Trong tiếng nói hàng ngày thời Nguyễn Trãi, chẳng hạn, cũng như trong tiếng nói của chúng ta ngày hôm nay, thế nào cũng có pha trộn, không ít thì nhiều, chữ Hán mà đã được Việt-hóa, chữ mà sau này ta gọi là Hán-Việt. Vì cách viết, cách cấu tạo chữ Nôm, nhất là chữ Nôm ghép loại hình thanh (nghĩa là "một nửa chữ là hình, một nửa chữ là thanh" theo cách mô-tả của Đào Duy Anh, hoặc cũng có thể định nghĩa là mỗi chữ gồm hai thành-phần: một phần cho nghĩa—một cách tổng-quát—gọi là "nghĩa-phù" và một phần chỉ âm, gọi là "âm-phù"), dựa tất-yếu vào cách đọc của âm chữ Hán mà ta mượn nên khi suy được ra cách đọc Hán-Việt của chữ ta mượn thì ta cũng sẽ dễ dàng đoán ra được cách đọc Nôm.

Tỷ-dụ, chữ *năm* trong lịch thì tiếng Hán-Việt là *niên*. Số *năm* trong tiếng Hán-Việt là *ngũ*. Để cấu-tạo chữ Nôm cho hai chữ *năm* này trong tiếng Việt, các cụ xưa đã nghĩ ra cách "ghép" âm-phù *nam* vào với chữ *niên* để nói lên ý trên và ghép nó vào với chữ *ngũ* để nói đến số 5. Cách viết này có cái lợi là ta nhìn vào cách viết, biết liền là hai chữ *năm* khác nhau, chứ không có thể lẫn lộn chúng như trong trường-hợp chữ Quốc-ngữ.

Song tiếng Hán-Việt không phải là chỉ có độc một cách đọc qua các giai-đoạn lịch-sử. Theo một qui-luật về ngữ-âm-học lịch-sử (historical phonetics) thì chữ *nam* trong tiếng Hán-Việt ngày nay có lúc đã đọc là *nôm*. Chính vì vậy mà chữ *nôm* trong tiếng Nôm, chữ Nôm cũng viết với âm-phù /nam/, chữ *nồm* trong "gió nồm" cũng vậy: chữ *nôm* viết /nam/ với bên cạnh là bộ "khẩu" (=miệng nói), tương-đương với cái gọi là "nghĩa-phù"; chữ *nồm* viết /nam/ với bên trên là bộ "vũ" (=mưa, biểu-hiện cho hiện-tượng thời-tiết). Nếu ta biết qui-luật ngữ-âm-học lịch-sử nói trên, mà trong tiếng Anh gọi là "vowel shift" (= chuyển-hoán nguyên-âm), thì ta sẽ tính được ra ngay âm "ô" trong /nôm/ có trước âm "a" trong /nam/. Như vậy, mặc dù ta không biết được đích-xác khi nào thì âm /nôm/ đã chuyển thành /nam/ song ta vẫn có được một thời-biểu tương-đối (relative chronology) để biết là chữ *nôm* trong tiếng Nôm, chữ Nôm và chữ *nồm* trong "gió nồm" là có trước hai chữ *năm* trong tiếng Nôm: hai chữ trên đã dùng cách đọc /nôm/ để ghi làm âm-phù trong khi hai chữ *năm* thì đã dùng cách đọc /nam/ (đến sau) để ghi làm âm-phù diễn-tả âm na ná là âm /năm/.

Chính vì tin tưởng là nghiên cứu xong cách đọc Hán-Việt theo dòng lịch-sử, một chuyện mà các nghiên cứu rất đa dạng và tiến-bộ trong ngữ-âm-học lịch-sử Trung-hoa có thể giúp ta tạo dựng lại một cách khá chính-xác, mà một số nhà học-giả ở trong nước đã xoay ra nghiên cứu cách đọc Hán-Việt để định tuổi của một số chữ Nôm. Về phương-diện này, người có lẽ đóng góp được nhiều nhất là cố-học-giả Nguyễn Tài Cẩn, một nhà ngôn-ngữ-học huấn luyện ở Nga, với cuốn *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán-Việt* của ông do nhà xuất bản Khoa học xã hội in ra năm 1979. Quyển này là khai triển từ những bài của ông viết từ trước như "Cứ liệu ngữ âm lịch sử với vấn đề thời kỳ xuất hiện của chữ Nôm" (*Ngôn ngữ* 7, tháng 3-1971) và "Một cứ liệu mới về ngữ âm lịch sử: bản 'Cao thượng Ngọc hoàng bổn hạnh tập kinh âm thích.'" (*Ngôn ngữ* 11, tháng 3-1972). Đây là một khảo-hướng mang đầy hứa hẹn nên sau một thời-gian, ông Nguyễn Tài Cẩn đã dám khẳng-định trong sách viết chung với vợ, cũng là một nhà ngôn-ngữ-học lịch-sử người Nga, bà N.V. Xtankêvich là "nhìn chung, hệ thống ngữ âm của cách đọc Hán-Việt phản ánh hệ thống ngữ âm của tiếng Hán khoảng Đường-Tống," nghĩa là khoảng thế-kỷ X (*Một số vấn đề về chữ Nôm*, Hà-nội, 1985, trang 104). Điều này ủng-hộ cho quan-điểm của một số học-giả đi trước:

"Theo các nhà Hán ngữ học, lối đọc Hán-Việt của chúng ta ngày nay chính là một lối phát âm bắt nguồn từ cách đọc các chữ Hán trong khoảng Đường-Tống. H. Ma-xpê-rô, trong cuốn *Khảo sát về ngữ âm lịch sử tiếng Việt*, đã phát biểu: 'Chính xuất phát từ tiếng Hán thế kỷ thứ 9, thứ 10 mà sản sinh ra tiếng Hán-Việt.' Giáo sư Vương Lực [ở Trung-quốc], trong *Hán ngữ sử luận văn tập,* cũng khẳng định: 'Đời Đường, ở Việt Nam mở trường, bắt học chữ Hán, học được một cách rất có hệ thống... Tiếng Hán-Việt chính sản sinh ra từ thời kỳ đó." (như trên, trang 88)

Vì nghiên cứu về ngữ-âm-học lịch-sử (dựa trên những sách như *Thiết-vận, Quảng-vận* và *Tập-vận* của Trung-hoa) đã cho phép ông khẳng-định điều trên nên ông cũng dứt khoát bác bỏ thuyết của Nguyễn Văn San và cụ Trần Văn Giáp: "Thành thử, qua các cứ liệu ngữ âm lịch sử nói trên, dầu muốn dựa vào tài liệu nào, cuối cùng chúng ta cũng phải đi đến một ý nghĩ: khó lòng mà chấp nhận được giả thuyết cho rằng chữ Nôm đã hình thành trước hay ngay từ thời Sĩ Nhiếp (thế kỷ 2 – 3)." (như trên, trang 103-104)

Tiếp nối cách suy tư và khảo-hướng của Nguyễn Tài Cẩn, ông Lê Văn Quán trong cuốn *Nghiên cứu về chữ Nôm* (Hà-nội, 1981) có nguyên một chương bàn về "Thời kỳ xuất hiện chữ Nôm" duyệt lại một số giả-thuyết (về âm đầu, về nguyên-âm) cũng đến cùng kết-luận (trang 69):

Căn cứ vào các tài liệu về ngữ âm lịch sử giữa tiếng Hán và tiếng Việt hay căn cứ vào các cứ liệu lịch sử chúng ta chỉ có thể đi đến nhất trí: Chữ Nôm của chúng ta hiện có, một thứ chữ xây dựng trên chất liệu chữ Hán đọc theo âm Hán-Việt, không thể xuất hiện ở thời Sĩ Nhiếp (tức là cuối thế kỷ thứ II – đầu thế kỷ thứ III).

Chữ Nôm chỉ xuất hiện khi âm Hán-Việt đã được hình thành ở Việt Nam, lúc nước nhà đang chuyển mình sang thời kỳ độc lập, tự chủ tức là khoảng thế kỷ thứ VIII-IX.

Tuy nói thế rồi song ông Lê Văn Quán lại cũng công-nhận là có một số trường-hợp mà chữ Nôm của ta lại "giữ dấu vết âm đầu Hán cổ" (trang 109-112) cũng như là có "những vần còn giữ dấu vết âm Việt cổ" (trang 118-124), nghĩa là có thể có từ đời Hán chứ không phải chỉ mới có sau này, thế-kỷ thứ VIII thứ IX mà thôi. Thành thử về vấn-đề nguồn gốc chữ Nôm, nếu trong nước giờ như có một sự đồng-thuận là nó không thể trở về trước quá thế-kỷ thứ IX (theo Nguyễn Tài Cẩn) hay thế-kỷ thứ VIII (theo Lê Văn Quán), thì thực ra vẫn có một số hiện-tượng chữ Nôm phản ánh một tình-trạng ngữ-âm có trước thế-kỷ VIII. Do đó nên ta vẫn còn cần phải xét lại sự đồng-thuận trên đây.

Sách của Lê Văn Quán cũng còn nghiên cứu khá tường-tận một số từ-ngữ ở trong *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* để cho rằng trên cơ-sở một số cứ-liệu mà ông trình bầy (nhất là về tên một số thứ thuốc, chỉ có từ thời Lý Thời-trân bên Tàu (thế-kỷ XVI) với sách *Bản thảo cương mục*) thì "chúng ta có thể nhất trí rằng: Sách *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* phải xuất hiện sau thế kỷ XVI." (trang 152) Bên cạnh đó, ông Quán còn giới-thiệu một cuốn sách thuốc, *Thập tam phương gia giảm* tương-truyền là của Tuệ Tĩnh (có nguồn tin cho là người đời Trần, có nguồn tin khác lại bảo thuộc đời Lê), mà ông cho là cũng thuộc về thế-kỷ XVII chứ không thể sớm hơn, cũng vì tên của những vị thuốc ghi trong đó là những tên chỉ có từ thế-kỷ XVI ở bên Tàu. Tuy-nhiên, sách vẫn đủ xưa để cho ta có thể dùng mà nghiên cứu chữ Nôm khoảng thế-kỷ XVII, tương-đương với tiếng Việt phản ánh trong từ-điển Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes.

Để kết-luận

Cuốn sách mới in ra ở hải-ngoại của cụ Trần Văn Giáp, ngoài việc làm báo hiếu của G.S. Trần Văn Đĩnh, tuy có hơi xưa (viết đã trên 30 năm) song vẫn là một đóng góp rất đáng trân trọng và cần có, phải có đối với ai có lòng với tiếng nước nhà và lịch-sử tiếng Việt, lịch-sử chữ Nôm. Đây là cuốn sách đầu tiên viết về chữ Nôm mà xuất bản ở hải-ngoại (trừ một cuốn tự-điển chữ Nôm, cuốn *Giúp đọc Nôm và Hán-Việt* của Linh-mục Trần Văn Kiệm, in ra năm 1998). Trước đây chỉ có những bài báo hay hay bài khảo-luận, nghiên cứu về chữ Nôm như bài rất giá trị của G.S. Nguyễn Đình Hòa lược-duyệt tất cả những công-trình nghiên cứu chữ Nôm của miền Nam (như của các cụ Nguyễn Khắc Kham, Bửu Cầm, Trần Kinh-hòa, tự-điển chữ Nôm của Vũ Văn Kính và Nguyễn Quang Xỹ) cũng như miền Bắc, ở trong nước cũng như ở ngoài nước (không chỉ ở Pháp mà còn ở cả Nhật) trong một tài-liệu viết cẩn trọng do Academia Sinica ở Đài-loan in ra năm 1990, tập *Graphemic Borrowings from Chinese: The Case of Chữ Nôm – Vietnam's Demotic Script* ("Mượn chữ viết từ chữ Hán: Trường-hợp chữ Nôm, chữ viết bình-dân của Việt-nam"). G.S. Nguyễn Đình Hòa giờ đã nằm xuống nhưng chắc ông phải hài lòng và mỉm cười nơi chín suối khi biết là cái đam mê nghiên cứu ngôn ngữ và văn-hóa nước nhà của ông vẫn có người tiếp tay và tiếp nối, nhất là trong khung cảnh thật khó khăn (nhìn về mặt nghiên cứu Hán-Nôm) của cuộc sống đa đoan ở hải-ngoại.

Đồng Xuân, Bang Trinh-nữ
Đêm 29 rạng ngày 30-IX-2002

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

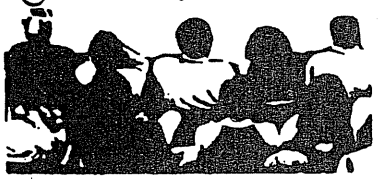

QUẬN CAM

Diễn Đàn Văn Học:

Nhà văn Thụy Khuê nói về Nhất Linh, Khái Hưng và Thạch Lam

Một số đông khoảng trên 200 người thuộc nhiều lứa tuổi đã đến tham dự buổi nói chuyện văn học với nhà phê bình văn học Thụy Khuê từ bên Pháp sang nói chuyện về ba nhà văn lớn trong Tự Lực Văn Đoàn: Nhất Linh, Khái Hưng và Thạch Lam tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào chiều ngày 24 tháng Mười Một năm 2002. Rất nhiều nhân vật trong giới văn học nghệ thuật quận Cam đã có mặt, như bác sĩ Trần Ngọc Ninh, nhạc sĩ Phạm Duy, bác sĩ Tôn Thất Niệm, các nhà văn Nguyễn Mộng Giác (tạp chí Văn Học), Nhật Tiến, Duy Lam, Nguyễn Chí Thiện, Đặng Hiền (tạp chí Hợp Lưu), các họa sĩ Trịnh Cung, Hồ Thành Đức, Bé Ký... Đặc biệt giới trẻ quan tâm đến văn học Việt Nam cũng hiện diện khá đông đảo.

Buổi nói chuyện về ba tác giả đã diễn ra một cách thành công trong ba tiếng đồng hồ, với nhiều trao đổi giữa người nghe và diễn giả. Để thay thế cho bài tường thuật chi tiết, chúng tôi xin đăng lại dưới đây bài phỏng vấn nhà văn Thụy Khuê do Y-Sa thực hiện, đã được phát thanh trên đài VNCR ngày 20 tháng 11 năm 2002.

VÌ SAO CHỌN ĐỀ TÀI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN CHO BUỔI THUYẾT TRÌNH VĂN HỌC?

Y-Sa: Thưa bà Thụy Khuê, vào lúc 2 giờ chiều Chủ Nhật tuần này, ngày 24 tháng 11 năm 2002, tại phòng sinh hoạt báo Người Việt, bà sẽ nói chuyện về ba khuôn mặt lớn trong Tự Lực Văn Đoàn, là các nhà văn Nhất Linh, Khái Hưng và Thạch Lam, xin bà cho biết hứng khởi nào đã đưa bà đến việc nghiên cứu TLVĐ?

Thụy Khuê: Thưa chị, chuyện này bắt nguồn cũng từ khá lâu rồi, tôi xin hơi dài dòng một chút. Từ khi tôi bước chân vào địa hạt phê bình văn học tới nay cũng đã mười mấy năm, tôi nghĩ cũng đã tới lúc sự học hỏi cũng như sự viết lách của tôi về phê bình có thể tạm gọi tới một chừng mực nào đó cho phép tôi tìm hiểu sâu xa hơn những nhà văn mà tôi muốn viết. Trong ý tưởng đó, tôi nghĩ đến hai phong trào văn học đã đánh dấu cho nền văn học Việt Nam trong thế kỷ 20, là Tự Lực Văn Đoàn và Sáng Tạo. TLVĐ là văn đoàn đầu tiên đã đưa nền văn học VN vào nền văn học hiện đại của thế giới trong thời kỳ đầu thế kỷ. Và cho tới bây giờ thì ảnh hưởng của TLVĐ vẫn chưa dứt trong các nhà văn của chúng ta. Mặt khác, có một thời không những người ta không coi trọng TLVĐ mà nhiều khi còn đánh giá sai lạc, hoặc hạ thấp giá trị của TLVĐ. Đây không nói riêng về thời kỳ Cộng sản mà ngay cả trong miền Nam, vào những năm 1960 khi phong trào Sáng Tạo ra đời thì cũng có một sự đánh giá rất thấp TLVĐ. Tôi nghĩ đây là một sự không công bằng đối với cái văn đoàn đã mở đầu cho văn học quốc ngữ của chúng ta và hãy còn ảnh hưởng sâu xa cho tới bây giờ. Để đánh dấu cho công việc của tôi trên mười năm nay, tôi nghĩ đã đến lúc chín muồi để trở về với TLVĐ, đánh giá lại, và đưa những giá trị đích thực của nó, theo những suy nghĩ dĩ nhiên là riêng tôi, trình bày cho thính giả cũng như độc giả yêu văn hóa văn nghệ của chúng ta nói chung, trong cũng như ngoài nước.

Y-Sa: Thời gian gần đây trong nước đã cho in lại tác phẩm của rất nhiều nhà văn trong TLVĐ, một số tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng và Thạch Lam đã được in lại. Những nhà nghiên cứu văn học trong nước cũng đã có những bài nghiên cứu về TLVĐ, xin bà cho một nhận xét chung về việc này.

Thụy Khuê: Đúng là có việc đó. Ở trong nước hiện nay những người làm văn học coi như được cho phép trở lại những dòng văn học cũ mà từ trước hoặc vì lý do chính trị hoặc lý do gì khác họ đã đánh giá sai lạc hoặc đã hạ thấp. TLVĐ cũng nằm trong chiều hướng đó, rồi cả văn học miền Nam họ cũng bắt đầu cho phép in lại những tác giả mà họ cho là không có vấn đề. Nói riêng về TLVĐ trong nước đang in lại hay đánh giá lại, hiện nay nhiều nhà nghiên cứu cũng làm rất kỹ và rất chí tình. Riêng đối với tôi, phần lớn những nhà nghiên cứu trong nước hiện giờ, trừ một vài trường hợp đặc biệt như Đỗ Đức Hiểu hay một

vài ông khác có những bài viết tương đối đi xa, còn nói chung phần lớn họ vẫn đánh giá TLVĐ trên giá trị thay đổi xã hội với tiểu thuyết luận đề, họ ít chú ý tới phần tôi gọi là chuyên về văn học, tức phần tư tưởng của TLVĐ, hay về phương diện bút pháp chẳng hạn, về mặt này họ ít chuyên chú hơn. Cái tôi muốn làm ở đây là trong một chiều hướng nào đó, nói thêm những điểm cho tới bây giờ những người nghiên cứu nói chung về TLVĐ chưa đả động đến. Tôi cố gắng làm sao cho độc giả hay thính giả có một cái nhìn toàn diện hơn về TLVĐ.

Y-Sa: Trong buổi nói chuyện sắp tới đây tại Người Việt, chắc bà sẽ đào sâu về khía cạnh văn học của TLVĐ. Tuy nhiên khi nói đến TLVĐ và nhất là nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam chắc chắn mọi người đều nghĩ đến khía cạnh chính trị. Chúng tôi không biết bà có đưa ra những nhận xét về khía cạnh chính trị của nhóm TLVĐ hay không?

Thụy Khuê: Trong chủ đích của tôi, tôi sẽ chú tâm đến phần văn học hơn. Thế nhưng trong buổi nói chuyện ngày 24/11 sắp tới, nếu trong thính giả có ai có những câu hỏi về chính trị, có lẽ tôi sẽ cố gắng trả lời theo sự hiểu biết của tôi. Còn riêng sự sắp xếp của tôi thì sẽ dành phần lớn cho khía cạnh văn học.

Y-Sa: Mới đây nhà Văn Nghệ đã cho xuất bản quyển "Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ trọng Hiệp" do bà ghi lại. Xin bà cho biết cảm tưởng sau khi hoàn tất quyển sách rất đặc biệt này, ghi lại phần lớn tư duy của học giả Hoàng Xuân Hãn?

Thụy Khuê: Xin cám ơn chị Y Sa đã nhắc đến cuốn sách này, bởi vì đối với tôi đây vừa là một cuốn sách, đồng thời cũng là một kỷ niệm, một món nợ tinh thần của tôi đối với hai vị học giả này, mà do một cơ duyên may mắn tôi đã được gặp. Anh Tạ Trọng Hiệp thì tôi quen từ lâu, còn bác Hãn trong những năm cuối đời bác tôi được dịp gặp gỡ và qua bác, tôi đã học được rất nhiều. Đây là một món nợ tinh thần. Từ hai vị tôi đã thấy cách sống trung thực, cách làm việc, tôi đã yêu mến họ, khâm phục họ và tôi nghĩ bổn phận của tôi là làm sao ghi lại một cách trung thực lời họ nói. Sau khi tôi phỏng vấn bác Hãn và ghi lại những buổi nói chuyện ấy trên tạp chí Hợp Lưu thì ở trong nước đã tiếp nhận những bài đó và đã có những sự sai lạc (khi phản ảnh lại). Tôi ghi lại tinh thần làm việc của chính hai học giả Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp trong cuốn sách này với hy vọng không có sự tam sao thất bản về chính lời nói của các vị. Đấy chính là điều tôi muốn đưa lại cho độc giả.

Y-Sa: Vừa làm phát thanh, tức báo nói, lại vừa viết phê bình văn học, xin bà cho biết bà nghiêng về lãnh vực nào nhiều hơn?

Thụy Khuê: Hai cái đó bổ sung cho nhau. Về cơ bản tôi là người viết chứ không phải là người phát thanh. Thế nhưng việc phát thanh mang lại cho tôi vừa là niềm vui, vừa khích động cho tôi viết. Tôi phân tích hai việc đó như thế này: phát thanh là việc hàng ngày, của thời sự, đến với rất nhiều người, ví dụ chương trình văn học của tôi qua đài RFI thì tất cả những người yêu văn nghệ ở trong và ngoài nướcVN đều nghe được. Phát thanh đến với đa số công chúng. Còn viết thì chỉ có ít người đọc thôi, mỗi bài viết ra chỉ được một hai ngàn người đọc. Nhưng nếu bài mình viết có một giá trị nào đó thì độc giả của mình không phải chỉ ở thời gian nhất định hôm nay mà có thể cho mai sau. Công việc phát thanh là công việc của không gian, của hiện tại, còn công việc của người viết thì sách vở thì sẽ trải dài trên thời gian, tôi nghĩ hai cái đó bổ sung cho nhau. Nếu làm hai cái đó tốt thì bổ ích cho rất nhiều người, thành ra nhiều lúc công việc nặng nhọc tôi muốn bỏ bớt, như bớt phát thanh chẳng hạn, nhưng rồi cũng không bỏ được.

Y-Sa: Câu hỏi cuối cùng dành cho một người đã từng phỏng vấn rất nhiều người: Thưa bà, trong hai quyển Sóng Từ Trường I và II bà đã phỏng vấn rất nhiều khuôn mặt văn nghệ, từ nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ cho đến đạo diễn điện ảnh. Xin bà cho biết bà chọn lựa những khuôn mặt phỏng vấn như thế nào?

Thụy Khuê: Việc phát thanh nhiều khi không phải do mình lựa chọn mà chính là thính giả của mình lựa chọn. Những người mình phỏng vấn trên đài phát thanh thường là những khuôn mặt nổi tiếng, có một uy tín nào đó đối với thính giả. Sự lựa chọn để phát thanh thường dựa theo nhu cầu đòi hỏi của thính giả hơn là của bản thân mình. Tuy vậy, là một người viết phê bình văn học tôi cũng có ý của riêng tôi, nhiều khi, dù là người nổi tiếng mà mình không có cùng một làn sóng đối với họ thì đối với tôi cũng khó phỏng vấn lắm. Còn trong hai cuốn Sóng Từ Trường thường thường là những bài vết về phê bình văn học thì sự lựa chọn sẽ riêng tư hơn nữa.

Y-Sa: Chúng tôi xin cám ơn bà Thụy Khuê đã dành cho cuộc phỏng vấn này./.

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Trúc Lâm Thiền Viện.com

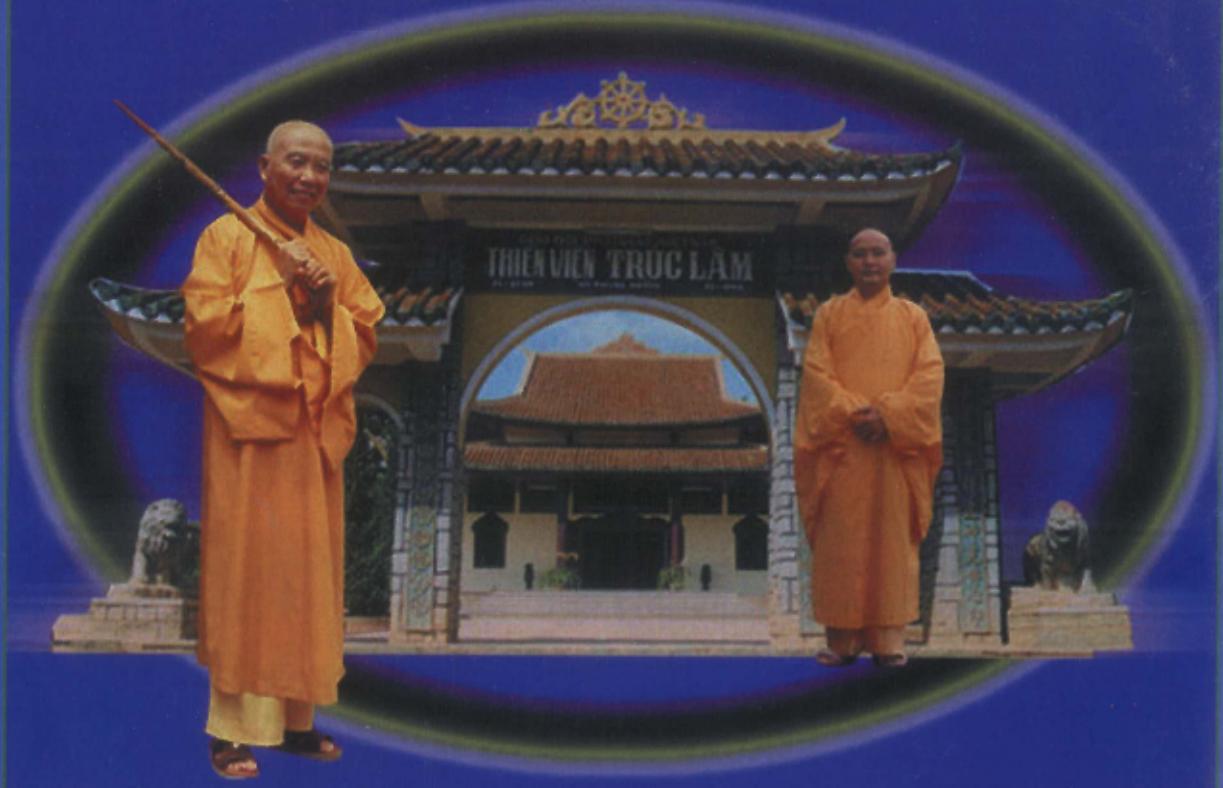

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

CD-VIDEO= 5.00 US$ ● CASSETTE=1.50 US$

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 839-6704**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

thientongvietnam.vinamall.com

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim